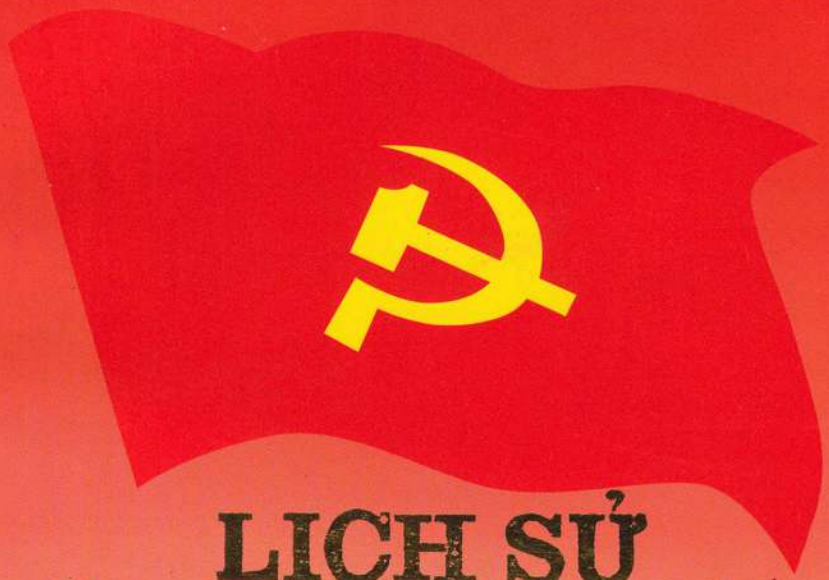
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG BÌNH



LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH

TẬP II • 1954 - 1975

ĐỒNG HỚI THÁNG 2 NĂM 2000

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG BÌNH

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH

TẬP II (1954 - 1975)

Đồng Hới, tháng 2–2000

Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG BÌNH

Chỉ đạo biên soạn:

- Đồng chí TRẦN HÒA: *Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy*
- Đồng chí LÊ CÔNG MINH: *Phó Bí thư Tỉnh ủy*
- Đồng chí NGUYỄN DUY ĐỨC: *Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*

Biên soạn:

N.C.S. QUÁCH VIỆT CƯỜNG: *Trưởng phòng nghiên cứu lịch sử Đảng*
P.T.S. NGUYỄN KHẮC THÁI: *Giám đốc Trung tâm thông tin kinh tế Khoa học và Công nghệ*
C.N. PHAN XUÂN THỦY: *Chuyên viên*
C.N. VŨ THÚY VÂN: *Chuyên viên*

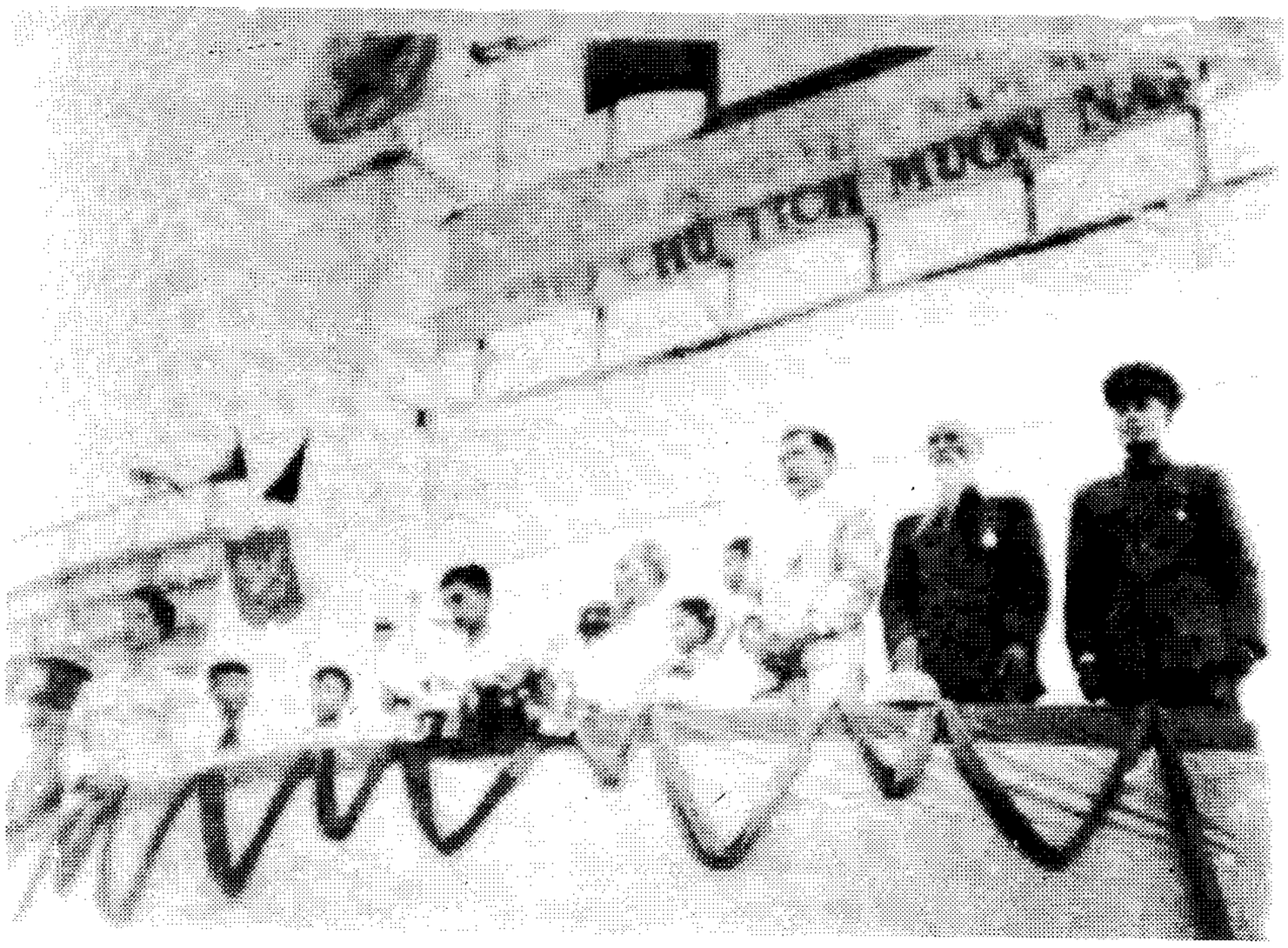
Biên tập:

P.T.S. NGUYỄN KHẮC THÁI
N.C.S. QUÁCH VIỆT CƯỜNG
C.N. TRẦN HÙNG
C.N. PHAN XUÂN THỦY

Với sự giúp đỡ của Sở KHCN và MT, các đồng chí cán bộ hoạt động qua các thời kỳ cách mạng, sự tham gia trực tiếp của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.



Ảnh của Hồ Chủ tịch để tặng quân và dân Quảng Bình
nhân ngày sinh của Người 19-5-1968



Hồ Chủ tịch nói chuyện với cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Bình tại sân vận động thị xã Đồng Hới ngày 16-6-1957

(Ảnh Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

Lời giới thiệu

Lịch sử là một dòng chảy liên tục, sau khi xuất bản "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập I (1930 - 1954)". Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương biên soạn tiếp "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954-1975)" tổng kết một giai đoạn sôi động của Đảng bộ, từ đó để mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân ghi nhớ, tự hào về qúa khứ oanh liệt của quê hương Quảng Bình "Hai giỏi".

Cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)" đã tái hiện được bức tranh sinh động của một thời kỳ vô cùng gian khổ, hy sinh nhưng cũng cực kỳ dũng cảm oanh liệt của quân và dân Quảng Bình dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi người dân Quảng Bình là một chiến sỹ. Người nông dân "bám làng mà chiến đấu, lấp hố bom mà sản xuất, bám đồng ruộng mà thâm canh". Người công nhân "tay búa tay súng" bám xí nghiệp công trường mà sản xuất. Trên mặt trận giao thông vận tải với khẩu hiệu "địch đánh rừng già ta ra rừng non, địch đánh rừng non ta ra đồi trọc, địch đánh đồi trọc ta ra mặt đường". Các chiến sỹ trong lực lượng vũ trang với khí phách "nhằm thẳng quân thù bắn!". Tất cả là sự thể hiện tinh thần tiến công cách mạng, ý chí quyết chiến, quyết thắng cho độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân. Chưa bao giờ chủ nghĩa anh hùng cách mạng nở rộ như hoa mùa xuân ở trên đất Quảng Bình như thời chống Mỹ, cứu nước.

Cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)" là một công trình khoa học xã hội có ý nghĩa chính trị và giá trị nhân văn. Người dân Quảng Bình trong chiến tranh ác liệt, trong thử thách hy sinh đã đoàn kết thân ái, giúp đỡ nhau vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao phó. Với phương châm "phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn, thấy sai quyết sửa, miệng nói tay làm; cán bộ đảng viên đi trước, làng nước theo sau", đã tạo nên sức mạnh và ý chí sẵn sàng xả thân cứu nước.

Cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)" được biên soạn theo quan điểm đổi mới của Đảng, đã cố gắng phản ánh một cách khách quan, trung thực, những ưu điểm, thành công cũng

như những thiếu sót, sai lầm về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ qua các giai đoạn lịch sử.

Có thể nói cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)" là một tài liệu qúy, có tác dụng tốt trong việc giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, đồng thời giúp ích cho các nhà nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đảng thời kỳ 1954-1975.

Nhiều kinh nghiệm và bài học qúy của thời kỳ lịch sử này vẫn còn mang tính thời sự cho sự lãnh đạo của Đảng và phát động phong trào quần chúng nhân dân xây dựng quê hương Quảng Bình giàu đẹp, văn minh trong thời kỳ mới.

Trong qúa trình biên soạn, mặc dù tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng song khả năng, trình độ cán bộ nghiên cứu có hạn, nội dung lại có những vấn đề lớn còn mang tính thời sự, do đó cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh cùng bạn đọc gần xa để nâng cao chất lượng cuốn sách trong những lần tái bản.

Nhân kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho xuất bản tiếp cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)" nhằm giới thiệu với bạn đọc trong và ngoài tỉnh một chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành, các nhà khoa học lịch sử, các cơ quan lưu trữ, các tập thể và cá nhân đã nhiệt tình giúp đỡ tư liệu, đóng góp nhiều ý kiến bố ích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất bản cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)".

Xin trân trọng giới thiệu cuốn "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)" cùng bạn đọc.

Đồng Hới, ngày 03 tháng 02 năm 2000

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Bí thư

TRẦN HÒA



Hội thảo Khoa học "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình Tập II (1954 - 1975)"



Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy duyệt bản thảo "Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)"



Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy thẩm định bản thảo
"Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình tập II (1954 - 1975)"

"... ĐỐI VỚI QUẢNG BÌNH NGHỀ BIỂN, NGHỀ RỪNG CŨNG QUAN TRỌNG KHÔNG KÉM NGHỀ NÔNG. HƠN NỮA QUẢNG BÌNH CÒN CÓ NHỮNG THỨ ĐẶC BIỆT MÀ CÁC NƠI KHÁC TRÊN MIỀN BẮC ÍT CÓ. XƯA NAY QUẢNG BÌNH NGHÈO KHỔ LÀ VÌ ĐẾ QUỐC PHONG KIẾN BÓC LỘT, KÌM HÃM, LÀ VÌ CHIẾN TRANH TÀN PHÁ. NGÀY NAY CHÚNG TA ĐÃ CÓ HÒA BÌNH ĐỂ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, NẾU BIẾT DÙNG ĐÚNG VÀ DÙNG TỐT TÀI NGUYÊN VÀ LAO ĐỘNG CỦA MÌNH THÌ QUẢNG BÌNH SẼ GIÀU CÓ, KHÔNG NHỮNG ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN TRONG TÍNH ĐƯỢC NÂNG LÊN MÀ CÒN ĐÓNG GÓP MỘT PHẦN QUAN TRỌNG CHO NHÀ NƯỚC"...

(Trích lời phát biểu của Hồ Chủ tịch với cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Bình tại sân vận động thị xã Đồng Hới ngày 16/6/1957)

PHẦN THỨ BA

ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(1954 - 1975)

CHƯƠNG X

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CẢI TẠO VÀ KHÔI PHỤC KINH TẾ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG XÂY DỰNG QUẢNG BÌNH THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1960)

TÌNH HÌNH QUẢNG BÌNH SAU GIẢI PHÓNG

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Pháp và các nước tham gia hội nghị ký tuyên bố chung thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào và Camphuchia, quy định quân đội Pháp phải rút khỏi các nước Đông Dương và mỗi nước ở Đông Dương sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước.

Sau khi lệnh ngừng bắn được ban hành thực dân Pháp bắt đầu chia làm 3 đợt rút quân khỏi Quảng Bình.[1]

---

(1) Đợt 1: từ ngày 1 đến ngày 6/8/1954.
Đợt 2: Từ ngày 6 đến 12/8/1954,
Đợt 3: Từ ngày 12 đến 18/8/1954.

ngày 18 tháng 8 năm 1954 quân viễn chinh Pháp rút khỏi thị xã Đồng Hới. Quảng Bình hoàn toàn giải phóng. Đây là thắng lợi không riêng gì của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình mà là thắng lợi to lớn của quân và dân cả nước ta sau 9 năm kháng chiến lâu dài, gian khổ và vô cùng anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là thắng lợi to lớn của nhân dân 3 nước Đông Dương và nhân dân thế giới đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi này là một đòn giáng mạnh vào âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Đông Dương. Chính tên đế quốc đầu sỏ này đã thừa nhận "Hội nghị Giơnevơ là một thảm hoạ" là "Một bước tiến quan trọng của Chủ nghĩa cộng sản có thể dẫn tới việc mất cả Đông - Nam Á"[1].

Với một sự tính toán hết sức nham hiểm, ngay khi đang đàm phán về vấn đề chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, tổng thống Mỹ Ai-xen-hao đã lớn tiếng hô hào, tổ chức một cuộc di cư có kế hoạch người Việt Nam từ Bắc vào Nam nếu Hội nghị Giơ-ne-vơ kết thúc.

Mỹ đã phái Hồng y giáo chủ Spenman, giáo mục Hác nét cùng với ELênxđên trùm CIA đến Sài Gòn phối hợp với bọn phản động đội lốt Giáo hội Việt Nam tổ chức chiến dịch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào ta di cư. Linh lục Mai Học Lý tổng quản địa phận Phát Diệm cầm đầu "Tổng uỷ di cư" còn gọi là "Hội đồng di cư Bắc Việt" gửi thông điệp cho các linh mục răn đe sẽ bị trừng phạt nếu không thi hành cưỡng

---

(1) Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về chiến tranh xâm lược Việt Nam - Tập I-VNTTX phát hành 8/1971, trang 27.

ép đồng bào di cư[1]. Đế quốc Mỹ đã bỏ ra 55 triệu đô la, Pháp chi 66 tỷ phrăng cho việc thực hiện âm mưu này[2]. Tháng 7 năm 1954, bước đầu Mỹ đã bỏ ra 43 triệu đồng Đông Dương cho Ngô Đình Diệm chi vào việc cưỡng ép đồng bào miền Bắc di cư vào Nam. Mỹ hứa sẽ chịu hết phí tổn về việc chuyên chở đồng bào di cư từ Bắc vào Nam và cho Diệm 2000 cái lều bạt làm trại tiếp đón đồng bào tập trung ở miền Nam[3].

Nhằm thực hiện âm mưu thâm độc đó, ngay trước khi rút quân khỏi Quảng Bình thực dân Pháp và bọn phản động đã trắng trợn đe doạ, dùng vũ lực buộc đồng bào các vùng thiên chúa giáo di cư. Ngày 26 tháng 7, chúng cho máy bay bắn phá Vạn Lộc làm cháy 130 nóc nhà. Ngày 27 tháng 7, chúng bắn đạn lửa cháy trên 100 ngôi nhà ở Thanh Khê. Ngày 30 tháng 7, một lúc chúng tập trung 12 máy bay oanh tạc dữ dội các làng An Lạc, Đại Phong, Xuân Hồi, Bến Mốc, Xuân Bồ, Cổ Liễu... làm 24 người chết và thiêu trụi 4.535 ngôi nhà. Nê ru linh mục quản nhà thờ Tam Toà, bận quân phục cấp đại úy chỉ huy một toán lính Lê dương đốt một lúc 150 ngôi nhà của giáo dân (ngày 12 tháng 8).

---

(1) Bản thông điệp viết: "Nếu các cha không cố gắng giữ con chiên lại, hay các cha tự rời bỏ đi theo thì sẽ trừng phạt và mất quyền lực của cha". Trên gốc đầu trang thông điệp ghi "Đive (có nghĩa là hiểu ngược lại)".

(2) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) NXB Chính trị quốc gia - H1992,trang 62.

(3) Theo thông điệp của Bộ ngoại giao Mỹ gửi chính phủ Bảo Đại (những sự kiện lịch sử Đảng, Tập IV (1954-1975), trang 14

Ngoài việc đốt phá nhà cửa, bắn giết, hãm hiếp thường dân bọn phản động còn tung tin bịa đặt, gây hoang mang và thúc ép đồng bào bỏ quê hương, ruộng vườn, tài sản di cư vào Nam. Chúng tung luận điệu "Pháp và Việt Minh đã chia cắt Việt Nam", "Mỹ sẽ thả bom nguyên tử vào khu vực Việt Minh để không còn một bóng cộng sản", "Muốn linh hồn được lên đất thánh mọi người phải mau mau theo cha vào Quảng Trị, Thừa Thiên, vào Nam Bộ" vì "Chúa đã vào Nam", Giáo dân ở lại miền Bắc sẽ bị "Rút phép thông công", "ở với Cộng sản sẽ bị mất phần hồn". Chúng lợi dụng triệt để điểm C điều 14 của Hiệp định Giơnevơ không được trả thù những người đã hợp tác với đối phương(1) và điểm d của điều ấy về việc cho phép những người muốn được chuyển vùng(2). Chúng trắng trợn cho những linh mục phản động và bọn ác ôn dùng gậy, dao găm đến từng gia đình lùa dân lên xe, xuống thuyền đi theo chúng. Từ ngày 1 tháng 8 đến ngày 1 tháng 10 năm 1954,

---

(1) Điểm c điều 14 Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định: "Mỗi bên cam kết không dùng cách trả thù hay phân biệt đối xử nào đối với những cá nhân hay tổ chức, vì lý do hoạt động của họ trong lúc chiến tranh, và cam kết bảo đảm những quyền tự do dân chủ của họ"

(2) Điểm d điều 14 quy định:Trong thời gian kể từ khi Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực đến ngày hoàn thành việc chuyển quân, nếu có những thường dân ở một khu vực thuộc quyền kiểm soát của bên này mà muốn sang ở vùng giao cho bên kia, thì nhà chức trách của khu vực trên phải cho phép và giúp đỡ sự di chuyển ấy".

chúng đã cưỡng ép 10.045 giáo dân vào Nam[1]. Bất chấp điều 21 của Hiệp định Giơnevơ về trao trả tù binh và thường dân bị giam giữ, cùng một lúc chúng đẩy 300 tù nhân lên xe chở vào Nam. Chúng bắn chết 2 người tù và 1 đồng bào chở đò ở Quán Hàu vì có thái độ phản kháng.

Đế quốc Mỹ cấu kết với tay sai thực hiện chiến dịch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào ta di cư vào Nam một cách điên cuồng nhằm thực hiện mưu đồ gây rối loạn tình hình an ninh chính trị, làm giảm lòng tin và ly gián mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền dân chủ nhân dân và quần chúng. Chúng hy vọng chiến dịch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào di cư làm cho lòng người ly tán, nội bộ lục đục, giảm bớt lực lượng lao động, phá hoại sản xuất hòng phá vỡ khối đoàn kết nhất trí từ trong Mặt trận dân tộc thống nhất mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã dày công xây dựng suốt mấy chục năm trời.

Ngay sau khi nhận được lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, ngày 25 tháng 7 và lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh uỷ đã tổ chức một đợt tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng, cán bộ, đảng viên và quân đội từ ngày 27 đến 31 tháng 7 nhằm làm cho mọi người thấy rõ thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ, thấy rõ nhiệm vụ của quân và dân Quảng Bình trước tình hình nhiệm vụ mới. Cũng trong thời gian này Tỉnh uỷ tổ chức hội nghị gồm tất cả cán bộ công nhân viên các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện Bố Trạch, cán bộ E270 và đại đội bộ đội địa phương

---

(1) Báo cáo tình hình đặc điểm Quảng Bình - Vụ nghiên cứu, hòm 239 cặp 84... lưu tại Tiểu ban NCLS Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

Bố Trạch để nghe báo cáo về tình hình nhiệm vụ mới. Đồng chí Nguyễn Tư Thoan Phó bí thư Tỉnh uỷ[1] phổ biến những đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ; khó khăn thuận lợi của tình hình và nhiệm vụ công tác trước mắt của mỗi cán bộ đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

Ngày 1 tháng 8, tất cả các địa phương trong tỉnh từ vùng mới giải phóng đến vùng du kích và vùng tự do tổ chức mít tinh hoan nghênh hoà bình lập lại ở Việt Nam, Lào và Camphuchia. Tại thị xã Đồng Hới gần 1 vạn đồng bào nội thị và ngoại ô mang cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ đi biểu tình khắp các đường phố, lôi kéo cả ngụy quân, công chức ngụy và một số lính Âu Phi cùng tham gia.

Ngày 6 tháng 8 năm 1954, Hội nghị Tỉnh uỷ bất thường được triệu tập. Hội nghị đánh giá kết quả lãnh đạo công tác tiếp quản ổn định an ninh chính trị và kinh tế xã hội trong những ngày đầu hoà bình lập lại. Tỉnh ủy cũng đã nghiêm khắc nhìn nhận một số hạn chế:

- Lãnh đạo không nắm vững chủ trương của cấp trên, không nắm vững diễn biến phức tạp của tình hình, lãnh đạo tư tưởng không kịp thời và không chuẩn bị chu đáo về mặt tư tưởng cho cán bộ, đảng viên trước tình hình mới.

- Chưa thấy hết âm mưu thủ đoạn của địch trong việc chúng dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào ta di cư vào Nam và thiếu cảnh giác nên định chủ trương thiếu cụ thể. Công tác giáo vận kém. Trong lúc địch tìm mọi thủ đoạn ra sức cưỡng ép, dụ dỗ đồng bào di cư thì công tác vận động, thuyết phục quần chúng của ta quá kém.

---

(1) Hội nghị Tỉnh uỷ bất thường ngày 6 tháng 8 năm 1954 phân công đồng chí Nguyễn Tư Thoan phó Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch Uỷ ban quân chính.

- Kế hoạch không cụ thể để kịp thời chuyển hướng đấu tranh từ thời chiến sang thời bình.

Tóm lại, khó khăn lớn nhất là vùng thiên chúa giáo chưa ổn định, đồng bào chưa tin tưởng vào chủ trương đường lối của Đảng và Chính phủ. Cán bộ chưa thâm nhập được vào trong quần chúng thiên chúa giáo do tư tưởng chưa thông suốt, còn thành kiến, chưa nhận rõ trách nhiệm với đồng bào theo đạo trước âm mưu nham hiểm của địch.

Xuất phát từ tình hình đặc điểm trên, Hội nghị Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ trước mắt cần phải tiến hành là:

- Ra rức tranh thủ nhân dân, đoàn kết mọi tầng lớp quần chúng để chống lại âm mưu dụ dỗ, cưỡng ép dân vào vùng tạm đóng quân của địch.

- Thực hiện đúng Hiệp định đình chiến. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh mạnh mẽ, buộc địch phải thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơ-ne-vơ.

- Tổ chức, lãnh đạo học tập tinh thần nhiệm vụ mới, làm cho cán bộ, đảng viên tin tưởng và tạo nên sự nhất trí trong nội bộ Đảng để thực hiện thắng lợi mọi mặt công tác.

Ngoài ra Tỉnh ủy còn bàn kỹ vấn đề củng cố xây dựng lực lượng, vấn đề lãnh đạo chỉ đạo các mặt công tác ở vùng tự do, vùng mới giải phóng và phân công các đồng chí trong Cấp ủy phụ trách và trực tiếp chỉ đạo một số công tác trọng tâm.

Ngày 12 tháng 8, tên thực dân Pháp cuối cùng rút khỏi khu vực Hoàn Lão, ngay đêm hôm ấy một cuộc mít tinh lớn trên 3.000 người tham gia để nghe cán bộ giải thích đường lối chủ trương và chính sách mới của Đảng và Chính phủ cũng như những âm mưu thâm độc của địch. Những người

dự mít tinh phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, vào sức mạnh của quân đội nhân dân. Họ hứa quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Chính quyền đề ra[1].

Nhằm quán triệt nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy ngày 6 tháng 8 năm 1954, một hội nghị cán bộ toàn tỉnh gồm 100 đồng chí là bí thư chi bộ các ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, các xã trong tỉnh và bí thư chi bộ trong quân đội đã được triệu tập. Hội nghị nhất trí với nhận định của Tỉnh ủy về tình hình và nhiệm vụ mới, đồng thời thảo luận và tiếp thu tinh thần nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới của Trung ương. Chỉ trong một thời gian ngắn các cấp ủy Đảng ở các địa phương trong tỉnh cũng đã triển khai xong nghị quyết của Tỉnh ủy. Một lực lượng cán bộ, bộ đội làm nòng cốt và nhân dân được huy động vào công tác tuyên truyền, giải thích cho mọi người thấy rõ chính sách đúng đắn của Đảng, của Chính phủ và vạch trần âm mưu, luận điệu xảo trá của địch.

Nhiều gia đình giáo dân đã chuẩn bị ra đi, sau khi nghe rõ cán bộ ta giải thích, bà con làng xóm động viên đã tự nguyện ở lại. Ở Hòa Ninh địch tập trung một lực lượng lớn để lôi kéo đồng bào di cư, nhưng chưa ai đi theo chúng. Đồng bào Mỹ Hòa, Hói Tre địch đã bắt tập trung về Thanh Khê nhưng bà con đã quay trở lại hơn một nửa. Mỹ Trung có 8 gia đình ở lại, Bình Thôn 17 gia đình quay trở về và Trung Quán 15 gia đình cũng quay về. Tại Đồng Hới 300 đồng bào giáo dân bị tập trung ở trại tế bần đã kéo lên dinh tỉnh trưởng đấu tranh, trước sức mạnh của quần chúng tên

---

(1) Biên bản Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 13/8/1954

tỉnh trưởng phải lẩn tránh. Một phần tư số dân ở Tam Tòa ở lại không đi theo giặc. Đồng bào ở lại đã thấy rõ âm mưu của địch, an tâm phấn khởi tiếp tục vận động bà con ở lại chăm lo công việc làm ăn[1].

Ngoài việc đấu tranh chống cưỡng ép, dụ dỗ đồng bào thiên chúa giáo di cư còn có hàng chục cuộc đấu tranh của hàng trăm gia đình ngụy binh có đồng đảo quần chúng tham gia đòi chồng con và người thân trở về, kiên quyết không cho chúng đưa vào Nam. Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh ở Hòa Luật, Võ Xá, Hoàn Lão. Bọn địch phải dùng vũ lực để đàn áp, đã bắn chết tại chỗ 2 đồng bào và làm nhiều người bị thương nhưng không dẹp được khí thế đấu tranh của quần chúng. Các cuộc đấu tranh đó đã tác động mạnh mẽ đến tình cảm, tư tưởng của anh em binh lính ngụy. Được đồng bào giải thích, kêu gọi và cưu mang che chở khi trở về, hàng loạt binh lính ngụy bỏ ngũ tiếp tục trở về quê hương. Trong thời gian chưa đầy 2 tháng đã có 1.500 lính ngụy trong tổng số 3.000 tên trốn về với ta. Trong số đó có nhiều tên là cấp trung úy, đại úy. Chỉ trong một ngày ở Vạn Lộc có 100 tên, Đồng Cao 80 tên và Lệ Kỳ 70 tên bỏ súng trốn về với vợ con làng xóm[2]. Một số lính Âu Phi cũng đấu tranh đòi về nước.

Thực dân Pháp và ngụy quyền phải thừa nhận tinh thần binh sĩ ngụy dao động sau Điện Biên Phủ và Giơ-ne-vơ,

---

(1) Biên bản Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13/8/1954
(2) Báo cáo của UBKCHC tỉnh Quảng Bình ngày 27/8/1954. Lưu tại Tiểu ban NCLS Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

tâm lý không muốn rời bỏ quê hương và công tác vận động binh lính của Việt Minh thu được kết quả to lớn[1].

Để chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động của Đảng trong hoàn cảnh mới, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 9 năm 1954, ra nghị quyết "Về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng". Cũng trong ngày 5 tháng 9 năm 1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống địch dụ dỗ và cưỡng ép di cư. Chỉ thị nêu rõ: "Việc phá âm mưu của địch bắt ép đồng bào ta vào Nam là một cuộc đấu tranh chính trị gay go và cấp bách; các cấp ủy cần tăng cường lãnh đạo đấu tranh, tập trung những cán bộ có năng lực vào những địa phương quan trọng hướng dẫn quần chúng đấu tranh"[2].

Thất bại một bước trước việc dùng vũ lực và dùng hình thức tuyên truyền lừa bịp để dụ dỗ, mua chuộc đồng bào theo đạo thiên chúa và dồn ép binh lính di cư vào Nam, chúng chuyển sang thủ đoạn ngấm ngầm tổ chức, tập hợp lực lượng, khai thác triệt để điều 14c và điều 14d của Hiệp định Giơ-ne-vơ để công khai đấu tranh với ta. Bọn phản động nội địa bí mật lập danh sách và chụp ảnh một số người muốn vào Nam do chúng lôi kéo được để làm chứng cớ đấu

---

(1) "Tại Bắc Việt, khi mới ngừng bắn được vài ngày Việt Minh tổ chức nhiều đám phụ nữ tới sát các nơi đóng quân của quân đội quốc gia để tuyên truyền binh sĩ trốn ở lại. Những người này trước hết còn dùng lời dụ dỗm, sau đã nhờ ở sức đông bắt cóc những quân nhân lẻ tẻ. Những đám người này mỗi lúc một tụ tập đông đảo và dám ngăn cản cả những đoàn quân xa sắp chuyển bánh" (Quân lực Việt Nam Cộng hòa - Quân sự 4/1972. Tr.402)

(2) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975) NXB Thông tin lý luận - H 1982 Tr.12,13.

lý với ta. Chúng còn bố trí một số nguỵ quân ở miền Nam đưa đơn lên Tiểu ban liên hợp đòi vợ con vào Nam. Tại Nội Hà, Giáp Tam, Mỹ Hòa (Quảng Trạch), bọn phản động đội lốt thiên chúa giáo lợi dụng điểm c điều 14 Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định không trả thù hay phân biệt đối xử, bảo đảm quyền tự do dân chủ những người cộng tác của đối phương để đòi thả "cha Cai, cha Quỳ" là hai tên phản động bị ta xử án trong chiến tranh. Chúng kích động một số phần tử quá khích gây rối dọa sẽ hành hung cán bộ trong một cuộc mít tinh, nếu Chính phủ không thả hai cha về cho chúng.

Thi hành chỉ thị của Ban chấp hành Trung ương Đảng và nhằm đánh giá đúng tình hình trong tỉnh, ngày 25 tháng 11 năm 1954, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị gồm các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên, đại diện các ban của Đảng, các đoàn thể quần chúng, Công an, Tỉnh đội, các đồng chí Thường vụ Huyện ủy và các Ban chi ủy xã có đồng bào thiên chúa giáo để học tập chỉ thị 103 của Trung ương Đảng và kiểm điểm tình hình sau khi thi hành chỉ thị 91 ngày 9 tháng 10 năm 1954 của Trung ương. Hội nghị phân tích, đánh giá tình hình trong tỉnh và phê phán một số khuyết điểm tồn tại của cán bộ, đảng viên trong việc thi hành chỉ thị 91 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Qua dân chủ thảo luận hội nghị thống nhất một số quan điểm: Phải làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên nhận rõ sự quan trọng và cấp thiết của cuộc đấu tranh chống âm mưu địch cưỡng ép đồng bào vào Nam. Các cấp ủy Đảng phải đặt đúng trách nhiệm là người lãnh đạo quần chúng thực hiện nghiêm chỉnh các đường lối chủ trương của Đảng, phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để một người dân bị địch dụ dỗ và bắt ép vào Nam; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng, nhất là đối với giáo dân và các

gia đình có người chuẩn bị đi Nam. Tổ chức cho giáo dân học tập thư của cha Phạm Bá Trực, thư của Giám mục Hoàng Văn Đoàn, phát huy ảnh hưởng cuộc đi thăm của phái đoàn Mặt trận Liên khu 4 và những lời dặn dò giáo dân của Linh mục Vương Đình Ái; phải có kế hoạch thiết thực giúp đỡ giáo dân về mặt tự do tín ngưỡng và giải quyết đời sống vật chất cho họ bằng những biện pháp cụ thể trong chủ trương "chống đói, phòng đói, phục hồi sản xuất" của Tỉnh ủy; đối với bọn phản động, một mặt kiên trì giáo dục, giác ngộ quần chúng làm cho họ tự nguyện tố cáo âm mưu và hành động dã man của chúng mà kiên quyết đấu tranh, mặt khác phải có kế hoạch theo dõi, giám sát những tên chủ mưu để kịp thời trừng trị.

Đối với Quảng Trạch là huyện có nhiều đồng bào thiên chúa giáo mà trọng điểm là hai xã Ninh Trạch và An Trạch[1], Tỉnh ủy đã phái hai cán bộ thường trực phụ trách và đưa đại đội 365 và đại đội 367 bộ đội địa phương cùng với cán bộ huyện và chi bộ địa phương giúp dân ổn định tình hình. Cán bộ và bộ đội cùng ăn cùng ở với nhân dân, giúp dân sản xuất ổn định cuộc sống, nắm tâm tư nguyện vọng của nhân dân, qua đó giải thích, giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ đối với giáo dân. Gợi tình cảm quê hương, tình cảm gia đình để cảm hóa một số người mắc âm mưu địch dứt khoát lựa chọn con đường ở lại, yên tâm làm ăn thờ Chúa. Một số gia đình bị dụ dỗ vào Nam quay trở về trở thành người làm nòng cốt trong việc vạch trần âm mưu của địch, họ nói rõ sự thật của những trại

---

(1) Xã Ninh Trạch: Gồm các xã Quảng Văn, Quảng Hòa, Quảng Lộc hiện nay.

Xã An Trạch: Gồm các xã Quảng Phúc, Quảng Thọ, Quảng Thuận hiện nay.

tập trung ở miền Nam đã có ảnh hưởng lớn đối với những người còn chần chừ, lưỡng lự giữa đi và ở.

Tài sản, nhà cửa, ruộng vườn, hoa màu của các gia đình đi Nam được chính quyền và nhân dân địa phương giữ gìn, bảo vệ chu đáo, nên khi một số người quay trở về rất cảm động, tỏ lòng biết ơn Đảng, Chính phủ, họ phấn khởi nhanh chóng ổn định đời sống, hăng hái tham gia công tác xã hội.

Dòng người di cư vào Nam từ các trại tập trung ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh khi đến Quảng Trạch và các huyện dọc đường quốc lộ 1A được chính quyền và nhân dân địa phương giúp đỡ tạo nơi ăn chốn ở và được tuyên truyền giải thích cặn kẽ, họ thấy rõ âm mưu của địch, nhiều gia đình tự nguyện quay trở lại trong niềm cảm động biết ơn Đảng và Chính phủ.

Quảng Bình - Vĩnh Linh là tiền đồn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là nơi hàng ngày, hàng giờ trực tiếp đấu tranh với địch để bảo vệ khu phi quân sự, bảo vệ pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ đang diễn ra gay gắt. Đảng bộ Quảng Bình đặt công tác chống cưỡng ép, dụ dỗ di cư vào Nam là một trong những công tác trọng tâm quan trọng bậc nhất trong một thời gian nhất định. "Nếu không giải quyết được nó thì mọi công tác khác sẽ không giải quyết được"[(1)], do đó Tỉnh ủy đã đề ra nhiều biện pháp năng động, sáng tạo và chủ động chống trả âm mưu của địch có hiệu quả. Thời gian đầu có một số thiếu sót, khuyết điểm, Tỉnh ủy đã kịp thời uốn nắn, bổ khuyết, khôi phục và củng cố niềm tin

---

(1) Chỉ thị 273 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

trong quần chúng, nhanh chóng ổn định và giữ vững tình hình an ninh trật tự để bước vào kế hoạch xây dựng quê hương.

Sau 9 năm trường kỳ kháng chiến, với thủ đoạn "đốt sạch, giết sạch, phá sạch" (Tam quang) thực dân Pháp đã để lại trên đất Quảng Bình những hậu quả hết sức nặng nề. Hệ thống lô cốt, đồn bốt, dây thép gai, hầm hào và những bãi bom mìn cùng phế liệu chiến tranh còn ngổn ngang. Nhiều làng mạc trù phú bị thực dân Pháp biến thành vành đai trắng. Trên 30.000 nóc nhà bị thiêu hủy. Gồm 11.000 héc ta ruộng đất bị bỏ hoang hóa. 23.000 người bị giết và 20.000 trâu bò bị chúng cướp và bắn chết[1]. Thị xã Đồng Hới có trên 4.000 người thất nghiệp[2]. Hầu hết hệ thống đường giao thông, cầu, cống, đê điều bị phá hủy. Các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, ma chay, đồng bóng còn phổ biến. Một số bệnh xã hội giang mai, hoa liễu, đau mắt hột còn phổ biến ở vùng mới giải phóng. Trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa những hủ tục của tàn dư phong kiến đan xen nền văn hóa thực dân đã ảnh hưởng không ít đến công cuộc xây dựng đời sống mới. Thiên tai xảy ra liên tiếp. Tháng 10 năm 1954, bị hai trận lụt lớn và cơn bão số 3 ập đến tàn phá hoa màu, vườn tược, nhà cửa, đường sá, đê điều gây ra mất mùa, đói kém, khiến cho trên 1950 gia đình đứt bữa. Ở Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hóa, Quảng Ninh có trên 100 người phải đi xin ăn. Nạn đói kéo dài suốt 6 tháng đầu năm

---

(1) Báo cáo số 35 của UBHC tỉnh Quảng Bình gửi Văn phòng Chính phủ ngày 19/4/1955

(2) Chi cục thống kê Q.B - Số hiệu thống kê -QB 1962. Trang 4.

1955 làm cho đời sống vật chất tinh thần của hàng ngàn người đã khổ lại khổ thêm. Lúc này diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cũng khá phức tạp. Không ít cán bộ, đảng viên có tư tưởng cầu an, hưởng lạc, uể oải muốn nghỉ ngơi. Một số cán bộ công tác ở vùng tự do căn cứ du kích cũ nằm lỳ, không hoạt động. Cán bộ các ngành đua đòi chuộng hình thức, không muốn về công tác ở vùng căn cứ cũ, thích sống ở thị xã. Một số cán bộ lãnh đạo biểu hiện tư tưởng kèn cựa, địa vị, tác phong quan liêu, mệnh lệnh thiếu đi sâu đi sát quần chúng, nắm tình hình không cụ thể, không nắm vững tính chất đặc điểm của phong trào để giáo dục rèn luyện tổ chức quần chúng tham gia các hội của đoàn thể; máy móc trong việc đánh giá lựa chọn và đề bạt cán bộ cốt cán. Tình hình đó dẫn đến tình trạng nội bộ mất đoàn kết[1]. Số công chức, nhân viên lưu dung[2] phấn khởi trước chính sách khoan hồng của Đảng và Chính phủ nhưng sợ làm việc với chế độ ta không nổi. Quan hệ giữa công chức, nhân viên lưu dung và cán bộ công nhân viên kháng chiến không bình thường, thiếu cởi mở, còn giữ kẻ, e ngại. Một số công nhân làm việc dưới chế độ cũ chưa có việc làm sợ thất nghiệp, xin về quê, tâm lý chung lo lắng,

---

(1) Biên bản Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp từ 6 đến 7/9/1954

(2) Số công chức, nhân viên lưu dung có 106 người hiện đang làm ở các cơ quan: UBHC tỉnh 3 người, Ty Công an 16 người, Tòa án 1 người, Ty Giáo dục 39 người, Ty Y tế 10 người, Ty Công chánh 26 người, Ty Tuyên truyền 1 người, Ty Bưu điện 4 người, Ty Ngân hàng 1 người, Chi sở thuế 1 người, Ty Canh nông 1 người và còn 2 người chưa làm việc (Báo cáo cuối năm 1954 số 1495 TC/CB của phòng tổ chức cán bộ UBKCHC Liên khu 4)

băn khoăn. Số người buôn bán lớn sợ không có hàng để bán, đầu cơ tích trữ, một số người đóng cửa hiệu không bán. Bọn phản động do thực dân Pháp cài cắm lại ra mặt phá hoại, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng, nói xấu chế độ.

Ngày 3 tháng 11 năm 1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị hướng dẫn các cấp ủy Đảng và các ngành tích cực lãnh đạo và giúp đỡ nhân dân chống đói, phòng đói và phục hồi sản xuất. Bản chỉ thị nêu rõ phương châm chủ yếu trong chống đói, phòng đói là "cứu đói như cứu lửa, không để cho nạn đói mở rộng và trở nên nghiêm trọng. Tích cực vượt mọi khó khăn để sản xuất, động viên quần chúng tự giải quyết là chính, nhưng phải lãnh đạo giúp đỡ quần chúng giải quyết nạn đói một cách có hiệu quả"(1).

Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 21 tháng 12 năm 1954, Tỉnh ủy họp ra quyết nghị đối với công tác sản xuất, chống đói:

- Các cấp ủy và các ngành nghiêm khắc kiểm điểm lại tinh thần trách nhiệm trước nhân dân và tinh thần chấp hành chủ trương phương châm công tác của Trung ương để kịp thời sửa chữa sai lầm.

- Đẩy mạnh tương trợ, phục hồi sản xuất, chú ý giúp đỡ những gia đình hiện đang đói rét.

- Phát động đợt thi đua ngắn hạn trồng thêm rau màu. Ban Kinh tế tỉnh nghiên cứu kế hoạch thực hiện và giúp đỡ nhân dân sản xuất hết diện tích vụ chiêm, chú ý đắp bờ giữ nước.

---

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975) NXB Thông tin Lý luận H 1982. Tr.18

- Thành lập hai đoàn cán bộ kiểm tra tận nơi ở Quảng Trạch, Bố Trạch giúp Chi ủy địa phương giải quyết công tác chống đói, cứu đói và sản xuất.

- Thu thuế nông nghiệp giải quyết cấp phát gấp cho số trợ cấp còn thiếu để họ có điều kiện tiếp tục sản xuất, phòng đói giếng hai[1].

Phong trào đề cao tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau, chấm dứt nạn đi ăn xin, hạn chế sự thiếu thốn, đẩy mạnh sản xuất được phát động rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân. Nhân dân thôn Cảnh Dương (Quảng Trạch) đã tự nguyện góp vốn và phương tiện sản xuất làm nghề biển. Nhân dân thôn Cự Nẫm (Bố Trạch) quyên góp được 16 thúng lúa, 20 thúng ngô, 2 thúng khoai kịp thời gửi cho các gia đình đứt bữa. Nhân dân khắp các huyện trong tỉnh với tình cảm "lá lành đùm lá rách", kẻ giúp lương thực, thực phẩm, tiền bạc, người giúp công cụ sản xuất hoặc trực tiếp giúp ngày công cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn làm cho không khí nạn đói dịu dần. Chính phủ trợ cứu cho nhân dân vùng khó khăn trong tỉnh 200 tấn lúa, tỉnh đã giải quyết 130 tấn, còn lại 70 tấn, nay kịp thời phân phát cho hai huyện trọng điểm: Quảng Trạch 40 tấn, Bố Trạch 30 tấn để dân có ăn sản xuất. Ngân hàng tỉnh cho 1.290 người vay 6.512.000 đồng ngân hàng để mua trâu bò, công cụ, giống

---

(1) Quyết nghị số 93/QN-QB ngày 21/12/1954 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Bình

má phục hồi sản xuất trong vụ 10[1]. Phong trào sản xuất ngô, khoai, sắn "trồng thật nhiều, trồng thật sớm, trồng xen, trồng liên tiếp, trồng ở vùng thượng du, trồng ven đường quốc lộ, dọc bờ biển ở những nơi đói nhiều"... được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Cuối năm 1954 đạt 4.425 mẫu khoai sớm, 720 mẫu ngô sớm và 670 mẫu sắn sớm. Đối với các loại rau cũng được trồng liên tiếp, thực hiện vườn rau tự túc của gia đình, cơ quan, trường học, đơn vị bộ đội.

Hệ thống đê ngăn mặn La Hà, Đồng Cao, Ba Đề và đập Tiên Lương bắt đầu được sửa chữa. Các cầu Quy Hậu, Cầu Ngò, Cầu Xiêm, Mỹ Đức, Thạch Bàn, Phú Kỳ đã sửa chữa xong, giao thông đã trở lại bình thường. Sản xuất được khôi phục, đời sống nhân dân và an ninh trật tự xã hội từng bước được ổn định[2].

HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI (1954-1957)

Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954 vạch rõ: "Nhiệm vụ chủ yếu của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế quốc dân". Tiếp theo Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9 năm 1954, Hội nghị lần thứ 7 (tháng 3 năm 1955) và Hội nghị lần thứ 8 (tháng 8 năm 1955) của Ban Chấp hành Trung

---

(1) *Quảng Ninh 365 người: 2.443.000 đ*
Lệ Thủy 700 người: 3.400.000 đ
Vĩnh Linh 225 người: 669.000 đ

(2) Biên bản Hội nghị Ban kinh tế mở rộng số 389 ngày 2 tháng 11 năm 1954

ương Đảng (khóa II) nhận định "Muốn thống nhất nước nhà, điều cốt yếu là *phải ra sức củng cố miền Bắc*, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam"(1) "củng cố miền Bắc tức là bồi dưỡng lực lượng cơ bản của ta xây dựng chỗ dựa vững chắc cho nhân dân toàn quốc giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh củng cố hoà bình thực hiện thống nhất"(2). Hội nghị quyết định: "Miền Bắc là chỗ đứng của ta, bất kể trong tình huống thế nào, miền Bắc cũng phải được củng cố. Trong việc củng cố miền Bắc, công tác cải cách ruộng đất vẫn là công tác trọng tâm, nhưng công tác khôi phục kinh tế là công tác trọng yếu"(3). Về tăng cường lãnh đạo tư tưởng, củng cố Đảng, Hội nghị nhấn mạnh "cần khắc phục các hiện tượng mệt mỏi, nghỉ ngơi, hòa bình hưởng lạc, bi quan, dao động hoặc mất cảnh giác, đi đôi với tăng cường lãnh đạo tư tưởng phải kiện toàn bộ máy các cấp của Đảng và Nhà nước, nhất là cơ quan kinh tế phải tích cực cải tiến lề lối làm việc và phương pháp lãnh đạo"(4).

Thực hiện nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng và căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, *Hội nghị Tỉnh ủy ngày 6 tháng 8 năm 1954*, xác định: muốn hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hóa xã hội đạt kết quả điều trước tiên là phải kiện toàn và củng cố bộ máy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Hội nghị quyết định: "Giữ nguyên tổ chức cũ không được xáo trộn,

---

(1) (2) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975) NXB Thông tin Lý luận - H 1982. Trang 30,31

(3) (4) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975) NXB Thông tin Lý luận - H1982. Trang 30, 31

dùng những tổ chức sẵn có trong nhân dân để tập hợp quần chúng nhằm tuyên truyền giáo dục tình hình nhiệm vụ và chính sách của Đảng và Chính phủ để ổn định tinh thần, giải quyết sinh hoạt cho nhân dân... Dùng hình thức đại biểu nhân dân, tập đoàn hợp công, đổi công để tập hợp quần chúng, tranh thủ quần chúng..."[1].

Hòa bình đã lập lại trên toàn miền Bắc. Cuộc kháng chiến trường kỳ đã kết thúc. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân bắt tay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hóa xã hội. Nhiệm vụ lịch sử của Ủy ban kháng chiến hành chính đã kết thúc. Tháng 9 năm 1954, Hội đồng Chính phủ ra quyết định đổi tên Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp thành Ủy ban hành chính. Thi hành quyết định của Hội đồng Chính phủ, cuối tháng 10 năm 1954, Tỉnh ủy Quảng Bình chỉ đạo triển khai đổi tên Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp từ tỉnh, huyện, thị xã, thị trấn, xã thành Ủy ban hành chính từ tháng 11 năm 1954[2]. Nhằm tăng cường, chỉnh đốn bộ máy lãnh đạo các cấp, Tỉnh ủy tiến hành mở các lớp huấn luyện về đường lối chính sách của Đảng, Chính phủ về tình hình, nhiệm vụ cho cán bộ các xã vùng mới giải phóng và cán bộ mới được đề bạt. Khu ủy Liên khu IV tăng cường cho tỉnh 150 cán bộ phát động quần chúng. Số cán bộ này cùng với số cán bộ

---

(1) Biên bản Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng ngày 6/9/1954 số 12 BB/QB

(2) Ngày 28/7/1947, Hội nghị dân chính toàn khu IV quyết định hợp nhất UBHC và UBKC thành UBKCHC. Thi hành sắc lệnh số 91/SL ngày 01/4/1947 UBKCHC tiến hành hợp nhất UBKC và UBHC các huyện, thị xã, thị trấn và các xã trong tỉnh.

cốt cán được lựa chọn trong các ngành dân vận được tăng cường về nông thôn và thị xã để xây dựng phong trào.

Tháng 10 năm 1954, Hội nghị Tỉnh ủy được triệu tập để nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 9 năm 1954. Căn cứ vào những nhiệm vụ được Bộ Chính trị vạch ra trong nghị quyết và căn cứ vào đặc điểm tình hình của địa phương, Tỉnh ủy quyết định nhiệm vụ chung của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình trong năm 1954 đến 1957 là: "Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm, tổ chức đời sống nhân dân, chuẩn bị mọi điều kiện tiến tới thực hiện vận động triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất và khôi phục phát triển kinh tế, văn hóa có kế hoạch".

Cụ thể là: Nhanh chóng ổn định đời sống của quần chúng, tháo gỡ bom mìn, đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, phục hồi diện tích canh tác, đẩy mạnh sản xuất lương thực cả lúa và màu, cây công nghiệp; chăn nuôi khôi phục phát triển các ngành nghề thủ công; đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng dịch bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; giáo dục quần chúng cảnh giác với âm mưu phá hoại của địch, đấu tranh thực hiện hiệp định Giơ-ne-vơ, chống âm mưu dụ dỗ đồng bào di cư vào Nam. Thực hiện các nhiệm vụ trên, đồng thời nắm bắt tình hình mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc vận động triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất và xây dựng kế hoạch dài hạn khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa của tỉnh nhà. Ngoài các ban chuyên môn, Tỉnh ủy còn cử ra các tiểu ban giúp việc như: Tiểu ban nghiên cứu quy hoạch sản xuất đời sống; Tiểu ban khai hoang chỉ đạo sản xuất; Tiểu ban chống cưỡng ép di cư; Tiểu ban chuẩn bị cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất.

Được sống trong hòa bình, độc lập nhân dân Quảng Bình phấn khởi, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau dựng lại nhà cửa, ổn định nơi ăn chốn ở, chung sức, chung lực, chung vốn mua sắm công cụ sản xuất khai hoang, phục hóa đảm bảo sản xuất kịp thời vụ. Nam nữ dân quân du kích cùng với bộ đội tiểu đoàn 229 không quản nguy hiểm dũng cảm tháo gỡ bom mìn quanh đồn bốt địch và một số nơi chúng gài lại trước khi rút quân. Nông dân hăng hái thi đua sản xuất lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi, trồng cây gây rừng. Các nghề thủ công truyền thống chăn tằm, dệt vải, kéo tơ, đúc đồng, chạm trổ... được khẩn trương khôi phục để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Mạng lưới y tế, vệ sinh phòng bệnh được thiết lập. Cán bộ công nhân viên các ban ngành thi đua lao động sản xuất hoàn thành kế hoạch nhà nước. Công tác giáo dục tư tưởng cho tề ngụy rả ngũ được chính quyền địa phương chú ý đúng mức nhằm bảo vệ sự bình yên cho cuộc sống mới.

Song song với việc hàn gắn vết thương chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đón nhận 3.219 người là cán bộ, đảng viên, bộ đội phục viên, con em và học sinh hai tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị ra tập kết, trong đó có một số đồng bào vượt tuyến.(1) Bà con được đón tiếp với tình cảm gắn bó cùng chung một chiến hào - Bình Trị Thiên khói lửa của những năm kháng chiến trường kỳ. Các em học sinh Trị Thiên tập kết hoặc vượt tuyến đã được tổ chức đón nhận và bố trí ngay vào các trường quốc lập ở Đồng Hới,

---

(1) Liên hiệp Công đoàn Quảng Bình: Báo cáo công tác Công đoàn năm 1956. Lưu trữ tại phòng Tư liệu Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình. Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ, cứu nước 1954-1975-BCHQS tỉnh Quảng Bình ấn hành tháng 12 năm 1994 trang 24 đưa số liệu là 2000 người.

Quảng Ninh, Lệ Thủy... và được ưu tiên cấp học bổng học phẩm.[1] Số cán bộ, bộ đội phục viên được bố trí công tác thích hợp với trình độ và sức khỏe.

Cùng một lúc Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình phải dồn sức giải quyết hàng loạt công tác hết sức bức bách do hậu quả chiến tranh để lại vô cùng nặng nề. Song, do chủ động, sáng tạo, biết vận dụng đường lối chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ vào điều kiện cụ thể của địa phương, biết phát động quần chúng, kịp thời đề ra những biện pháp thích hợp để vận động quần chúng nên Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bước đầu giành thắng lợi lớn.

Tháng 8 năm 1954, quân đội thực dân Pháp rút khỏi Quảng Bình nhiệm vụ chống đế quốc đã được hoàn thành triệt để. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tuy đã căn bản kết thúc, song nhiệm vụ chống phong kiến vẫn còn đang làm dở. Nhân dân Quảng Bình đã làm chủ quê hương, do đó có điều kiện để hoàn thành cải cách ruộng đất, xóa bỏ hoàn toàn chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến.

Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 2 năm 1955, phát động quần chúng giảm tô đợt 7 được tiến hành trong 19 xã thuộc các huyện phía Bắc Quảng Bình. Đoàn giảm tô đợt này có 19 đội được phân về công tác phát động quần chúng

---

(1) Chỉ thị số 343/XH và 119/CM ngày 28 tháng 9 năm 1954 "V/v thu nhận hết học sinh từ Huế, Quảng Trị xin vào học", khi có chủ trương mở thêm 100 ngày tập kết.

trong 19 xã ở Tuyên Hoá[1], Quảng Trạch và Bố Trạch. Đoàn ủy giảm tô [2] có 7 người, do đồng chí Cổ Kim Thành Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình làm Bí thư Đoàn ủy. Cuối tháng 5 năm 1955, giảm tô đợt 7 ở các huyện phía bắc tỉnh kết thúc. Tỉnh ủy cùng với Đoàn ủy giảm tô tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm, bồi dưỡng cán bộ chuẩn bị mọi kế hoạch cho việc triển khai phát động quần chúng giảm tô đợt 8.

Tháng 7 năm 1955, giảm tô đợt 8 ở 41 xã thuộc huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, một số xã còn lại thuộc Bố Trạch, ngoại ô thị xã Đồng Hới và 7 xã bờ bắc giới tuyến của huyện Vĩnh Linh. Đồng chí Hồ Khắc Quảng, giữ chức Bí thư Đoàn ủy, đoàn 8.

Tháng 12 năm 1955, Đoàn ủy đoàn 8 họp hội nghị tổng kết đánh giá kết quả cuộc vận động triệt để giảm tô trong toàn tỉnh và bàn kế hoạch chuẩn bị cải cách ruộng đất theo chỉ thị của Trung ương và Liên khu ủy IV. Hội nghị nhất trí nhận định kết quả lớn nhất của hai đội giảm tô trong toàn tỉnh là giai cấp địa chủ bị đánh gục một bước về chính trị và tư tưởng. Về mặt kinh tế đã bắt địa chủ và phú nông phải thoái tô cho nông dân 37.540 tấn thóc. Tịch thu của địa chủ cường hào gian ác 523 con trâu bò, 252 cái nhà, 406 cày bừa và 1.284 héc ta ruộng đất chia cho trên 8.000 gia đình nông dân.[3] Cũng qua đợt phát động quần chúng giảm tô, một số Chi bộ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể quần chúng

---

(1) Huyện Tuyên Hóa lúc này bao gồm cả huyện Minh Hóa ngày nay. Ngày 6/01/1965, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 6/CP chia huyện Tuyên Hóa thành hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa.

(2) Tổ chức đoàn chỉ đạo công tác giảm tô được gọi là Đoàn ủy.

(3) Báo cáo công tác năm 1955 của UBHC Liên khu IV và báo cáo tình hình 2 năm khôi phục kinh tế của Tỉnh ủy Quảng Bình (tháng 3/1957)

được chấn chỉnh; 42.600 nông dân được kết nạp vào tổ chức nông hội, trong đó có 1.805 người trước đây bị cưỡng bức đi lính cho giặc nay trở về được Đảng và Chính phủ ta khoan hồng, giáo dục trở thành hội viên của nông hội.

Kết quả đó đã tạo nên một khí thế mới trong nông thôn và nông dân Quảng Bình. Mọi người hăng hái thi đua lao động đẩy mạnh sản xuất vụ Đông Xuân thắng lợi.

Qua phong trào thi đua, người nông dân càng đoàn kết gắn bó với nhau hơn trước, họ tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và giải quyết khó khăn về đời sống. Đặc biệt qua phong trào thi đua sản xuất đã xây dựng được 975 tổ đổi công, đó là cơ sở bước đầu làm nòng cốt đưa dần người nông dân vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Song song với công tác phát động quần chúng giảm tô, nhân dân các địa phương trong tỉnh hăng hái khai hoang, phục hóa, đẩy mạnh sản xuất, tích cực thực hiện cuộc vận động trồng rau màu chống đói Đông Xuân 1954-1955. Tính đến đầu năm 1956 nhân dân trên địa bàn tỉnh đã khai hoang được 5.674 héc ta. Nhiều công trình trung tiểu thủy nông được khởi công. Đặc biệt các tuyến đê ngăn mặn dài hàng chục km ở tuyến sông Gianh, sông Lý Hòa, Nhật Lệ được xây dựng để bảo vệ cho hàng ngàn héc ta ruộng khỏi bị ngập mặn.

Đồng thời với việc phát động quần chúng giảm tô ở đồng bằng, Đoàn ủy Quảng Bình đã phái một bộ phận lên miền núi phát động quần chúng sản xuất, đánh địch và chấn chỉnh tổ chức. Đồng bào dân tộc ít người ở Hàm Nghi, Đình Phùng (Lệ Thủy), Tân Trạch, Thượng Trạch (Bố Trạch), Dân Hóa, Tân Hóa, Thượng Hóa, Hóa Sơn, Hóa Tiến, Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Hợp (Tuyên Hóa)... được cán bộ đội, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng , Chính phủ

và được hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi, nên bà con rất phấn khởi, một số hộ gia đình bỏ nếp sống cũ, tự nguyện định canh định cư xây dựng cuộc sống mới. Đặc biệt trong lúc mất mùa, nạn đói đang hoành hành, nhiều gia đình phải ăn bột nhúc, củ nâu, rau rừng để trừ bữa, nhưng nhân dân ở thôn Thanh Lâm xã Tân Hóa, thôn Cát Đặng ở xã Hóa Sơn (Tuyên Hóa) và bà con ở vùng Ma Rai, Khe Ve... đã tự nguyện tự giác đưa nộp cho Nhà nước 193 cân vàng thu nhặt được trong rừng[1].

Công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu cũng là một trong những nhiệm vụ cấp bách cần phải tập trung lực lượng để giải quyết. Tỉnh ủy quyết định lấy thị xã Đồng Hới làm thí điểm công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu để rút kinh nghiệm nhân rộng ra toàn tỉnh. Tháng 11 năm 1956, Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ khai báo hộ khẩu, rút kinh nghiệm ở thị xã một cuộc vận động tuyên truyền về công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu được tổ chức sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân nhằm giúp cho chính quyền các cấp

---

(1) Năm 1884, Triều đình Huế ký hòa ước Giáp Thân, công nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Các phong trào chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi khắp ba miền Trung, Nam, Bắc. Ngay tại Triều đình Huế, một nhóm triều thần yêu nước tập hợp chung quanh Tôn Thất Thuyết để chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Sáng 5/7/1885, Tôn Thất Thuyết chỉ huy đánh vào kinh thành Huế. Cuộc phản công đã bị thất bại, Tôn Thất Thuyết phải đưa Vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị) xuống Chiếu Cần Vương kêu gọi toàn dân đánh giặc cứu nước. Sau một thời gian Tôn Thất Thuyết đưa Vua Hàm Nghi ra xây dựng vùng căn cứ ở miền tây Tuyên Hóa (Quảng Bình). Ngày 01/01/1888, Vua Hàm Nghi sa vào tay giặc tại Khe Tá Bào, huyện Tuyên Hóa (nay là Minh Hóa). Số vàng này do triều thần vua Hàm Nghi chôn cất trước khi nghĩa quân và nhà vua sa vào tay giặc.

nắm chắc hộ tịch, hộ khẩu của địa phương trong việc quản lý hành chính, lập kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế văn hóa, đời sống. Từ năm 1967 công tác quản lý hộ tịch, đăng ký hộ khẩu dần dần đi vào nề nếp. Gia đình có người tạm trú, tạm vắng đều được nhân dân tự giác đến đăng ký tại công an, do đó việc quản lý an ninh trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) chủ trương căn bản hoàn thành cải cách ruộng đất trước tháng 7 năm 1956.

Thi hành chủ trương của Trung ương Đảng, tháng 1 năm 1956. Tỉnh ủy quyết định tiến hành vận động cải cách ruộng đất thí điểm ở xã Quảng Liên, huyện Quảng Trạch để rút kinh nghiệm chỉ đạo toàn tỉnh. Tháng 3 năm 1956, phát động quần chúng cải cách ruộng đất đợt 5 được triển khai ở 127 xã trong tỉnh. Hai mươi vạn nông dân được giác ngộ ý thức giai cấp, lại có các Đoàn ủy cải cách[1] trực tiếp phát động tư tưởng nên được mọi tầng lớp nhân dân nhiệt liệt tham gia. Tháng 9 năm 1956, cải cách ruộng đất đã hoàn thành trong toàn tỉnh.

Qua đấu tranh, uy thế chính trị, kinh tế của giai cấp địa chủ, phong kiến bị đánh đổ hoàn toàn. Đã trưng mua, trưng thu và tịch thu 50.159 ha ruộng đất, 508 ngôi nhà, 431

---

(1) Cải cách ruộng đất đợt 5 ở Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh được tổ chức thành 3 cụm do 3 đoàn ủy phụ trách: Đoàn ủy đoàn 6 phụ trách Tuyên Hóa, Quảng Trạch; Đoàn ủy đoàn 7 phụ trách Bố Trạch, Quảng Ninh, thị xã Đồng Hới; Đoàn ủy đoàn 8 phụ trách Lệ Thủy và khu vực Vĩnh Linh. Trưởng đoàn cải cách ruộng đất kiêm luôn Bí thư Đảng.

trâu bò, 440 công cụ sản xuất các loại của địa chủ chia cho nông dân[1].

Đánh giá thắng lợi của cải cách ruộng đất, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 (mở rộng) của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) tháng 9 năm 1956 đã ghi: "Hiện nay ở miền Bắc, giai cấp địa chủ căn bản đã bị đánh đổ. Ruộng đất đã về tay nông dân, hơn 10 triệu nông dân lao động đã trở thành người làm chủ; hàng vạn cốt cán được đào tạo; chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất đã vĩnh viễn bị xóa bỏ. Đó là một chuyển biến to lớn về kinh tế, chính trị và xã hội." [2]

Nhận định của Ban chấp hành Trung ương Đảng hoàn thành đúng với thực tế công cuộc cải cách ruộng đất ở Quảng Bình. Song trong khi tiến hành cải cách ruộng đất, chúng ta đã phạm những sai lầm hết sức nghiêm trọng. Hội nghị lần thứ 10 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nghiêm khắc kiểm điểm và Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương Đảng (tháng 11 năm 1958) nói rõ thêm những sai lầm ấy như sau:

a. Vi phạm đường lối giai cấp nông thôn: Xâm phạm lợi ích trung nông, không liên hiệp phú nông, không phân biệt đối đãi các loại địa chủ, không chiếu cố địa chủ kháng chiến.

b. Cường điệu việc trấn áp phản cách mạng.

c. Không dựa vào tổ chức cũ, không giao cho tổ chức Đảng địa phương lãnh đạo cải cách ruộng đất, mắc chủ nghĩa thành phần và khuynh hướng trừng phạt.

---

(1) Báo cáo tình hình năm 1956 của Tỉnh ủy Quảng Bình
(2) Những sự kiện lịch sử Đảng, Tập IV (1954-1975) NXB Thông tin lý luận - Hà Nội 1982. Tr.49.

d. Lạm dụng các biện pháp phát động quần chúng, nặng đấu tố, nhẹ giáo dục, phổ biến hóa cách làm bắt rễ xâu chuỗi, không kết hợp biện pháp hành chính với phát động quần chúng. Sai lầm nghiêm trọng nhất là trong việc chỉnh đốn tổ chức[1].

Nguyên nhân của những sai lầm đó là do "Không nắm vững những biến đổi ở nông thôn miền Bắc từ sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, dập khuôn một cách máy móc kinh nghiệm nước ngoài."[2]

Hội nghị lần thứ 10 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương "Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức để phát huy những kết quả đã đạt được".

Thực hiện nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy từng bước đã triển khai công tác sửa sai cho phù hợp với điều kiện cụ thể ở địa phương. Để nhanh chóng ổn định tình hình và tiến hành công tác sửa sai đạt kết quả, Trung ương cử đồng chí Nguyễn Văn Thanh (Thanh Quảng) và Trương Văn Định (quê Quảng Bình công tác ở Hà Nội) về giúp Tỉnh ủy đồng thời nắm và kiểm tra tình hình. Cuối tháng 10 năm 1956, Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) được triệu tập để nghiên cứu nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương Đảng (khóa II).

Trên cơ sở tinh thần nghị quyết 10, Tỉnh ủy đã triển khai bước một sửa chữa sai lầm của cải cách ruộng đất trong tỉnh, đánh giá tình hình, nghiêm chỉnh vạch ra những

---

(1), (2) Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995. Tr.69-70.

thắng lợi và sai lầm, đề ra nhiệm vụ và các chủ trương cụ thể, đặt kế hoạch và bước đi trong tiến trình sửa chữa. Nhiệm vụ công tác quan trọng đầu tiên là làm cho toàn Đảng bộ và nhân dân quán triệt sâu sắc nghị quyết Trung ương, đánh giá đúng chỗ đúng, chỗ sai, thấy được thắng lợi cơ bản to lớn và thấy đúng mức sai lầm, kiên quyết sửa chữa sai lầm, để phát huy thắng lợi hoàn thành tốt đẹp cuộc cải cách ruộng đất.

Nhằm giáo dục, nâng cao nhận thức tư tưởng, đoàn kết nội bộ Đảng, nội bộ nông dân, đoàn kết giữa Đảng và quần chúng, thực tâm đùm bọc thương yêu lẫn nhau và giải quyết một bước về củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, giải quyết một bước việc ăn ở, sản xuất cho các gia đình bị quy oan, đẩy mạnh sản xuất, tổ chức tốt đời sống, đồng thời chuẩn bị mọi mặt để tiến hành bước 2 sửa sai cụ thể về các mặt chính sách của cải cách ruộng đất.

Cuối tháng 12 năm 1956, công tác sửa sai bước một đã hoàn thành căn bản về giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân và cán bộ đảng viên, tạo được sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, nội bộ nông dân, gây không khí hồ hởi trong sinh hoạt và sản xuất. Đã phục hồi được 24 chi bộ còn 11 tổ Đảng (bị giải tán hoặc đăng ký lại trong cải cách ruộng đất); trả lại đảng tịch cho 2.004 đảng viên (bị khai trừ sai trong cải cách ruộng đất), trả lại tự do cho 615 người trong đó có 175 đảng viên, bị quy sai lên địa chủ và bị giam trong cải cách ruộng đất; bước đầu kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến xã. Nhân dân đã giúp đỡ cho một số gia đình bị quy sai, lâm vào tình trạng khó khăn. Chỉ tính riêng vùng thiên chúa giáo Quảng Trạch, Chính phủ đã giúp 20.264 kg gạo và

1.568.800 đồng cho 708 gia đình (1.920 nhân khẩu), 889 mét vải cho 189 gia đình (248 nhân khẩu).

Đánh giá kết quả bước đầu của công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất Tỉnh ủy nhận định: "Công tác sửa sai bước đầu đã thu được thắng lợi tốt đẹp, gây được lòng tin tưởng trong quần chúng nhân dân, yên tâm chờ đợi những bước sửa sai sắp tới. Tình hình đã dịu dần, các cuộc sinh hoạt chòm xóm đã đông đúc hơn trước, quan hệ bình thường trong nông thôn được phục hồi, tình đoàn kết thương yêu trợ giúp nhau sản xuất phòng đói được lên cao".(1)

Cùng với sửa sai Tỉnh ủy đã phát động quần chúng thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1956 thu nhiều thành tích lớn:

Về nông nghiệp: Gieo trồng được 48.025 héc ta đạt 98,4% kế hoạch, vượt năm 1955 là 7.826 héc ta, thu được 83.011 tấn quy thóc, đạt 101,2% kế hoạch; đạt 303 kg thóc, bình quân một khẩu trong nông dân, 290 kg thóc/khẩu trong nhân dân toàn tỉnh.

Đã xây dựng được 21km đập ngăn mặn, đảm bảo cho 3.000 héc ta ruộng canh tác.

Triển khai xây dựng nông trường quốc doanh Phú Quý với trên 500 công nhân.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp: Khôi phục và phát triển sản xuất một số ngành nghề phục vụ đời sống quần chúng như điện, nước, vận tải ở thị xã, các ngành nghề lâm nghiệp, ngư nghiệp các vùng trong toàn tỉnh.

---

(1) *Báo cáo tổng kết tình hình năm 1956 của Tỉnh ủy Quảng Bình.*

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bắt đầu tổ chức và làm chức năng hướng dẫn lưu thông phân phối. Mậu dịch quốc doanh bảo đảm ba mặt hàng thiết yếu: gạo, muối, vải đủ để cung cấp cho nhu cầu của nhân dân, giữ vững được giá cả quy định. Ngành lương thực đạt 112% lượng gạo bán ra, bách hóa tổng hợp đạt 106% chỉ tiêu kế hoạch.

Các mặt giáo dục, y tế có nhiều cố gắng trong việc chăm lo việc học tập và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Học sinh phổ thông cấp 1, cấp 2 tăng 28%. Bình dân học vụ đạt 85%. Ngành y đã lấy phương châm "Phòng bệnh là chính", "Phòng bệnh hơn chữa bệnh", năm 1956 đã điều trị được 47.844 bệnh nhân, giảm 70% so với năm 1955. Năm 1956 đã thành lập được 183 ban phòng bệnh ở xã, (năm 1955 chỉ có 12 ban) và đã đào tạo hàng trăm cán bộ y tế cho xã.

Để tập trung hoàn thành tốt công tác sửa sai và đẩy mạnh sản xuất, đầu tháng 01 năm 1957, Tỉnh ủy đã mở hội nghị quán triệt tinh thần hội nghị sơ kết bước một sửa sai của Trung ương, nhất là việc vận dụng đường lối giai cấp của Đảng chính sách đền bù tài sản cho người quy sai. Sau đó Tỉnh ủy đã tiến hành phổ biến sâu rộng trong các cấp, các ngành, nhất là trong Đảng bộ và Chi bộ cơ sở ở nông thôn để chuẩn bị tiếp cho sửa sai bước hai. Trong lúc các nơi trong toàn tỉnh đang học tập, chuẩn bị tiếp cho bước hai thì ở các xã Võ Ninh (Quảng Ninh), Quảng Phong (Quảng Trạch) và các xã ngoại ô thị xã Đồng Hới Tỉnh ủy cho triển khai làm thí điểm.

Sau 3 tháng làm thí điểm, cả 3 nơi đã xét và trả lại thành phần cho 82 hộ bị quy sai, gây được không khí thuận hòa, đoàn kết trong nội bộ nông dân. Việc điều chỉnh diện

tích, sản lượng cũng làm xong và đã tiến hành tạm thu thuế nông nghiệp bảo đảm đúng kế hoạch.

Từ kinh nghiệm thực tế ở các xã làm thí điểm, tháng 3 năm 1957, Tỉnh ủy ra chỉ thị 14 giao cho các địa phương phải nắm chắc và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối giai cấp nông thôn của Đảng trong việc học tập, phát động tư tưởng, kiện toàn tổ chức và đền bù tài sản cho những người bị quy sai. Chỉ thị 14 và những kinh nghiệm đúc rút được ở Võ Ninh, Quảng Phong, đã tạo nên sự nhất trí trong Đảng bộ về việc đánh giá những thắng lợi cũng như những sai lầm trong cải cách ruộng đất; nhân dân tin tưởng vào việc thực hiện thắng lợi đường lối và chính sách sửa sai của Đảng. Vì vậy khi triển khai bước hai công tác sửa sai đã tạo được khí thế phấn khởi trong quần chúng, đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, các mặt sản xuất, tổ chức đời sống có nhiều chuyển biến tốt. Các cuộc hội họp nông dân để xét trả thành phần, thông qua phương án đền bù tài sản cũng được tiến hành nhanh, gọn.

Tháng 3 năm 1957, Hội nghị lần thứ 12 (mở rộng) Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) bàn hai nhiệm vụ lớn: Xây dựng kế hoạch nhà nước năm 1957 và xây dựng quân đội củng cố quốc phòng. Thi hành nghị quyết của Trung ương Đảng, tháng 6 năm 1957, Tỉnh ủy ra nghị quyết: Về kế hoạch nhà nước, năm 1957 với mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế ngang với mức sản xuất năm 1937, để chuyển sang thời kỳ kiến thiết có kế hoạch. (Năm 1937 là năm kinh tế tỉnh Quảng Bình phát triển cao nhất trong thời kỳ Pháp thuộc và trước chiến tranh). Về

quốc phòng, xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại củng cố quốc phòng nhằm bảo vệ miền Bắc, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO THĂM ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG BÌNH - VĨNH LINH. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình, Vĩnh Linh đã cùng đồng bào cả nước anh dũng chiến đấu góp phần vào thắng lợi chung. Trong cải cách ruộng đất và sửa sai Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh lại có nhiều cố gắng trong việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ. Ngày 16 tháng 6 năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thăm Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình và Vĩnh Linh. Cùng đi với Người có đồng chí Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đồng chí Hoàng Văn Diệm, Chủ tịch Ủy ban hành chánh Liên khu 4. Trong buổi nói chuyện với đại biểu cán bộ cốt cán toàn tỉnh Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh, Hồ Chủ tịch đã phát biểu với tất cả tình cảm trìu mến và với những lời động viên, cổ vũ căn dặn sâu sắc. Người biểu dương: "Trong kháng chiến cán bộ trong và ngoài Đảng có tinh thần chịu đựng gian khổ, anh dũng đấu tranh để bảo vệ làng, bảo vệ dân, bảo vệ thành quả cách mạng. Đó là những ưu điểm đáng khen. Từ hòa bình lập lại, đảng viên và đoàn viên ra sức lãnh đạo nông dân sản xuất, đó là việc làm tốt. Trong lúc phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, cán bộ, đảng viên và đoàn viên đều lo lắng, đều ra sức tận tụy sửa sai, riêng thanh niên có thành tích trồng cây, khôi phục

đất hoang để tăng gia sản xuất. Đó là ưu điểm đáng khen"[1].

Đồng thời Người cũng chỉ rõ 9 khuyết điểm mà cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc sửa chữa đó là: Có óc suy bì, tỵ nạnh, kèn cựa, đòi đãi ngộ; óc công thần; tự do cá nhân, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, tự do quá trớn; không giữ đúng kỷ luật lao động, xem khinh lao động chân tay, không thấy lao động là vẻ vang; rượu chè bê bết, say sưa lu bù, nhất là Tết nhất cờ bạc, đồng bóng, hủ hóa; lãng phí của công, do đó mà hại sản xuất, phí công quỹ, hại đến Nhà nước, hại xây dựng nông nghiệp... Không thích học tập; kém đoàn kết. Trong kháng chiến tinh thần đoàn kết rất tốt, hòa bình trở lại thì kém, không coi nhau như ruột thịt, như trước.

Chiều ngày 16 tháng 6, ba vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Quảng Bình và đoàn đại biểu Dân chính Đảng đặc khu Vĩnh Linh họp mít tinh chào mừng Người tại sân vận động thị xã Đồng Hới. Tại buổi mít tinh này Người nhấn mạnh: "... Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền Bắc, tiếp giáp với miền Nam, mọi việc làm tốt hay xấu của các cô các chú ở đây đều có ảnh hưởng nhất định đến cách mạng miền Nam, đều có ý nghĩa đến việc bảo vệ miền Bắc. Nếu kẻ địch có hành động liều lĩnh gì thì Quảng Bình, Vĩnh Linh phải đương đầu với chúng trước hết và phải đảm bảo đánh thắng chúng trước hết. Các cô, các chú phải chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhất là dân quân tự vệ"... "Xưa Quảng Bình, Vĩnh Linh nghèo khổ là vì đế quốc phong kiến bóc lột, kìm kẹp, vì chiến tranh tàn phá. Ngày nay chúng ta đã có hòa bình để xây dựng chủ

---

(1) Theo tài liệu do đồng chí Quách Việt Cường cung cấp lưu tại tiểu ban Lịch sử đảng bộ Tỉnh ủy Quảng Bình.

nghĩa xã hội, nếu biết dùng đúng và dùng tốt tài nguyên và lao động của mình thì Quảng Bình, Vĩnh Linh sẽ giàu có, không những đời sống nhân dân trong tỉnh được nâng lên mà còn đóng góp một phần quan trọng cho Nhà nước". (1)

Sau cuộc mít tinh chào mừng Hồ Chủ tịch, trên 300 cán bộ cốt cán toàn tỉnh đã họp để phát động thi đua, kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, phát huy ưu điểm, ra sức thực hiện tốt các nhiệm vụ Hồ Chủ tịch đề ra cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh. Tỉnh ủy ra quyết định phát động một đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ và nhân dân để quán triệt và quyết tâm thi đua thực hiện lời huấn thị của Hồ Chủ tịch.

Tháng 7 năm 1957, Tỉnh ủy tổ chức sơ kết công tác xây dựng Đảng. Hội nghị đã nhất trí đánh giá:

Sau khi học tập nghị quyết hội nghị lần thứ 10, 11, 12 của Trung ương Đảng, cán bộ đảng viên đã nâng cao nhận thức lập trường tư tưởng, dần dần ổn định và củng cố khối đoàn kết, trên cơ sở đó đã tiến hành sửa sai, đẩy mạnh mọi mặt công tác.

Riêng 5 huyện đã có 4.871 đảng viên được đi học trong tổng số 6.383 đồng chí đạt 76,3%.

Trên cơ sở phát động tư tưởng, đã xét trả lại đảng tịch 2.768 đồng chí bị khai trừ sai, trả lại tự do và phục hồi đảng tịch cho 177 cán bộ; kiện toàn các Ban chi ủy gồm có 849 đồng chí (trong đó có 4 đồng chí nữ, 58 đồng chí theo đạo thiên chúa, 11 đồng chí miền Nam tập kết, 14 đồng chí thuộc miền núi; 151 đồng chí mới được kết nạp trong cải cách ruộng đất).

---

(1) Quảng Bình ơn Bác. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Ty Văn hóa Quảng Bình - xb 1975. Tr22.

Kiện toàn 5 ban huyện ủy với 57 huyện ủy viên (có 23 đồng chí mới được đề bạt).

Tháng 11 năm 1957, Tỉnh ủy và Đoàn ủy cải cách ruộng đất đã tổ chức tổng kết sửa sai, cải cách ruộng đất. Sau tiếp thu nghị quyết hội nghị lần thứ 10 của Trung ương, công tác sửa sai được tiến hành, theo từng bước trong toàn tỉnh, đã kết thúc thắng lợi. Trả lại thành phần cho 2.229 hộ trung nông, bần nông, công thương, phú nông... bị quy sai trong giảm tô và cải cách ruộng đất. Trong cải cách ruộng đất số địa chủ là 3.018 hộ chiếm 4,18% trong nông dân. Sau khi xem xét lại chỉ còn 639 địa chủ chiếm 1,04% trong nông dân[1]; trong cải cách địa chủ cường hào gian ác là 747, khi xem xét lại còn 95 địa chủ; địa chủ kháng chiến trong cải cách chỉ có 15 địa chủ nay xem xét lại tăng lên 77 địa chủ. Đã đền bù tài sản cho các gia đình bị tịch thu, trưng thu, trưng mua sai, đảm bảo được sinh hoạt bình thường cho nhân dân... công tác đăng ký quản lý hộ khẩu ở thị xã Đồng Hới cũng hoàn thành tốt.

Về mặt tổ chức: đã khôi phục uy tín và danh dự cho 22 chi bộ bị giải tán, 19 tổ Đảng và 4 chi bộ bị đăng ký sai, trả lại đảng tịch cho 2.906 đồng chí bị xử trí oan, trả lại tự do và phục hồi chức vụ cho một số đồng chí bị quy oan... Kết quả lớn nhất là đã giáo dục phát động tư tưởng đoàn kết trong các tầng lớp nhân dân, củng cố kiện toàn được các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh được sản xuất, tổ chức khá tốt các mặt đời sống của quần chúng...

---

(1) Trong cải cách ruộng đất, toàn tỉnh đã quy 3.018 địa chủ, khi sửa sai còn lại 639 địa chủ.

Hội nghị cũng đã quán triệt nhiệm vụ mà Tỉnh ủy đã thông qua là: "Phát huy thắng lợi tiếp tục giải quyết tồn tại của sửa sai, chuyển mạnh sang củng cố và phát triển tổ đổi công, hợp tác trong nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, phát triển kinh tế quốc doanh trong công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải... nhằm đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1957 và chuẩn bị cho việc thực hiện kế hoạch cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa 1958".

Cải cách ruộng đất và sửa chữa sai lầm cải cách ruộng đất đã hoàn thành. Mục tiêu khôi phục kinh tế, như Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng quy định, là khôi phục mức sản xuất như *năm 1939*, hàn gắn vết thương chiến tranh, giảm bớt khó khăn và nâng dần mức sống của nhân dân, chuẩn bị điều kiện cho việc cải tạo và phát triển kinh tế có kế hoạch, làm cho miền Bắc được củng cố, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Phương hướng miền Bắc là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, do đó khôi phục kinh tế cũng phải nhằm " tiến dần từng bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội".[1] Đến cuối năm 1957, nhiệm vụ khôi phục kinh tế ở Quảng Bình đã căn bản hoàn thành.

Về nông nghiệp, đã khôi phục 7.000 ha ruộng đất, giải quyết trên 60% ruộng đất hoang cho chiến tranh để lại, mặt khác đã cày hết 1 vạn ha diện tích của đồng bào thiên chúa giáo bị cưỡng ép di cư vào Nam để lại. Việc khắc phục thiên tai, chống hạn, chống úng, chống mặn, lụt bão, đói kém là một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử trong cuộc chiến

---

(1) Văn kiện Lịch sử Đảng, lưu hành trong trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương 1964 tập 9 trang 65-66.

đấu gay go trên mặt trận kinh tế, do đó đã đẩy mạnh được sản xuất nông nghiệp, tăng mức thu hoạch về lương thực đã vượt xa năm 1936, năm được mùa trước chiến tranh, xoá bỏ được nạn giáp hạt cuối năm 1956 đến năm 1957.

Năm 1957, năm cuối cùng của thời kỳ khôi phục kinh tế mặc dầu thiên tai làm cho sản xuất nông nghiệp sút kém hơn năm 1956, nhưng sản lượng hàng hóa so với năm 1936 vẫn vượt gần 4000 tấn thóc. Về diện tích gieo cấy tăng hơn năm 1936: 7.700 ha, bình quân mỗi đầu người được 300kg thóc và chất bột (năm 1936 chỉ có 250,5kg). Nông dân khắp các địa phương trong tỉnh thi đua vào tổ đổi công.

Về văn hóa giáo dục, y tế... cũng được phát triển nhanh chóng. Năm 1937, trung bình 1.000 người dân mới có 24 học sinh, hầu hết đều ở cấp học yếu lược. Toàn tỉnh chỉ có 46 trường học. Năm 1957 số học sinh phát triển gấp 7 lần với trước chiến tranh, đã thanh toán được 116.300 người thoát nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho 3 vạn người. Năm 1957 có 119 trường phổ thông. Bệnh tật luôn luôn là mối đe dọa năm 1937, trung bình 12 vạn dân mới có một thầy thuốc. Năm 1957 hàng trăm thầy thuốc các loại.(1)

CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ VĂN HÓA (1958-1960)

Sau khi căn bản hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 8 từ ngày 16 đến ngày 29 tháng 4 năm 1958 tại Hà Nội đã thông qua Nghị quyết quan trọng: Xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu

---

(1) Chi cục Thống kê Quảng Bình: Số liệu thống kê - QB 1962 trang 4, 5, 6, 161.

tranh thống nhất nước nhà dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam. Nghị quyết chỉ rõ: "Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích căn bản và lâu dài của các tầng lớp nhân dân, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đấu tranh thống nhất Tổ quốc".(1)

Trung tuần tháng 11 năm 1958, Hội nghị lần thứ 14 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá II) ra Nghị quyết về nhiệm vụ và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 3 năm (1958-1960) ở miền Bắc. Nội dung chủ yếu gồm:

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp làm khâu chính, chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời rất chú trọng sản xuất công nghiệp.

- Ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, khâu chính là đẩy mạnh hợp tác hóa nông nghiệp.

- Trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Như vậy, nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong 3 năm 1958-1960 đã được Trung ương chỉ rõ: Tập trung hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với vùng nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Trung ương Đảng đã đề ra, ngày 10 tháng 2 năm 1958, Tỉnh ủy mở đợt giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn thể cán bộ,

---

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975) NXB Thông tin Lý luận, Hà Nội 1982. Trang 78.

đảng viên và củng cố tổ chức Đảng trong toàn tỉnh nhất là Chi bộ và Đảng bộ cơ sở để xây dựng quan điểm mới đáp ứng trước tình hình nhiệm vụ mới trong giai đoạn tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với yêu cầu là:

- Tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ
- Nâng cao ý chí chiến đấu, ý thức trách nhiệm.
- Nâng cao lập trường giai cấp, quan điểm quần chúng
- Chấp hành đúng nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Ngoài yêu cầu trên, đối với những đảng viên thuộc vùng thiên chúa giáo và miền núi, Tỉnh ủy còn mở lớp bồi dưỡng riêng về chính sách tự do tín ngưỡng, đoàn kết dân tộc, về xây dựng Đảng và công tác quần chúng.

Đợt học tập này tiến hành suốt trong tháng 3, 4 và kết thúc vào cuối tháng 5 năm 1958. Trên 85% đảng viên tham gia học tập. Trên cơ sở nâng nhận thức, tư tưởng đã giải quyết một bước củng cố về tổ chức. Khai trừ 66 đảng viên (gồm 11 người thuộc thành phần địa chủ, 10 thuộc phú nông, 15 con địa chủ, 7 con phú nông và một số nữa thuộc các thành phần khác).

Thành lập thêm 67 chi bộ gồm các đồng chí miền Nam ra tập kết, lập các tập đoàn sản xuất tại Quảng Bình.

Yêu cầu về giáo dục chỉnh huấn trong cán bộ phải là:

- Mỗi cán bộ phải nhận rõ thời cuộc, chuyển biến của cách mạng, thấy rõ thuận lợi, khó khăn, đánh giá đúng thành công, khuyết điểm và nguyên nhân để xác định lập trường, lòng tin vào sự nghiệp cách mạng, nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm.

- Nhận rõ con đường đấu tranh cách mạng của Đảng là tất thắng nhưng gian lao, lâu dài, luôn luôn đặt lợi ích của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân, gia đình mà phấn đấu.

- Ra sức học tập đường lối chính sách của Đảng hiểu rõ nội dung đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, trên cơ sở phê bình và tự phê bình và trên cơ sở bảo vệ nguyên tắc dân chủ tập trung, tổ chức tính và kỷ luật tính trong Đảng.

- Nêu cao tinh thần tự giác học tập, gương mẫu học tập và tổ chức cho quần chúng học về lý luận Mác - Lênin, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và thời sự.

- Ra sức sửa đổi lề lối làm việc, chống bệnh quan liêu, chỉnh đốn lại bộ máy làm việc.

Cũng trong đợt này đã thực hiện chủ trương "Chấn chỉnh tổ chức, giảm nhẹ biên chế, chuyển người về sản xuất". Qua đợt học tập đã có 144 cán bộ ở tỉnh và huyện trong biên chế tự nguyện xin về công tác và sản xuất ở địa phương.

Ngày 21 tháng 2 năm 1958, Tỉnh ủy họp đánh giá tình hình và bàn nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm 1958.

Căn cứ đặc điểm của địa phương và nhiệm vụ 6 tháng đầu năm của Liên khu ủy IV, Tỉnh ủy đã đề ra nhiệm vụ là:

1. Phấn đấu thực hiện kế hoạch nhà nước 1958 (quý I và II) chủ yếu là vận động sản xuất vụ chiêm, thu nộp lương thực, vận động diệt dốt trong toàn tỉnh, đồng thời chuẩn bị điều kiện để xây dựng kế hoạch 3 năm.

2. Hoàn thành tốt công tác sửa sai.

3. Củng cố trật tự trị an, tăng cường bảo vệ bờ biển, biên giới chống mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của bọn gián điệp biệt kích và bọn phản động trong thiên chúa giáo.

4. Củng cố khối đoàn kết ở nông thôn, củng cố các tổ chức quần chúng, bước đầu giáo dục quần chúng về ý thức xã hội chủ nghĩa, đưa dần nông dân lao động và thợ thủ công vào con đường làm ăn tập thể; xúc tiến công tác đấu tranh cho quan hệ bình thường giữa hai miền Nam, Bắc.

5. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, chủ yếu là nâng cao một bước chất lượng của Chi bộ nông thôn, kiện toàn sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy, chuẩn bị cho Đại hội Đảng các cấp.

Trong năm nhiệm vụ trên, công tác kinh tế tài chính là công tác quan trọng bậc nhất - công tác trung tâm số một; công tác xây dựng cơ sở Đảng và công tác xây dựng cơ sở quần chúng là công tác mấu chốt.

Để đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất Đông - Xuân trong nông nghiệp, ngày 30 tháng 4 năm 1958 Tỉnh ủy đã mở Đại hội đại biểu nhân dân từ xã lên tỉnh để phổ biến nghị quyết Tỉnh ủy về thi đua sản xuất và xây dựng phong trào đổi công, hợp tác xã nông nghiệp. Đại hội các cấp đã thảo luận sôi nổi mục tiêu thi đua, nêu điển hình để học tập.

Đại hội đại biểu nhân dân ở tỉnh đã đánh giá:

"Phong trào sản xuất chuyển mạnh, nhất là tăng vụ khai hoang và công tác thủy lợi". Tỉnh đã huy động một lực lượng lớn trên 1.600 người để đắp đập Cự Nẫm, kịp thời phục vụ sản xuất vụ Đông - Xuân. Và cũng đã tập trung toàn lực để hoàn thành các đập Tân Lý, Đồng Cao, Võ Ninh, Quảng Phúc.

Về phong trào tổ đổi công, từ 155 tổ cuối năm 1957, qua năm 1958 đã lên 2.202 tổ và 109 tập đoàn sản xuất, thu hút 44,7% hộ nông dân vào làm ăn tập thể với chất lượng ngày càng cao.

Hợp tác xã mua bán, vay mượn cũng được xây dựng nhiều nơi, tiến bộ nhất là Võ Ninh (Quảng Ninh), Hoàn Trạch (Bố Trạch).

Đại hội đã đề ra nhiệm vụ: Đẩy mạnh khai hoang, tăng vụ làm vượt diện tích, năng suất sản lượng với khẩu hiệu: "Thi đua phá kỷ lục về sản xuất".

- Đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi.

- Đẩy mạnh phát triển và củng cố phong trào đổi công, tập đoàn sản xuất trong nông nghiệp và nghề cá biển, chuẩn bị cho việc xây dựng hợp tác xã thí điểm về nghề nông và nghề cá của tỉnh.

Trong lúc phong trào thi đua sản xuất và xây dựng tổ đổi công đang trên đà phát triển, một số phần tử thù địch của cách mạng trỗi dậy mưu toan phá hoại, đã bị quần và dân ta tóm gọn và đưa ra ánh sáng[1]. Tháng 6 năm 1958, phiên tòa xét xử bọn "Việt Hưng phục quốc đảng" được tổ chức xét xử công khai tại thị trấn Ba Đồn (Quảng Trạch).

---

(1) Sau khi giặc Pháp rút khỏi Quảng Bình (1954) một số phần tử phản động được chúng cài lại để tiếp tục hoạt động phá hoại. Trong giảm tô, cải cách ruộng đất và sửa sai bọn địa chủ cường hào gian ác đã liên hệ cấu kết với bọn này, nhất là bọn phản động đội lốt tôn giáo đã tổ chức ra nhóm phản động lấy tên là "Việt Hưng phục quốc Đảng" gọi tắt là Việt Hưng. Tổ chức này được thành lập năm 1955, phát triển cơ sở ra nhiều thôn xã ở Quảng Trạch và Tuyên Hóa. Chúng đã ráo riết hoạt động chống phá phong trào giảm tô, cải cách ruộng đất. Tháng 9 năm 1957, nhân sửa sai, chúng lại càng tích cực hoạt động hơn nên đã bị phát hiện và bị bắt.

Trước những bằng chứng và những lý lẽ sắc bén của phiên tòa, bọn chúng đã cúi đầu nhận tội, vụ án này đã phơi bày âm mưu đen tối đầy tội ác của thực dân Pháp, xâm lược Mỹ và bọn tay sai đối với việc phá hoại miền Bắc, nhắc nhủ mọi người phải tiếp tục nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu và hành động của kẻ thù.

Sau khi thu hoạch vụ chiêm và bước vào làm vụ mùa, Trung ương Đảng và Thường vụ Liên khu Khu ủy IV đã chủ trương phát động "Chiến dịch sản xuất vụ mùa thắng lợi". Ngày 17 và ngày 18 tháng 7 năm 1958, Tỉnh ủy họp nghiên cứu tiếp thu chủ trương của Thường vụ Liên khu ủy IV và sau đó mở hội nghị cán bộ toàn tỉnh để phát động phong trào.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các huyện, thị ủy đã tổ chức hội nghị để quán triệt nghị quyết hội nghị ngày 18 tháng 7 đồng thời tổ chức mít tinh để hưởng ứng "Chiến dịch sản xuất vụ mùa thắng lợi". Tỉnh ủy đã huy động trên 200 cán bộ về giúp các huyện chỉ đạo chiến dịch. Các đồng chí Tỉnh ủy viên được điều về chỉ đạo các vùng trọng điểm. Trên cơ sở chuẩn bị kỹ về mặt tư tưởng, tinh thần và về tổ chức cũng như kế hoạch, sáng ngày 20 tháng 7 (ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ) mọi người, mọi tầng lớp nhân dân đã rầm rộ tiến ra đồng ruộng, lên rừng, ra biển và cả trong xí nghiệp, công trường... theo vị trí, chức trách và nhiệm vụ của mình, mở đầu cho "Chiến dịch sản xuất vụ mùa thắng lợi". Trong mặt trận sản xuất nông nghiệp đã phấn đấu với tinh thần "Còn đất còn cày, còn mạ còn cấy", "Biến ruộng hoang thành đồng lúa, biến nương đất thành hoa màu tốt tươi".

Kết thúc chiến dịch, về diện tích vụ mùa đã tăng so với kế hoạch 1.007 ha và vượt cả kế hoạch năm 1958 là 625

ha. Riêng Lệ Thủy đã làm vượt kế hoạch 445 ha, trong đó có 200 ha bù cho các nơi khác bị hụt (do Tỉnh ủy giao).

Với khẩu hiệu "Quý phân như vàng", "sạch làng tốt ruộng", "đi tay không về tay có", "vắt đất lấy nước, thay trời làm mưa".v.v... Phong trào cải tiến kỹ thuật tăng năng suất cây trồng, phong trào làm phân bón, làm thủy lợi được chuyển biến mạnh mẽ, rộng khắp, liên tục và có tổ chức thanh niên tích cực làm nòng cốt. Nên năng suất lúa đạt 17,5 tạ/ha (chỉ tiêu đề ra 16,5 tạ/ha).

Để rút kinh nghiệm cho việc triển khai cuộc vận động xây dựng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và nghề cá biển, sau một thời gian nghiên cứu, chuẩn bị, tháng 7 năm 1958, Tỉnh ủy đã ra quyết định lập hợp tác thí điểm về nghề ruộng và nghề cá ở xã Lộc Ninh, huyện Quảng Ninh, nơi có phong trào đổi công và tập đoàn sản xuất khá mạnh.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, ngày 26 tháng 7 năm 1958 Đại hội xã viên thành lập hợp tác xã nghề cá biển đầu tiên ở Phú Hội (xã Lộc Ninh) được triệu tập. Đại hội đã chọn 21 hộ ngư dân với 118 nhân khẩu tiêu biểu làm xã viên hợp tác xã. Họ đã phấn khởi đóng góp cổ phần, thuyền lưới vào hợp tác xã và hăng hái bàn kế hoạch kinh doanh sản xuất; Đại hội đã bầu Ban quản trị hợp tác xã. Tiếp đến ngày 5 tháng 8 năm 1958, theo nghị quyết của Tỉnh ủy một hợp tác xã của sản xuất nông nghiệp được thành lập ở Tây Xá, xã Lộc Ninh.

Hai hợp tác xã thí điểm về nghề cá và nghề ruộng được xây dựng với cách làm ăn mới, quản lý mới, mở ra bước chuyển biến mới trong phong trào tập thể hóa nông nghiệp toàn tỉnh.

Tháng 9 năm 1958, Đại hội đại biểu các huyện, thị xã và các Đảng bộ tương đương trực thuộc tỉnh đã được tổ chức để đánh giá phong trào của địa phương và đề ra nhiệm vụ, kiện toàn các cấp ủy Đảng.

Thực hiện nghị quyết về công tác xây dựng Đảng đầu năm 1958, các huyện, thị ủy và Đảng bộ tương đương đã tiến hành Đại hội đại biểu để đánh giá tình hình sau sửa sai và phong trào thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển sản xuất đến năm 1958. Đề ra nhiệm vụ năm 1959, nhất là thực hiện vụ mùa thắng lợi và vụ Đông - Xuân 1958-1959. Bầu ra Ban chấp hành mới.

Các Đại hội đều được chuẩn bị chu đáo và được Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ vì đây là Đại hội đầu tiên kể từ Đại hội năm 1956 và sau những diến biến phức tạp của cải cách ruộng đất, sửa sai.

Nhờ chuẩn bị tốt về mặt nâng cao một bước đường lối quan điểm của Đảng; nhờ phát huy truyền thống đoàn kết đấu tranh anh dũng, tinh thần thương yêu đồng chí, vì Đảng, vì dân nên các Đại hội đã đạt kết quả tốt và có tác dụng thúc đẩy phong trào.

Thi hành chỉ thị của Trung ương Đảng và phát động vụ chiêm 1959 vượt bậc, sau Đại hội Đảng bộ các huyện, thị xã, Tỉnh ủy đã mở Đại hội đại biểu nhân dân thảo luận nhiệm vụ sản xuất 1959. Năm bản lề của kế hoạch 3 năm, thảo luận những mục tiêu biện pháp của vụ Đông - Xuân 1958-1959.

Đại hội Đại biểu nhân dân toàn tỉnh phát động "Vụ chiêm vượt bậc" đã họp từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 9 năm 1958. Dự đại hội có các đại biểu Đảng, chính quyền, quân, dân toàn tỉnh từ tổ đổi công, hợp tác xã tham dự.

Đại hội vinh dự đón phái đoàn Quốc hội, do cụ Tôn Đức Thắng Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào dự. Cụ Tôn Đức Thắng phát biểu chỉ đạo Đại hội và động viên Đảng bộ, nhân dân Quảng Bình phấn đấu giành thắng lợi "vụ chiêm vượt bậc".

Kết thúc Đại hội, Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh đã phát động phong trào thi đua "Cắm cờ hồng, thực hiện 3 tốt (sản xuất Đông Xuân tốt, thủy lợi tốt, đổi công hợp tác xã tốt), để giành vụ chiêm vượt bậc".

Sau khi xây dựng thí điểm xong hai hợp tác xã nông nghiệp và ngư nghiệp ở xã Lộc Ninh, tháng 10 năm 1958 Tỉnh ủy đã mở hội nghị tổng kết và đánh giá lại phong trào đổi công, tập đoàn sản xuất. Trên cơ sở kinh nghiệm của Lộc Ninh và phong trào đổi công toàn tỉnh, Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương mở rộng thí điểm ra các huyện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định cho Ty Nông nghiệp mở một lớp huấn luyện cán bộ để chuẩn bị cho việc lập hợp tác xã gồm 220 người của các xã, tổ đổi công trong toàn tỉnh về dự (riêng Quảng Trạch còn mở thêm một lớp gồm 227 người cũng thành phần như trên).

Sau khi nghe báo cáo kinh nghiệm của hợp tác xã Lộc Ninh, các đại biểu đã nhất trí về tiêu chuẩn và điều kiện xây dựng một hợp tác xã phải: "Có một tổ đổi công thường xuyên làm nòng cốt, có cốt cán lãnh đạo do quần chúng yêu cầu". Từ đó đối chiếu với đặc điểm và tình hình của địa phương mà đề nghị lập hợp tác xã. Sau lớp học đã có 14 hợp tác xã được Ủy ban tỉnh xét duyệt vận động, tổ chức thành lập hợp tác xã. Do ảnh hưởng của hợp tác xã Tây Xá, nhất

là do yêu cầu phát triển sản xuất, nhiều nơi khác cũng đề nghị xin lập hợp tác xã ngay trong vụ Đông - Xuân 1958-1959.

Năm 1958 toàn tỉnh có 47 hợp tác xã nông nghiệp và 15 hợp tác xã nghề cá, bao gồm 7.452 hộ, chiếm 12,86% so với hộ nông dân toàn tỉnh. Ngoài ra có 33.618 hộ vào tổ đổi công đạt tỷ lệ 58,37%.

Sau khi Quảng Bình hoàn toàn giải phóng, việc thanh toán nạn mù chữ trong toàn tỉnh đã được nêu lên thành một trong những nhiệm vụ trọng yếu, song vì phải tập trung nhiều việc lớn, nên công tác bình dân học vụ đạt kết quả yếu. Tháng 2 năm 1958, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết đặt vấn đề tích cực về việc thanh toán nạn mù chữ. Thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, các đoàn thể quần chúng đã vận động hội viên, đoàn viên ra sức học tập để thanh toán nạn mù chữ. Ủy ban hành chính tỉnh tập trung một số cán bộ và giáo viên giúp các vùng có phong trào học bình dân học vụ còn yếu, nên đến cuối tháng 12 năm 1958 số đối tượng trong diện thanh toán nạn mù chữ được giải quyết. Qua tổng kiểm tra và kiểm tra điển hình, toàn tỉnh đã đạt từ 80-95%. Đặc biệt các huyện Quảng Trạch đạt 90%, thị xã 95% và Quảng Ninh 95,4%. Toàn tỉnh đối tượng phải thanh toán nạn mù chữ đạt 92%.

- Tháng 12 năm 1958, Quảng Bình đã được Chính phủ công nhận là tỉnh thanh toán nạn mù chữ.

Phát huy thắng lợi vừa giành được, Tỉnh ủy đã có kế hoạch chuyển trọng tâm học bình dân học vụ sang công tác học bổ túc văn hóa nhằm nâng cao dần từng bước trình độ văn hóa của nhân dân.

Để kiểm điểm tình hình năm 1958, quyết định phương hướng nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa 3 năm (1958-1960), bầu lại Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. ***Từ ngày 15 đến ngày 21 tháng 01 năm 1959, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh được triệu tập*** (có quyền hạn như một Đại hội đại biểu) có 120 đại biểu do Tỉnh ủy chỉ định. Những đại biểu này chủ yếu các đồng chí Tỉnh ủy viên đương chức, các đồng chí huyện ủy, thị ủy và các cấp ủy viên của Chi bộ Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Hội nghị.

Hội nghị đã đánh giá tình hình năm 1958, đồng thời nêu bật những nguyên nhân thắng lợi trong việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước.

Hội nghị đã quyết định phương hướng nhiệm vụ 1959-1960, tập trung đẩy mạnh sản xuất, giải quyết kỳ được tự túc lương thực, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, nghề cá, nghề rừng, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, ra sức xây dựng Đảng, chính quyền và phong trào quần chúng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Hội nghị cũng đã đề ra nhiệm vụ cụ thể là:

1. Ra sức cải tạo và phát triển kinh tế, lấy cải tạo và phát triển nông nghiệp làm trọng tâm; phát triển văn hóa, nâng cao một bước đời sống nhân dân, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước 3 năm (1959-1960) trước thời hạn.

2. Tăng cường khối đoàn kết toàn dân, trên cơ sở củng cố khối công nông liên minh vững chắc, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường lực lượng trị an quốc

phòng, xây dựng lực lượng hậu bị hùng mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hành động phá hoại của địch.

3. Ra sức xây dựng Đảng, tăng cường hơn nữa quan hệ giữa Đảng và quần chúng.

4. Đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ - Diệm, lập quan hệ bình thường giữa hai miền, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Hội nghị đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 19 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Tư Thoan được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy(1).

Vụ Đông - Xuân năm 1958 mở đầu cho kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa đã giành được thắng lợi rực rỡ. Nhân dân Quảng Bình đã nỗ lực phấn đấu vượt nhiều chỉ tiêu của Trung ương giao, nhất là về lương thực. Lúa chiêm vượt kế hoạch 5,6% về diện tích, 10% về năng suất, 6% về tổng sản lượng. (So với năm 1956 là năm được mùa). Trung ương giao chỉ tiêu khai hoang là 500 ha, nhân dân Quảng Bình nỗ lực phấn đấu đạt được 1.013 ha, vượt 100,6%. Tỉnh ta vinh dự được Chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3. Đây là tấm Huân chương đầu tiên mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình được Nhà nước khen thưởng trên mặt trận sản xuất nông nghiệp. Ngày 15 tháng 01 năm 1959 Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình tổ chức trọng thể lễ đón nhận Huân chương cao quý do Nhà nước phong tặng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3 năm 1957) xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu, củng cố ba thứ quân, thực hiện chế

---

(1) Nghị quyết phân công Tỉnh ủy mới số 18 NQ/QB ngày 21 tháng 01 năm 1959.

độ nghĩa vụ quân sự, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh ngày 15 tháng 01 năm 1959 đã chỉ rõ "Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường lực lượng quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị hùng mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hành động phá hoại của địch, kết hợp chặt chẽ yêu cầu quốc phòng với kinh tế". Tiếp đó, ngày 24 tháng 01, Tỉnh ủy lại ra Nghị quyết về công tác lãnh đạo thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự. Các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập mục đích, ý nghĩa thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự trong toàn tỉnh. Trong đợt học tập này, Đoàn thanh niên lao động là lực lượng tham gia đông đảo nhất và 100% thanh niên sau khi học tập đã tự nguyện đăng ký khám tuyển làm nghĩa vụ quân sự. Hai trăm thanh niên đã hăng hái lên đường nhập ngũ, đạt 100% yêu cầu chỉ tiêu và chất lượng trên giao. Đây là đợt đầu tiên chuyển từ chế độ tình nguyện tòng quân sang chế độ nghĩa vụ quân sự. Điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ đất nước, ý thức quốc phòng toàn dân.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng về đường lối cách mạng Miền Nam "là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân"[(1)] và Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu 4: "Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường công tác phòng thủ về mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu", quý 1 năm 1959, Ban Chỉ huy tỉnh đội Quảng Bình tổ chức diễn tập "chiến đấu bảo vệ làng" và đã chọn xã Duy Ninh (Quảng Ninh) làm địa bàn của đợt diễn tập thực binh. Tỉnh ủy giao

---

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 01/1959. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 1995. Trang 102.

trách nhiệm cho đồng chí Trần Sự ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng trực tiếp chỉ huy diễn tập dưới sự chỉ đạo của các phái viên quân sự quân khu 4. Mục đích của đợt diễn tập nhằm nâng cao cảnh giác, sẵn sàng cơ động đối phó khi đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm liều lĩnh xâm phạm miền Bác xã hội chủ nghĩa. Qua diễn tập không những nâng cao một bước trình độ chỉ huy, chiến thuật tiểu đội tiến công, phòng ngự, tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ làng mà còn khơi dậy truyền thống toàn dân đánh giặc của quân và dân ta. Cũng trong thời gian này, một bộ phận của Sư đoàn 325 - Quân chủ lực bộ đứng chân trên đất Bình Trị Thiên thời kháng chiến chống thực dân Pháp chuyển ngành xây dựng nông trường Phú Quý (Việt Trung) đã góp phần quan trọng trong việc kết hợp xây dựng kinh tế với quốc phòng, đặc biệt là đã hình thành tuyến hậu phương chiến lược trong chiến tranh[1].

Cùng với huấn luyện quân sự, công tác giáo dục chính trị cho lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ cũng được coi trọng. Qua các đợt chỉnh quân về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà, đường lối quân sự của Đảng, quan điểm chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân làm cho cán bộ, chiến sĩ nâng cao ý chí quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước.

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ phòng thủ đất nước, giữ vững an ninh biên giới và hải đảo, ngày 3 tháng 3 năm 1959, Thủ

---

(1) Nông trường Việt - Trung có thể sửa chữa lớn 1.000 ô tô trong một năm, có sức chứa hai sư đoàn bộ binh. Đường 15 đi qua nông trường vùng có nhiều kho tàng ở miền Tây Bắc Quảng Bình.

tướng Chính phủ ra Nghị định số 100/TTg thành lập lực lượng Công an nhân dân vũ trang, "thống nhất các đơn vị bộ đội biên phòng đang làm công tác bảo vệ nội địa, bảo vệ biên giới, giới tuyến và các đơn vị công an biên phòng, cảnh sát vũ trang thành một lực lượng vũ trang chuyên trách công tác biên phòng và bảo vệ nội địa, lấy tên là công an nhân dân vũ trang". Tỉnh ủy quyết định lực lượng công an nhân dân vũ trang gồm các đồn biên phòng tuyến núi, tuyến biển, tiểu đoàn 929 và tiểu đoàn 501 do đồng chí Trần Kim Giá chỉ huy. Để đáp ứng yêu cầu cơ động, nắm vững địa bàn chiến đấu, bảo vệ các đồn đều được bổ sung quân số từ 5-7 chiến sĩ tăng lên 20-25 chiến sĩ. Tiểu đoàn 929 và 501 có nhiệm vụ bảo vệ thị xã Đồng Hới và cơ động trên các vùng xung yếu trong toàn tỉnh. Lực lượng công an nhân dân vũ trang Quảng Bình ra đời góp phần tăng thêm sức mạnh của lực lượng vũ trang địa phương trong giai đoạn cách mạng mới.

Vận dụng quy luật phát triển kinh tế và chuẩn bị cho bước phát triển mới của nền kinh tế quốc dân, Trung ương Đảng và Chính phủ chủ trương thay đổi đơn vị tiền tệ bằng thu hồi đơn vị tiền tệ cũ, phát hành đơn vị tiền tệ mới với giá trị một đồng ngân hàng mới bằng 1.000 đồng ngân hàng cũ. Việc chuẩn bị được làm bí mật trong một số cán bộ được giao trách nhiệm. Ngày 20 tháng 2 năm 1959, lệnh thay đổi đơn vị tiền tệ cũ công bố trong toàn quốc, được quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng. Toàn tỉnh chia thành 43 cụm với 398 bàn, gồm 2.752 cán bộ công tác dưới sự chỉ đạo của các đồng chí Tỉnh ủy viên và huyện ủy viên. Lệnh cấm lưu hành tiền cũ được ban hành lúc 18 giờ ngày 28 tháng 2 tại thị xã Đồng Hới và 12 giờ ngày 01 tháng 3 năm

1959 tại các vùng nông thôn. Việc thu đổi trong toàn tỉnh thực tế đến 12 giờ ngày 01 tháng 3 cơ bản hoàn thành. Kết quả thu hồi được 4.181.651,96 đồng. Việc thu đổi tiến hành bí mật tuyệt đối trong khâu chuẩn bị, thu đổi nhanh gọn, không sai sót. Đây là một thắng lợi lớn.

Do yêu cầu sản xuất "Vụ chiêm vượt bậc", đặc biệt là phong trào đổi công, hợp tác xã đã phát triển mạnh mẽ và rộng rãi cuối năm 1958 đầu 1959 đòi hỏi phải củng cố, nâng cao chất lượng và phát triển thêm nhiều hợp tác xã mới. Ngày 20 tháng 3 năm 1959, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị học tập Nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đại biểu nhân dân toàn tỉnh họp ngày 20 tháng 9 năm 1958 nhằm bồi dưỡng cho cán bộ về yêu cầu nội dung củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông thôn và nông nghiệp. Trên 700 cán bộ (phần lớn là các ngành cấp tỉnh) được bồi dưỡng, tổ chức thành đội "Cờ hồng" về giúp các huyện, thị xã xây dựng và củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các hợp tác tín dụng, mua bán. Trong đợt vận động này, Tỉnh ủy còn phát động thi đua: "Nhổ cờ trắng, cắm cờ hồng", đẩy mạnh 3 tốt (sản xuất tốt, thủy lợi tốt, hợp tác xã tốt). Nông dân và xã viên hợp tác xã nông nghiệp đã tích cực hưởng ứng đẩy mạnh sản xuất và tích cực tham gia xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã. Kết quả sản xuất vụ chiêm năm 1958 vượt kế hoạch gần 100 ha, 81% hộ nông dân vào tổ đổi công, 15% hộ vào hợp tác xã. Năm 1959 có 95% hộ nông dân vào làm ăn tập thể trong đó có 66,47% vào hợp tác xã bậc thấp và 19,7% bậc cao.

Toàn tỉnh có 80 đơn vị xã và hợp tác xã đạt danh hiệu "cờ hồng" (đạt ba tốt). Trong bước ngoặt chuyển giai đoạn, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,

cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đã đặt ra một cách gay go, quyết liệt đòi hỏi Đảng ta phải giải quyết. Trong đợt này Tỉnh ủy chủ trương các cấp ủy Đảng phát động nông dân tranh luận "Hai con đường", làm cho họ tin tưởng vào con đường làm ăn tập thể sẽ đưa nông dân đi đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Tháng 6 năm 1959. Tỉnh ủy đã tiến hành đợt sơ kết đánh giá phong trào và rút bài học kinh nghiệm, xây dựng củng cố tổ đổi công, hợp tác xã, nhằm bồi dưỡng cán bộ và tiếp tục củng cố, phát triển phong trào tiến lên một bước mới.

Căn cứ vào tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 16 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, nghị quyết của hội nghị đại biểu Đảng bộ tháng 01 năm 1959. "Phương châm tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên" của Trung ương Đảng, và căn cứ vào tình hình mới của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, ở các địa phương trong tỉnh, Tỉnh ủy đã đề ra phương hướng nhiệm vụ củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp là: "một mặt phải ra sức củng cố phong trào đổi công, hợp tác xã, đi vào bề sâu, ra sức bồi dưỡng cốt cán, nâng cao trình độ quản lý lao động, quản lý sản xuất tốt hơn, chắc hơn, nhưng mặt khác phải đào tạo cán bộ kịp thời, phát triển tổ chức vững mạnh để đến cuối năm 1960 có thể căn bản hoàn thành hợp tác xã bậc thấp, trong đó có một số hợp tác xã lên bậc cao, kể cả nghề cá, chăn nuôi và nghề rừng".

Tỉnh ủy rút một số cán bộ trong số 700 cán bộ đội "Cờ hồng" tiếp tục đi củng cố phong trào, nhất là vùng có đồng bào theo đạo thiên chúa và vùng mới giải phóng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, phong trào cách mạng miền Nam có những bước tiến mới, "Đường dây Thống nhất" của Trung ương đi qua Trị Thiên vào đến khu 5... dựa vào cơ sở quần chúng, bí mật đi trong dân, đưa đón cán bộ, chuyển công văn, tài liệu trước yêu cầu khẩn thiết của sự chuyển hướng phong trào đấu tranh không đáp ứng được nhu cầu của cách mạng miền Nam nữa. Ngày 6 tháng 5 năm 1959. Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng tổ chức hội nghị liên tịch tại Quân khu 4 để bàn việc mở đường tiếp tế cho đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Đồng chí Nguyễn Vịnh, ủy viên Trung ương Đảng, ủy viên Quân ủy Trung ương, Trưởng ban thống nhất Trung ương chủ trì hội nghị. Quảng Bình có đồng chí Võ Văn Ấp, Trưởng ty Giao thông - Bưu điện tham dự.

Thực hiện chủ trương của hội nghị liên tịch Quân khu 4, ngày 19 tháng 5 năm 1959, trên tuyến đường từ ngã tư Thạch Bàn đến Khe Hó đã có trên 1.000 người gồm dân công Quảng Bình và bộ đội sư đoàn 325 tập trung khởi công xây dựng. Sau một tháng khẩn trương đục đá bạt núi, xuyên rừng con đường đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Những chuyến hàng đầu tiên đã được bàn giao cho bộ phận tiền phương của phân khu Trị Thiên tại Bãi Hà (miền Tây khu vực Vĩnh Linh).[1]

Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, trong năm 1959 phải đưa vào miền Nam được 500 cán bộ quân sự, lực lượng khung cho các đơn vị chiến đấu (từ cấp trung tá trở xuống),

---

(1) Biên niên lịch sử Hậu cần quân đội nhân dân Việt Nam. NXB QĐND Hà Nội 1992. Trang 88.

từng người đều mang theo trang bị vũ khí đầy đủ; đồng thời chuyển vào 7.000 khẩu súng bộ binh, có cả trung liên để tổ chức 700 trung đội trước mắt là tự vệ, đồng thời để chuẩn bị cho lực lượng vũ trang sau này.(1) Vùng rừng núi Khe Hó (Tây Vĩnh Linh) và vùng Thác Cóc, Bang (Tây Quảng Bình) được chọn làm căn cứ xuất phát của con đường đặc biệt vào Nam. Tại vùng Bang được xây dựng một nông trường chăn nuôi để ngụy trang đánh lạc hướng địch và làm nơi dự bị cho Khe Hó. Tiểu đoàn 301 từ Phú Thọ hành quân vào Quảng Bình đi thẳng vào Khe Hó làm nhiệm vụ mở đường vận tải giao liên.

Theo kế hoạch, đoạn đường từ Thạch Bàn vào Bang do 3.000 dân công Quảng Bình phụ trách; từ Bang vào Vít Thù Lù qua làng Hó lên đỉnh 1001 do Trung đoàn 101 (Sư đoàn 325) đảm nhiệm. Với tinh thần lao động sáng tạo tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì Trị Thiên vì miền Nam ruột thịt, sau 3 tháng thi công đoạn đường đã hoàn thành tạo tiền đề tuyến đường giao thông chiến lược. Đường Hồ Chí Minh sau này.

Tiểu đoàn 603 mang mật danh "Tập đoàn đánh cá sông Gianh" đóng quân ở cửa sông Gianh, chuẩn bị mở đường vận tải vào Nam trên biển.(2)

Để hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng, đặc biệt để tỏ lòng quyết tâm sắt đá ủng hộ đồng bào Trị - Thiên - Huế ruột thịt đấu tranh chống Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, ngày 20 tháng 7 năm 1959, Tỉnh

---

(1) Đường Hồ Chí Minh (Hồi ký của Thiếu tướng Võ Bẩm) NXB Tác phẩm mới - Hội Nhà văn Việt Nam - 1982. Trang 12.
(2) Lịch sử Vận tải QĐND Việt Nam, NXB QĐND - Hà Nội 1992. Trang 158.

ủy đã quyết định chủ trương vận động nhân dân trong tỉnh bằng mọi hành động ủng hộ đồng bào Trị - Thiên - Huế đang đấu tranh chống Mỹ- Diệm. Ban chấp hành nông hội Quảng Bình đã phát động nông dân toàn tỉnh đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm ủng hộ nông dân Trị - Thiên - Huế và gửi thư cho nông dân Trị - Thiên qua Đài Tiếng nói Việt Nam. Cuộc vận động được nhân dân trong tỉnh hưởng ứng bằng nhiều hình thức phong phú: Viết thư, gửi bưu thiếp thăm hỏi, dùng thơ ca, hò, vè, động viên cổ vũ phong trào đấu tranh; lao động và tiết kiệm để ủng hộ xây dựng "vườn dừa Trị - Thiên", thư viện Trị - Thiên. Đồng thời nông dân trong toàn tỉnh đã tiết kiệm được trên 900 tấn gạo gửi và giúp nông dân hai tỉnh Trị - Thiên nhằm giải quyết khó khăn do thiên tai và do Mỹ - Diệm đánh phá cướp bóc gây nên.

Song song với việc đấu tranh thống nhất đất nước, Tỉnh ủy mở đợt chỉnh huấn học tập nghị quyết hội nghị lần thứ 16 Ban chấp hành Trung ương Đảng để nâng cao hơn nữa quan điểm cải tạo và xây dựng đối với hợp tác xã nông nghiệp, nhất là phải hoàn thành kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa theo đúng kế hoạch 3 năm của Nhà nước (1958-1960).

Tháng 9 năm 1959, Tỉnh ủy đã mở lớp chỉnh huấn cho các đồng chí cấp ủy và cán bộ cốt cán của tỉnh về cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với nông nghiệp, đồng thời Tỉnh ủy đã có kế hoạch triển khai việc chỉnh huấn xuống tận Chi bộ và Đảng bộ cơ sở, 80% đảng viên ở các Chi bộ, Đảng bộ nông thôn và 90% đảng viên cơ quan xí nghiệp đã được chỉnh huấn.

Đi đôi với giáo dục tư tưởng, Tỉnh ủy đã điều chỉnh và tăng cường một số cán bộ từ tỉnh, huyện xuống cơ sở, để

giúp các địa phương tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp.

Những băn khoăn thắc mắc về phong trào xây dựng hợp tác xã được giải đáp. Các quan điểm mới về cải tạo và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, về đường lối giai cấp của Đảng trong cuộc vận động hợp tác xã nông nghiệp được bồi dưỡng. Mọi người đã thấy được hợp tác hóa nông nghiệp thắng lợi sẽ cổ vũ nông dân hăng hái xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng. Hợp tác hóa nông nghiệp thắng lợi sẽ thực hiện được đời sống mới ở nông thôn và cổ vũ nông dân miền Nam đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Đẩy mạnh thống nhất nước nhà. Và chỉ có hợp tác xã mới nâng cao được đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân...

Tháng 10 năm 1959, Tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết phong trào hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp và phát động phong trào đẩy mạnh vụ Đông - Xuân 1959-1960 tiến lên một bước mới. Hội nghị nhất trí nhận định: Nhờ quán triệt sâu sắc Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh đầu năm 1959, suốt năm 1959 các Đảng bộ ở vùng nông thôn và nông nghiệp đã liên tục tiến hành nhiều đợt vận động, giáo dục đảng viên, xã viên và nhân dân về đường lối chính sách của Đảng, phát huy lòng nhiệt tình yêu nước, khí thế cách mạng nên đã tạo nên một sự chuyển biến mới trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước trong nông nghiệp.

Vụ chiêm 1959 vượt vụ chiêm 1958 là: 500 ha, 70% cấy dày 20x20; 51% diện tích bón phân từ 10-15 gánh/sào, năng suất đạt 17,6 tạ/ha tăng hơn 1958 là 1 tạ 30 kg.

Vụ mùa mười đạt 26.360 ha vượt kế hoạch 360 ha đạt tỷ lệ 1,3%, tăng hơn năm 1959 là 595 ha, tỷ lệ tăng 2,3%, 90% diện tích được bón phân 11 gánh/sào.v.v...

Về thủy lợi: 87 xã có quy hoạch, 12 xã căn bản chống được hạn. Toàn tỉnh đã đào đắp 729m^3 với 5.877.000 ngày công, chống úng, chống mặn cho 10.000 ha. Công trình trung thủy nông Cự Nẫm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Về đổi công, hợp tác xã: 91% hộ nông dân vào làm ăn tập thể với 780 hợp tác xã. Có 47 xã, nông dân đã vào hợp tác xã từ 71%-95%.

Các mặt văn hóa, xã hội, tổ chức đời sống.v.v... đều có tiến bộ lớn trên cơ sở chuyển biến của phong trào hợp tác hóa.

Tỉnh ủy đã đánh giá: "Phong trào phát triển tương đối nhanh, đều, rộng khắp trong toàn tỉnh, và hiện nay đã thực sự trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi và đang có khí thế lên cao trào. Qua nhiều lần sơ kết chúng ta đã xác nhận phong trào căn bản là tốt, là lành mạnh; phong trào đã dần dần đi vào bề sâu nhưng chưa thật vững chắc"(1).

Nhằm khắc phục những yếu kém và tồn tại của phong trào, Hội nghị đề ra nhiệm vụ cho năm 1960 là: Củng cố hợp tác xã đã được xây dựng nhằm nâng cao chất lượng, làm cho các loại hợp tác xã khá phải đi đến khá nhiều mặt thành kiểu mẫu của xã và của chòm, loại vừa phải lên khá, loại kém phải nâng lên vừa thành loại khá.

Thực hiện tốt 3 quản lý (sản xuất, lao động, tài vụ): Đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kỹ thuật; củng cố lại tổ chức và

---

(1) Báo cáo của Hội nghị Tỉnh ủy ngày 12/01/1960.

cải tiến lại lề lối làm việc của Ban quản trị hợp tác xã; củng cố tổ đổi công, thường xuyên có bình công, chấm điểm xây dựng và phát triển hợp tác xã mới một cách vững chắc; hợp nhất hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn, chuyển từ hợp tác xã bậc thấp lên bậc cao.

Trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp đã xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến; trong đó hợp tác xã Đại Phong (xã Phong Thủy) đã trở thành ngọn cờ đầu. Cuối năm 1958 hợp tác xã Mỹ Phước ra đời gồm 23 hộ, 34 lao động với 24 mẫu ruộng, vốn liếng nghèo nàn, cổ phần xã viên đóng góp chưa đầy đủ. Kế hoạch "đuổi kịp trung nông" được đặt ra từ thời điểm này. Năm 1959, hợp tác xã phát triển lên 33 hộ, sau vụ mùa 1959 phát triển lên 44 hộ, từ hai bàn tay trắng hợp tác xã đã có 100 con bò, 3 xe trâu, 1 lò vịt ấp và 1 đàn vịt hàng ngàn con. Quỹ hợp tác xã tăng lên đến 1.225 đồng, có nhà văn hóa, tủ sách, tủ thuốc, nhóm giữ trẻ, đời sống xã viên được cải thiện. Trong hội nghị tổng kết phong trào hợp tác hóa nông nghiệp toàn miền Bắc năm 1959 họp tại Hà Đông, hợp tác xã Mỹ Phước là một trong ba hợp tác xã được báo cáo điển hình và vinh dự được Quốc hội tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba.

Tháng 10 năm 1959, hợp tác xã Mỹ Phước hợp nhất với hợp tác xã Đông - Tây - Bắc lấy tên là hợp tác xã 6-1. Hợp tác xã xây dựng hướng sản xuất mới: Phá thế độc canh, phá xiềng 3 sào, áp dụng tăng năng suất lao động và cây trồng; khoanh vùng thủy lợi, kiến thiết đồng ruộng; đẩy mạnh khai hoang ở Bến Tiêm; mở thêm ngành nghề từ hai loại lên chín loại... do đó giá trị ngày công lao động đạt

được 2 đồng[1] . Trong số 135 hộ có 38 hộ đạt mức sống trung nông lớp trên, thu hoạch từ 3 tấn rưỡi đến 4 tấn thóc (chưa kể thu hoạch nghề phụ); 92 hộ đạt mức trung nông thường (thu hoạch 1 tấn đến 3 tấn thóc). Bình quân nhân khẩu đạt 549 kg thóc sau khi đã trừ thuế và quỹ hợp tác xã. Tháng 10 năm 1960, hợp tác xã 6-1 hợp nhất với hợp tác xã Trần Phú, hợp tác xã Lệ Phong thành hợp tác xã quy mô toàn thôn, lấy tên là hợp tác xã Đại Phong gồm 446 hộ với 1.028 xã viên, 2.102 khẩu, 829 lao động, có 1.113 mẫu ruộng đất hợp tác xã mở rộng diện tích, khai hoang tại chỗ trên 60 mẫu ruộng, vỡ hoang ở miền Tây 120 mẫu, đưa diện tích 1 vụ thành 2 vụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật, phấn đấu đạt mục tiêu 22 tạ thóc trên 1 ha, chuyên môn hóa các ngành nghề, định mức lao động, xếp bậc, tiến hành 3 khoản. Các công trình phúc lợi tập thể như bệnh xá, trường học, nhà mẫu giáo được xây dựng ở tất cả các đội sản xuất. Hợp tác xã Đại Phong đã chứng minh tính hơn hẳn con đường làm ăn tập thể của phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc nước ta. Sau 3 lần phấn đấu đưa mức sống xã viên "đuổi kịp mức sống trung nông", năm 1961 hợp tác Đại Phong tiếp tục phấn đấu với kế hoạch táo bạo: đổ đồng mỗi đầu người trong hợp tác xã đạt 1.244 cân thóc (quy ra thóc tất cả các loại thu nhập)[2].

Song song với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phong trào hợp tác hóa nghề cá biển cũng được đẩy mạnh. Tháng 12 năm 1959, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy

---

(1) Mức giá lao động phổ thông bình quân thời kỳ này là 1,25 đồng/công/ngày.

(2) Hà Đăng: "Đuổi kịp trung nông - kế hoạch táo bạo: 1.244 cân thóc" Báo nhân dân tháng 01 năm 1961.

ban hành chính tỉnh tổ chức tổng kết để phát động phong trào xây dựng hợp tác sản xuất nghề cá, đẩy mạnh thi đua sản xuất vụ cá Đông - Xuân 1958-1959 vượt bậc. Xuất phát từ đặc điểm tình hình miền biển và nhân dân đánh cá biển, đầu năm 1959. Tỉnh ủy nhận định "miền biển có khả năng đi nhanh lên con đường hợp tác hóa và có thể lên thẳng hợp tác xã bậc cao, không nhất thiết phải qua hợp tác xã cấp thấp, phát triển khơi, đẩy mạnh nghề lộng, đảm bảo sản xuất hoàn thành kế hoạch cả năm"(1). Để phong trào phát triển thuận lợi và vững chắc, Tỉnh ủy một mặt xây dựng và bồi dưỡng Chi bộ trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào, ra sức đào tạo cốt cán và giáo dục tư tưởng quần chúng, mặt khác tích cực giải quyết những khó khăn về vốn, nguyên liệu cho nghề cá. Quyết tâm của Tỉnh ủy đã được đảng viên và quần chúng vùng biển, các cấp các ngành biến thành quyết tâm của đơn vị địa phương mình. Mậu dịch quốc doanh đã cung cấp 1.855 mét khối gỗ đóng thuyền, 20.816 cuộn song, 5.227 cuộn cước, đã thu mua 875 tấn cá. Ngân hàng cho vay 441.000 đồng để sắm lưới cụ. Cán bộ, đảng viên gương mẫu, cấp ủy Đảng tập trung lãnh đạo phong trào, 100% đảng viên vào hợp tác. Thôn Phú Hội (xã Lộc Ninh) có 22 đảng viên thì 14 đồng chí tham gia Ban quản trị và ban kiểm soát hợp tác xã. Xã viên phát huy tinh thần tự lực cánh sinh để giải quyết khó khăn trong sản xuất. Các xã Ngư Thủy, Cảnh Dương, Đức Trạch, Lộc Ninh đã huy động được 111.000 đồng tiền vốn sắm thuyền lớn. Ngư dân xã Lộc Ninh đã vào rừng khai thác gỗ đóng thuyền trị giá 487 đồng. Xã Cảnh Dương tự làm một cột đèn báo hiệu cho thuyền bè dễ dàng đi vào cửa lạch.

---

(1) Báo cáo của Tỉnh ủy Quảng Bình ngày 12 tháng 01 năm 1960.

Cuối năm 1958, toàn tỉnh đã có 94,8% số hộ dân đánh cá tham gia phong trào hợp tác hóa, trong đó có 48 hợp tác xã sản xuất nghề cá, bao gồm 49,8% số hộ đánh cá. Phong trào hợp tác hóa phát triển mạnh mẽ làm cho phong trào thi đua sản xuất càng sôi nổi và đạt được nhiều kết quả: Số thuyền đánh cá tăng 66 chiếc, đạt 165%. Vàng lưới tăng 103 chiếc, đạt 128% so với kế hoạch nhà nước. Thu hoạch 8.998 tấn cá, vượt kế hoạch nhà nước 9,7%. Xã Ngư Thủy, sau khi căn bản hoàn thành hợp tác hóa, chỉ trong 3 tháng sản xuất Đông - Xuân đã đánh bắt được 310 tấn cá, gần bằng kế hoạch cả năm. Hợp tác xã Quang Phú (xã Lộc Ninh) 6 tháng đầu năm khi còn là các tập đoàn sản xuất chỉ đánh bắt 6 tấn cá, 6 tháng cuối năm sau khi xây dựng hợp tác xã đã đánh bắt được 26 tấn. Nhiều hợp tác xã đã thực hiện kinh doanh nhiều ngành nghề như chế biến, chăn nuôi, đan lưới, xe chỉ, trồng rau và hoa màu.

Phong trào hợp tác hóa nghề cá thực sự là một phong trào quần chúng rộng lớn, có triển vọng tiến nhanh hơn, vững chắc hơn, nhưng khi thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1959, các hợp tác xã gặp khó khăn do thời tiết không thuận lợi, mất mùa cá, dân đói kém, song nhờ phát triển nghề chăn nuôi, trồng trọt... nên đã vượt qua nạn thiếu đói, phong trào hợp tác hóa vẫn tiến triển đều đặn, mạnh mẽ. Cuối năm 1959, có 95% hộ làm nghề cá đã vào tập đoàn, hợp tác xã, trong đó có 68 hợp tác bậc cao, bao gồm 3.475 hộ chiếm tỷ lệ gần 85% hộ làm nghề cá, 650 chủ nhiệm hợp tác xã, cán bộ kỹ thuật, cán bộ xã, kế toán đã qua những lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ ở tỉnh. Các xã vùng biển đang tiếp tục phấn đấu hoàn thành tổ chức hợp tác xã đi đôi với củng cố, nâng cao chất lượng bằng cải tiến quản lý, cải

tiến kỹ thuật đánh bắt, đẩy mạnh sản xuất đạt bình quân 3.000 kg một lao động cả năm theo chỉ tiêu phấn đấu như hợp tác xã Tương Lai ở Ngư Thủy.

Tại Đại hội "Liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 (6/5/1962), hợp tác xã Quang Phú (xã Lộc Ninh) được Hội đồng Chính phủ tặng cờ và tuyên dương một trong năm mươi sáu đơn vị tiên tiến xuất sắc nhất(1) và đồng chí Lê Trạm, chủ nhiệm hợp tác xã đánh cá Quang Phú được Ủy ban thường vụ Quốc hội tặng danh hiệu Anh hùng lao động và Huân chương lao động hạng nhất.

Một công tác rất quan trọng trong xây dựng Đảng là phát triển đảng viên mới đã được Tỉnh ủy quan tâm đúng mức, coi đó là nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức cơ sở Đảng. Thực hiện chỉ thị số 169 ngày 6 tháng 11 năm 1959 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tổ chức một đợt

---

(1) Hội đồng Chính phủ quy định tiêu chuẩn đơn vị tiên tiến xuất sắc:

1. Nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, cần kiệm xây dựng nước nhà, khắc phục được nhiều khó khăn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch nhà nước.

2. Có phong trào thi đua sôi nổi, liên tục, phát huy được nhiều sáng kiến theo phương hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra, động viên được khí thế cách mạng mạnh mẽ của đông đảo quần chúng hăng hái tiến quân vào khoa học, kỹ thuật.

3. Chấp hành tốt các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước có ý thức đấu tranh chống tham ô, lãng phí , quan liêu, thường xuyên chú ý cải thiện đời sống.

(Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3: Tuyên dương thành tích: NXB, ST, Hà Nội 1962. Trang 16)

phát triển Đảng lấy tên là "lớp 6-1"[1] để kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Đảng, "tăng cường Đảng về mặt tổ chức, tăng thêm lực lượng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng"; đồng thời tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng về Đảng; củng cố các cơ sở Đảng thêm một bước, củng cố lập trường tư tưởng, nâng cao giác ngộ và những hiểu biết về Đảng cho cán bộ, đảng viên.

Do chuẩn bị sớm và khá chu đáo nên đợt giáo dục phát triển đảng viên này đạt kết quả tốt. Hầu hết đảng viên đều tích cực tham gia đợt sinh hoạt chính trị; trong ngày 6/1 phần lớn các chi bộ nông thôn và xí nghiệp đều có đợt kết nạp đảng viên mới đúng tiêu chuẩn và nguyên tắc thủ tục của "lớp đảng viên mồng 6 tháng giêng". Kết thúc đợt kết nạp "lớp đảng viên 6/1" toàn tỉnh đã có 2.099 người ưu tú đã trở thành đảng viên mới của Đảng Lao động Việt Nam và đã xóa 75 chòm trước đây chưa có đảng viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 1960, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng để đánh giá tình hình cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa tổ chức đời sống của nhân dân trong năm 1959 và ra Nghị quyết về nhiệm vụ năm 1960. Sau khi phân tích, đánh giá cụ thể thành tích cũng như tồn tại của từng ngành, từng mặt của phong trào, Hội nghị đã nhất trí nhận

---

(1) Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam họp trong điều kiện bí mật ở ngoài nước nên ngày tháng chưa được xác minh cụ thể; do đó, chúng ta vẫn kỷ niệm ngày sinh nhật Đảng vào ngày 6 tháng 01. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng đã xác định lại là ngày 3 tháng 2 năm 1930.

định: "Qua thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1959, chúng ta đã thu được thắng lợi to lớn về mọi mặt, vượt xa kết quả thu được của năm 1958, đã nâng lên thêm một bước đời sống của nhân dân về cả vật chất và tinh thần, thắng lợi đó đã biểu hiện tinh thần quyết tâm, tích cực vượt qua khó khăn trở ngại của toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tỉnh ta trong năm qua".

Trên cơ sở nhận định đó, Hội nghị đã đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1960 là:

1. Ra sức củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được hình thành, tiếp tục hoàn thành việc cải tạo xã hội chủ nghĩa các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh tế, lấy sản xuất nông nghiệp làm trung tâm, chú trọng phát triển thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống của nhân dân lên ngang mức sống trung nông, đảm bảo hoàn thành kế hoạch Nhà nước 3 năm, tạo điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

2. Tăng cường đoàn kết toàn dân trên cơ sở công nông liên minh vững chắc, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, tăng cường lực lượng trị an quốc phòng, xây dựng lực lượng hậu bị vững mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu hành động phá hoại của địch.

3. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm, lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền, đấu tranh để thực hiện thống nhất Tổ quốc.

4. Ra sức củng cố và phát triển Đảng cơ sở chi bộ nông thôn và trong các xí nghiệp, đồng thời kiện toàn các cơ quan lãnh đạo các cấp từ tỉnh đến xã, tăng cường cả số lượng và chất lượng. Ra sức đào tạo cán bộ đảm bảo cung cấp cho yêu cầu nhiệm vụ phát triển, nhất là yêu cầu về phát triển kinh tế, văn hóa trong năm 1960.

Để không ngừng nâng cao chất lượng và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Sau khi Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng hợp tác xã bậc cao ở Lộc Ninh (hợp tác xã Trần Phú) để rút kinh nghiệm, tháng 2 năm 1960, Tỉnh ủy đã cho triển khai thí điểm chuyển hợp tác xã Võ Ninh (Quảng Ninh) và hợp tác xã Đại Phong (Lệ Thủy) từ bậc thấp lên bậc cao và triển khai dần một số xã, một số huyện trong tỉnh.

Kết quả làm thí điểm các hợp tác xã bậc cao đã rút được nhiều bài học bổ ích để đưa phong trào hợp tác xã bậc thấp tiến lên một bước mới. Tỉnh ủy đã tổ chức sơ kết các hợp tác xã thí điểm và tổ chức học tập tại chỗ tại hợp tác xã bậc cao toàn xã Võ Ninh. Tiếp đó, Tỉnh ủy cũng đã mở lớp bồi dưỡng về công tác ba quản, ba khoán, về chính sách của hợp tác xã bậc cao.

Đồng thời với công tác củng cố và xây dựng hợp tác nông nghiệp, Tỉnh ủy đã chủ trương tổ chức, vận động những người làm thợ thủ công, người làm nghề buôn bán nhỏ vào làm ăn tập thể, đưa những hộ công thương tư bản tư doanh ở Đồng Hới vào công tư hợp doanh.

Cuộc vận động được chuẩn bị và tiến hành từng bước. Một số khá đông hộ buôn bán nhỏ sau khi được giáo dục chính sách đã chuyển sang nghề thủ công hoặc sản xuất nông nghiệp. Đến cuối tháng 2 năm 1960 đã có 75% thợ

thủ công, 80% nghề phục vụ, 78% tiểu thương vào làm hợp tác xã theo ngành nghề.

Về cải tạo công thương nghiệp: Đã lập 8 cơ sở công tư hợp doanh gồm 24/32 hộ tư sản với số vốn 267.532 đồng.

Cùng với kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế quốc doanh ngày càng phát triển. Tháng 2 năm 1960, các tập đoàn sản xuất của cán bộ miền Nam tập kết, nông trường quân đội... được chuyển thành nông trường quốc doanh ở Phú Quý, Sen Bàng, Lệ Ninh và các trại chăn nuôi quốc doanh trâu bò giống và trâu bò cày ở Đồng Lê, Ba Canh, trại lợn Thuận Đức ra đời dần dần ổn định đi vào sản xuất theo kế hoạch.

Để tiến đến khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng, Ban chấp hành Trung ương Đảng triệu tập hội nghị lần thứ 17, ra Nghị quyết triển khai công tác chuẩn bị Đại hội từ cấp cơ sở đến Trung ương. Ngày 25 tháng 01 năm 1960 Tỉnh ủy đã họp nghiên cứu Nghị quyết 17 và bàn nhiệm vụ tiến hành Đại hội Đảng các huyện, thị xã và các cấp bộ tương đương, chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh để thảo luận đề cương chính trị của Trung ương và của đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc.

Tháng 3 năm 1960, Tỉnh ủy đã mở hội nghị bồi dưỡng cho 500 cán bộ cốt cán ở tỉnh, các huyện, thị xã và bí thư chi bộ cơ sở về Nghị quyết hội nghị lần thứ 17 của Trung ương Đảng, yêu cầu nội dung và các bước tiến hành Đại hội cơ sở theo hướng dẫn của Tỉnh ủy.

Để rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, ngày 2 tháng 4 đến 6 tháng 4, Thường vụ Tỉnh ủy cùng Huyện ủy Quảng Ninh chỉ đạo Đại hội thí điểm ở xã Đức Ninh.

Sau Đại hội thí điểm, Tỉnh ủy đã phân công các đồng chí Tỉnh ủy viên về giúp các Đảng bộ, Chi bộ cơ sở triển khai Đại hội. Ngày 30 tháng 4, 354 chi bộ đã hoàn thành Đại hội. Số đảng viên dự Đại hội thảo luận dự thảo sửa đổi điều lệ gồm 11.666 đồng chí, đạt 93% so với tổng số 12.580 đảng viên.

Tiếp đến, ngày 8 tháng 5 năm 1960, toàn thể cử tri trong tỉnh đã phấn khởi, nô nức đi làm nghĩa vụ công dân của mình là bầu cử Quốc hội khóa II của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Toàn tỉnh đã có 98,52% cử tri đi bầu. Các đồng chí lãnh đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về ứng cử ở địa phương đều trúng cử với số phiếu 75% trở lên.

Cuộc bầu cử đã thành công tốt đẹp, thể hiện ý chí, nghĩa vụ và quyền lợi của cử tri Quảng Bình sau 14 năm vượt qua mọi khó khăn gian khổ chiến đấu, bảo vệ và xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân.

Ngày 11 đến 17 tháng 5 năm 1960, Đại hội Đại biểu Đảng bộ các huyện, thị xã và Đảng bộ tương đương đã khai mạc. Các Đại hội đã đề xuất được 551 ý kiến bổ sung vào bản Điều lệ sửa đổi, đồng thời bàn phương hướng nhiệm vụ của địa phương; bầu ban chấp hành cấp ủy các cấp và đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh.

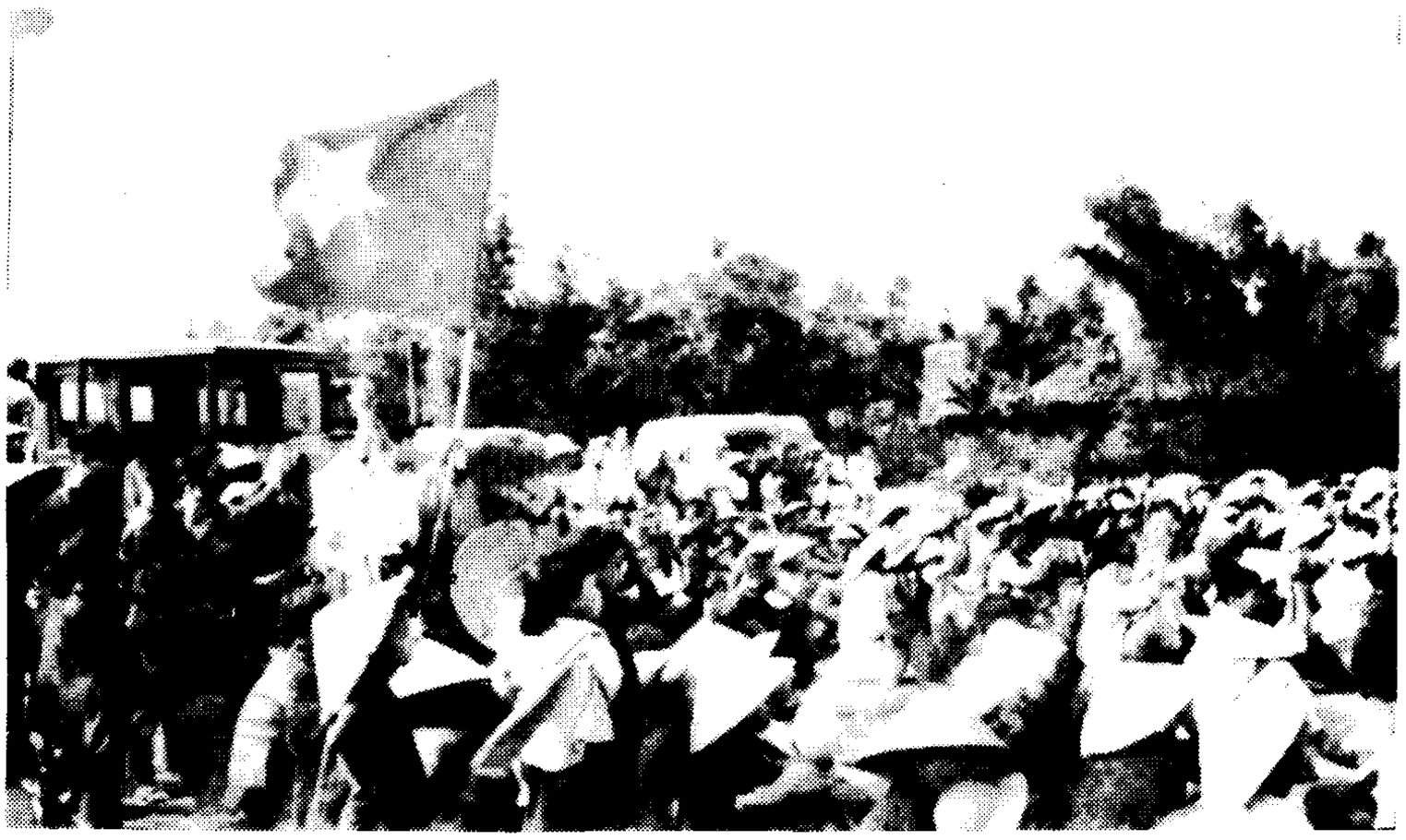
Sau khi tiến hành thành lập hợp tác xã cấp cao và hợp nhất hợp tác xã toàn thôn, Đại Phong có nhiều chuyển biến mạnh trong sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Ngày 16 tháng 5 năm 1960, đồng chí Nguyễn Chí Thanh ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương đã về Đại Phong kiểm tra và hướng dẫn tổng kết. Được sự chỉ đạo cụ thể của đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Tỉnh ủy Quảng Bình đã tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm về ba quản (quản lý sản

xuất, quản lý lao động, quản lý tài vụ); kinh nghiệm về vận dụng đường lối chính sách của Đảng vào đặc điểm cụ thể ở địa phương; kinh nghiệm Chi bộ lãnh đạo công tác chính trị và tư tưởng để làm thủy lợi đẩy mạnh thâm canh; tổ chức ngành nghề tăng sản phẩm, tăng thu nhập; khai hoang ở miền Tây trồng màu để giải quyết lương thực một cách vững chắc...

Từ những kinh nghiệm đã rút được ở Đại Phong, Tỉnh ủy đã phát động thi đua "Học tập, tiến kịp và vượt Đại Phong" trong các hợp tác xã toàn tỉnh. Cuộc tổng kết kinh nghiệm xây dựng hợp tác xã Đại Phong tiến hành tại chỗ dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Chí Thanh và Ban Nông nghiệp Trung ương, được hầu hết các tỉnh trên miền Bắc và các ngành ở Trung ương đến dự, góp ý kiến và cổ vũ. Sau hội nghị tổng kết và thi đua với Đại Phong, phong trào xây dựng phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh chuyển biến mạnh mẽ.

Bộ Thủy lợi, Bộ Công nghiệp, Bộ Giao thông bưu điện, Bộ Giáo dục, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam tiếp tục giúp hợp tác xã Đại Phong tổng kết trên các mặt và tuyên truyền kinh nghiệm... Những hoạt động đó không những cổ vũ Đại Phong mà còn động viên mạnh mẽ phong trào toàn tỉnh và toàn miền Bắc.

Tại Đại hội Liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 (6/5/1962) hợp tác xã Đại Phong được Hội đồng Chính phủ tuyên dương: "Thành tích của phong trào Đại Phong tỏ rõ sức mạnh to lớn của nông dân nước ta, tỏ rõ tính hơn hẳn của kinh tế tập thể so với kinh tế cá thể. Dựa vào quan hệ sản xuất mới, nông dân ta đang hăng hái thi đua phát triển sản xuất nông nghiệp, phục vụ sự nghiệp



Hợp tác xã Đại Phong dự lễ đón nhận máy cày do Bác Hồ tặng
(ngày 20-5-1961)
(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tấn công vào nghèo nàn lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc. Do đó mối quan hệ nhất trí giữa nông dân tập thể với Nhà nước và khối liên minh công nông ngày càng được xây dựng".

Hợp tác xã Đại Phong được Hội đồng Chính phủ tuyên dương là "lá cờ đầu của phong trào thi đua trong ngành nông nghiệp", được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng một Huân chương Lao động hạng nhất, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng một chiếc máy cày do Đoàn thanh niên Cộng sản Công-xô-môn (Liên Xô cũ) biếu Người. Đồng chí Nguyễn Ngọc Ánh chủ nhiệm hợp tác xã Mỹ Phước, chủ nhiệm hợp tác xã 6/1 và chủ nhiệm hợp tác xã Đại Phong được Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng danh hiệu Anh hùng lao động và Huân chương lao động hạng nhất.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ IV ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH (VÒNG I) Sự kiện lớn có ý nghĩa hết sức sâu sắc trong đời sống chính trị của nhân dân Quảng Bình là Đại hội đại biểu lần thứ IV Đảng bộ Quảng Bình (vòng 1) chính thức khai mạc tại thị xã Đồng Hới từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 26 tháng 6 năm 1960. Sau 9 năm kể từ tháng 8 năm 1951, Đảng bộ tỉnh mới tiến hành Đại hội nhiệm kỳ. Đại hội có 175 đại biểu, trong đó có 159 đại biểu chính thức và 16 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 11.460 đảng viên toàn tỉnh về dự. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội. Nội dung chủ yếu của Đại hội vòng 1 là thảo luận các văn kiện của Trung ương Đảng chuẩn bị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng và bầu đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần

thứ III của Đảng tại thủ đô Hà Nội vào tháng 9 năm 1960. Có 134 ý kiến của các đại biểu tham gia vào bản dự thảo đề cương báo cáo chính trị và 120 ý kiến tham gia bản dự thảo Điều lệ Đảng. Đại hội bầu 11 đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III, trong đó có 1 đại biểu dự khuyết.

Sau ngày mở cuộc vận động ủng hộ đồng bào Trị - Thiên (ngày 20 tháng 7 năm 1959) nhân dân trong tỉnh đã tích cực hưởng ứng bằng nhiều hình thức như "con gà", "sào lúa", "hũ gạo tiết kiệm" ủng hộ đồng bào Trị - Thiên. Đồng thời vườn dừa Trị - Thiên, xưởng cưa Trị - Thiên, thư viện Trị - Thiên... cũng được thành lập từ đấy. Trên tinh thần đoàn kết ruột thịt, các đồng chí phụ trách các đoàn thể, các ngành trong tỉnh đã gặp gỡ các đại biểu đồng hương Trị - Thiên công tác tại Quảng Bình bàn bạc việc kết nghĩa giữa Đảng bộ và nhân dân 3 tỉnh để đẩy mạnh hơn nữa đoàn kết đấu tranh chống Mỹ - Diệm giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Ngày 20 tháng 7 năm 1960, nhân ngày đấu tranh thống nhất nước nhà, đại biểu đồng hương hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên tại miền Bắc và đại biểu Quảng Bình đã họp mặt tại thị xã Đồng Hới làm lễ kết nghĩa, đồng thời khánh thành thư viện Trị - Thiên trên đường Cô Tám sát vườn dừa Trị - Thiên bên bờ sông Nhật Lệ.

Sau một tuần lễ phát động phong trào kết nghĩa Bình Trị Thiên, các đơn vị, địa phương đều sơ kết và có kế hoạch chương trình hoạt động kết nghĩa thiết thực để nuôi dưỡng phong trào thường xuyên. Mỗi năm cứ đến ngày 20 tháng 7 thì kiểm điểm báo công và đề ra chương trình hoạt động mới.

Ngày 5 tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III đã khai mạc tại Hà Nội, đây là một sự kiện lớn có ý nghĩa sâu sắc trong đời sống chính trị của nhân dân ta. Sau 9 năm kể từ tháng 2 năm 1951, Đảng ta mới tiến hành đại hội nhiệm kỳ, với bao đổi thay của đất nước. Đảng lao động Việt Nam, "Từ trách nhiệm lãnh đạo một chiến lược cách mạng trong cả nước chuyển sang lãnh đạo hai chiến lược cách mạng trong một nước. Cách mạng Việt Nam đang tiến mạnh trong giai đoạn mới của hai cuộc cách mạng và đang đi vào những bước ngoặt nảy sinh nhiều vấn đề mới, đòi hỏi Đảng phải khẳng định đường lối chiến lược, bước đi, chính sách và kiện toàn sự lãnh đạo của đảng về mọi mặt, đáp ứng với yêu cầu mới của đất nước".(1) Trong lời khai mạc, đồng chí Hồ Chí Minh, Chủ tịch Đảng đã khái quát: "Đại hội lần thứ hai là đại hội kháng chiến, đại hội này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà".

Báo cáo chính trị đã xác định rõ nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Cách mạng miền Nam có tác dung quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

---

(1) Viện nghiện cứu Chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập II (1954 - 1975), nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 1995 tr 131.

Đại hội thông qua đường lối chung của cách mạng Việt Nam, đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội cũng đã thông qua báo cáo sửa đổi Điều lệ đảng và báo cáo phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch năm năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân (1961-1965).

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng là nguồn cổ vũ, động viên lớn đối với mỗi cán bộ, đảng viên quân và dân Quảng Bình trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất đất nước. Đây cũng là đợt sinh hoạt chính trị lớn nhất của Đảng bộ từ sau đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai đến nay; nó góp phần tạo nên động lực mới, tạo niềm tin tưởng mới cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình bước vào thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Cuối tháng 9 năm 1960, Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch Nhà nước 1960 bằng việc học tập ôn lại truyền thống đấu tranh của ngày 15 tháng 7 năm 1949 - Ngày Quảng Bình quật khởi của thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược và phong trào toàn đảng toàn dân thi đua thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.

Năm 1960 có nhiều sự kiện lịch sử quan trọng: Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng; chúc thọ Bác Hồ 70 tuổi; 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng và có nhiều đợt giáo dục chính trị vận động quần chúng liên tục, nên khí thế quần chúng lên cao. Phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến mạnh, sản xuất, cải tiến kỹ thuật khá tốt, nhưng lại là năm thời tiết, khí hậu khắc nghiệt chưa từng có.

Giá lạnh chưa qua, hạn hán lại đến làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống, vụ chiêm thu hoạch kém, vụ mùa bị lụt sớm làm mất trắng 2.520 ha lúa, trong tổng số 12.000 ha thuộc 30 xã. Đời sống quần chúng khó khăn, nhiều hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong nhân dân, cán bộ và đảng viên.

Nhằm xua tan bi quan, tiêu cực đưa phong trào quần chúng tiến lên không những chỉ giải quyết khó khăn về đời sống mà còn phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước bằng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, lấy màu bù lúa, lấy ngành này bù ngành khác để bảo đảm chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng theo kế hoạch đã định, Tỉnh ủy quyết định nêu lại bài học truyền thống "ngày 15 tháng 7 năm 1949" nhằm so sánh những thuận lợi, khó khăn hiện nay với khó khăn thuận lợi hồi đó, nêu cao những tấm gương hy sinh anh dũng, đoàn kết chiến đấu để khích lệ, giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng vững bước tiến lên.

Yêu cầu của đợt phát động là: "Phát huy truyền thống anh dũng ngày 15 tháng 7 năm 1949, ngày Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình hạ quyết tâm giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây để hoàn thành hợp tác xã bậc thấp trước thời hạn, đẩy mạnh cao trào sản xuất nông nghiệp và hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1960". Tỉnh ủy ra nghị quyết: "Hàng năm lấy ngày 15 tháng 7 làm ngày truyền thống để đẩy mạnh sản xuất và xây dựng hợp tác xã". Các xí nghiệp, công trường, nông trường các cấp, các ngành dựa vào chủ trương và nhiệm vụ của mình xây dựng chỉ tiêu phấn đấu nhằm đạt hoặc vượt kế hoạch năm 1960.

Để giúp các địa phương phát động phong trào, Tỉnh ủy đã huy động 136 cán bộ và các đồng chí phụ trách các ngành về cơ sở vận động quần chúng, chỉ đạo phong trào. Tỉnh ủy cũng quyết định lấy ngày 5 tháng 10 năm 1960 làm ngày mở đầu phong trào.

Đợt vận động phát huy truyền thống ngày 15 tháng 7 không những đã vượt được khó khăn mà còn giành được thành tích lớn: Khai hoang được 1.400 ha đất trồng màu, 650 ha ruộng trồng lúa, trồng 580 ha khoai lang, 120 ha sắn, cày ải 11.700 ha, làm 13.500 tấn phân bón. Căn bản hoàn thành hợp tác xã bậc thấp với 90% hộ (trước phát động có 69%) trong đó 43,9% lên hợp tác xã bậc cao.v.v...

Đặc biệt sản xuất rau màu thu kết quả lớn, quần chúng phấn khởi, tin tưởng, nạn đói bị đẩy lùi.

Để phát huy thắng lợi, thừa thắng tiến lên, Tỉnh ủy mở hội nghị liên hoan gồm cán bộ Dân, Chính, Đảng và đại biểu các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nghề rừng, nghề cá nhằm đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm, củng cố lòng tin cho cán bộ nhân dân, đồng thời đề ra nhiệm vụ mới, chuyển khí thế thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1960, đặc biệt vụ Đông Xuân 1960-1961, và bắt đầu kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) về phát triển kinh tế văn hóa mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III vừa thông qua. Cũng nhân đợt này, Tỉnh ủy phát động toàn bộ Đảng bộ và toàn dân trong tỉnh thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV sắp họp.

Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính đã thành lập các ban: Chỉ đạo sản xuất và cải tiến kỹ thuật, tiểu ban khai hoang, thủy lợi, cải tiến công vụ làm tham mưu giúp Tỉnh ủy tổng kết rút kinh nghiệm cuộc vận động quần chúng trong phong trào thi đua phát huy truyền thống ngày 15 tháng 7 năm 1949, đồng thời chuẩn bị phương hướng kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh.

Trải qua hơn 6 năm vừa hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa khôi phục kinh tế, vừa thực hiện hàng loạt nhiệm vụ như giảm tô, cải cách ruộng đất, cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã thu được những thành quả rất quan trọng. Kết thúc 3 năm khôi phục kinh tế, tình hình sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp đã phục hồi nhanh chóng, công nghiệp địa phương bước đầu phát triển, do đó đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân từng bước được cải thiện. Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất, giai cấp nông dân được giải phóng đã trở thành người làm chủ ở nông thôn và khẩu hiệu "người cày có ruộng" mà Đảng ta đề ra từ năm 1930 đã trở thành hiện thực. Cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, trong đó chủ yếu là hợp tác xã nông nghiệp, đã thu được kết quả tốt đẹp. Việc xác lập quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đã làm nảy sinh mối quan hệ mới giữa người với người; đồng thời càng củng cố vững chắc hơn khối liên minh công nông trong điều kiện mới kết quả của công tác sửa chữa sai lầm trong chỉ đạo, cải cách ruộng đất, cũng đã góp phần rất quan trọng trong việc

củng cố, khối đoàn kết toàn dân và nâng cao uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thắng lợi của 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa đã dẫn đến những chuyển biến căn bản của nền kinh tế trong tỉnh, làm cho đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Cũng trong những năm này, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được đẩy mạnh, tạo nên động lực chính trị quan trọng đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân Quảng Bình bước vào giai đoạn mới vững vàng hơn.

CHƯƠNG XI

ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, SẴN SÀNG ĐỐI PHÓ VỚI ÂM MƯU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ LEO THANG ĐÁNH PHÁ MIỀN BẮC (1961 - 1964)

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CHO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trong chiến lược cách mạng của cả nước, Quảng Bình có vị thế là tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam. Vì thế công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình có ý nghĩa rất quan trọng.

Quảng Bình sau 3 năm cải tạo kinh tế (1958-1960) theo chủ nghĩa xã hội có sự biến đổi sâu sắc. Từ một nền kinh tế nhiều thành phần đã trở thành nền kinh tế mới với hai hình thức sở hữu chủ yếu là nhà nước và tập thể.

Trong nông nghiệp có 58.775 hộ vào hợp tác xã, đạt 95%, trong đó có 48% hộ lên hợp tác xã bậc cao, 74% hộ vào hợp tác xã tín dụng, 66,6% hộ vào hợp tác xã mua bán.

90,6% thợ thủ công và người buôn bán nhỏ vào hợp tác xã thủ công nghiệp.

Tất cả 32 hộ tư sản ở Đồng Hới và Ba Đồn đã gia nhập công tư hợp doanh và lập thành 7 xí nghiệp sản xuất kinh doanh.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp đạt 23.442.000 đồng, thủ công nghiệp đạt 21.314.300 đồng.

Cơ sở kinh tế quốc doanh[1] được củng cố, phát triển ngày càng phát huy tác dụng lãnh đạo đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Văn hóa, giáo dục, y tế cũng được đẩy mạnh.

---

(1) Thương nghiệp quốc doanh mở xuống tận thị trường nông thôn, ngân hàng nhà nước, các xí nghiệp cơ khí 6/1, mộc, gạch, ngói, các công trường, ngư trường, lâm trường... đều đẩy mạnh phát triển sản xuất.

Về giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương toàn tỉnh qua các năm như sau:

(Đơn vị tính: 1.000 đồng; giá cố định 1959)

Năm	Tổng số	Quốc doanh	Công tư hợp doanh	Thủ công nghiệp
1955	6.513,2	3,9	0	6.509,3
1957	14.448,7	89,7	132,3	14.226,5
1958	16.420,0	184,3	209,8	16.025,9
1959	18.447,4	1.197,4	80,8	17.169,2
1960	23.442,0	2.011,4	116,2	21.314,3

Về điện năng: 1955 đạt 43.470 kw/giờ

1958 đạt 94.250 kw/giờ

1960 đạt 196.000 kw/giờ tăng 4,4 lần so 1955

(Số liệu của Chi cục Thống kê Quảng Bình - Xuất bản 10-1973). Trang 381.

Hội nghị Tỉnh ủy họp ngày 26 tháng 01 năm 1961 đánh giá: Trong 3 năm cải tạo kinh tế theo chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã đạt được: "Thắng lợi to lớn có ý nghĩa quyết định, trước hết là công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, người buôn bán nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh đã căn bản hoàn thành... Chúng ta đã xóa bỏ bóc lột tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế của tỉnh, xóa bỏ kinh tế riêng lẻ, cá thể, nguồn gốc sinh ra bóc lột và nghèo nàn".(1)

Tuy vậy, nhìn chung khi bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, miền bắc ở trong tình hình quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới được xác lập, chưa được củng cố, trình độ kỹ thuật còn lạc hậu; nền kinh tế miền Bắc vẫn là nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ, thủ công, năng suất thấp và bấp bênh; công nghiệp hiện đại, nhất là công nghiệp nặng, còn nhỏ bé, chưa đáp ứng được những nhu cầu về tư liệu sản xuất chủ yếu; các ngành sản xuất vật chất khác cũng ở trong tình trạng tương tự; đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề còn rất ít ỏi và không đồng bộ; trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ và nhân dân còn nhiều hạn chế".(2)

Báo cáo về nhiệm vụ phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã chỉ rõ: "Sau khi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi có tính chất quyết

---

(1) Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy họp ngày 26 tháng 1 năm 1961.
(2) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội 1995, trang 180.

định, chúng ta cần phải chuyển sang lấy xây dựng chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm; thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm cho nền kinh tế miền Bắc nước ta trở thành nền kinh tế xã hội chủ nghĩa". (1)

Để thực hiện xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã thông qua kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, văn hóa (1961 - 1965) gồm những nhiệm vụ cơ bản là: Ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp; hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, không phải xã hội chủ nghĩa; nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân lao động; cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, và để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh sắp tới, ngày 26 tháng 01 năm 1961, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ năm 1961 là:

1. Đi đôi với củng cố và phát triển phong trào hợp tác xã, tăng cường quan hệ sản xuất mới, phải ra sức đẩy mạnh sản xuất, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc trên cơ sở cải tiến kỹ thuật, nhằm đảm bảo tự túc lương thực trong tỉnh, cải thiện một bước đời sống nhân dân, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong năm 1961.

---

(1) Văn kiện Đại hội, tập III. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam - XB tháng 9 - 1960. Tr 25, 26.

2. Đồng thời phải chú trọng phát triển sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và đẩy mạnh hoạt động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đẩy mạnh hoạt động giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, thương nghiệp, ngân hàng, tài chính...

3. Trên cơ sở phát triển kinh tế mà ra sức phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật cán bộ nhân dân.

4. Phải chăm lo thực hiện cải thiện đời sống của nhân dân lao động hơn nữa về mặt vật chất và văn hóa, về ăn, mặc, bảo vệ sức khỏe...

5. Kết hợp củng cố, phát triển quan hệ sản xuất mới, phát triển kinh tế, văn hóa mà tăng cường củng cố quốc phòng, trị an, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của bọn phản cách mạng tay sai của Mỹ - Diệm, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân, trên cơ sở đó mà động viên mọi tầng lớp nhân dân ra sức phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1961, năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Muốn bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Sau khi báo Nhân dân đăng bài giới thiệu kế hoạch "đuổi kịp trung nông" của hợp tác xã Đại Phong, ngày 11 tháng 1 năm 1961, Hồ Chủ tịch dưới bút danh là TL viết bài "Một hợp tác xã gương mẫu", Người nêu vấn đề: "Đã hàng ngàn năm, người ta quen thói làm ăn riêng lẻ, "đèn nhà ai, rạng nhà nấy" với đầu óc hẹp hòi, tự tư tự lợi. Hợp tác xã Đại Phong trong khoảng ba năm, từ một hợp tác xã 23 hộ nghèo khó phát triển đến 455 hộ sinh hoạt ngang với mức

sống của trung nông và đang có đã tiến lên nữa. Có kết quả đó là vì: Họ tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng. Họ không sợ khó, họ khéo tổ chức, họ đoàn kết chặt chẽ, họ quyết tâm phấn đấu để tiến lên". (1)

Ngày 26 tháng 2 năm 1961, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương sau khi chỉ đạo tổng kết phong trào hợp tác xã Đại Phong đã viết bài "Hoan nghênh hợp tác xã Đại Phong !" đăng trên báo Nhân dân từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 1 năm 1961. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh phân tích một cách khách quan, khoa học những ưu điểm, tiến bộ của hợp tác xã Đại Phong và kết luận tất cả các tỉnh trên miền Bắc có thể học tập được hợp tác xã Đại Phong để trong vòng 5 năm, đưa đời sống của đại bộ phận xã viên hợp tác xã lên ngang mức sống của trung nông lớp trên như khẩu hiệu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra. Trên cơ sở đó, tháng 2 năm 1961 Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp mở cuộc vận động trong nông nghiệp về phong trào thi đua "Học tập, tiến kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong" trên toàn miền Bắc nhằm vào 5 mục tiêu:

- Cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất
- Tăng vụ và vỡ hoang
- Phát triển nhiều ngành, nhiều nghề.
- Cải tiến công tác quản lý hợp tác xã
- Tăng cường công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã

---

(1) Báo Nhân dân số 2489 ngày 11 tháng 1 năm 1961 - Quảng Bình ơn Bác - Ban NC LS Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình XB 1975, trang 23,24.

Dựa vào mục đích ý nghĩa và yêu cầu của Trung ương, đối chiếu với yêu cầu cuộc phát động do Tỉnh ủy đề ra, các chi bộ và các hợp tác xã đã kiểm điểm những việc đã làm được và những việc chưa làm được, uốn nắn những lệch lạc trong thi đua, đề ra những mục tiêu cụ thể cho từng loại hợp tác xã (khá, vừa, kém) để tiến lên thực hiện được 5 mục tiêu nhằm tiến kịp hoặc vượt hợp tác xã Đại Phong.

Trong các mục tiêu thi đua, Tỉnh ủy nhấn mạnh: Công tác thủy lợi phải đặt hàng đầu, đồng thời chú trọng công tác khai hoang, tăng vụ, phá xiềng 3 sào, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động và cây trồng.

Nhằm tạo điều kiện cho các hợp tác xã học tập thuận lợi, phù hợp theo đặc điểm tình hình cụ thể của từng địa phương và có phong trào sôi nổi, Tỉnh ủy đề ra cho mỗi huyện, mỗi vùng đều phải xây dựng "Hợp tác xã Đại Phong" của huyện, của vùng.

Nhằm cụ thể hóa những chủ trương, đường lối của Đảng nêu trong các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, nhất là về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong kế hoạch lần thứ nhất, Đảng bộ tỉnh đã tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh để thông qua phương hướng nhiệm vụ cụ thể của địa phương.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ 4 (VÒNG 2) ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH: đã được tổ chức tại thị xã Đồng Hới từ ngày 6 đến ngày 13 tháng 3 năm 1961. Dự Đại hội có 175 đại biểu chính thức và dự khuyết đã dự Đại hội vòng 1. Đồng chí Trần Quốc Hoàn, ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội.

Sau khi nghe báo cáo và nghiên cứu các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đại hội đã đánh giá tình hình cụ thể từng mặt về nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, lưu thông phân phối, văn hóa, y tế và đời sống nhân dân trong tỉnh, Đại hội đi đến kết luận: "Nói chung tất cả những thắng lợi mà Đảng bộ và nhân dân chúng ta đã đạt được trước hết là thắng lợi to lớn trong việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là hoàn thành hợp tác hóa trong nông nghiệp và phát triển nông nghiệp, cải thiện đời sống nhân dân, đã làm cho bộ mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội tỉnh nhà có nhiều biến đổi. Chế độ người bóc lột người đã vĩnh viễn bị xóa bỏ. Nhân dân lao động tỉnh ta đã hoàn toàn và thật sự làm chủ của xã hội, khối công nông liên minh càng thêm vững chắc, sự đoàn kết nhất trí của các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo trong tỉnh được tăng cường. Lòng yêu nước và nhiệt tình xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân được nâng cao. Chính quyền dân chủ nhân dân được kiện toàn và củng cố, tác dụng của chuyên chính vô sản được phát huy mạnh mẽ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Lực lượng vũ trang nhân dân đã được củng cố và tăng cường, bảo vệ được an ninh trật tự xã hội và công cuộc hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội của tỉnh ta. Các tổ chức đoàn thể quần chúng như: Đoàn thanh niên lao động, Công đoàn, Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc... cũng được củng cố và ngày càng phát triển. Cùng với sự lớn mạnh trong phong trào cách mạng của nhân dân, năng lực lãnh đạo và uy tín của Đảng bộ ta được nâng lên rõ rệt".

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, căn cứ vào đặc điểm tình hình của tỉnh,

Đại hội đã đề ra phương hướng, lãnh đạo, mục tiêu kinh tế - xã hội kế hoạch 5 năm (1961-1965) và nhiệm vụ năm 1961, năm mở đầu cho kế hoạch 5 năm.

1. Ra sức đẩy mạnh việc phát triển sản xuất, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, chủ yếu nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, không những bảo đảm tự túc mà còn có dự trữ, nhằm cải thiện hơn nữa đời sống của nhân dân và để phục vụ cho nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời chú trọng phát triển hợp lý công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp, phát triển giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, chuẩn bị cơ sở để đưa nền kinh tế của tỉnh từng bước tiến lên có cả công nghiệp và nông nghiệp cơ giới hóa.

2. Hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, người buôn bán nhỏ và công thương nghiệp tư bản, tư doanh, trọng tâm là ra sức củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tiến tới hoàn thành hợp tác hóa bậc cao, với quy mô hợp tác xã toàn thôn và tiến tới toàn xã, tăng cường và mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc dân.

3. Nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh công cuộc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân lành nghề trước mắt là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ công nhân ở các xí nghiệp và nông trường quốc doanh, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp và chú trọng tiến hành việc khảo sát địa chất, thăm dò tài nguyên tự nhiên để có kế hoạch

khai thác, nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh ta một cách lâu dài.

4. Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động, làm cho nhân dân ta được ăn no, mặc ấm, ở sạch, tăng thêm sức khỏe và được học hành, mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng, xây dựng nếp sống mới ở nông thôn và thành thị.

5. Đi đôi và kết hợp với phát triển kinh tế, ra sức củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh, bảo đảm cho công cuộc lao động hòa bình ở tỉnh ta, góp phần vào việc bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Đại hội thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1961; quyết nghị về nhiệm vụ xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và bầu Ban chấp hành mới gồm 21 đồng chí tỉnh ủy viên chính thức và 5 đồng chí dự khuyết; đồng chí Nguyễn Tư Thoan được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 25 đến ngày 27 tháng 3 năm 1961, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ nhất đã phân công nhiệm vụ cho các đồng chí tỉnh ủy viên, kiện toàn các ban chuyên môn của Tỉnh ủy và bàn biện pháp tổ chức thực hiện nghị quyết 12 của Bộ Chính trị về chỉnh huấn mùa Xuân 1961:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, hội nghị Tỉnh ủy bàn kỹ một số vấn đề cụ thể:

1. Đẩy mạnh khai hoang kết hợp với lập làng mới ở miền Tây, quy hoạch khai hoang lập làng mới ở Cao Mại và lập một ban phụ trách việc khai hoang.

2. Đẩy mạnh công tác thủy lợi, triển khai mạnh mẽ việc khoanh vùng chống úng, chống mặn để khai thác tốt

vùng trồng lúa lớn ở Quảng Ninh, Lệ Thủy. Chuẩn bị khởi công công trình chống ủng Hạc Hải, công trình hồ chứa nước ở Cẩm Ly, đắp đập ngăn sông Rào Nan.

3. Tiến hành đợt chỉnh huấn mùa xuân theo chương trình của Trung ương gắn với việc học Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh và phát động phong trào thực hiện các nghị quyết của Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng và Đại hội đại biểu lần thứ IV Đảng bộ tỉnh một cách sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm, theo tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đường lối chủ trương có rồi, phải có biện pháp thực hiện cho tốt, chủ nghĩa xã hội là phải có biện pháp. Kế hoạch một phần, biện pháp phải hai phần và quyết tâm phải ba phần" [1], và "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa"[2].

Tháng 2 năm 1961, Bộ Chính trị đã họp và quyết định mở cuộc chỉnh huấn mùa Xuân 1961. Đây là đợt sinh hoạt chính trị nhằm xây dựng con người của chủ nghĩa xã hội có quan điểm: Tất cả phục vụ sản xuất, cần kiệm xây dựng đất nước, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó, Tỉnh ủy đã có kế hoạch cụ thể cho các Đảng bộ, ban, ngành, đoàn thể chuẩn bị chu đáo để cuộc chỉnh huấn đạt kết quả tốt.

Qua quá trình chuẩn bị tích cực và chu đáo suốt từ tháng 4 đến ngày 20 tháng 6 năm 1961, lớp chỉnh huấn đầu

---

(1) (2) Hồ Chí Minh: Tuyển tập, NXB Sự thật, Hà Nội 1980 tập II. Tr.194,209.

tiên của tỉnh đã được tổ chức. Cấp tỉnh gồm có: 2/3 ủy viên ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, 1/3 trưởng, phó ty, ban chấp hành đoàn thể và toàn thể bí thư chi bộ các cơ quan, cán bộ tham mưu Ban tổ chức, Ban kiểm tra, Ban tuyên giáo Tỉnh ủy.

Cấp huyện, thị xã gồm: 2/3 ủy viên thường vụ các huyện, thị ủy và Đảng ủy tương đương; hầu hết cán bộ các Ban tổ chức, Ban tuyên huấn, Ban kiểm tra.

Yêu cầu lớp chỉnh huấn nhằm xây dựng cho cán bộ, đảng viên 4 quan điểm:

- Nâng cao ý thức làm chủ nhà nước, làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng quan điểm phục vụ sản xuất
- Xây dựng quan điểm cần kiệm xây dựng nước nhà.
- Xây dựng quan điểm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc chỉnh huấn được tiến hành tập trung trong 12 ngày dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy. Phương pháp kiểm điểm: Cấp trên kiểm điểm trước, cấp dưới kiểm điểm sau. Kiểm điểm trong lãnh đạo trước, kiểm điểm đảng viên sau. Làm đến đâu phát huy tác dụng đến đó, nhất là phát huy những mặt tốt, khắc phục những mặt yếu, những thiếu sót đã phát hiện trong chỉnh huấn.

Để làm cơ sở cho việc phê bình và tự phê bình, Tỉnh ủy căn cứ nội dung 4 quan điểm để báo cáo đánh giá tình hình ưu, khuyết điểm trong 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa để toàn đảng viên liên hệ kiểm điểm. Đợt chỉnh huấn đã tiến hành trong tháng 7 và tháng 8 năm 1961, từ

tỉnh xuống chi bộ cơ sở, đồng thời đã tuyên truyền giáo dục cho quần chúng 4 quan điểm nói trên.

Trong khi miền Bắc nước ta thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì các lực lượng phản động ở trong nước và ngoài nước tìm cách phá hoại.

Trước tình hình đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về việc công tác đấu tranh chống bọn phản cách mạng nhằm bảo vệ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Ban Bí thư xác định bọn phản cách mạng ở miền Bắc lúc đó là "những bọn gián điệp của các nước đế quốc, các nước tư bản và của bọn Diệm; bọn phản động lợi dụng đạo thiên chúa và các lực lượng phản động khác có tổ chức hoặc cá nhân chưa có tổ chức, chống đối lại cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp thống nhất nước nhà".(1) Chỉ thị nêu rõ: "Hiện nay kẻ nào, tập đoàn nào, tổ chức nào căm thù và phá hoại sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống lại cuộc đấu tranh giành thống nhất nước nhà thì đều là phản cách mạng".(2) Căn cứ vào tinh thần chỉ thị 186 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đặc điểm tình hình ở Quảng Bình, lãnh đạo Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang Trung ương xác định Quảng Bình là "tuyến nóng", là hướng trọng điểm, xung yếu nhất, vừa là địa bàn chiến thuật, vừa là địa bàn chiến lược để địch xâm phạm phá hoại".(3) Trên cơ sở nhận định đó Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang Trung ương chỉ thị cho các đơn vị Công an

---

(1), (2) Chỉ thị số 186CT/TW ngày 17tháng 2 năm 1960 của Ban Bí thư Trung ương Đảng - Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV(1954-1975) NXB Thông tin lý luận, Hà Nội 1982, trang 116.

(3) Lịch sử bộ đội Biên phòng Quảng Bình, tập I (1959-1995) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng xuất bản 1989. Tr.70

nhân dân vũ trang Quảng Bình phải chủ động xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống gián điệp biệt kích từ Lào sang và từ đường không đến. Công an nhân dân vũ trang Quảng Bình đã kết hợp chặt chẽ ba mặt công tác: quản lý trị an, tuần tra vũ trang và trinh sát bí mật với nguyên tắc "lấy dân làm gốc, lấy lực lượng công an nhân dân vũ trang làm nòng cốt", đã điều tra, nghiên cứu, phân loại được 2.270 đối tượng trong 28 xã thuộc địa bàn biên phòng; lập hồ sơ 60 đối tượng nguy hiểm đề xuất đưa đi cải tạo tập trung và xây dựng 176 cơ sở bí mật, trên 500 cơ sở "tai mắt" tạo nên mạng lưới của công an rộng khắp ở các địa bàn trọng điểm dọc biên giới, bờ biển và vùng xung yếu.

Ngoài ra Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang Quảng Bình còn có kế hoạch cụ thể thường trực chiến đấu trong toàn lực lượng, nhằm chủ động đối phó với âm mưu hoạt động của địch cho máy bay, tàu chiến xâm phạm vùng trời, vùng biển Tổ quốc.

Đúng như nhận định của Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang Trung ương, vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 2 tháng 6 năm 1961, đế quốc Mỹ và tay sai cho máy bay nhảy dù xuống thôn Cây Lim xã Lâm Trạch(1) nhằm mục đích móc nối với bọn phản động địa phương trinh sát tình hình bố phòng của ta và tổ chức gây cơ sở chờ thời cơ nổi dậy phá hoại. Đồng chí Bí thư Đảng ủy xã lập tức cử 3 dân quân chạy 3 hướng: Vào Troóc điện cho Tỉnh, báo cáo xã đội và tin cho dân quân xã Phúc Trạch phối hợp bao vây địch,

---

(1) Cây Lim còn gọi là Tam Trang xã Lâm Trạch là một xã vùng sâu, dân cư thưa thớt, đồng bào theo đạo Thiên chúa, có nhà thờ Tam Trang xây dựng vào năm 1886. Năm 1947, thực dân Pháp đưa quân lên đóng đồn ở Troóc, xã Phúc Trạch đã tạo dựng ở đây một bộ máy tay sai phục vụ âm mưu lâu dài của chúng.

chuẩn bị chiến đấu, đồng thời ra lệnh báo động dân quân xã chia thành các mũi bao vây tiếp cận địch chờ kế hoạch chỉ đạo của cấp trên. Sau khi nhận được tin, thường trực Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp khẩn cấp triển khai kế hoạch đối phó. 8 giờ sáng ngày 3 tháng 6, các đồng chí Cổ Kim Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Sự, Tỉnh đội trưởng, đồng chí Nguyễn Thanh Phong, Trưởng ty công an và đồng chí Hoàng Minh Thi, Tham mưu trưởng Công an nhân dân vũ trang đã có mặt tại thôn Cây Lim để chỉ đạo cuộc vây bắt. Theo kế hoạch hiệp đồng lực lượng tham gia truy lùng gồm có một trung đội công an nhân dân vũ trang mang theo 4 chó nghiệp vụ, 1 đại đội của Sư đoàn 325 quân chủ lực đóng quân trên địa bàn của tỉnh, cùng phối hợp có dân quân hai xã Lâm Trạch và Phúc Trạch hình thành thế bao vây địch, ngoài ra còn có 25 trinh sát viên sẵn sàng cơ động tăng cường khi có yêu cầu. Vùng ngoài, có lực lượng Công an Bố Trạch chốt chặn các ngả đường đi về các vùng lân cận như Troóc, Gia Hưng, Bùng. Ban chỉ huy Công an nhân dân vũ trang Trung ương còn cho một số cán Bộ Cục Tham mưu, Cục Trinh sát ở Hà Nội cơ động tăng cường cho lực lượng truy lùng. Sau 4 ngày đêm mưu trí, dũng cảm vượt núi, băng rừng, mật phục, truy lùng vào lúc 15 giờ ngày 10 tháng 6 năm 1961, bọn biệt kích lọt vào giữa đội hình mai phục và đã bị quân và dân ta tóm gọn.[1]

([1]) Toán gián điệp biệt kích bị quân và dân Quảng Bình bắt gọn ngày 10 tháng 6 năm 1961 gồm 3 tên với bí số là ECO1, ECO2, ECO3. Ta thu 3 dù, 3 súng ngắn, 3 tiểu liên, 3 đài truyền tin vô tuyến điện, 7 số mật mã, 1 máy vô tuyến điện để liên lạc với máy bay và bản đồ, 3 ống nhòm, 3 giấy thông hành giả, 2.500 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam, quần áo nhảy dù, thuốc lá nhãn hiệu ở miền Bắc và một số thư, ảnh gửi cho cha xứ nhà thờ Tam Trang và bọn phản động nội địa. (Theo hồ sơ các vụ án - Lưu tại Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng Quảng Bình)

Đây là trận chiến đấu đầu tiên của lực lượng công an nhân dân vũ trang Quảng Bình trong chiến đấu chống gián điệp, biệt kích của Mỹ- ngụy bằng đường không đã giành được thắng lợi; làm cho nhân dân tin tưởng vào khả năng chiến đấu đập tan âm mưu tung gián điệp, biệt kích xâm nhập miền Bắc để phá hoại của bọn Mỹ - ngụy; góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới của Tổ quốc không những của quân và dân Quảng Bình mà còn là của quân và dân miền Bắc. Bước đầu rút ra bài học, muốn chiến đấu tiêu diệt bọn gián điệp biệt kích thắng lợi trước hết phải có sự lãnh đạo trực tiếp và chỉ đạo kịp thời các cấp ủy Đảng ở địa phương; phát huy sức mạnh tổng hợp, hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng phối hợp, đặc biệt là lực lượng của đông đảo quần chúng.

Sau vụ biệt kích nhảy dù xuống Lâm Trạch, ngày 22 tháng 6 năm 1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 20/CT-TW vạch rõ âm mưu và hành động phá hoại của Mỹ - Diệm đối với miền Bắc, yêu cầu toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kịp thời trấn áp các phần tử phản động tại chỗ, nhanh chóng tiêu diệt địch xâm nhập, phá tan âm mưu tung gián điệp, biệt kích ra miền Bắc của Mỹ - ngụy.

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ, sau một thời gian khảo sát, chuẩn bị quy hoạch và kế hoạch cụ thể, ngày 5 tháng 6 năm 1961 Thường vụ Tỉnh ủy đã ra nghị quyết khởi công đắp đê Hạc Hải. Ngày 11 tháng 6 năm 1961, Ty Thủy lợi cùng với các ban ngành và nhân dân địa phương đã làm lễ khởi công xây dựng đê Hạc Hải (Lệ Thủy) để chống mặn cho 10.000 ha ruộng làm vụ chiêm và 7.000 ha làm vụ thu. Đê dài 12km phải đắp hết 224.000m^3, 1.000m^3 đá,

500m^3 gỗ và với tổng số kinh phí 1.000.000 đồng mới hoàn thành.

Với tinh thần tập trung đầu tư cho vùng lúa trọng điểm của tỉnh để tiến tới, tự túc lương thực theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. Các ngành Tài chính, Ngân hàng, Lương thực, Thực phẩm, Giao thông, Thủy lợi v.v... đã tích cực phục vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công trường. Nhằm hoàn thành kế hoạch xây dựng trong 45 ngày, nhân lực phục vụ trên công trường đã được huy động đến mức cao nhất. Lệ Thủy là huyện có công trình đã huy động 3.130 người. Các huyện Quảng Ninh: 2.285 người, Bố Trạch: 1.800 người, Quảng Trạch: 2.500 người. Tổng số có 10.000 người luôn luôn có mặt ở hiện trường.

Để quán triệt và tổ chức thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về cuộc vận động "Xây dựng quân đội tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy, hiện đại", tháng 8 năm 1961 Tỉnh ủy đã triệu tập hội nghị gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, đại biểu các ngành, các đoàn thể, bí thư các huyện ủy, thị ủy, và các đồng chí phụ trách quân sự các cấp để nghiên cứu và phổ biến Nghị quyết ngày 12 tháng 6 năm 1961 của Quân ủy Trung ương về cuộc vận động xây dựng quân đội lên chính quy hiện đại.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy cũng đã có kế hoạch phổ biến và học tập xuống tận Đảng bộ và chi bộ cơ sở. Các đoàn thể quần chúng cũng được phổ biến rộng rãi và phát động nhân dân tổ chức thực hiện các nghị quyết này một cách có hiệu quả, nhất là Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, các hợp tác xã nông nghiệp, nhằm động viên mọi nhân tố tích cực, mọi lực lượng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn

quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết của Trung ương Đảng về nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, tạo nên một khí thế cách mạng mới, nâng cao chất lượng mọi mặt công tác, nhằm xây dựng một quân đội có trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, có trình độ khoa học kỹ thuật khá, có tinh thần kỷ luật nghiêm, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Ngày 18 tháng 9 năm 1961, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị mở rộng để nghiên cứu Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 của Trung ương Đảng (khóa III) về phát triển nông nghiệp.

Hội nghị Tỉnh uỷ hoàn toàn nhất trí về đánh giá tình hình và nhiệm vụ của Trung ương Đảng và trên cơ sở đó hội nghị đã đánh giá tình hình của địa phương là: "Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp từ năm 1958 đến nay trải qua nhiều thử thách, nhưng đã phát triển nhanh, lành mạnh và nói chung là tốt. Công tác cải tiến quản lý được tăng cường, nhất là khi có phong trào thi đua với hợp tác xã Đại Phong thì đã xuất hiện nhiều hợp tác xã tiên tiến"...

"Việc hoàn thành hợp tác xã bậc thấp và đưa 75% hộ nông dân lên hợp tác xã bậc cao qui mô thôn là thắng lợi hết sức to lớn, chế độ người bóc lột người ở nông thôn đã bị xóa bỏ, sản xuất nông nghiệp đã đi vào kế hoạch, một giai cấp mới - Giai cấp nông dân tập thể đã hình thành...".

Về phát triển sản xuất: ..."Tuy nông nghiệp tỉnh ta rất lạc hậu, lại bị thiên tai liên tiếp, năm 1960 mất mùa 2 vụ liền, nhưng từ năm 1957 đến 1960 tổng giá trị nông nghiệp đã tăng hàng năm bình quân 1,3%... Vụ Đông Xuân 1960-1961 đã thu được thắng lợi lớn cả diện tích và sản lượng, vượt cả năm 1959 là năm được mùa nhất"...

Về mặt khuyết điểm: ..."Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh ta chưa thật vững:

Chưa kết hợp chặt chẽ giữa cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất với việc cải tạo quan hệ sản xuất.

Sản xuất chưa toàn diện, chưa mạnh mẽ và chưa vững chắc; chưa coi trọng chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng, nghề thủ công đi đôi với trồng trọt, coi trọng sản xuất lúa, còn xem nhẹ sản xuất màu, chưa coi trọng thâm canh đi đôi với tăng diện tích; việc cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, năng suất cây trồng tiến chậm và còn rất thấp; nghề cá, nghề rừng là hai nguồn lợi rất lớn của tỉnh ta nhưng chưa được khai thác, là một thiếu sót đáng tiếc..."

Sau khi phân tích các mặt ưu điểm và khuyết điểm về mặt phát triển nông nghiệp trong tỉnh, Hội nghị đề ra nhiệm vụ cụ thể là: Giải quyết tốt vấn đề lương thực, sớm xóa bỏ nạn đói để đi đến không những tự túc được lương thực mà còn có dự trữ trong nông dân và làm nghĩa vụ đối với nhà nước; có đầy đủ thức ăn cho gia súc. Đến năm 1965 phải đạt khoảng 200.000 tấn lương thực. Phải đẩy mạnh sản xuất cây lương thực gồm cả lúa, ngô, khoai, sắn, các loại rau, cây thực phẩm. Phải phát triển cây công nghiệp: Dâu, tằm, đay, gai, cói, lạc, vừng... Phải đẩy mạnh chăn nuôi trâu bò, lợn, phát triển mạnh đàn gà, vịt, ngan ngỗng. Nghề rừng, nghề cá phải được đẩy mạnh cả về nuôi trồng và khai thác...

Để thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ trên, Nghị quyết hội nghị Tỉnh ủy đã nhấn mạnh việc tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đẩy mạnh việc giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng quan điểm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề mấu chốt là phải xây dựng Đảng bộ, Chi bộ vững mạnh nhất là ở huyện và cơ sở.

Để phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, trước mắt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 về phát triển nông nghiệp. Ngày 2 tháng 1 năm 1962, Thường vụ Tỉnh ủy họp ra quyết định mở đợt thi đua với khí thế "phất cờ Đại Phong, đẩy mạnh đông xuân, tiến quân 6 tốt"(1) nhằm đưa vụ Đông Xuân đạt toàn diện về trồng trọt, chăn nuôi, cải tiến tốt kỹ thuật, làm thủy lợi mạnh, năng suất lao động cao, tổ chức đời sống tốt. Mục đích đưa nội dung chất lượng thi đua với Đại Phong lên mức cao hơn.

Trong đợt thi đua này, Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn các hợp tác xã dựa theo cuộc vận động thi đua "Phấn đấu trở thành trai gái Đại Phong" của Trung ương Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam mà đánh giá, xác nhận thanh niên "trai gái Đại Phong" và mở đợt thi đua mới trở thành "trai gái Đại Phong" nhằm thúc đẩy phong trào đi vào chiều sâu và đưa phong trào phát triển một bước mới. Đợt thi đua vừa phát động, đã được tất cả các tầng lớp nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Đợt đầu toàn tỉnh đã lựa chọn và xác nhận được 3.000 thanh niên đạt tiêu chuẩn "trai, gái Đại Phong". Trong đó Bố Trạch có 269 người đạt cấp kiện tướng, Quảng Trạch có 588 người được chọn là xã viên tiên tiến, Lệ Thủy có 188 người đạt danh hiệu "trai gái Đại Phong"(2)

---

(1) Nội dung 6 tốt: Sản xuất tốt, quản lý tốt, cải tiến kỹ thuật tốt, thủy lợi tốt, chăn nuôi tốt, đời sống tốt. Theo đồng chí Lại Văn Ly cung cấp lúc đầu Trung ương đề 4 tốt. Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Bình bổ sung thêm 2 tốt là chăn nuôi và văn hóa tốt.

(2) Báo cáo số 854 của Tỉnh ủy Quảng Bình và báo cáo số 273 ngày 4/4/1963 của Tỉnh Đội Quảng Bình.

Ngày 12 tháng 3 năm 1962, Tỉnh ủy họp đánh giá tình hình năm 1961 và vạch phương hướng nhiệm vụ năm 1962:

Về đánh giá 1961: Phong trào tiếp tục tiến bộ nhiều mặt và đã đi vào chiều sâu, nhất là phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và tiến lên với phong trào thi đua "học tập Đại Phong, đuổi kịp và vượt Đại Phong".

Về sản xuất nông nghiệp. Diện tích trồng trọt đạt 84.016 ha, là năm đạt cao nhất, vượt mức kế hoạch Trung ương giao 8,3%, vượt năm 1960 là 20,8%, bình quân canh tác mỗi đầu người từ 3 sào 14 thước lên 4 sào 1 thước 5 tấc.

Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 117.504 tấn màu quy thóc 40.333 tấn, chiếm 34% của tổng sản lượng, vượt năm 1960 là 29.436 tấn (33,4%) đưa bình quân đầu người từ 229,5 kg (1960) lên 289,7 kg năm 1961.

Về công nghiệp và thủ công nghiệp đạt 23.776.572 đồng tăng hơn năm 1960 gần 2 triệu đồng.

Các mặt giáo dục, văn hóa, y tế đều tiến mạnh. Riêng giáo dục đạt đến 58.800 học sinh từ mẫu giáo trở lên. Bình quân 6 người có 1 người đi học.

Phương hướng nhiệm vụ năm 1962: Động viên toàn Đảng, toàn dân phấn đấu vượt kế hoạch sản xuất; củng cố quốc phòng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu khiêu khích của địch; tăng cường xây dựng Đảng và phong trào quần chúng.

Hội nghị Tỉnh ủy đặc biệt chú ý đến vấn đề xây dựng Đảng về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; Về ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm của người đảng viên cộng sản; *về năng lực tổ chức quản lý kinh tế*, nhất là tăng cường xây dựng cơ sở Đảng ở nông thôn, làm cho *chi bộ Đảng thật sự trở thành hạt nhân lãnh đạo sản xuất và quản lý hợp tác xã,*

để đưa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở tỉnh ta tiến lên một bước mới.

Sau thất bại ở vụ dùng máy bay nhảy dù biệt kích xuống vùng núi Lâm Trạch bị quân và dân ta tóm gọn, đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm lại dùng thủ đoạn tung biệt kích đổ bộ lén lút từ đường biển lên đất liền nhằm tập kích mục tiêu kinh tế, quốc phòng ở ven biển; móc nối với bọn phản động địa phương, tổ chức lực lượng chống đối để phá hoại; kết hợp với tàu chiến hoạt động ở ngoài khơi để phong tỏa bờ biển nước ta, ngăn chặn việc giao thông vận tải bằng đường biển của ta; bắt cóc ngư dân đi biển, tiến hành chiến tranh tâm lý, lung lạc tinh thần đồng bào ta, chia rẽ Đảng với nhân dân, chia rẽ lực lượng vũ trang với quần chúng[1]. Đây là thủ đoạn mới, rất nguy hiểm của địch, làm cho nhân dân ta thiếu an tâm sản xuất, nhất là ở Quảng Bình có bờ biển dài 126km[2], số lượng dân cư sống bằng nghề đánh cá biển khá đông.

Để đối phó với âm mưu phá hoại của địch, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh công an nhân dân vũ trang[3], Tỉnh ủy chủ trương đồng ý cho Ban chỉ huy Công an nhân dân vũ trang Quảng Bình triển khai "Kế hoạch 24 giờ bảo vệ biên giới" nhằm phát hiện, ngăn chặn mọi sự xâm nhập của địch

---

(1) Âm mưu và thủ đoạn của biệt kích Mỹ-ngụy - NXB QĐND Hà Nội 1971 trang 24, 25.

(2) Bờ biển cả nước dài 3.260 km, Biên phòng Quảng Bình quản lý 126km đoạn trên địa bàn Quảng Bình - Theo tài liệu của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Quảng Bình.

(3) Từ tháng 8/1961, Ban chỉ huy CAND Trung ương đổi tên là Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang.

một cách chủ động, kiên quyết và kịp thời. Phương án truy tìm, truy lùng được xây dựng từ Ban chỉ huy ở tỉnh đến các đồn một cách toàn diện. Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy và các Đảng bộ, chi bộ cơ sở, phương án hiệp đồng chiến đấu giữa Công an nhân dân vũ trang với các lực lượng công an, tỉnh đội, sư đoàn 325, bộ đội hải quân, dân quân tự vệ các địa phương với các cấp ủy Đảng và các ban ngành liên quan được bổ sung hoàn thiện. Đảng ủy, Ban chỉ huy công an nhân dân vũ trang Quảng Bình chủ trương trong khi đẩy mạnh các mặt công tác thường xuyên sẵn sàng chiến đấu, phải tăng cường chuẩn bị tốt công tác bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, chỉ huy thông suốt, nhanh chóng. Cán bộ, chiến sĩ công an vũ trang Quảng Bình đã chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tìm tòi sáng tạo hành quân hàng trăm ki lô mét để tìm kiếm, thu nhặt nguyên vật liệu tự lực giải quyết thành công dựng cột cao đến 32 mét để kéo đường dây điện thoại vượt qua sông Gianh và sông Nhật Lệ[1]. Tháng 5 năm 1962, công trình dựng cột kéo dây qua sông Gianh và sông Nhật Lệ đã khánh thành và chính thức

---

(1) Sau hòa bình 1954, Ty Bưu điện Quảng Bình đã có kế hoạch xây dựng đường dây điện thoại vượt sông Gianh và sông Nhật Lệ, nhưng do gặp khó khăn về cơ sở vật chất và kinh phí nên chưa thực hiện được. Năm 1962 do yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới, Đảng ủy - Ban chỉ huy Công an vũ trang Quảng Bình hạ quyết tâm phải bắc bằng được đường dây vượt sông Gianh và sông Nhật Lệ. Đầu tháng 2 năm 1962, hai phân đội thông tin và công binh Công an nhân dân vũ trang Quảng Bình hành quân hơn 200 km lên xã Dân Hóa (nay thuộc huyện Minh Hóa) thu gom trên 22 tấn sắt thép phế liệu năm 1919 thực dân Pháp làm đường cáp treo ở xóm Cụp qua Lào còn gọi là không trung thiết lộ, bị phá hủy trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1946.

đưa vào sử dụng. Mạng điện thoại dọc tuyến biển nối liền các đồn biên phòng từ Roòn - Thanh Khê, Lý Hòa - Nhật Lệ, Cửa Thôn - Ngư Thủy được khai thông không những giúp cho việc truyền đạt chỉ thị, mệnh lệnh từ chỉ huy xuống được thuận lợi mà còn việc thỉnh thị, xin ý kiến chỉ đạo từ các đồn về Ban chỉ huy ở tỉnh được nhanh chóng và thuận lợi. Ngày 21 tháng 4 năm 1962, Bộ Tư lệnh công an nhân dân vũ trang ra quyết định số 18/QĐ-TL thành lập một trung đội tàu thuyền 30 người làm nhiệm vụ tuần tra dọc bờ biển từ Đèo Ngang đến điểm tiếp giáp với xã Vĩnh Thái (Vĩnh Linh) do thiếu úy Đậu Minh Thông chỉ huy.

Cơ quan tham mưu Tỉnh đội cử cán bộ xuống các xã vùng biển Ngư Thủy, Bảo Ninh, Nhân Trạch, Cảnh Dương... kiện toàn lực lượng dân quân, du kích sẵn sàng chiến đấu. Ty công an cùng với các đồn biên phòng phối hợp rà soát lại cơ sở làm sạch địa bàn, tập trung giáo dục và cải tạo những phần tử xấu và cùng với các đảng bộ địa phương tuyên truyền giáo dục quần chúng ý thức cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của địch.

Đêm 14 tháng 6 năm 1962, bọn "biệt hải" từ miền Nam ra đột nhập vùng biển Ngư Thủy (Lệ Thủy). Lực lượng công an nhân dân vũ trang đồn Ngư Thủy cùng dân quân tuần tra phát hiện; nhưng do thiếu kinh nghiệm trong việc hợp đồng chiến đấu và công tác mật phục không khéo nên địch phát hiện được lực lượng của ta, chúng tháo chạy trước khi gây tội ác.

Tiếp đó, đêm 30 tháng 6 năm 1962, địch cho 16 biệt kích "người nhái" đột nhập vào quân cảng sông Gianh, gài

mìn định phá tàu hải quân của ta, tạo tiếng nổ làm cho quần chúng hoang mang dao động. Theo phương án chuẩn bị sẵn, các chiến sỹ hải quân ở cảng sông Gianh cùng bộ đội biên phòng, tự vệ ngư trường sông Gianh, dân quân và ngư dân thôn Văn Phú và Quảng Văn, Quảng Thuận, Quảng Phúc, Thanh Trạch nhanh chóng triển khai lực lượng theo phương án hiệp đồng chiến đấu, tiêu diệt và bắt gọn cả đoàn biệt kích người nhái của Mỹ - nguỵ. Kết quả này thể hiện tinh thần cảnh giác, ý chí chiến đấu dũng cảm, phương án hợp đồng chiến đấu chặt chẽ của quân và dân địa phương nên đã kịp thời trừng trị hành động phá hoại của chúng một cách đích đáng tuy nhiên qua trận chiến đấu này cũng đã bộc lộ một số thiếu sót trong việc chỉ huy chiến đấu, xây dựng, bố trí lực lượng, chỉ đạo tác chiến bảo vệ địa bàn, bảo vệ an ninh... Để khắc phục những thiếu sót; sơ hở, tăng cường sức chiến đấu của các lực lượng, Tỉnh uỷ cùng các cơ quan hữu trách một mặt nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm rà soát lại các phương án bố phòng, tổ chức thực hiện mặt khác đề nghị cấp trên kiện toàn các tổ chức, các đơn vị phù hợp với tình hình và đặc điểm địa phương.

Trên cơ sở quán triệt nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về đấu tranh chóng bọn phản cách mạng. Tháng 5 năm 1962, Thường vụ Tỉnh uỷ họp ra nghị quyết số 6 về tăng cường đấu tranh chống bọn phản cách mạng để phục vụ tốt công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Thường vụ Tỉnh uỷ đã kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trị an, đấu tranh chống bọn phản cách mạng ở trong tỉnh và thực hiện nhiệm

vụ của Nghị quyết Bộ Chính trị đề ra cho các năm 1962 và 1963[1] từ đó, Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra nhiệm vụ là:

Các cơ quan, đơn vị, bộ phận đảm trách những nhiệm vụ quan trọng phải bảo đảm nội bộ thật thuần khiết và được bảo vệ một cách nghiêm mật. Bảo đảm làm cho tình hình trật tự, trị an ở các địa bàn quan trọng về quốc phòng, kinh tế, chính trị phải được ổn định thật sự. Sau hai năm căn bản quét được lực lượng phản cách mạng đã bộc lộ và đang có dấu hiệu bộc lộ ở các địa bàn trong tỉnh. Đảm bảo bài trừ khả năng gây bạo loạn của kẻ địch. Bảo đảm ngăn chặn kịp thời và nhanh chóng tiêu diệt mọi âm mưu gây rối trật tự trị an như bạo động, hoặc gây khiêu khích của địch bất kỳ ở đâu. Đảm bảo căn bản nắm được tình hình địch ẩn nấp trong nội bộ và ngoài xã hội, nhất là ở các địa bàn trọng điểm.

Nghị quyết còn nhấn mạnh: Cần nắm vững đường lối, chính sách, phương châm trong trấn áp bọn phản cách mạng: "Kiên quyết và thận trọng" nâng cao cảnh giác không để lọt một kẻ địch, đề phòng lệch lạc không được làm oan một người ngay"; "Trấn áp kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục cải tạo"; "Đảng lãnh đạo, dựa vào quần chúng, kết hợp tính tích cực của quần chúng với

---

(1) Vụ biệt kích"người nhái" đột nhập vào quân cảng sông Gianh ngày 30 tháng 6 năm 1962 , đã được toà án quân sự xét xử công khai tại hội trường lớn thị xã Đồng Hới vào cuối năm 1962 để vạch trần âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai, nhằm góp phần giáo dục cho toàn quân, toàn dân tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu phá hoại miền Bắc xã hội chủ nghĩa của Mỹ - nguỵ Sài Gòn. Sau vụ bắt gọn toán gián điệp biệt kích này, quân và dân Quảng Bình liên tiếp chiến đấu bắt hàng chục vụ biệt kích khác bằng đường thuỷ, đường bộ và đường không...

công tác nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn". Các địa phương trong tỉnh đã phát động phong trào thi đua với Yên Phong, xã Quảng Phúc (vùng thiên chúa giáo) trở thành điển hình trong cuộc vận động bảo vệ trị an của tỉnh. Đây là một trong những nghị quyết của Thường vụ Tỉnh uỷ, được quần chúng hưởng ứng nhiệt liệt và được thực hiện tốt nhất.

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, phong trào thi đua yêu nước ngày càng phát triển sâu rộng trong tất cả các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở. Phong trào đã làm nảy sinh nhiều tập thể và rất nhiều cá nhân xuất sắc nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa ảnh hưởng của những tấm gương tiêu biểu đó. Tháng 6 năm 1962, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức lễ phát động phong trào kết nghĩa công, nông, binh toàn tỉnh. Về dự lễ có trên 500 đại biểu, đại diện cho các anh hùng, chiến sĩ, công, nông, binh ở các hợp tác xã nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp, các xí nghiệp, công nông trường và các lực lượng vũ trang. Ngoài ra còn có đại biểu các xã, các huyện, thị xã, và các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh cùng tham dự.

Dưới sự trực tiếp chủ trì của Thường vụ Tỉnh uỷ hội nghị đã nghe báo cáo kết quả và những kinh nghiệm tiên tiến của các đơn vị anh hùng tại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 họp tại Hà Nội từ ngày 4 đến ngày 6 tháng 5 năm 1962 hội nghị nhiệt liệt chào mừng hợp tác xã Đại Phong được công nhận "lá cờ đầu" ngành nông nghiệp toàn miền Bắc. Hội nghị chào mừng hợp tác xã nghề cá Quang Phú, xã Lộc Ninh, huyện Quảng Ninh, dân quân xã Mai Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, đồn 102 công an nhân dân vũ trang Quảng Bình là những đơn vị được đại hội tuyên dương và tặng cờ *"đơn vị tiên tiến xuất sắc nhất"*. Hội nghị chào mừng: Lâm trường chống cát Quảng Bình;

Nông trường Lệ Ninh; Nông trường Việt Trung, đơn vị công an nhân dân vũ trang tỉnh; Ty Công an Quảng Bình được đại hội tuyên dương và tặng cờ *"đơn vị tiên tiến"*. Hội nghị nhiệt liệt chào mừng cụ Ngô Xuân Mốc 57 tuổi quê ở xã Ngư Thủy, phụ trách trồng cây của hợp tác xã, 6 năm liền là chiến sĩ thi đua, là người rất tích cực bảo vệ làng mạc, nhà cửa, nương vườn của nhân dân miền biển chống nạn cát lấp, cát vùi mà trước đây đã buộc 1/3 nhân dân xã Ngư Thuỷ phải di cư đi nơi khác, là người 7 năm liền đi tìm giống, gánh cây về tận nhà cho nhân dân trồng. Riêng vụ Thu Đông 1961 -1962 , cụ đã gánh được 12 vạn cây phi lao cho bà con xã viên trồng, cụ cũng đã tặng cho hợp tác xã 2000 cây của gia đình làm công quỹ. Kết quả toàn xã đã trồng được 72 vạn cây thành một hàng rào chạy dài 23 km trên bãi cát trắng. Cụ Ngô Xuân Mốc đã được thưởng *Huân chương Lao động hạng ba*. Theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng cụ *Ngô Xuân Mốc:* Danh hiệu *Anh hùng lao động và Huân chương Lao động hạng nhất*. Hội nghị lại biểu dương đồng chí Lê Trạm 38 tuổi quê ở xã Lộc Ninh, huyện Quảng Ninh, chủ nhiệm hợp tác xã Quang Phú, ba năm liền là chiến sĩ thi đua; là người đầu tiên phát triển nghề khơi ở vùng bãi ngang, mạnh dạn đưa xã viên đi xa trên 50 cây số, để mở rộng cơ sở đánh cá, tích cực tổ chức kinh doanh nhiều nghề, nhiều ngành, giải quyết công ăn việc làm cho 300 vợ con xã viên, tổ chức khai hoang trồng màu tự túc được một phần lương thực làm cho thu nhập của xã viên năm 1961 tăng hơn 1960 là 73.495 đồng, bán cho nhà nước hàng trăm tấn cá, hàng vạn lít nước mắm. Đồng chí có công xây dựng hợp tác xã Quang Phú trở thành lá cờ đầu của phong trào hợp tác xã nghề cá... Đồng chí được thưởng *Huân chương Kháng chiến*

hạng ba. Theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng đồng chí Lê Trạm: Danh hiệu *Anh hùng lao động* và *Huân chương Lao động hạng nhất*.

Đây là những bông hoa đẹp trong vườn hoa thi đua yêu nước của tỉnh nhà. Thành tích của các đơn vị và cá nhân anh hùng nó khẳng định tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám tiến công vào khoa học kỹ thuật để đẩy lùi nghèo nàn và lạc hậu. Nó nói lên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Hội nghị đã nghe báo cáo đánh giá tình hình phong trào thi đua 6 tháng đầu năm của các ngành và đã nhiệt liệt hưởng ứng cuộc vận động thi đua của tỉnh về "học tập, tiến kịp và vượt "Duyên Hải"(1) trong công nghiệp, "Đại Phong"(2) trong nông nghiệp, "Thành Công"(3) trong thủ

---

(1) Nhà máy Cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng) có sáng kiến mở hội thao kỹ thuật, nhờ đó mà nhà máy đã không ngừng tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Công nhân phát huy nhiều sáng kiến, có sáng kiến làm thay đổi hẳn tổ chức sản xuất. Nhà máy hoàn thành toàn diện vượt mức kế hoạch nhà nước, trở thành lá cờ đầu của phong trào thi đua trong ngành công nghiệp.

(2) Hợp tác xã Đại Phong thuộc xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã nhỏ, vừa và lên bậc cao quy mô toàn thôn. Đuổi kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong nhằm 5 mục tiêu:

** Cải tiến kỹ thuật và tăng năng suất*
** Tăng vụ và vỡ hoang*
** Phát triển nhiều ngành, nhiều nghề*
** Cải tiến công tác quản lý hợp tác xã*
** Tăng cường công tác chính trị và tư tưởng trong hợp tác xã.*

(3) Hợp tác xã Thành Công (Thanh Hóa) đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh cần kiệm, xây dựng hợp tác xã, phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, đẩy mạnh sản xuất xây dựng hợp tác xã từ nhỏ lên lớn. Nhờ đó, mà hoàn thành kế hoạch nhà nước trước thời hạn 120 ngày, đưa giá trị tổng sản lượng năm 1961 tăng gấp 3 lần năm 1960. Về tổ chức, xây dựng hợp tác xã kết hợp với xây dựng cơ sở Đảng và các tổ chức thanh niên, phụ nữ, dân quân tự vệ.

công nghiệp, "Bắc Lý"[1] trong giáo dục văn hoá và "phong trào ba nhất"[2] trong quân đội, để đưa phong trào thi đua trong tỉnh tiến mạnh mẽ, đồng đều hơn nữa trong các ngành, các cấp. Rút kinh nghiệm phong trào thi đua trong năm qua, Tỉnh ủy đã đề ra yêu cầu nội dung thi đua và phát động phong trào thi đua kết nghĩa công, nông, binh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và chiến đấu giữa công nhân và nông dân, giữa nhân dân và quân đội, giữa cơ quan công, nông trường, xí nghiệp với nông thôn.

Tháng 7 năm 1962, Tỉnh ủy cùng với các ban, ngành, đoàn thể và các địa phương trong tỉnh, triển khai cuộc vận động thi đua Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí cấp ủy viên trực tiếp giúp các huyện, thị xã sơ kết phong trào thi đua với Đại Phong và xác nhận hợp tác xã đạt danh hiệu Đại Phong của đơn vị địa phương mình.

Sau khi được công nhận lá cờ đầu ngành nông nghiệp toàn miền Bắc, cán bộ và xã viên hợp tác xã Đại Phong yêu cầu Tỉnh ủy cho hợp nhất lên hợp tác xã toàn xã để đủ điều kiện phấn đấu và phát huy thắng lợi đã giành được. Tỉnh ủy nhất trí chủ trương và cử cán bộ có kinh nghiệm giúp hợp tác xã Đại Phong hợp nhất với hợp tác xã Thượng Phong, từ một hợp tác xã quy mô thôn lên hợp tác xã có quy mô toàn xã lấy tên là "Hợp tác xã Việt - Xô hữu nghị" gồm 1.200 hộ, trên 6.000 nhân khẩu và trên 1.000 hếc ta ruộng đất gieo

---

(1) Trường cấp II Bắc Lý thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà là trường dẫn đầu trong phong trào thi đua "dạy thật tốt, học thật tốt" của Ngành Giáo dục, tất cả vì học sinh thân yêu"

(2) Phong trào thi đua "Ba nhất" bắt đầu từ Đại đội 2 đoàn pháo binh Vinh Quang, từ một đơn vị kém vươn lên trở thành đơn vị dẫn đầu toàn quân: đạt thành tích nhiều nhất, thành tích các mặt đều nhất, chiếm kỷ lục cao nhất (giỏi nhất).

trồng. Trước sức mạnh mới và niềm phấn khởi mới, "Hợp tác xã Việt - Xô hữu nghị" ra quân làm thủy lợi, khai hoang và phát triển ngành nghề với khí thế mạnh mẽ chưa từng thấy.

Phong trào thi đua "học tập, tiến kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong" do Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp phát động đã phát triển sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong nông dân và nó đã thực sự trở thành phong trào cách mạng của quần chúng. Sau chưa đầy 2 tháng phát động phong trào, ngày 15 tháng 4 năm 1961, với bút danh T.L, Hồ Chủ tịch viết bài cho Báo Nhân dân khen ngợi "Phong trào Đại Phong". Người khẳng định "Đó là một phong trào tốt và rất mạnh mẽ, nó chứng tỏ tinh thần hăng hái, lực lượng to lớn và khả năng dồi dào của đồng bào nông dân ta"(1). Tỉnh ủy chủ trương sơ kết một buổi phong trào thi đua với hợp tác xã Đại Phong và xác nhận danh hiệu Đại Phong ở các huyện để các hợp tác xã có điều kiện học tập, phấn đấu vươn lên trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước.

Do xây dựng được điển hình cho từng vùng và đề ra chỉ tiêu kế hoạch thi đua sát hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương nên phong trào thi đua với hợp tác xã Đại Phong có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Cuối năm 1962 toàn tỉnh có 200/780 hợp tác xã đạt danh hiệu hợp tác xã Đại Phong. Tiêu biểu là: Hợp tác xã Tiên Lang từ một hợp tác xã nghèo, ít ruộng, bằng khai hoang trồng màu, làm thủy

---

(1) Báo Nhân dân số 2582 ngày 15 tháng 4 năm 1961 - Quảng Bình ơn Bác. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình XB 3/1976. Trang 25.

lợi, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi... trở thành hợp tác xã khá, đời sống quần chúng xã viên được nâng cao, nhân dân đoàn kết, phấn khởi, thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước. Hợp tác xã Tiên Lang trở thành hợp tác xã Đại Phong của huyện Quảng Trạch.

Hợp tác xã Đức Phổ cải tiến nông cụ, làm thủy lợi, biến ruộng một vụ thành hai vụ, đưa vụ tám lên thành vụ chính, thu nhập của hợp tác xã và xã viên đều tăng, hợp tác xã Đức Phổ trở thành hợp tác xã "Đại Phong" của Quảng Ninh.

Hợp tác xã Thanh Tân (Thanh Thủy) quản lý lao động tốt, phát triển đàn trâu bò cày kéo, làm thủy lợi, khoanh vùng chống úng, chống mặn tốt. Hợp tác xã Thanh Tân trở thành hợp tác xã "Đại Phong" của Quảng Trạch.

Hợp tác xã Tứ Mỹ (xã Trung Trạch) chủ động, sáng tạo đào ao, đìa lấy nước chống hạn cho vụ chiêm và vụ mùa, đưa năng suất lên cao, cải tiến công cụ giải phóng đôi vai... hợp tác xã Tứ Mỹ trở thành hợp tác xã "Đại Phong" của huyện Bố Trạch.

Hợp tác xã Thiết Sơn (xã Thanh Hóa), làm thủy lợi tốt, tăng vụ, thâm canh, tự túc được lương thực với điều kiện ruộng đất bình quân chưa đầy 2 sào một đầu người. Trở thành hợp tác xã Đại Phong của huyện Tuyên Hóa.

Đối với miền Bắc phong trào thi đua "học tập tiến kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong" được phát động chưa đầy 90 ngày đã có 32 khu, tỉnh, ngoại thành phát động phong trào thi đua với Đại Phong. Nhiều tỉnh như Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Đông... đã thành lập ban lãnh đạo thi đua với Đại Phong do đồng chí Bí thư hoặc phó bí thứ Tỉnh ủy làm

trưởng ban. Ngoài việc tích cực bồi dưỡng, giúp đỡ phát hiện những "Đại Phong của tỉnh", các tỉnh đã cử cán bộ về hợp tác xã Đại Phong học tập, rút kinh nghiệm. Theo số liệu chưa đầy đủ, tính đến ngày 24 tháng 4 năm 1961, trong 17 tỉnh đã có 1.700 hợp tác xã giao ước thi đua với hợp tác xã Đại Phong và sau đó chưa đầy 1 tháng (17/5/1961) đã có 3.191 hợp tác xã thi đua với Đại Phong. Trong số các hợp tác xã thi đua với Đại Phong có mặt các hợp tác xã ở vùng xa xôi hẻo lánh từ vùng cao, biên giới đến hải đảo: Vĩnh Kim (giới tuyến quân sự tạm thời), A Má (biên giới Việt - Lào), Phìn Hồ (Hà Giang) và Cô Tô (đảo nhỏ ở Hải Ninh).

Qua phong trào thi đua với Đại Phong, toàn miền Bắc cấy lúa vụ chiêm vượt mức kế hoạch 2,6%, trồng khoai vượt 2,4%, trồng ngô đạt 65,6%, sắn đạt 87,7%, diện tích vở hoang tăng 33,439 mẫu[1].

Thực hiện đường lối và nhiệm vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã vạch ra, tháng 6 năm 1962, Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp ra Nghị quyết chuyên đề về phát triển công nghiệp ở miền Bắc nước ta trong thời kỳ quá độ. Hội nghị nêu phương hướng chung về xây dựng và phát triển công nghiệp là "Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý; kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp; ra sức phát triển

---

(1) Báo Nhân dân ngày 22/4/1961 và ngày 30/4 và 17/5/1961. Các tỉnh có số hợp tác xã đạt danh hiệu hợp tác xã Đại Phong nhiều nhất là: Vĩnh Phúc có 332 hợp tác xã, Nghệ An 308; Bắc Giang 272; Nam Định 259; Hưng Yên 257; Quảng Bình 200; Thái Bình 178; Phú Thọ 118; Yên Bái 98; Thái Nguyên 80 (Báo Nhân dân ngày 22/4/1961)

công nghiệp nhẹ, song song với việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; ra sức phát triển công nghiệp Trung ương đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương; kết hợp với xí nghiệp quy mô lớn với xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ, kết hợp kỹ thuật hiện đại với kỹ thuật thô sơ[1].

Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu: "Công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế... công nghiệp phát triển thì nông nghiệp mới phát triển. Cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau phát triển"[2].

Thực hiện chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Đảng từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 10 năm 1962, Tỉnh ủy họp để nghiên cứu Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng và bàn phương hướng nhiệm vụ phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Thực trạng của công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương Quảng Bình đang trong quá trình biến đổi cách mạng và có những biến đổi mới về quan hệ sản xuất, về lực lượng sản xuất, về cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên sự biến đổi đó chỉ mới là bước đầu, vì công nghiệp và thủ công nghiệp chưa phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu đời sống nhân dân, cơ sở vật chất và kỹ thuật của công nghiệp, thủ công nghiệp cũng như của nông nghiệp còn rất yếu ớt, phương hướng sản xuất của nhiều cơ sở công nghiệp và thủ công nghiệp chưa được xác định rõ ràng. Năm 1961, toàn tỉnh mới có 10 cơ sở sản xuất quốc doanh địa phương,

---

(1), (2) Những sự kiện lịch sử Đảng, Tập IV (1954-1975) NXB Thông tin lý luận - Hà Nội 1982 trang 183.

80 hợp tác xã thủ công nghiệp trong đó có 21 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp nằm rải rác khắp các vùng thị xã, thị trấn, nông thôn. Tỉnh ủy nghiêm khắc tự phê bình sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công nghiệp và thủ công nghiệp địa phương, coi nhẹ việc phát triển ngành nghề thủ công trong hợp tác xã nông nghiệp và nông thôn.

Do chưa điều tra, nghiên cứu tài nguyên khoáng sản một cách có hệ thống, đặc biệt là máy móc, vật tư, nguyên vật liệu còn phụ thuộc vào Trung ương, do đó Hội nghị chưa xác định được phương hướng nhiệm vụ toàn bộvà lâu dài mà chỉ giải quyết được một bước về nhiệm vụ cụ thể trước mắt là "ra sức củng cố và phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hoặc tổ ngành nghề trong hợp tác xã nông nghiệp; giúp đỡ các hợp tác xã thủ công nghiệp xây dựng phương hướng sản xuất, tích cực giải quyết khó khăn cho hợp tác xã thủ công nghiệp về vốn, thiết bị, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm để phát triển sản xuất một cách mạnh mẽ hơn". Về công nghiệp địa phương: "Mở rộng xí nghiệp cơ khí 3/2, và các xí nghiệp mộc Ba Đồn, xí nghiệp Bình Trị Thiên, xưởng nông cụ ở Lệ Thủy, Tuyên Hóa, các xí nghiệp gạch ngói Thuận Lý, Phước Duệ.v.v..."

Hội nghị lần thứ 10 của Tỉnh ủy họp ngày 10 tháng 10 năm 1962, bàn về phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương cũng đã kiểm điểm tình hình sản xuất nông nghiệp năm 1962; trên cơ sở đó, tháng 1 năm 1963, Tỉnh ủy mở hội nghị bàn phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp năm 1963 và những chỉ tiêu, biện pháp của vụ sản xuất Đông Xuân 1962-1963. Qua kinh nghiệm từ thực tế chỉ đạo phong trào hai năm thực hiện kế hoạch nhà nước, Tỉnh ủy đã có cơ sở để đánh giá tình hình và thấy rõ tiềm

năng để phát triển nông nghiệp của địa phương trong kế hoạch 5 năm. Hội nghị Tỉnh ủy nêu ba yêu cầu đối với việc phát triển nông nghiệp năm 1963 là:

Đảm bảo lương thực và thực phẩm để cung cấp cho nhân dân trong tỉnh, cải thiện đời sống nông dân, phục vụ cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp thủ công nghiệp địa phương và một phần để xuất khẩu.

Bước đầu xây dựng một số cơ sở vật chất và kỹ thuật trong công nghiệp để đẩy mạnh việc cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, đồng thời chuẩn bị cho các năm sau có thể khai thác mạnh những tài nguyên thiên nhiên của tỉnh, tiến lên hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Hội nghị quyết định phương hướng và nhiệm vụ năm 1963:là "Đẩy mạnh cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật để làm cơ sở cho việc phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc nhằm hướng thâm canh, tăng năng suất trên toàn bộ diện tích trồng trọt, trước hết là đẩy mạnh tăng năng suất lúa, điều chỉnh một số diện tích để ổn định các loại cây trồng nhằm đạt năng suất cao, đồng thời nghiên cứu khả năng đất đai và điều kiện canh tác để phát triển mạnh diện tích một số loại hoa màu để giải quyết tốt vấn đề lương thực, lấy lương thực làm trọng tâm, đồng thời hết sức chú trọng phát triển cây công nghiệp, nhất là các loại cây công nghiệp có hiệu quả kinh tế lớn, đẩy mạnh việc chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng và nghề phụ, phát triển mạnh kinh tế hợp tác xã là chính, đồng thời chú trọng đúng mức kinh tế phụ của gia đình xã viên và những hộ làm ăn riêng

lẻ nhằm hướng tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân, phấn đấu đến năm 1965 đưa mức sống của nông dân lên ngang mức sống của trung nông lớp trên hiện nay".

Nghị quyết đã nêu cụ thể chỉ tiêu các mặt trồng trọt, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng.v.v.. và các biện pháp cụ thể cả về giải quyết tư tưởng, tổ chức, chính sách.v.v...

Ngày 11 tháng 3 năm 1963, Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ và biện pháp đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm năm 1963. Nghị quyết chỉ rõ: "Trên cơ sở phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện mà tích cực đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc và tiểu gia súc, không những nông thôn, hợp tác xã nông nghiệp, gia đình xã viên, và ngay cả các vùng phi sản xuất nông nghiệp như vùng thủ công nghiệp, miền biển, thị trấn, thị xã, các cơ quan xí nghiệp, quân đội, trường học nhằm đáp ứng các yêu cầu:

Cung cấp sức kéo cho nông nghiệp, giảm bớt tình trạng căng thẳng về sức kéo trong thời vụ cấp bách.

Giải quyết phần lớn phân bón cho trồng trọt để tăng năng suất các loại cây trồng, phục vụ bước đầu cải tạo đất đai hiện nay và chuẩn bị cho các năm sau.

Bảo đảm cung cấp thịt đúng kế hoạch không những ở nông thôn mà ngay cả thành thị và các vùng phi sản xuất nông nghiệp như cơ quan, xí nghiệp, công, nông trường và quân đội.v.v...

Để đảm bảo các yêu cầu đó một cách vững chắc Nghị quyết nêu mục tiêu cụ thể cho từng hợp tác xã, từng hộ gia đình phải phấn đấu đảm bảo thường xuyên mỗi hộ nuôi hai con lợn. Đàn trâu phải tăng 3%, đàn bò tăng 5% so với năm 1962.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, nhất là trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở địa phương và để góp phần tăng cường phương tiện cho công tác tư tưởng và công tác xây dựng Đảng, ngày 19 tháng 3 năm 1963, Tỉnh ủy Quảng Bình ra Nghị quyết về công tác báo chí và quyết định xuất bản tờ "Báo Quảng Bình" cơ quan ngôn luận chính thức cửa Đảng bộ, Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Quảng Bình thay cho tờ "Tin Quảng Bình". Báo Quảng Bình ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới. Nghị quyết chỉ rõ: "Với trách nhiệm là cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng bộ tỉnh, là cơ quan tuyên truyền, cổ động và tổ chức tập thể của Đảng đối với quần chúng, là vũ khí mạnh mẽ về chính trị và tư tưởng để thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng bộ và nhân dân làm cho toàn thể đảng viên, cán bộ và nhân dân có một trình độ giác ngộ mới, một khí thế cách mạng mới, một tinh thần phấn đấu mới "Báo Quảng Bình" có nhiệm vụ cụ thể là:

Tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, phổ biến các nghị quyết, chỉ thị và kế hoạch công tác của Đảng bộ tỉnh.

Giáo dục, nâng cao nhận thức tư tưởng, trình độ chính trị, chính sách, đồng thời cũng góp phần nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trong tỉnh.

Phản ánh tình hình và kinh nghiệm mọi mặt công tác trong tỉnh, mà trọng tâm nhất là phản ánh tình hình và kinh nghiệm hợp tác xã và sản xuất nông nghiệp.

Bồi dưỡng các điển hình tốt, phê phán, uốn nắn những biểu hiện tư tưởng và hành động lệch lạc, nhằm phát huy hơn nữa truyền thống đấu tranh anh dũng, lao động sáng tạo của nhân dân, động viên cổ vũ mọi người ra sức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ của cách mạng.

Để phục vụ công tác tư tưởng và chỉ đạo các hoạt động kinh tế - xã hội, Tỉnh ủy đã chủ trương xuất bản tờ báo "Quảng Bình".

"Báo Quảng Bình" số đầu tiên ra ngày 27 tháng 3 năm 1963 - Ngày kỷ niệm Quảng Bình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (27/3/1947).

Tờ "Báo Quảng Bình" ra đời đã đáp ứng được yêu cầu của việc truyền đạt những thông tin cần thiết và nhiều mặt cho cán bộ, đảng viên, quân và dân trong tỉnh. Đồng thời tờ báo Quảng Bình vừa là tiếng nói của Đảng vừa là diễn đàn của nhân dân.

Để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra Nghị quyết về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp với 3 yêu cầu: Cải tiến quản lý hợp tác xã; cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã; tăng cường lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 19 tháng 3 năm 1963, Tỉnh ủy chủ trương triển khai cuộc vận động trên một cách sâu rộng trong toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp quần chúng nhân dân.

Cuộc vận động làm trong 3 năm (1963-1965) chia thành 2 bước.

Bước 1: Trên cơ sở phát động quần chúng nhận thức về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mà xây dựng phương hướng kế hoạch sản xuất của hợp tác xã theo quy vùng của huyện, tỉnh, xây dựng kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và cải tiến kỹ thuật, kế hoạch lao động, tài vụ, kiện toàn cơ quan lãnh đạo quản lý hợp tác xã và sự lãnh đạo của chi bộ.

Bước 2: Sau khi các hợp tác xã đã làm xong bước 1, sẽ tổng kết rút kinh nghiệm và tiến hành bước 2, với chất lượng cao hơn, toàn diện hơn về quản lý, về cách mạng kỹ thuật.v.v...

Để cuộc vận động đạt kết quả tốt, Tỉnh ủy đã làm thí điểm tại hợp tác xã Văn La (Lương Ninh) do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp phụ trách chỉ đạo và tổng kết kinh nghiệm.

Sau khi rút kinh nghiệm làm thí điểm ở Văn La, tỉnh chủ trương triển khai làm thí điểm ở diện rộng ra các huyện, thị xã các loại hợp tác xã khá, vừa ở các vùng sản xuất lúa, màu và chăn nuôi.

Đợt mở rộng thí điểm vừa giúp cho các huyện, thị xã rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, vừa giúp các ngành đi sâu vào chức năng của mình trong quản lý kỹ thuật tạo cho cuộc vận động đạt được kết quả tốt hơn.

Cuối tháng 5 năm 1963 sơ kết, rút kinh nghiệm đợt làm thí điểm, bồi dưỡng cán bộ và quyết định kế hoạch từng đợt cho vòng một cuộc vận động.

Trên 700 cán bộ đã được Tỉnh ủy huy động đi phục vụ cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, rút một số cán bộ hợp tác xã khá đi giúp hợp tác xã kém.

Tháng 4 năm 1963, Hội nghị Tỉnh ủy nghiên cứu nghị quyết hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng về "Kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất" (1961-1965).

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết bổ sung một số chủ trương, mục tiêu, biện pháp vào Nghị quyết hội nghị lần thứ 8 của của Tỉnh ủy về công nghiệp, nông nghiệp, đặc biệt bàn kỹ biện pháp tạo nên một sự chuyển biến tốt hơn trong việc sản xuất lương thực, nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, tăng thêm khối lượng nông sản tiêu dùng trong nông thôn. Đồng thời tăng thêm nhiều nông sản hàng hóa, phục vụ cho công nghiệp và xuất khẩu... Tỉnh ủy đã quyết định lấy Nghị quyết 8 Trung ương làm nội dung học tập quan trọng trong cuộc vận động quản lý hợp tác xã nông nghiệp, vận dụng phương hướng, mục tiêu đã nêu trong Nghị quyết 8 Trung ương để xây dựng phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu đối với hợp tác xã mình theo từng vùng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ V ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã triển khai việc chuẩn bị Hội nghị đại biểu lần thứ V của Đảng bộ tỉnh.

Ngày 6 tháng 6 năm 1963, Đại hội Đảng bộ từ các cơ sở đã được tiến hành để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, đồng thời đánh giá tình hình, nhiệm vụ và bầu cấp ủy mới của từng cấp.

Chấp hành Nghị quyết của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc mở Đại hội đại biểu khu, tỉnh, thành, ngày 25 tháng 4 Tỉnh ủy đã họp và ra Nghị quyết về yêu cầu, nội dung Đại hội đại biểu; thông qua đề cương báo cáo chính trị của Tỉnh ủy và kế hoạch tiến hành Đại hội từ cơ sở lên. Đại hội các cấp sẽ thảo luận xây dựng cho bản dự thảo báo cáo chính trị của tỉnh, kiểm điểm đánh giá phong trào đơn vị mình, đề ra phương hướng nhiệm vụ mới; bầu cấp ủy và bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu cấp trên.

Đại hội Đảng bộ, chi bộ cơ sở, cấp huyện, thị xã và tương đương đã tiến hành suốt trong tháng 5, tháng 6. Kết quả của các đại hội đã giúp cho các Đảng bộ đánh giá được chỗ mạnh, chỗ yếu của đơn vị mình, và trên cơ sở đó đã đóng góp vào bản dự thảo báo cáo chính trị của tỉnh được phong phú, khách quan về các mặt của tình hình và phương hướng nhiệm vụ. Qua đợt sinh hoạt chính trị này đã nâng lên một bước tinh thần phê bình và tự phê bình, tăng cường đoàn kết nội bộ, kiện toàn một bước về tổ chức, tạo điều kiện cho thực hiện tốt nhiệm vụ mới và tạo cơ sở cho thắng lợi của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 5.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ 5 ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG BÌNH họp từ ngày 6 đến ngày 13 tháng 8 năm 1963 tại thị xã Đồng Hới.

Về dự Đại hội có 215 đại biểu thay mặt cho 12.800 đảng viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Hữu Khiếu, ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương về dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội làm việc trong 8 ngày với những nội dung "Kiểm điểm, đánh giá tình hình các mặt công tác, nhất là

tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp và hợp tác hóa nông thôn, cải thiện đời sống nhân dân; quyết định phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm, mà trọng tâm là hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp; đồng thời quyết định phương hướng công tác xây dựng Đảng, nhằm cải tiến và tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang trong giai đoạn mới và bầu lại Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh".

Đại hội đánh giá tình hình từ Đại hội đại biểu lần thứ 4 (1961) đến Đại hội đại biểu lần thứ 5 là nhân dân tỉnh ta đã nỗ lực phấn đấu khắc phục nhiều khó khăn và đã thu được những thành tích to lớn. Sau khi căn bản hoàn thành hợp tác hóa cấp thấp đối với các thành phần kinh tế cá thể, phong trào hợp tác hóa ở tỉnh ta lại tiếp tục được củng cố và phát triển, thành phần kinh tế quốc doanh được tăng cường, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã hình thành dưới hai hình thức sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân đặc biệt là trong nông nghiệp đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa bậc cao, và quy mô thôn. Đó là một biến chuyển mới trong quan hệ sản xuất và là một thắng lợi to lớn của công cuộc cải tạo ở tỉnh ta. Đến nay toàn tỉnh đã có 95,9% tổng số nông hộ tham gia hợp tác xã, trong đó có 82,6% hộ tham gia hợp tác xã bậc cao và quy mô thôn. Công tác 3 quản, 3 khoán nói chung có tiến bộ, sản xuất bước đầu được phát triển, thu nhập được tăng lên, đời sống xã viên được cải thiện. Các hợp tác xã nghề cá, thủ công, tiểu thương, vận tải, nghề muối, hợp tác xã mua bán, tín dụng được củng cố và phát triển. Trên 90% tổng số hộ dân đánh cá tham gia hợp tác xã bậc cao, 90% thợ thủ công, vận tải đã vào hợp tác xã, hơn 50% tổng số hộ tiểu thương đã được cải tạo, hợp tác xã nghề muối, nghề

rừng đã căn bản hoàn thành. Các cơ sở công tư hợp doanh đã được sắp xếp lại hợp lý hơn và sản xuất đã đi vào ổn định.

Thành phần kinh tế quốc doanh được mở rộng và tăng cường chiếm tỷ lệ ngày càng lớn. Tỷ trọng công nghiệp địa phương từ 10,6% năm 1960 đã lên 15,7% năm 1962 trong giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp. Thương nghiệp quốc doanh đã từ 81,6% năm 1960 lên 99,7% năm 1962 trong tổng mức buôn bán và từ 60,7% năm 1960 lên 73,3% năm 1992 trong tổng mức bán lẻ. Kinh tế quốc doanh đã và đang phát huy tác dụng lãnh đạo đối với nền kinh tế quốc dân. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế xã hội ở tỉnh ta, nhất là cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã chuyển lên bậc cao và quy mô thôn đã và đang tạo ra những khả năng mới để tăng cường lực lượng sản xuất và phát triển các ngành kinh tế, nhất là nền phát triển nền kinh tế nông nghiệp tỉnh ta tiến lên một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc.

Tỉnh đã đầu tư đáng kể xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho các ngành kinh tế, văn hóa nhất là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ cho kinh tế nông nghiệp xây dựng được hàng chục công trình thủy lợi lớn nhỏ. Trong đó có những công trình lớn như Cẩm Ly, Hạc Hải, Rào Sen, Sông Thai, Ba Nương, trạm bơm Đại Trạch có trên 100 máy bơm nước cung cấp cho các vùng trong tỉnh. Các trạm nghiên cứu và phổ biến khoa học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi đã được xây dựng. Đài khí tượng, thủy văn cũng đi vào hoạt động... Giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp trong 2 năm tăng 9%, trong đó nông nghiệp tăng bình quân 11,7%, công nghiệp và thủ công nghiệp tăng bình quân

4,2%. Bình quân nhân khẩu nông nghiệp về mặt diện tích canh tác từ 3 sào 7 thước năm 1960 đã tăng lên 3 sào 10 thước năm 1962. Tổng sản lượng lương thực tăng hơn 2 vạn tấn; bình quân hàng năm tăng 12,2%; đàn lợn bình quân hàng năm tăng 11,9%.

Về văn hóa xã hội, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân có nhiều tiến bộ rõ rệt, 1/6 số hộ đã làm được nhà ngói, 90% nhà ở của dân được sửa sang vững chắc. Bình quân 100 người dân có 15 học sinh phổ thông, nếu kể cả bổ túc văn hóa, vỡ lòng, chuyên nghiệp thì có 28 người đi học. Xã nào cũng có trường cấp I, 5 xã đã có trường cấp II.

Chúng ta thực hiện nhiệm vụ phát triển và cải tạo nền kinh tế trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất chỉ mới được hơn 2 năm, nhưng với những thắng lợi đã giành được làm cho nền kinh tế và xã hội trong tỉnh có những biến đổi to lớn. Bộ mặt nông thôn có những thay đổi căn bản, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ngày thêm củng cố, khối liên minh công nông, khối đoàn kết dân tộc ngày càng tăng cường.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, Tỉnh ủy đã kiểm điểm những thiếu sót làm hạn chế phong trào chung toàn tỉnh. Phong trào hợp tác hóa nông nghiệp chưa được củng cố vững chắc. Chất lượng hợp tác xã chưa cao, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của xã viên còn thấp. Cán bộ cốt cán hợp tác xã còn yếu. Công tác quản lý lao động, quản lý sản xuất, quản lý tài vụ còn nhiều lúng túng. Việc cải tiến kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật chưa được chú trọng. Tốc độ phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp còn yếu, chưa phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu đời sống của nhân dân. Các mặt

văn hóa, giáo dục, y tế... phát triển nhanh nhưng chưa cân đối với phát triển kinh tế, chất lượng còn thấp, tác dụng phục vụ sản xuất, phục vụ chính trị còn yếu. Tỉnh ủy cũng đã vạch rõ những nguyên nhân dẫn đến thiếu sót trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào là trình độ lãnh đạo và quản lý kinh tế của cán bộ còn yếu và chưa có kinh nghiệm. Lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy còn chưa nắm vững và quán triệt một cách sâu sắc đặc điểm của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội; việc chỉ đạo thực hiện chưa kiên quyết, thiếu tập trung thống nhất, thiếu toàn diện sâu sát, thiếu điều tra nghiên cứu cụ thể và chưa đi đúng đường lối quần chúng.

Căn cứ vào đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 của Đảng và các Nghị quyết của hội nghị lần thứ 5, thứ 7, thứ 8 của Trung ương Đảng và đặc điểm tình hình của tỉnh. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chung là: "Tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy khí thế cách mạng và truyền thống đấu tranh anh dũng, lao động cần cù của nhân dân ta, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh cần kiệm xây dựng tỉnh nhà, quyết tâm phấn đấu vượt mọi khó khăn, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, nhất là quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, ra sức phát triển kinh tế, văn hóa, trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi, cây công nghiệp, tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hóa để phục vụ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cải thiện từng bước đời sống của nhân dân; tăng tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, dần dần tiến lên khai thác với quy mô lớn và với tốc độ nhanh tài nguyên phong phú của tỉnh ta, nhằm phát triển kinh tế của tỉnh ta tiến lên một cách

toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc; đồng thời phải tăng cường củng cố quốc phòng, đảm bảo trật tự an ninh, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân tỉnh ta, gốp phần bảo vệ và tăng cường lực lượng miền Bắc, để cùng với miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc"[1].

Để đạt được nhiệm vụ chung đó, Đại hội đề ra chỉ tiêu cụ thể một số mặt trong kế hoạch 5 năm: Phấn đấu đưa giá trị tổng sản lượng nông nghiệp đạt 66 triệu đồng, tăng 63,3% so với năm 1960, bình quân hàng năm tăng 10,3%. Tổng sản lượng lương thực đạt khoảng 160.500 tấn. Mức sản xuất lương thực bình quân đầu người năm 1965 đạt khoảng 380 kg (ngang mức sống của trung nông lớp trên trước đây). Tổng giá trị sản lượng chăn nuôi tăng 76% so với năm 1960. Tổng giá trị sản lượng cây công nghiệp tăng 90,7% và chiếm khoảng 6,5% điện tích trồng trọt. Phấn đấu đến năm 1965, đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp lên khoảng 45 triệu đồng, tăng khoảng 94% so với năm 1960, tỷ trọng công nghiệp và thủ công nghiệp sẽ chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản lượng công, nông nghiệp.

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa 5 gồm 17 đồng chí chính thức và 2 đồng chí dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Tư Thoan được bầu làm Bí thư[2].

---

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ Quảng Bình lần thứ 5 (ngày 6 đến 13/8/1963). Ban chấp hành Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam tỉnh Quảng Bình xuất bản tháng 10 - 1963 trang 19,20.

(2) Nghị quyết số 8 NQ/TU ngày 13/8/1963 của Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 75 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Nghị quyết của đại hội kêu gọi "toàn Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta phải tăng cường đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ truyền thống anh dũng, lao động cần cù, nổ lực phấn đấu vượt mọi khó khăn, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mà Đại hội đại biểu tỉnh đã đề ra". Đại hội đại biểu lần thứ V của tỉnh khẳng định "chúng ta không thể không thấy rõ trách nhiệm của mình". Vì vậy Đại hội long trọng hứa với đồng bào miền Nam và đồng bào Trị - Thiên ruột thịt là: "Chúng ta nguyện ra sức phấn đấu xây dựng tỉnh ta nhanh chóng tiến lên chủ nghĩa xã hội để khi cần thiết thì Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta sẽ có thể đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp đấu tranh lật đổ Mỹ-Diệm giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc". Lời hứa đó chúng ta vẫn giữ cho đến ngày Nam - Bắc thống nhất, Bình - Trị - Thiên sum họp một nhà".

Để nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm, năng lực quản lý, sản xuất hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Ngày 26 tháng 4 năm 1962 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết về cuộc vận động "Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản ký kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, gọi tắt là cuộc vận động *"Ba xây, ba chống"*.

Cuộc vận động đã được kỳ họp Quốc hội thứ 6 khóa II nhất trí phát động thành một cao trào thi đua rộng lớn trong các xí nghiệp, cơ quan nhà nước và trong nhân dân.

Sau khi đã làm thử bước đầu ở một số cơ sở, ngày 20 tháng 10 năm 1963Hội đồng Chính phủ chính thức phát động cuộc vận động này và được chia thành 4 đợt, kéo dài đến cuối năm 1965.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương, Tỉnh ủy đã cho nghiên cứu chuẩn bị làm thí điểm tại Công ty Bách hóa tổng hợp thuộc Ty Thương nghiệp Quảng Bình. Đầu tháng 12 năm 1963, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị thảo luận Nghị quyết, bồi dưỡng một số cán bộ đi làm thí điểm tại Công ty Bách hóa tổng hợp tỉnh. Đầu năm 1964, Tỉnh ủy đã sơ kết rút kinh nghiệm và triển khai ra các ngành. Đặc biệt tập trung chỉ đạo các ngành thương nghiệp, lâm nghiệp, tài chính, ngân hàng và các xí nghiệp, công, nông trường.

Thực hiện cuộc vận động "ba xây, ba chống" từ khắp các cơ quan, công, nông trường xí nghiệp đã dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi làm chuyển biến rõ rệt tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc của cán bộ công nhân viên chức. Nhiều sáng kiến cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật được áp dụng, tệ tham ô, lãng phí, quan liêu giảm dần.

Trong điều kiện nền kinh tế của tỉnh còn nghèo nàn, lạc hậu, ngân sách hạn hẹp, thiết bị kỹ thuật còn thô sơ những sáng kiến cải tiến quản lý kinh tế, cải tiến quản lý tài chính, cải tiến quản lý kỹ thuật đã thúc đẩy chất lượng phong trào thi đua lên một bước mới. Bằng nhiều hình thức tổ chức các hội nghị sáng kiến, hội nghị thao diễn kỹ thuật, thi "sáng kiến hay, tay nghề giỏi", hội nghị chiến sĩ thi đua của các cơ quan, công nông trường xí nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế và tạo ra phong trào thi đua có tính tập thể. Ngư trường sông Gianh phát động thi đua "đội thuyền kiện tướng", "tất cả cho 1.250 tấn cá". Lâm trường Nam có hình thức giao ước thi đua, tổ chức kết nghĩa giữa các đơn vị, tổ

chức ngày hội trồng cây, thao diễn kỹ thuật... Ngành Giao thông có sáng kiến mỗi công nhân, mỗi đơn vị có hai kế hoạch (ngày nắng, ngày mưa). Xí nghiệp Ô tô thường xuyên có phong trào "ngày thứ 7 đẩy mạnh sản xuất", tổng kết 51 ngày thứ 7, khẩu hiệu "lái xe đi có về có", thi đua "4 vạn cây số lái xe an toàn". Ngành Y tế thường xuyên tổ chức thao diễn kỹ thuật, triển lãm sáng kiến... khối hành chính sự nghiệp nêu khẩu hiệu "giảm văn phòng, đông cơ sở". Tất cả các cơ quan hành chính sự nghiệp đều có chương trình đi cơ sở, phục vụ cơ sở. Tất cả các đơn vị sản xuất đều có cán bộ, cơ quan quản lý cấp trên (cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ quản lý kỹ thuật) về cùng ăn, cùng ở, cùng làm với công nhân viên. Các chỉ tiêu và kế hoạch đều hướng vào việc phục vụ cho cơ sở mở rộng sản xuất và phục vụ cho nông nghiệp. Hơn 300 công nhân, viên chức được lựa chọn để đi về nông thôn chỉ đạo công tác cải tiến quản lý hợp tác xã. Ngoài ra công nhân viên chức các cơ quan hành chính sự nghiệp và một số đơn vị sản xuất khác đã cử 897 cán bộ dành 20.028 ngày công giúp nông dân trong những ngày thời vụ căng thẳng. Năm 1963 đã có 1.466 sáng kiến của công nhân viên chức trong 23 cơ quan xí nghiệp được đưa vào áp dụng. Trong đó khối xí nghiệp có 487 sáng kiến, khối công, nông, lâm ngư trường có 423 sáng kiến, có sáng kiến làm lợi cho nhà nước 21.000 đồng[1] (công trường 11), có sáng kiến tăng năng suất lên 500% (đội máy thủy lợi), có sáng kiến giảm giờ làm từ 5 giờ xuống 1 giờ (ngân hàng). Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã giải

---

(1) Báo cáo công tác Công đoàn năm 1963 TLĐT4. Lưu trữ tại Tiểu ban NCLS Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

quyết nhiều khó khăn cho đơn vị, tăng năng suất lao động, tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nhiều nguyên liệu, nhiên liệu làm lợi cho nhà nước hàng triệu đồng(1). Tiến tới Đại hội Công đoàn lần thứ VI Ban chấp hành Liên hiệp công đoàn Quảng Bình đã ra nghị quyết về chương trình công tác năm 1964 ghi rõ: "... mở rộng phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu trở thành tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, thực hiện cuộc vận động "ba xây, ba chống", tham gia quản lý toàn diện, vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1964, chuẩn bị hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất"(2).

Cuộc vận động "ba xây, ba chống" đã hòa với phong trào thi đua yêu nước khác góp phần động viên nhân dân ta hăng hái thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước. Đúng như Hồ Chủ tịch đã phát biểu: "Đây là một cuộc vận động to lớn, một cuộc vận động cách mạng. Nó đã đưa lại một chuyển biến cách mạng sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, về chính trị và kinh tế. Cuộc vận động này kết quả tốt sẽ góp phần rất to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thành công và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà thắng lợi"(3).

---

(1) Báo cáo công tác Công đoàn năm 1963 - TLĐT4. Lưu tại Tiểu ban NCLS Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

(2) Chương trình nhiệm vụ công tác Công đoàn năm 1964.TLĐT4. Lưu tại Tiểu ban NCLS Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

(3) Hồ Chí Minh: Bài phát biểu tại hội nghị phổ biến nghị quyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng về cuộc vận động "ba xây, ba chống". Báo Nhân dân ngày 4/8/1963.

THỐNG NHẤT CHÍNH TRỊ VÀ TƯ TƯỞNG, TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHI VIỆN CHO MIỀN NAM

Trong thời gian Đảng ta đang lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế diễn ra cuộc đấu tranh giữa đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa Sô-vanh nước lớn. Đặc biệt cuộc đấu tranh diễn ra trong các nước xã hội chủ nghĩa gây tác hại đến phong trào cách mạng thế giới, ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp cách mạng của nước ta.

Đặc điểm của chủ nghĩa xét lại hiện đại là vứt bỏ linh hồn chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận đấu tranh giai cấp, thỏa hiệp một cách vô nguyên tắc giữa giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, phủ nhận cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai đã lợi dụng tình hình đó, khơi dậy sự bất đồng giữa một số đảng và một số nước anh em.

Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang đứng trước nguy cơ chia rẽ nghiêm trọng. Vì lợi ích của sự nghiệp cách mạng thế giới và sự nghiệp cách mạng nước ta, Đảng ta đã nỗ lực đấu tranh dưới nhiều hình thức để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ và tăng

cường sự đoàn kết nhất trí trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế. Trung ương Đảng Lao động Việt Nam thiết tha đề nghị "tất cả những người cộng sản hãy tích cực góp phần vào việc khôi phục đoàn kết và tránh mọi việc có thể gây thêm sự bất hòa"(1).

Trước tình hình đó lại có một số người dao động trước những khó khăn phức tạp của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, hoài nghi đường lối của Đảng, có những quan điểm đi ngược lại đường lối của Đảng.

Để tăng cường sự đoàn kết nhất trí và nâng cao ý chí chiến đấu trong Đảng, tháng 12 năm 1963, hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ra Nghị quyết "về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng". Hội nghị phân tích đặc điểm tình hình thế giới và nhiệm vụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; nêu rõ quan điểm, lập trường của Đảng ta trên một số vấn đề có tính nguyên tắc về chiến lược và sách lược của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế "về vấn đề chiến tranh và hòa bình và cùng tồn tại hòa bình; vấn đề đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiếp tục xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc; vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chuyên chính vô sản.v.v..."(2). Hội nghị cho rằng cách mạng thế giới đang thế tiến công và tiến công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc. Đế quốc Mỹ đã trở thành kẻ thù nguy hiểm của cả loài người, phải chỉa mũi nhọn đấu tranh không

---

(1) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội 1995 trang 203.

(2) Những sự kiện Lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975) NXB Thông tin lý luận - Hà Nội 1982 trang 196.

khoan nhượng chống chủ nghĩa xét lại hiện đại và chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức.

Hội nghị cũng đã nghiêm khắc phê phán những quan điểm và hành động sai trái của một số người bi quan, dao động hoài nghi đường lối của Đảng và có những quan điểm đi ngược lại đường lối của Đảng.

Để nâng cao hơn nữa lập trường kiên định của cán bộ đảng viên trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, ngày 27 tháng 2 năm 1964, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Trung ương Đảng "về tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng" và tình hình nhiệm vụ miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Sau cuộc họp quán triệt tinh thần Nghị quyết hội nghị lần thứ 9 của Trung ương, Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương, biện pháp, chương trình tổ chức học tập trong toàn Đảng bộ nhằm tạo ra sự nhất trí cao, một sự chuyển biến mới trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương và các Nghị quyết của Tỉnh ủy về nhiệm vụ của Đảng ta đối với quốc tế, đặc biệt đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Ngày 13 đến ngày 17 tháng 3 năm 1964, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, tổng kết tình hình năm 1963 và quyết định phương hướng nhiệm vụ năm 1964.

Hội nghị thống nhất nhận định: "... Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta qua một năm phấn đấu đã đạt được những thành tích khá, có những chuyển biến mới về nhiều mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, trị an, quốc phòng... đặc biệt các ngành về kinh tế, văn hóa đều có những chuyển biến mới,

tương đối toàn diện và cân đối hơn trước. Tổng giá trị công, nông nghiệp tăng 6,7% so với năm 1962; riêng tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 9,2%, về sản lượng nông nghiệp đạt cao nhất từ năm 1955 đến nay và tăng hơn năm 1962 là 11.500 tấn thóc. Bình quân đầu người từ 306 kg năm 1962 lên 325 kg thóc năm 1963. Năm 1963, tỷ trọng màu trong cây lương thực là 26,30%, về diện tích gieo trồng là 33,9%."

Có thể nói năm 1963, là năm có nhiều chuyển biến về mặt nhận thức tư tưởng và cả về mặt lãnh đạo, tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực công tác: xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và hợp tác xã. Tuy nhiên bên cạnh những mặt ưu điểm, còn bộc lộ những mặt hạn chế: Phong trào thi đua chưa đều, việc thực hiện công nghiệp tiến bộ chậm, chăn nuôi chưa phát triển, vấn đề lương thực vẫn chưa giải quyết được vững chắc.v.v...

Nhiệm vụ năm 1964 là: "Ra sức phát huy thắng lợi trong năm 1963, tăng cường đoàn kết nhất trí, nêu cao ý chí phấn đấu cách mạng, tinh thần yêu nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tự lực cánh sinh, phấn đấu vượt mọi khó khăn gian khổ thực hiện tốt 5 nhiệm vụ mà Hồ Chủ tịch đã đề ra cho nhân dân ta để hoàn thành kế hoạch nhà nước nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm, cải thiện một bước đời sống nhân dân, tăng cường lực lượng các hợp tác xã, tăng thêm khối lượng nông sản hàng hóa, phát triển các mặt kinh tế, văn hóa, tăng cường củng cố quốc phòng, đảm bảo an toàn nội địa, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu hành động của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai hòng phá hoại miền Bắc, thiết thực làm tròn nghĩa vụ quốc tế trong

phạm vi trách nhiệm của mình. Cụ thể phải tập trung vào mấy công tác lớn:

Động viên toàn Đảng bộ và nhân dân tăng cường đoàn kết nâng cao chí khí phấn đấu, tinh thần cách mạng, không sợ gian khổ khó khăn, phát huy ý thức tập thể xã hội chủ nghĩa, dám nghĩ, dám làm, hăng hái vươn lên hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1964, tạo điều kiện để tiến lên hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Củng cố và phát triển quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp...

Tăng cường bảo vệ trị an quốc phòng.

Nâng cao công tác chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ và tiếp tục kiện toàn thêm một bước về tổ chức.

Nhằm rút kinh nghiệm về một số vấn đề chủ yếu góp phần thiết thực làm chuyển biến mạnh mẽ phong trào sản xuất hợp tác hóa nông nghiệp ở các tỉnh đồng bằng, ngày 14 tháng 11 năm 1964 tại Thái Bình, Trung ương Đảng và Chính phủ đã triệu tập Đại hội các hợp tác xã và đội sản xuất nông nghiệp tiên tiến vùng đồng bằng toàn miền Bắc. Sau khi nghe báo cáo của đoàn đại biểu hợp tác xã và đội sản xuất tiên tiến của tỉnh đi dự đại hội về và thi hành chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy và Đảng, Đoàn, chính quyền chuẩn bị nội dung và lên kế hoạch tổ chức Đại hội các hợp tác xã và đội sản xuất tiên tiến toàn tỉnh, kết hợp với Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua năm 1963.

Tháng 4 năm 1964, Đại hội đã khai mạc có trên 500 đại biểu của các hợp tác xã và đội sản xuất tiên tiến, đại diện các xã, huyện, thị xã và các ngành, các đoàn thể trong tỉnh về dự. Đại hội đã nghe báo cáo những kinh nghiệm hay ở Đại hội hợp tác xã tiên tiến toàn miền Bắc; nghe các anh hùng, chiến sĩ thi đua báo cáo kinh nghiệm về sản xuất, cải tiến kỹ thuật và thể hiện ý chí quyết tâm xây dựng hợp tác xã, đội sản xuất trở thành những đơn vị tiên tiến xuất sắc. Đặc biệt Đại hội còn nghe báo cáo lại nội dung Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Đại hội các hợp tác xã và đội sản xuất nông nghiệp tiên tiến vùng đồng bằng toàn miền Bắc. Trong thư Người nhấn mạnh: "Chúng ta cần rút được những kinh nghiệm để làm cho các hợp tác xã và đội sản xuất đã tiên tiến, tiên tiến hơn; các hợp tác xã và đội sản xuất trung bình trở nên tiên tiến; các hợp tác xã và đội sản xuất kém phải quyết tâm trở thành khá". Người khẳng định: "Xã viên phải giác ngộ sâu sắc về giai cấp, có tinh thần làm chủ, có tư tưởng xã hội chủ nghĩa dứt khoát rõ ràng; mỗi hợp tác xã phải có phương hướng sản xuất đúng đắn; tài chính phải minh bạch công khai; phải làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần đắc lực vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; Chi bộ Đảng - hạt nhân lãnh đạo hợp tác xã phải tăng cường và củng cố; cán bộ phải gương mẫu, chí công vô tư, cần kiệm liêm chính, hết lòng vì dân, thực hành dân chủ, làm trọn công việc, tham gia lao động, luôn luôn rèn luyện lập trường, tư tưởng và đạo đức cách mạng, đi sâu vào nghiệp vụ kỹ thuật"(1).

---

(1) Báo Nhân dân số 3579 ngày 15 tháng 1 năm 1964. Hồ Chí Minh: Về hợp tác xã nông nghiệp, NXB Sự thật - Hà Nội 1975. trang 70, 71.

Sau khi nghe đoàn đại biểu đi dự Đại hội về báo cáo, Đại hội nghe đánh giá phong trào hợp tác xã và sản xuất, cải tiến kỹ thuật trong toàn tỉnh từ khi có phong trào hợp tác hóa đến nay, đặc biệt đã nghe các hợp tác xã ở các vùng khác nhau báo cáo điển hình về "năng suất cao", "hoa màu nhiều", "chăn nuôi giỏi", "thủy lợi mạnh" của các hợp tác xã Đại Phong, Vạn Xuân, Thanh Tân, Đức Phổ, Xóm Quán, Tiên Lang, Tứ Mỹ. Các đại biểu nghe về kỹ thuật sản xuất lúa có năng suất bình quân từ 25 tạ đến 30 tạ/ha của hợp tác xã Đại Phong và Xuân Trung; năng suất khoai lang đạt 112 tạ, 80 tạ/ha của hợp tác xã Hợp Hòa, Thọ Linh; năng suất ngô đạt 20 tạ, 30 tạ/ha của hợp tác xã Thiết Sơn, Lạc Sơn; chăn nuôi trâu bò tốt của hợp tác xã Thanh Tân, nuôi lợn tốt ở hợp tác xã Lương Xá; làm thủy lợi mạnh như hợp tác xã Quảng Liên, Tứ Mỹ, Đức Phổ.v.v...

Phần kết luận Đại hội, Tỉnh ủy đã rút ra những bài học của các điển hình tiên tiến về năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi... và chỉ rõ cái cốt lõi của vấn đề là ở chỗ "Xác định đúng phương hướng sản xuất; xây dựng đúng cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật phù hợp; tổ chức phân bố và quản lý sử dụng tốt lao động; phân phối hợp lý, công bằng theo lao động và giữa tích lũy và tiêu dùng; công tác chính trị tư tưởng tốt; Đảng bộ cơ sở và chi bộ thực sự là hạt nhân lãnh đạo của hợp tác xã". Tỉnh ủy phát động thi đua đuổi kịp và vượt hợp tác xã Xuân Trung, Đại Phong về năng suất lúa; hợp tác xã Hợp Hòa về năng suất khoai lang; hợp tác xã Thiết Sơn về năng suất ngô; hợp tác xã Tiên Lang về làm thủy lợi; đuổi kịp và vượt hợp tác xã Thanh Tân về chăn nuôi trâu bò; hợp tác xã Dương Xá về chăn nuôi lợn. Ngoài ra Tỉnh ủy hưởng ứng phải gắn cuộc vận

động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật với việc nâng cao từng bước chất lượng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Muốn lãnh đạo thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà Đảng ta phải thật trong sạch và vững mạnh. Nhằm đáp ứng yêu cầu đó, tháng 6 năm 1962, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định mở cuộc vận động xây dựng Chi bộ và Đảng bộ cơ sở "bốn tốt" có bốn yêu cầu: lãnh đạo tốt sản xuất; lãnh đạo tốt việc chấp hành chính sách và pháp luật của nhà nước; quan tâm đến đời sống của quần chúng và làm tốt công tác vận động quần chúng; làm tốt công tác củng cố và phát triển Đảng.

Chấp hành quyết định của Trung ương Đảng, nhằm nâng cao tính chất giai cấp và tính chất tiên phong của Đảng bộ chi bộ cơ sở; phát huy tính mạnh mẽ vai trò nòng cốt của đông đảo đảng viên, thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, ngày 25 tháng 5 năm 1964, Tỉnh ủy mở hội nghị chuyên đề về xây dựng Đảng, thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ và Đảng bộ cơ sở "bốn tốt".

Tại hội nghị Tỉnh ủy đã đánh giá: Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng và Đại hội đại biểu lần thứ 5 của Đảng bộ tỉnh, cán bộ đảng viên và các chi bộ, Đảng bộ cơ sở đã có nhiều chuyển biến, tiến bộ về tư tưởng, tổ chức và tác phong lãnh đạo, chỉ đạo về phấn đấu thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Toàn tỉnh có 143 Đảng bộ cơ sở, 45 chi bộ cơ sở và 617 chi bộ nhỏ gồm 16.000 đảng viên. Trong đó nông thôn có 127 Đảng bộ xã gồm 471 chi bộ nhỏ với 10.500 đảng viên. Đã được phân loại như sau:

Chi bộ, Đảng bộ khá đạt 35%, loại kém còn 15,5%.

Đảng viên loại khá (hăng hái tích cực) đạt 51%, kém còn trên 12%. Nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và yêu cầy xây dựng Chi bộ, Đảng bộ bốn tốt là:

Yêu cầu xây dựng từng loại chi bộ phải gắn vào cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp và cuộc vận động "ba xây, ba chống" trong cơ quan công, nông trường, xí nghiệp. Đối với loại khá, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở tự làm; đối với loại vừa, huyện, thị xã phải chỉ đạo chặt chẽ, loại kém rút kinh nghiệm đã tổng kết của chi bộ Xuân Hòa (tổng kết trong 12 tháng 1963) mà tiến hành cho tốt. Riêng Đảng bộ xã Tây Trạch (Bố Trạch), xã Quảng Trung (Quảng Trạch), xã Tiến Hóa (thuộc huyện Tuyên Hóa cũ) thuộc loại kém Tỉnh ủy đã tổ chức các tổ cán bộ đi giúp các huyện để củng cố.

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì ở miền Nam đế quốc Mỹ và tay sai càng ráo riết chuẩn bị lực lượng gây chiến phá hoại miền Bắc, nhất là Quảng Bình, Vĩnh Linh và vùng khu 4 cũ.

Mặc dù bị thất bại liên tiếp trong việc tung các toán gián điệp biệt kích ra móc nối, thăm dò, phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta, nhưng đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai vẫn không chịu từ bỏ ý đồ mà ngược lại chúng càng liều lĩnh hơn.

Đêm 19 tháng 6 năm 1964, địch lại cho máy bay chở một toán biệt kích nhảy dù xuống Cha Mác, Xóm Cục huyện Tuyên Hóa (nay là Minh Hóa) để thăm dò, nắm tình

hình của ta trên đường chiến lược 12A (Tân Ấp - Cha Lo). Nhờ tinh thần cảnh giác cao độ đồng bào dân tộc xã Dân Hóa (Tuyên Hóa) phát hiện và cùng phối hợp với Công an nhân dân vũ trang đồn Cha Lo, kịp thời bao vây bắt 8 tên, 1 tên ngoan cố chống cự đã bị tiêu diệt, một tên chết khi nhảy dù. Toàn bộ trang bị, vũ khí ta đều thu giữ.

Trong khi nhân dân ta hăng hái thi đua lao động sản xuất, quyết tâm giành thắng lợi trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm, lần thứ nhất, ở miền Nam đồng bào ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh anh dũng chống lại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Trước nguy cơ sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền, đế quốc Mỹ một mặt tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam; mặt khác chúng quyết định đẩy mạnh hoạt động phá hoại miền Bắc lên một bước mới. Nhiệm vụ này được chuyển giao từ tay CIA[1] sang cho Bộ Tư lệnh Mỹ ở miền Nam (MACV)[2]. Bộ tham mưu liên quân Mỹ thông qua và triển khai thực hiện kế hoạch chống phá miền Bắc: Kế hoạch mật lấy ký hiệu 34A, kế hoạch mật mang tên Đi-xô-tơ (Desoto) và kế hoạch sử dụng không quân hoạt động ở Lào và vùng biên giới phía tây của Việt Nam. Các kế hoạch này nhằm tiến hành trinh sát bằng không quân để thu thập tình báo, phát hiện hệ thống phòng không, hệ thống ra đa, các căn cứ quân sự, mạng đường giao thông, kho tàng của miền Bắc; sử dụng các tàu khu trục Mỹ hoạt động khiêu khích, hỗ trợ cho hải quân ngụy hoạt động ở vùng ven biển miền Bắc, ngăn chặn tiếp tế trên

---

(1) Cơ quan tình báo Trung ương Mỹ (Central Intelligence Agency)
(2) Bộ Tư lệnh hỗ trợ của Mỹ ở Việt Nam (Militaly assis tance command in Việt Nam)

biển, bất ngư dân để khai thác tin tức, tập kích bất ngờ các hải đảo và căn cứ ven biển của ta; tiếp tục dùng máy bay thả biệt kích gây các vụ phá hoại táo bạo trên đường giao thông và phá các cơ sở kinh tế.v.v... Tình hình đó đòi hỏi phải động viên toàn Đảng, toàn dân hăng hái tiến lên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Căn cứ vào Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 27 tháng 3 năm 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt để biểu thị quyết tâm cách mạng của toàn thể dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất nước nhà và ủng hộ cách mạng thế giới.

Tại hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ âm mưu mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ, Người xác định nhiệm vụ của miền Bắc, với vị trí là căn cứ địa - hậu phương cách mạng của cả nước - phải giành nhiều sức người, sức của tăng viện cho cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam, đồng thời gấp rút tăng cường tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu. Người khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân *"nếu chúng liều lĩnh động đến miền Bắc thì nhất định chúng sẽ thất bại thảm hại"*.

Sau khi nhấn mạnh những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta Người kêu gọi *"Mỗi người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt"*[1].

---

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Sự thật Hà Nội 1986 tập 9 trang 670.

Đáp lại lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 1964, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động cao trào thi đua " mỗi người làm việc bằng hai, ra sức xây dựng và bảo vệ miền Bắc, tích cực ủng hộ cách mạng giải phóng miền Nam".

Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, ngày 24 tháng 6 năm 1964, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị cán bộ để phổ biến tinh thần Hội nghị chính trị đặc biệt do Hồ Chủ tịch triệu tập và nghiên cứu chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phát động cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai...". Hội nghị hoàn toàn nhất trí với nhận định tình hình và nhiệm vụ mới của Trung ương, khẳng định vị trí trách nhiệm của địa phương và quyết tâm thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch tại hội nghị chính trị đặc biệt. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chung cho toàn tỉnh, cho từng ngành, từng mặt công tác đặc biệt là trong mặt trận nông nghiệp phải phấn đấu với tinh thần "làm việc bằng hai".

Sau hội nghị ngày 24 tháng 6, Tỉnh ủy tổ chức nhiều đoàn báo cáo viên do các đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách, đi về các huyện, thị xã, các xí nghiệp, công nông trường báo cáo, giúp các địa phương, đơn vị xây dựng mục tiêu phấn đấu và phát động thi đua.

Mở đầu cao trào thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai" là cuộc vận động đồng bào đi khai hoang, lập khu kinh tế mới vào tháng 6 năm 1964.

Để điều chỉnh việc phân bố lao động giữa các vùng một cách hợp lý, nhằm làm cho việc phát triển kinh tế trong tỉnh được cân đối, và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu

lần thứ 5 của Đảng bộ tỉnh đã chủ trương "Đẩy mạnh cuộc vận động đồng bào miền xuôi đi khai hoang xây dựng các vùng kinh tế mới ở miền tây trong tỉnh để trồng cây lương thực, cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, khai thác lâm sản. Đây là một cuộc vận động cách mạng lớn của toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh, không chỉ có tác dụng mở mang vùng kinh tế mà còn có tác dụng mở rộng hậu phương, củng cố quốc phòng". Thực hiện nhiệm vụ đó, đầu năm Tỉnh ủy đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ chỉ tiêu cho năm 1964, lập ban phụ trách để xây dựng quy hoạch và giúp Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện. Do đặt vấn đề đúng cùng với biện pháp tổ chức cụ thể, tích cực nên chỉ 6 tháng khai phá được 2.120 ha, đạt 131% kế hoạch 6 tháng, đạt 92,2% kế hoạch cả năm; đã vận động được 251 hộ gồm 1.225 nhân khẩu đi vùng kinh tế mới, trong đó có 160 hộ, 810 nhân khẩi đi vùng Cai Mại, lập thành 5 hợp tác xã để khai hoang sản xuất.

Qua kết quả và kinh nghiệm đã rút được trong cuộc vận động đồng bào đi khai hoang, lập khu kinh tế mới, Thường vụ đã có kế hoạch giúp Huyện ủy Quảng Trạch, Tuyên Hóa tập trung sức giải quyết việc ổn định sinh hoạt cho số đồng bào đến lập làng mới có nơi ăn, chốn ở và nhanh chóng sản xuất giải quyết được đời sống, đồng thời bổ sung kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các địa phương có đồng bào đến lập làng mới đẩy mạnh mọi mặt công tác.

Bị thất bại thảm hại trong vụ nhảy dù thả biệt kích xuống vùng núi rừng Tuyên Hóa đêm 19 tháng 6 năm 1964, Mỹ - ngụy ngoan cố chuyển hướng sang hoạt động phá hoại tuyến biển. Đêm 30 tháng 6 năm 1964, địch cho hai tàu chiến đến vùng biển Nhật Lệ (Đồng Hới), dùng thuyền cao

su gắn máy chở bọn biệt kích người nhái đột nhập lên cửa sông Nhật Lệ, âm mưu dùng ĐKZ bắn phá nhà máy nước Đồng Hới ở Bàu Tró và đài quan sát của công an nhân dân vũ trang để "gây tiếng vang trong lòng đối phương". Đồng chí Nguyễn Quang Thái Bí thư chi bộ Đồng Thành cùng bà con xã viên hợp tác xã đánh cá Đồng Thành đã phát hiện và kịp thời báo cáo cho đồn công an nhân dân vũ trang biết cùng phối hợp với lực lượng dân quân chiến đấu. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt, nhưng vì lực lượng của địch đông (21 tên), lại có vũ khí hiện đại (tiểu liên cực nhanh), có pháo của tàu chiến ở ngoài khơi bắn vào yểm trợ chặn đường chi viện của ta, nên ta chỉ tiêu diệt được một số tên, số còn lại xuống thuyền cao su tẩu thoát. Sau 15 phút chiến đấu, địch để lại một xác chết (3 tên bị thương chúng kéo xuống thuyền), ta thu được 3 khẩu súng ĐKZ, 2 tôm xông và 1 thuyền cao su. Một tên làm nhiệm vụ cảnh giới chạy sau, phải dùng thuyền bơi ra biển. Sau một ngày lênh đênh trên sóng biếc đã bị ngư dân Hải Thành bắt giữ. Trong trận chiến đấu này, đồng chí Trương Pháp dân quân Đồng Thành đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, khi hết đạn đồng chí đã dùng báng súng đánh vào đầu giặc, khi súng tuột khỏi tay đồng chí bốc cát ném vào mắt địch. Anh đang chống cự với mấy tên phía trước thì mấy tên phía sau xông đến làm anh ngã, chúng lôi anh xuống thuyền nhưng không được, buộc phải bắn anh tại chỗ. Đồng chí Trương Pháp hy sinh để lại trên thân mình 7 vết đạn[1].

---

(1) Năm 1999, đồng chí Trương Pháp được Đảng và Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất

Ngày 24 tháng 6 năm 1964, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình họp đánh giá tình hình và phân tích những thủ đoạn và âm mưu của địch, đồng thời ra Nghị quyết nêu rõ: "Đứng trước âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai không ngừng phá hoại tỉnh ta - tỉnh đầu cầu giới tuyến, thì mục tiêu phấn đấu cao nhất là tích cực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và lúc nào cũng đánh được, đã đánh là phải thắng, tiêu diệt nhanh gọn mọi hoạt động của gián điệp, biệt kích, tập kích phá hoại của chúng".

Ngày 29 tháng 6 năm 1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị "Tăng cường sẵn sàng chiến đấu chống lại mọi âm mưu khiêu khích, phá hoại miền Bắc" của địch. Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ cần kíp của quân và dân miền Bắc tăng cường phòng thủ và phòng không, sẵn sàng tiêu diệt địch xâm phạm, ra sức chi viện cho cách mạng miền Nam và giúp Lào.

Trung tuần tháng 7 năm 1964, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cốt cán toàn tỉnh họp bàn việc tăng cường công tác, sẵn sàng chiến đấu. Sau khi phân tích, nhận định tình hình diễn biến và những thủ đoạn âm mưu của địch trên địa bàn toàn tỉnh, hội nghị nhất trí với những nhiệm vụ mà Tỉnh ủy đã đề ra là: tích cực đẩy mạnh mọi mặt sản xuất, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời tích cực chuẩn bị để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của địch.

Tỉnh ủy cùng Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 thống nhất chủ trương chỉ đạo nội bộ, công an nhân dân vũ trang, dân quân tự vệ và nhân dân trong tỉnh tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, đồng thời hoàn chỉnh các phương án tác chiến, giữ thế chủ động. Dựa vào địa hình tự nhiên có lợi liên kết với các cụm làng xã chiến đấu, hệ thống các công

trình quốc phòng được xây dựng từng bước, bố trí sử dụng các lực lượng tại chỗ là chính, trước hết kết hợp với phân công cho các trung đoàn, sư đoàn bộ binh và các đơn vị binh chủng của quân khu sẵn sàng cơ động thực hành phản kích, phản công theo phương án tác chiến đã chuẩn bị và diễn tập trên các khu vực phòng thủ chủ yếu.

Quân khu chỉ đạo Ban chỉ huy Tỉnh Đội Quảng Bình triển khai việc xây dựng các công trình phòng thủ trên các hướng trọng yếu theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng để đảm bảo cho từng tiểu đội, trung đội, đại đội bám trụ chiến đấu dài ngày. Tuyến kho phía trước (ven bờ biển, đường quốc lộ 1A) xây dựng sân dưới đất là chủ yếu (kho âm). Tuyến kho phía sau; lợi dụng các hang trong núi đá vôi để cải tạo lại. Cụm kho phía nam ở khu vực Đá Bạc, Áng Sơn có 3 hang phục vụ cho các đơn vị chiến đấu trên địa bàn hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy. Cụm vùng giữa, có kho hầm ở Đá Mài do Bộ Quốc phòng giao lại, kho âm ở Vạn Trạch (cạnh đồi Âm Tiến). Kho lèn Xuân Sơn cải tạo lại thành kho chính của tỉnh. Phía bắc sông Gianh có kho âm ở Quảng Lưu và kho hang Thâu ở Tiến Hóa. Vùng Tuyên Hóa có kho Đồng Lê và kho hang Lèn Trung Hóa dự trữ lương thực, súng đạn cho các đơn vị hoạt động và chiến đấu ở miền Tây của tỉnh và biên giới Việt - Lào[1].

Ngày 13 tháng 7 năm 1964, Tỉnh ủy họp để kiểm điểm quá trình thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về tăng cường sẵn sàng chiến đấu, chống mọi

---

(1) Theo hồi ký của đồng chí Đoàn Bá Đào nguyên chủ nhiệm hậu cần Tỉnh đội và hội thảo lịch sử Quảng Bình chống Mỹ, cứu nước tại Bộ chỉ huy quân sự Quảng Bình tháng 2 năm 1993.

âm mưu của địch khiêu khích, phá hoại đối với miền Bắc. Tỉnh ủy đã nhận định các hoạt động có hệ thống của địch trên địa bàn Quảng Bình và đề ra nhiệm vụ bảo vệ trị an, sẵn sàng chiến đấu một cách toàn diện.

Là tỉnh đầu cầu giới tuyến, nên Quảng Bình có vị trí quan trọng đối với hậu phương miền Bắc và cả tiền tuyến miền Nam, từ mấy năm nay, đế quốc Mỹ và chính quyền ngụy ở miền Nam đã phối hợp với bọn gián điệp nội địa tích cực tập trung phá hoại bằng nhiều thủ đoạn, nhiều hình thức: Từ giới tuyến ra, từ ngoài biển vào, từ trên không xuống, biên giới Lào sang. Mọi âm mưu hoạt động phá hoại của địch dù quy mô, mức độ như thế nào đối với miền Bắc, chúng có thể làm ở Quảng Bình để rút kinh nghiệm thực hiện hành động phá hoại, thăm dò lực lượng, thăm dò phản ứng của miền Bắc ở các địa phương khác. Vì thế Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình phải chấp hành đầy đủ mọi chủ trương, kế hoạch mà chỉ thị Bộ Chính trị đã đề ra; chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đối phó với mọi hành động phá hoại của địch với bất cứ hình thức, với bất cứ quy mô nào dù lớn hay nhỏ.

Từ nhận định trên, hội nghị đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang tỉnh ta: "Tích cực thi đua đẩy mạnh sản xuất, ra sức xây dựng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực chuẩn bị để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai".

Về nhiệm vụ cụ thể là:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi người thấy rõ thắng lợi của ta ở hai miền Nam, Bắc, thấy rõ thất bại của địch, cảnh giác với mọi âm mưu thủ

đoạn của chúng để quyết tâm thực hiện mọi nhiệm vụ và sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi hành động phá hoại của Mỹ - ngụy.

Tích cực chuẩn bị về tổ chức để chủ động đối phó với mọi âm mưu phá hoại của địch, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Tăng cường công tác bảo vệ trị an, bảo mật phòng gian, trấn áp bọn phản cách mạng.

Xây dựng phương án tác chiến chống địch tập kích lớn để bảo vệ các mục tiêu quan trọng.

Tăng cường sự chỉ đạo và chỉ huy thống nhất tập trung của Đảng và cơ quan quân sự địa phương. Tinh thần chỉ đạo lúc này là: Khẩn trương bổ sung và thực hiện; tăng cường thực tập kiểm tra; kết hợp chặt chẽ với công tác trung tâm mà đẩy mạnh mọi mặt công tác sẵn sàng chiến đấu.

Chấp hành Nghị quyết của Tỉnh ủy, các Đảng bộ, chi bộ cơ sở, ban ngành các đoàn thể quần chúng, dân quân tự vệ và lực lượng vũ trang nhanh chóng triển khai lực lượng theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Công tác phòng không nhân dân, luyện tập quân sự, củng cố và tiếp tục xây dựng các trận địa mới, kế hoạch sơ tán dân để sẵn sàng chiến đấu và đẩy mạnh sản xuất, phục vụ chiến đấu được triển khai. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được các Đảng bộ, chi bộ cơ sở đặc biệt quan tâm.

Nhân kỷ niệm 10 năm Quảng Bình giải phóng (8/1954 - 8/1964). Tỉnh ủy chủ trương tổ chức đợt sinh hoạt chính trị "so sánh hai cuộc đời, hai chế độ" sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng. Qua đợt sinh hoạt mọi người đều thấy rõ cách mạng đã đưa lại độc lập, hạnh phúc cho quê hương,

đất nước và gia đình họ; từ đó càng tin tưởng vào chế độ, vào sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính yêu. Và cũng từ đó mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người dân tự thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với sự nghiệp xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Ngày 15 tháng 7 năm 1954, Mỹ - ngụy lại cho một toán biệt kích đông nhất từ trước đến nay (gồm 23 tên) dùng thuyền cao su đột nhập vào thôn Nam Lãnh, xã Quảng Đông lọt vào nhà dân bắt cóc 2 cán bộ địa phương định đưa xuống thuyền. Chúng đang thực hiện âm mưu thì gặp lực lượng công an nhân dân vũ trang đồn Roòn và dân quân xã Quảng Đông phát hiện, chặn đánh diệt tại chỗ một tên, số còn lại hốt hoảng tháo chạy ra biển dưới làn đạn pháo từ ngoài khơi bắn vào yểm trợ.

Qua vụ biệt kích này, càng bộc lộ rõ tính chất và thủ đoạn của bọn Mỹ- ngụy đối với miền Bắc nói chung và Quảng Bình nói riêng ngày càng liều lĩnh và táo bạo. Từ những hoạt động do thám, điều tra, thăm dò đến móc nối, tổ chức cơ sở phản động... các toán biệt kích địch tiến tới những hành động trắng trợn như "gây tiếng nổ trong lòng đối phương", bắt cóc cán bộ, nhân dân để khai thác tin tức, khống chế sử dụng lâu dài... Nhận rõ âm mưu của địch, quân và dân ta mài sắc tinh thần cảnh giác, tăng cường lực lượng tuần tra canh gác, bổ sung phương án chiến đấu, củng cố lực lượng phòng thủ sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Để tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động thi đua "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại đồng bào miền

Nam ruột thịt", nhân ngày 20 tháng 7, ngày kỷ niệm đấu tranh thống nhất Tổ quốc, Tỉnh ủy đã phát động "Tuần lễ ủng hộ đồng bào miền Nam đấu tranh" để tạo đà cho cuộc vận động lâu dài về sau.

Bằng nhiều hình thức, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã nhiệt liệt tham gia. Đặc biệt xã viên ở các hợp tác xã nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp ở trong các xí nghiệp, ngoài đồng ruộng, ngư trường đã tự nguyện lao động quên mình với tinh thần "vì miền Nam, vì Trị - Thiên ruột thịt".

Trải qua chặng đường 10 năm, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã đoàn kết, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hóa xã hội, ổn định đời sống nhân dân; thực hiện có hiệu quả cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa; thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội; thống nhất tư tưởng, chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và chi viện cho miền Nam. Những thắng lợi đạt được trong 10 năm đã tạo nên một bước chuyển biến quan trọng, làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt quê hương đất nước không những về mặt kinh tế, chính trị, xã hội mà còn an ninh quốc phòng cũng được củng cố và phát triển. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa từng bước được xác lập, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội được xây dựng một bước đáng kể. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, làm cho mọi người phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự

nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là cơ sở, là tiềm lực để Đảng bộ quân và dân Quảng Bình vững vàng bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ. Những thành tựu mà nhân dân trong tỉnh đạt được trong 10 năm có ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc, nó khẳng định bằng thực tế công lao và thành tích to lớn của quân và dân Quảng Bình dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương.

Qua thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ Quảng Bình có những bước trưởng thành về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, trở thành một Đảng bộ mạnh, đủ sức để lãnh đạo sự nghiệp phát triển trên tất cả các mặt... của tỉnh trong tình hình và nhiệm vụ mới. Đảng bộ luôn luôn quan tâm công tác xây dựng Đảng, đặc biệt chú ý công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và học tập để không ngừng nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên, chăm lo xây dựng củng cố và tổ chức các đoàn thể quần chúng. Đó là những cơ sở quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình vững bước tiến lên vừa sản xuất, vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chiến tranh, sẵn sàng chi viện cho cách mạng miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế.

CHƯƠNG XII

CỦNG CỐ HẬU PHƯƠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, RA SỨC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN (1964 - 1968)

CHUYỂN HƯỚNG LÃNH ĐẠO TỪ THỜI BÌNH SANG THỜI CHIẾN

Bước vào năm 1964 trong khi nhân dân miền Bắc hăng hái thi đua lao động sản xuất thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ở miền Nam đồng bào ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh anh dũng chống lại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Trước nguy cơ sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn, đế quốc Mỹ một mặt tăng cường chiến tranh xâm lược miền Nam; mặt khác tăng cường tung gián điệp, biệt kích ra phá hoại miền Bắc, âm mưu mở rộng chiến tranh.

Trung tuần tháng 4 năm 1964, hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ vạch kế hoạch ném bom miền Bắc,

thông qua danh sách 94 mục tiêu đánh phá khi được lệnh hành động[1]. Sau đó thực hiện kế hoạch tạo cớ để tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đêm 30 tháng 7 năm 1964 Bộ chỉ huy Mỹ ra lệnh cho tàu biệt kích ngụy Sài Gòn đánh phá đảo Hòn Mê (Thanh Hóa), Hòn Ngư (Nghệ An). Hạm đội Ma Đốc của Mỹ tiến hành tuần tiểu sâu vào vịnh Bắc Bộ, ngày 2 tháng 8 tàu Ma Đốc xâm phạm hải phận miền Bắc và bị Hải quân ta đánh đuổi; ngày 3 tháng 8 chúng tăng thêm tàu Khu trục tiếp tục tuần tiểu khiêu khích.

Ở Quảng Bình Mỹ-ngụy tăng cường các hoạt động trinh sát, tung gián điệp ra các tuyến vùng biển và vùng biên giới Việt - Lào, vùng có đồng bào thiên chúa giáo, dùng pháo hạm ngoài khơi bắn vào thị xã Đồng Hới, hòng phá hoại công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa của ta và chuẩn bị điều kiện bắn phá miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam với mức độ quyết liệt hơn. Để đối phó với các hành động khiêu khích phá hoại ngày càng tăng của đế quốc Mỹ, Thường vụTỉnh ủy mở hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh để khẳng định vị trí chiến lược của Quảng Bình và thống nhất nhiệm vụ của quân và dân trong tỉnh: Tích cực đẩy mạnh sản xuất, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời, tích cực chuẩn bị để sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của kẻ địch.

Thực hiện kế hoạch tạo cớ để tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngày 4 tháng 8 đế quốc Mỹ dựng lên cái gọi là "sự kiện Vịnh Bắc Bộ". Sau sự kiện này, Giôn-

---

(1) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập II - 1954 -1975 Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh-NXB Chính trị quốc gia - Hà nội 1995, trang 205 - 206

xơn yêu cầu Quốc hội Mỹ ra quyết định công khai ném bom miền Bắc. 12 giờ 30 phút đến 17 giờ ngày 5 tháng 8 năm 1964, thực hiện kế hoạch "mũi tên xuyên", Mỹ đã sử dụng gần một trăm lần chiếc máy bay, thực hiện 3 đợt tấn công hòng tiêu diệt lực lượng hải quân của ta ở vùng biển cửa Hội (Vinh) và căn cứ hải quân ở Cảng Gianh.

Với tinh thần cảnh giác cao, dự đoán đúng âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ, chuẩn bị chu đáo việc xây dựng lực lượng và phương án chiến đấu, ngay trận đầu ngày 5 tháng 8 năm 1964, quân và dân miền Bắc đã giáng cho đế quốc Mỹ một đòn đích đáng: 8 máy bay bị bắn rơi, một số giặc lái bị tiêu diệt, trung úy An-vơ-rết bị bắt sống [1]. Trong đó quân và dân Quảng Bình cùng với các lực lượng bộ đội phòng không bắn rơi 3 chiếc và bị thương 1 chiếc. 12h30' ngày 5 tháng 8, các trận địa phòng không và tàu hải quân cùng với nhân dân xã Cảnh Dương bắn cháy một chiếc rơi xuống biển, bắn bị thương 1 chiếc khác. 16h20' lực lượng phòng không của ta bắn rơi hai chiếc. Một chiếc rơi ngoài biển cách cửa sông Gianh 25km, một chiếc rơi ở vùng Cự Nẫm huyện Bố Trạch phía tây cửa sông Gianh 50 km.[2] Ngay sau đó bắn rơi một chiếc cách Lý Hòa 30 ki lô mét về phía Đông. Đây là điều bất ngờ đối với đế quốc Mỹ.

Chiến thắng ngày 5 tháng 8 có ý nghĩa quan trọng về chính trị và quân sự, cổ vũ mạnh mẽ khí thế đánh Mỹ, củng cố niềm tin đánh thắng đế quốc Mỹ của quân và dân cả nước. Nó chứng tỏ quân và dân ta hoàn toàn có khả năng

---

(1) Sách đã dẫn trang 208.

(2) Bộ Quốc phòng Viện Lịch sử quân sự: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Tập I - NXB Sự thật - Hà Nội 1990. Trang 156-157.

đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu ở miền Nam. Đối với Quảng Bình chiến thắng ngày 5 tháng 8 đã mở đầu trang sử chiến đấu chống Mỹ cứu nước oanh liệt của quân và dân ta. Từ đây Đảng bộ, quân, dân Quảng Bình bước vào thời kỳ trực tiếp chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, một đế quốc đầu sỏ nhất thế giới. Đồng thời với chiến thắng này đã chứng minh sự trưởng thành của lực lượng vũ trang địa phương qua 10 năm xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Sau chiến thắng ngày 5 tháng 8 năm 1964, thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình kịp thời tổ chức hội nghị đại diện quân, dân chính Đảng, nhằm tổng kết kinh nghiệm, đánh giá tình hình và đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Quảng Bình. Nhiệm vụ đó là: "Phải tăng cường công tác phòng thủ, trọng tâm là công tác chống tập kích bờ biển và công tác phòng không nhân dân. Trong công tác phòng không phải chú ý cả hai mặt: tổ chức lực lượng đánh địch và phòng tránh, phải phát động phong trào thi đua bắn rơi máy bay Mỹ bằng súng bộ binh khắp các địa phương. Đặc biệt chú trọng các vùng thị xã, thị trấn, quân cảng, sân bay và các mục tiêu quân sự khác. Về tư tưởng phải giáo dục, xây dựng cho lực lượng vũ trang và quần chúng có quyết tâm cao. Giặc đến, ta chủ động không bị bất ngờ, với tinh thần dám đánh, quyết đánh, có gì đánh nấy, lấy ít đánh nhiều, lấy thô sơ thắng hiện đại, quyết đánh thắng giòn giã"[(1)].

---

(1) Trích trong báo cáo "Quá trình diễn biến cuộc chiến đấu của quân và dân Quảng Bình trong 8 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ" (1965-1972) của Tỉnh đội Quảng Bình.

Tháng 8 năm 1964, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị về việc tăng cường sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu của địch khiêu khích và phá hoại miền Bắc.

Tháng 10 năm 1964 Bộ Chính trị họp, ra nghị quyết 81. Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Quảng Bình,Vĩnh Linh là "phải khẩn trương chuẩn bị đối phó với chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân Mỹ. Địch sẽ mở rộng đánh phá miền Bắc và Quảng Bình, Vĩnh Linh là nơi chúng sẽ đánh phá trước hết"(1). Tiếp sau đó Trung ương Đảng cử đồng chí Nguyễn Việt Lộc Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng vào kiểm tra tình hình và phổ biến kịp thời Nghị quyết của Bộ Chính trị. Tỉnh ủy Quảng Bình triệu tập cuộc họp cán bộ mở rộng để quán triệt Nghị quyết 81 của Trung ương xúc tiến các công việc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu với phương châm: Chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế sang thời chiến nhằm phục vụ đời sống và phòng không chiến đấu, bố trí lại lực lượng sản xuất theo phương hướng phân tán, sơ tán, chuyển bớt một bộ phận công nghiệp của tỉnh lên miền trung du và miền núi, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất ổn định và đảm bảo đời sống, chi viện cho tiền tuyến.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và nhiệm vụ do Tỉnh ủy đề ra; cán bộ, đảng viên, quân và dân Quảng Bình đã kịp thời và tích cực triển khai công tác sẵn sàng chiến đấu, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

---

(1) Báo cáo tổng kết tình hình 4 năm chống Mỹ cứu nước của Tỉnh ủy Quảng Bình - tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình.

Tỉnh ủy cử cán bộ về các vùng xung yếu ở ven biển, vùng dọc đường quốc lộ 1A; các tuyến đường chiến lược quan trọng nhằm củng cố các chi bộ, Đảng bộ cơ sở và tổ chức đoàn thể, ổn định tư tưởng, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ khi tổ quốc cần đến.

Ngay sau ngày đế quốc Mỹ ném bom ở miền Bắc, một làn sóng chống Mỹ dâng cao khắp toàn miền. Từ đồng bằng đến miền núi, từ thành thị đến nông thôn, trên 5 triệu lượt người đã tham gia hàng vạn cuộc mít tinh và biểu tình, tuần hành hô vang khẩu hiệu lên án hành động dã man của đế quốc Mỹ, khẳng định ý chí của toàn dân quyết đánh bại âm mưu và hành động mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ. Tại Quảng Bình, để động viên khí thế đánh Mỹ của quân và dân trong tỉnh, ngày 28 tháng 10 năm 1964, Tỉnh ủy, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức lễ mừng công đón Huân chương của Chính phủ, đón cờ "Chiến công oanh liệt truyền thống vẻ vang" của Trung ương Đoàn, đồng thời trao bằng khen của tỉnh cho các đơn vị, cá nhân xuất sắc trong trận đánh ngày 5 tháng 8 năm 1964.

Phát huy khí thế quyết đánh thắng, quân và dân Quảng Bình thực hiện phương châm "giặc đến là đánh, giặc đi tiếp tục sản xuất". Lực lượng dân quân bám sát trận địa trực chiến, sẵn sàng đánh trả giặc Mỹ xâm lược. Dân quân các xã và lực lượng tự vệ trong các cơ quan xí nghiệp, công nông trường đều được trang bị vũ khí, "tay búa, tay súng", " giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", khi có lệnh là nhã đạn tiêu diệt quân thù. Những nơi dự kiến địch có thể bắn phá, cơ quan quân sự từ tỉnh đến huyện bố trí sẵn lực lượng đánh trả có tổ chức chỉ huy chặt chẽ.

Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ thị cho các cấp, các ngành triển khai công tác sơ tán, chỉ đạo tiến hành công việc đào đắp công sự, hầm hố đảm bảo phòng không. Công tác phòng tránh là một biện pháp quan trọng, một đòi hỏi cấp thiết để bảo đảm tiềm lực kháng chiến lâu dài. Các cấp ủy đảng chính quyền địa phương tổ chức quán triệt cho nhân dân thấy rõ chỗ mạnh chỗ yếu của địch và khả năng đánh được và tránh được máy bay Mỹ. Chỉ thị của Tỉnh ủy nêu rõ: Trong điều kiện chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của địch, một cuộc chiến tranh không phân rõ trận tuyến nên trong nhân dân phải " lấy phòng tránh là chủ yếu" còn lực lượng vũ trang thì " lấy chống và đánh là chủ yếu".

Đối với công tác phòng tránh sơ tán, quan điểm của Tỉnh ủy cho rằng: Cần đẩy mạnh cả phòng tránh và đánh địch, giải quyết tốt mối quan hệ giữa sản xuất và chiến đấu, giữa trước mắt và lâu dài, giữa phòng tránh địch và bảo đảm đời sống nhân dân.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy công tác phòng tránh, sơ tán đã được các cấp các ngành triển khai và chỉ đạo chặt chẽ, coi đó là một bộ phận của công tác chuẩn bị cho chiến đấu.

Khắp nơi trong tỉnh nhất là ở thị xã, thị trấn, những vùng xung yếu, nơi công cộng đều có hầm trú ẩn. Ở những vùng trọng điểm, các đường giao liên, liên thôn đều có hầm tròn, hầm chữ "L" cho người qua đường trú ẩn. Ở nông thôn các gia đình đều có hầm cho mình và hầm cá nhân ở đồng ruộng. Công tác tổ chức chỉ huy, hệ thống thông tin liên lạc, hợp đồng tác chiến giữa các đơn vị và các ngành phục vụ chiến đấu được thực tập báo động đi vào nền nếp, đồng thời

có phương án hướng dẫn phòng tránh cho nhân dân. Việc xây dựng các công trình phòng tránh được triển khai tích cực vào cuối năm 1964 và đẩy mạnh vào đầu năm 1965. Trong thời gian này toàn tỉnh đào đắp được 993.884 hầm phòng tránh gia đình hình chử A (bình quân mỗi hộ gia đình có 11 cái; mỗi lao động phải làm 6,2 cái hầm), 993.908 hầm cá nhân (bình quân mỗi người dân có gần 25 cái). và 8972km hào giao thông, chiến hào [1].

Công tác khắc phục hậu quả sau những trận đánh phá của địch như cứu thương, cứu sập, cứu hỏa, giải phóng giao thông, khắc phục các loại bom đạn chưa nổ, ổn định mọi sinh hoạt... được Tỉnh ủy chú ý coi trọng. Các cơ quan Nhà nước, công nông trường xí nghiệp, trường học bệnh viện...có phương án bảo vệ người, kho tàng cơ sở vật chất, hồ sơ tài liệu. Các trạm gác phòng không, đài quan sát ven biển, đội chữa cháy, tải thương cấp cứu được tổ chức. Ty y tế tổ chức các đội phẫu thuật dã ngoại, Ty thương nghiệp tổ chức các tổ bán hàng lưu động. Ngành công nghiệp làm tốt công tác sơ tán dần một số xí nghiệp ra khỏi vùng trọng điểm, tránh thiệt hại khi địch mở rộng chiến tranh phá hoại. Nhà máy cơ khí 3-2 chuyển ra hang Lốt, Troóc (Bố Trạch) Xí nghiệp In Quảng Bình sơ tán lên thôn Phúc Duệ (thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh). Các đơn vị sơ tán tiếp tục hoạt động bảo đảm quy trình sản xuất, ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên chức an tâm hoàn thành những chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra với quyết tâm cao.

---

(1) Theo lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước 1954-1975 Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình, Đảng ủy, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình ấn hành tháng 12 năm 1994, trang 379.

Toàn tỉnh tăng cường công tác bảo vệ trật tự trị an, chống chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp, đề cao ý thức cảnh giác cách mạng cho quần chúng, tăng cường phong trào bảo mật phòng gian, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, xây dựng xã thôn an toàn, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các tội phạm hình sự. Các cơ quan pháp chế, các lực lượng công an, cảnh sát, dân quân tự vệ, đoàn thanh niên đã phối hợp hoạt động, tăng cường kiểm tra, cảnh giác tuần tra, quản lý trật tự giao thông công cộng. Các đội tuần tra canh gác bảo vệ tốt nhất tài sản Nhà nước và nhân dân, ổn định cuộc sống sinh hoạt vui chơi giải trí theo thể thức thời chiến trong một điều kiện chiến tranh xẩy ra ác liệt hơn vào bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu. Trong tình hình mới chủ trương về củng cố và phát triển lực lượng dân quân tự vệ được triển khai nhanh chóng và tạo ra một bước chuyển biến mới trong công tác quân sự địa phương. Bộ đội địa phương, dân quân tự vệ được tăng cường số lượng và chất lượng. Đảng viên, bộ đội phục viên, du kích kháng chiến cũ còn sức khỏe được đưa vào dân quân tự vệ. Các đồng chí bí thư Đảng ủy xã, bí thư chi bộ trực tiếp phụ trách chính trị viên xã đội, thôn và trung đội. Hơn 97% xã đội trưởng là đảng ủy viên. Lực lượng vũ trang có sự phát triển đáng kể về số quân và người tuyển dụng. Cuối năm 1964 toàn tỉnh có gần 29600 dân quân tự vệ trong đó có 3934 nữ đạt tỷ lệ 13,3%. Vùng đồng bào theo đạo thiên chúa kết nạp được 174 nữ vào dân quân, chiếm tỷ lệ 10,5%. Toàn tỉnh có 1578 thanh niên lên đường nhập ngũ đạt 101% chỉ tiêu được giao. Công tác học tập, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu trong lực lượng vũ trang đi vào nề nếp.

Song lực lượng chiến đấu quan trọng có ý nghĩa quyết định là lực lượng phòng không. Đầu năm 1965

Thường vụ Tỉnh ủy mở hội nghị bao gồm các đồng chí Tỉnh ủy viên, tỉnh đội, các ngành, chỉ huy sư đoàn 325 và hải quân để soát xét lại công tác chuẩn bị phương án hiệp đồng tác chiến.

Sư đoàn 325 có một đại đội pháo 37 ly gồm 4 khẩu đội bố trí ở đồi Thuận Lý; lực lượng hải quân có hai tàu tuần tiểu ở sông Nhật Lệ. Toàn tỉnh xây dựng được 74 tổ bắn máy bay gồm 628 người, trang bị 72 trung liên, 46 đại liên, 323 súng trường. Các trận địa bắn máy bay của dân quân tự vệ triển khai rộng rãi bảo vệ các mục tiêu bến cảng, cửa sông, thị trấn, thị xã. Lực lượng tuy không nhiều, nhưng bước đầu đã hình thành thế trận chiến tranh nhân dân.

Nhằm tăng cường lực lượng phòng thủ bảo vệ địa bàn, bảo vệ Tổ quốc, ngày 8 tháng 11 năm 1964 tại sân vận động thị xã Đồng Hới tiểu đoàn bộ binh 45 bộ đội địa phương được thành lập. Sau khi biên chế, ổn định tổ chức, tiểu đoàn đã xây dựng phương án tác chiến, huấn luyện thực hiện cuộc vận động lớn "xây dựng quân đội tiến nhanh tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy hiện đại". Cùng với việc thành lập tiểu đoàn bộ binh 45, tỉnh phát triển thêm một số binh chủng như cao xạ 12,7 ly, đặc công, bộ đội địa phương huyện. Ở Minh Hóa có tiểu đoàn pháo phòng không dã chiến 14 của quân khu 4 chốt giữ bảo vệ tuyến đường 12A qua Quảng Bình.

Mặt trận giao thông vận tải, từ đây được coi là một trong những mặt trận quan trọng đóng vai trò trung tâm đột xuất hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân trong tình hình mới. Thường vụ Tỉnh ủy đã khẳng định nhiệm vụ của công tác giao thông vận tải của tỉnh là: Vì địa thế quan trọng của Quảng Bình là hậu phương trực tiếp của mặt trận Trị Thiên

và miền Nam ruột thịt nên phải tích cực tăng cường lực lượng về mọi mặt đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu về giao thông vận tải của Trung ương qua Quảng Bình. Chuẩn bị mọi mặt để đối phó kịp thời mọi tình huống bất trắc, kiên quyết bảo đảm an toàn, phục vụ cho việc đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu coi công tác giao thông vận tải là công tác trọng tâm có tính chất chiến lược của toàn Đảng, toàn dân là nhiệm vụ số một của các cấp ủy đảng chính quyền. Trên mặt trận này Đảng chủ trương dựa vào sức mạnh của toàn dân phát huy vai trò của lực lượng vũ trang, các đội thanh niên xung phong làm nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải. Đồng thời mọi công dân trong tuổi dân công được huy động khi cần thiết. Ở những vùng trọng điểm như Phà Gianh, Xuân Sơn, Quán Hàu, Long Đại khả năng địch sẽ bắn phá nhiều được tăng cường thêm lực lượng.

Ty giao thông là đơn vị chủ công trong việc bảo đảm giao thông liền mạch. Bởi vậy Thường vụ tỉnh ủy giao cho ngành giao thông tỉnh lập nhiều phương án phòng tránh, đánh địch, bảo toàn cầu, phà, đường trong mọi tình huống. Ngành giao thông còn thiết kế các cung đường vòng, đường tránh nơi trọng điểm đề phòng giao thông bị tắc do địch đánh phá. Ngành giao thông còn lập xưởng sửa chữa và đóng phà ở Quảng Thuận - Quảng Trạch để chủ động cung cấp phương tiện giao thông cho các đơn vị sử dụng.

Cùng với toàn dân và lực lượng chuyên nghiệp làm công tác giao thông vận tải, lực lượng vũ trang địa phương ngoài nhiệm vụ là tổ chức đánh địch, còn có nhiệm vụ xung kích trong ứng cứu, giải tỏa kho tàng, tích cực khắc phục bom đạn địch nhanh chóng giải tỏa giao thông vận tải. Lực

lượng dân quân tự vệ được huấn luyện kỹ bố trí ở các trọng điểm giao thông như bến cảng, bến phà, chân hàng, ven sông, ven đường, ngày đêm theo dõi, những hành động và phương tiện phong tỏa của địch, chuẩn bị sẵn sàng làm nhiệm vụ. Với tư tưởng chủ động tiến công địch hàng vạn người, bao gồm nhiều lực lượng với khối lượng vật tư to lớn được huy động để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu với địch trên mặt trận giao thông vận tải một mặt trận có tầm quan trọng quyết định đối với sản xuất chiến đấu và chi viện cho tiền tuyến.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, các lực lượng vận tải thủy bộ đã hoạt động khẩn trương nhằm vận chuyển lương thực hàng hóa, vận dụng quốc phòng phục vụ cho sản xuất, đời sống và sẵn sàng chiến đấu.

Thực hiện mưu đồ thôn tính Việt Nam đế quốc Mỹ càng ngày tạo cớ đẩy nhanh tình hình chiến sự đi đến chỗ ngày càng căng thẳng hơn. Đêm 18 tháng 9 năm 1964 đế quốc Mỹ dựng lên chuyện hải quân ta tiến công tàu của chúng ngoài hải phận quốc tế; liên tục cho máy bay khiêu khích, trinh sát vùng trời miền Bắc. Tàu chiến của Mỹ ngày càng tiến sâu vào gần bờ biển để điều tra mạng lưới bố phòng của ta. Ngày 16 tháng 10 Mỹ cho máy bay trinh sát dọc tuyến đường chiến lược, bắn phá địa bàn huyện Tuyên Hóa (cả Minh Hóa ngày nay). Ngày 26 tháng 10 máy bay Mỹ ném bom bắn rốc két xuống đồn Biên phòng Cha Lo (trên tuyến đường 12A). Tháng 11 năm 1964 đế quốc Mỹ phát hiện ra phía Tây Quảng Bình có hai tuyến đường chi viện quan trọng, một là đường vận chuyển cơ giới qua đường 12A vượt đỉnh Trường Sơn ở đèo Mụ Giạ. Đường thứ

2 là tuyến đường hành quân vận tải thô sơ bằng gùi và thồ xuất phát từ Làng Ho ở phía Tây Nam huyện Lệ Thủy băng qua đường Trường Sơn xuống Cù Bai - Đường 9. Ngày 18 tháng 11 năm 1964, Mỹ cho hàng trăm lượt máy bay trút bom dữ dội xuống miền Tây Quảng Bình. Đây là vùng có thể coi là mở đầu cuộc đánh phá ác liệt ngăn chặn chi viện trực tiếp của hậu phương và cũng là ngày đầu quân và dân Quảng Bình đọ súng quyết liệt với đế quốc Mỹ bảo vệ con đường 12A. Trong bom đạn ác liệt của kẻ thù ở miền Tây Quảng Bình tiếng hô vang vọng của chính trị viên đại đội 3 Tiểu đoàn 14 Nguyễn Viết Xuân "Nhằm thẳng quân thù mà bắn" đã trở thành khẩu hiệu bất tử; thể hiện tinh thần quyết đánh và quyết thắng của quân và dân ta trước cuộc chiến tranh phá hoại khốc liệt của đế quốc Mỹ.

Qua hàng loạt vụ khiêu khích trên biển, trên không, trên bộ từ đầu tháng 8 đến tháng 11 năm 1964, đế quốc Mỹ đã bộc lộ rõ ý đồ chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh phá hoại qui mô lớn với mục đích hủy diệt Quảng Bình, huỷ diệt miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Cuối tháng 10 năm 1964 Tỉnh ủy Quảng Bình triệu tập hội nghị Tỉnh ủy đánh giá, nhận định tình hình là "ngày càng diễn biến phức tạp, âm mưu đánh phá mở rộng ra miền Bắc của đế quốc Mỹ ngày càng đến gần". Hội nghị tổng kết những công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh, bổ khuyết những thiếu sót trong công tác chuẩn bị phòng tránh sơ tán. Hội nghị Tỉnh ủy tháng 10 năm 1964 còn bàn và quyết định một công tác quan trọng về mặt tổ chức: Quyết định đề nghị chia huyện Tuyên Hóa thành hai huyện: Tuyên Hóa và Minh Hóa.

Quyết định chia huyện Tuyên Hóa thành hai huyện là một quyết định sáng suốt của hội nghị trong tình hình mới, phù hợp với yêu cầu và điều kiện lịch sử thuận lợi trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phong trào.

Sau khi được Trung ương Đảng đồng ý, Hội đồng Chính phủ phê chuẩn, ngày 14 tháng 1 năm 1965 Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định:- Chia huyện Đảng bộ Tuyên Hóa thành hai huyện Đảng bộ mới là huyện Đảng bộ Tuyên Hóa và huyện Đảng bộ Minh Hóa.

Thường vụ Tỉnh ủy tạm thời chỉ định Ban chấp hành lâm thời của hai huyện[1], đồng thời cử các đoàn cán bộ về cùng hai huyện nhanh chóng ổn định mặt tổ chức và tình hình tư tưởng chính trị ở các cấp ủy Đảng cơ sở. Các đảng bộ, chi bộ cơ sở được kiện toàn tiếp tục công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, thực hiện những chủ trương của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

Cuối năm 1964 ở Quảng Bình xẩy ra 9 trận bão lụt liên tiếp gây những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế làm 70% vụ mùa mất trắng hàng ngàn héc ta lúa vụ 8 bị lũ cuốn trôi, đồng ruộng vườn tược các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa bị tàn phá nặng nề, vụ đông xuân 1964-1965 giống mạ thiếu hụt nghiêm trọng[2]

---

(1) Nghị quyết về việc chia huyện Tuyên Hóa ra làm hai Đảng bộ mới số 14 NQ/QB. Lưu trữ tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng bộ Quảng Bình.

(2) Báo cáo công tác của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Quảng Bình trong năm 1965 lưu trữ tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình.

Để giải quyết khó khăn, đảm bảo sản xuất sẵn sàng chiến đấu, Tỉnh ủy phát động phong trào "sản xuất tự cứu " "toàn dân tiết kiệm" giải quyết đời sống cho nhân dân, đẩy mạnh sản xuất vụ đông xuân 1964 - 1965. Cán bộ, nhân dân, quân đội thực hiện khẩu hiệu "nhà nhà trồng rau, người người trồng rau". Hợp tác xã, đội sản xuất giải quyết đất trồng rau cho tập thể và từng gia đình. Các cơ quan Nhà nước giúp đỡ giống, vốn, cho hợp tác xã. Tỉnh ủy cử đoàn cán bộ ra Hà Tĩnh, Phú Thọ, Hà Đông liên hệ giống vụ đông xuân. Trung ương chi viện thêm thuốc trừ sâu, phân bón cho Quảng Bình(1). Các cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp,lực lượng vũ trang thi đua sản xuất rau màu tự túc.

Bằng sự cố gắng vượt bậc, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình vượt qua được khó khăn thử thách lớn về kinh tế, ổn định được tư tưởng, đời sống, nhờ đó quần chúng tin tưởng sâu sắc vào vai trò lãnh đạo của đảng, quyết tâm đẩy mạnh sản xuất sẵn sàng chiến đấu, chi viện cho tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Như vậy là, cùng với toàn dân, Quảng Bình bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với một khí thế khẩn trương chủ động, tự tin và quyết chiến, quyết thắng. Quảng Bình cùng với cả nước và vì cả nước đã chuẩn bị khẩn trương với quyết tâm đánh thắng trận đầu giáng cho kẻ thù những đòn trừng trị đích đáng.

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" từ đầu năm 1965 đế quốc Mỹ đã từng bước đưa lực lượng chiến đấu của Mỹ và chư hầu vào miền

---

(1) Báo cáo công tác của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Bình.....tư liệu đã dẫn trang 11.

Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Đế quốc Mỹ còn huênh hoang tuyên bố: "...Đẩy lùi Bắc Việt về thời kỳ đồ đá. Dưới bom đạn Mỹ, Bắc Việt Nam không chịu nổi vài tuần"(1).

Ngày 2 tháng 1 năm 1965, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị về cuộc vận động cán bộ, nhân dân quán triệt sâu sắc tình hình và nhiệm vụ mới nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, phê phán những biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, đáp ứng những yêu cầu cấp bách của tình hình. Đầu tháng 2 năm 1965, Hội nghị Quân ủy Trung ương đã thông qua những quyết định quan trọng nhằm mở rộng các lực lượng vũ trang theo kế hoạch xây dựng thời chiến. Quân khu ủy đề ra nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang toàn quân khu: "Ra sức phòng thủ, tích cực chủ động nâng cao sức chiến đấu bảo vệ vùng trời, vùng biển, an ninh nội địa..."

Trước tình hình đó ngày 4 tháng 2 năm 1965, Thường vụ Tỉnh ủy họp với các đơn vị các ngành liên quan, rà soát lại sự chuẩn bị lực lượng và thảo luận phương án chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ. Tiếp đó Tỉnh ủy mở hội nghị cán bộ chủ chốt ở tỉnh và thị xã Đồng Hới để quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới. Hội nghị xác định quyết tâm: "Dù chiến tranh xẩy ra với hình thức nào, dù có đổ máu hy sinh, quân và dân Quảng Bình cũng quyết đánh, quyết thắng trận đầu với bất kỳ giá nào. Đồng thời vô luận tình huống nào cũng đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tỉnh ra sức phát triển

---

(1) Dẫn theo "cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975" Viện lịch sử quân sự Việt Nam ấn hành trang 121

kinh tế, văn hóa và bảo đảm đời sống của nhân dân"[1]. Hội nghị còn bàn kế hoạch sơ tán các cơ quan và nhân dân ra khỏi thị xã Đồng Hới khi có chiến tranh xảy ra. Từ cuối năm 1964 đến đầu năm 1965, những công việc cần thiết liên quan đến nhiệm vụ chuyển hướng hoạt động khi có chiến tranh, công tác phục vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu đã được các cấp ủy, chính quyền, quân và dân Quảng Bình khẩn trương triển khai với quyết tâm cao.

Đầu năm 1965 một lực lượng lớn tàu tuần tiễu tàu khu trục và tàu sân bay Mỹ được lệnh tiến về phía vịnh Bắc Bộ. Tại các căn cứ ở miền Nam Việt Nam, các phi đội máy bay tiến công được đặt trong tình trạng sẵn sàng cất cánh đánh phá miền Bắc.

Đêm 6 rạng sáng ngày 7 tháng 2 năm 1965 lấy cớ trả đũa việc quân giải phóng miền Nam tiến công sân bay và doanh trại quân Mỹ ở PLây Cu, tổng thống Mỹ Giôn Xơn ra lệnh mở chiến dịch mang mật danh "mũi lao lửa 1" sử dụng không quân ném bom bắn phá Vĩnh Linh, thị xã Đồng Hới, khu vực Chấp Lễ (Quảng Bình). Đế quốc Mỹ sử dụng 49 máy bay phản lực ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới tại các điểm: Doanh trại sư 325 (Thuận Lý) bắc sân bay Đồng Hới, bệnh viện, trường cấp III và một số khu dân cư vùng phụ cận thị xã.

Tuy địch chọn thời điểm tấn công bất ngờ (trưa ngày chủ nhật - mồng 6 tết Ất Tỵ 1965). mạng lưới lửa phòng không của quân và dân ta vẫn bủa vây cả vùng trời thị xã,

---

(1) Báo cáo tổng kết tình hình 4 năm chống Mỹ cứu nước (1965 - 1968) của Tỉnh ủy Quảng Bình, bản đánh máy trang 11.

đánh trả kịp thời. Qua hai đợt chiến đấu, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi bắn cháy 4 máy bay giặc Mỹ và vớt được xác tên trung úy giặc lái Đích Xơn cách bờ biển Nhân Trạch 1200 mét.

Trận đầu đọ sức với máy bay Mỹ đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm. Đồng chí Lê Ngọc Lễ bí thư chi bộ thôn Phú Xá (Lộc Ninh) Phạm Tín dân quận xã Nhân Trạch (Bố Trạch) hạ sĩ Nguyễn Tiến Đưng đại đội I công an vũ trang đã lấy thân mình làm giá súng cho đồng đội. Hình ảnh mẹ Suốt chèo đò chở bộ đội qua sông, em bé Bảo Ninh tiếp đạn cho bộ đội hải quân. Chị nguyễn Thị Khíu cùng y, bác sĩ, chuyển thương binh, bệnh nhân và y cụ ra vòng ngoài khi địch đánh vào bệnh viện. Xe thương nghiệp chở hàng ra trận địa, nhân dân gánh cơm tiếp tế, tiếp đạn đã cổ vũ tinh thần dũng cảm đánh giặc của bộ đội.

Tối ngày 7 tháng 2 Thường vụ Tỉnh ủy họp phiên bất thường cùng các đồng chí chỉ huy quân sự đánh giá tình hình chiến đấu, rút kinh nghiệm, tiếp tục đối phó với âm mưu đánh phá mới của địch.

Ngày 8 tháng 2 đế quốc Mỹ sử dụng 120 lần chiếc máy bay tiếp tục đánh phá thị xã Đồng Hới và các vùng phụ cận, mở rộng diện đánh vào các xã Ngư Thủy, Sen Thủy (Lệ Thủy). Trong ngày 8 tháng 2 các lực lượng phòng không hạ 3 máy bay Mỹ.

Tối mồng 8 tháng 2 Thường vụ quân khu ủy cùng Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình tổ chức hội nghị quán triệt chỉ thị của Ban bí thư Trung ương Đảng " Nhiệm vụ cụ thể của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là làm cho miền Bắc có đủ sức mạnh chống lại các cuộc ném bom, bắn phá

và phong tỏa của địch, sẵn sàng đối phó với khả năng địch mở rộng chiến tranh. Trong bất kỳ tình huống nào, miền Bắc cũng phải đáp ứng yêu cầu to lớn của cách mạng miền Nam và Lào, đồng thời tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội....Để đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, Đảng chủ trương tăng thêm lực lượng bộ đội thường trực, đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, tích cực phát động phong trào toàn dân bắn máy bay, tăng cường lực lượng phòng thủ ở các mục tiêu quan trọng về quân sự, kinh tế cố gắng hạn chế thiệt hại của ta và gây tổn thất cho địch tới mức cao nhất"[1].

Hội nghị cán bộ rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch chuẩn bị đánh lớn, đánh lâu dài, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống của địch. Tinh thần hội nghị được quán triệt xuống các địa phương, đơn vị, các ngành. Lực lượng dân quân tự vệ ở các xã, các ngành tổ chức rút kinh nghiệm về công tác chỉ huy hợp đồng chiến đấu. Lực lượng vũ trang ba thứ quân nhanh chóng được củng cố và tăng cường.

Ngày 9 và ngày 10 tháng 2 máy bay Mỹ liên tục trinh sát trên vùng trời Quảng Bình. Tối ngày 10 tháng 2 nhận được điện của Bộ Quốc phòng, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức cuộc họp khẩn cấp: quyết định sơ tán dân thị xã về các vùng lân cận. Được các lực lượng hỗ trợ, ngay đêm 10 tháng 2 có 7000 dân thị xã và 40 cơ quan cấp tỉnh rời khỏi thị xã, và đến 5 giờ sáng ngày 11 tháng 2 thị xã Đồng Hới

---

(1) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập II - 1954 - 1975 Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh . Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội 1995 trang 360.

hoàn tất công tác tản cư người và các phương tiện làm việc, sinh hoạt thiết yếu đến những vùng phụ cận an toàn hơn ở miền Nam,[1] Ngày 11 tháng 2 năm 1965 quân ta tấn công một trại lính Mỹ ở Quy Nhơn, đế quốc Mỹ trả đũa mở chiến dịch "mũi lao lửa II" đánh vào Quảng Bình. 60 máy bay Mỹ lại ra đánh phá Đồng Hới, ném bom khu vực sông Gianh, Chánh Hòa, Chấp Lễ, Hạ Cờ. Rút kinh nghiệm các trận đánh trước, lực lượng phòng không phối hợp nhịp nhàng bắn trả quyết liệt. Tại đồi Lý Ninh một chiếc F8U bị dân quân bắn cháy, thiếu tá giặc lái Rô-bớt-su-mất-cơ bị bắt sống. Tại Cảng Gianh các phân đội súng máy của Hải quân, tự vệ ngư trường sông Gianh cùng dân quân các xã hai bờ sông đã đánh trả dũng cảm, bắn cháy 2 máy bay Mỹ. Tổng số máy bay giặc Mỹ bị bắn cháy trong ngày 11 tháng 2 lên đến 6 chiếc.

Ngày 13 tháng 2 năm 1965 tổng thống Mỹ Giôn Xơn quyết định mở chiến dịch không quân mang mật danh "sấm rền" nhằm "gây sức ép liên tục ngày càng tăng đối với miền Bắc". Từ ngày 7 đến ngày 11 tháng 2 mở rộng chiến tranh ra phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ đã bị quân và dân Quảng Bình bắn cháy 13 máy bay, giặc lái bị tiêu diệt, bắt sống toàn bộ[2].

Chiến công oanh liệt của quân và dân Quảng Bình đã mở đầu hình thức chiến đấu hợp đồng của lực lượng phòng không ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác qua một năm chiến đấu của tỉnh Quảng Bình - Lưu trữ tại phòng lưu trữ Tỉnh ủy Quảng Bình.

(2) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập II 1954 - 1975 Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội 1995 trang 359.

dân quân tự vệ) chiến dịch "mũi lao lửa" I và II của đế quốc Mỹ bị quân và dân Quảng Bình đánh trả đích đáng.

Sau ba ngày (7, 8 và 11 tháng 2) cả nước ta đã anh dũng chiến đấu và lập nhiều chiến thắng đầu, nhân dân thế giới lên án hành động xâm lược trắng trợn của đế quốc Mỹ. Nhiều đoàn cán bộ ở các tỉnh miền Bắc, các nhà báo trong nước và ngoài nước kịp thời đến động viên cổ vũ quân và dân Quảng Bình. Tỉnh ủy tổ chức hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm đề ra phương hướng, nhiệm vụ và yêu cầu tư tưởng cho Đảng bộ, nhân dân trong tình hình mới. Đánh giá tình hình, Hội nghị nhận định: " địch chưa bỏ âm mưu hoạt động gây chiến ở miền Bắc, chúng sẽ còn tiếp tục hoạt động với quy mô ngày càng lớn hơn. Trước những thất bại ngày càng nghiêm trọng ở miền Nam, ở Lào, ở miền Bắc đế quốc Mỹ có thể liều lĩnh tấn công bắn phá những vùng kinh tế tập trung, những đường giao thông quan trọng....vì vậy phải đề phòng cả máy bay bắn phá, pháo từ biển bắn vào, đề phòng địch còn oanh tạc cả ban đêm, đề phòng những hoạt động của địch tập trung bắn phá ven biển...ở hai huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa chuẩn bị đề phòng tập kích nhảy dù của địch... Cần tăng cường công tác tư tưởng chuẩn bị cho toàn thể cán bộ đảng viên, các lực lượng vũ trang và nhân dân toàn tỉnh một tinh thần chiến đấu liên tục, ngày càng ác liệt, không sợ hy sinh..."[1]

Thay mặt 40 vạn dân Quảng Bình, hội nghị hứa với Trung ương Đảng, Chính phủ Hồ Chủ tịch và đồng bào cả nước luôn luôn kiên định, sẵn sàng xả thân cứu nước, làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng đối với Tổ quốc, với Đảng và dân tộc.

---

(1) Biên bản hội nghị Tỉnh ủy sau ngày 11 tháng 2 năm 1965.

Mục tiêu của Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại là đánh sập tiềm lực kinh tế, quốc phòng miền Bắc, ngăn chặn sự tăng viện của miền Bắc cho miền Nam, làm lung lay ý chí quyết tâm kháng chiến của Đảng và nhân dân ta, nâng đỡ tinh thần quân ngụy ở miền Nam.

Ngày 2 tháng 3 năm 1965 địch huy động một lực lượng gồm 160 chiếc phi cơ của hạm đội 7 và 20 chiếc của không quân miền Nam bao gồm đủ các loại C113, F100, F 101 và cả loại phản lực tối tân nhất là F105, máy bay phản lực hạng nặng B57 chia thành 90 tốp xuất kích trên 420 lần chiếc đánh vào vùng sông Gianh nơi có căn cứ hải quân ta và miền tây Lệ Thủy. Trong 3 tiếng đồng hồ địch đã trút xuống ở đây 200 tấn bom đạn[1]. Qua nhiều đợt chiến đấu, lực lượng phòng không của ta đã có kinh nghiệm. Các trận địa bắn máy bay bằng súng bộ binh của dân quân xã Quảng Phúc, Thanh Trạch phối hợp với các, lưới lửa tầm thấp, tầm cao nổ súng liên hồi đánh bại trận tập kích lớn của địch.

Nhân dân, dân quân, thầy giáo, học sinh các xã Thanh Trạch (Bố Trạch) Quảng Phúc (Quảng Trạch) tham gia tiếp tế đạn dược bốc hàng, cáng thương, cứu sập không quản nguy hiểm hy sinh làm tốt công tác phục vụ chiến đấu. Các chiến sĩ là dân quân miền núi huyện Lệ Thủy như Hàm Nghi, Đình Phùng tích cực tham gia chiến đấu. Ngày 2 tháng 3 năm 1965 quân và dân Quảng Bình bắn cháy 11 máy bay Mỹ, trong đó có một chiếc "thần sấm" F105. Đây

---

(1) Báo cáo tổng kết qua một năm chống Mỹ cứu nước ở Quảng Bình, trang 15. Lưu tại tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.



Tên giặc lái máy bay Mỹ Lốc Hac

(Lock Hart, Hayden James)

bị dân quân xã Phú Thủy, huyện Lệ Thủy - Quảng Bình, bắt sống

ngày 02-03-1965

Ảnh tư liệu

là chiến công lớn nhất của Quảng Bình trong tháng đầu chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Sau cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, ngày 12 tháng 3 năm 1965, Tỉnh ủy Quảng Bình kịp thời tổ chức hội nghị mở rộng bao gồm cán bộ chủ chốt các ngành dân chính đảng và quân sự. Hội nghị đã đánh giá kết quả và bàn kế hoạch đối phó với hành động chiến tranh phá hoại ngày một gia tăng của địch. Hội nghị lần này đã kiểm điểm nghiêm khắc cán bộ có "tư tưởng chủ quan, tranh công đổ lỗi, ngại gian khổ hy sinh, sợ hy sinh, sợ địch bỏ sản xuất, chạy vào các hang lẩn tránh..."(1). Hội nghị dự kiến: "địch có thể còn đánh lớn hơn, diện rộng hơn, âm mưu thủ đoạn xảo quyệt hơn, thâm độc hơn. Vì vậy phải nghiên cứu tổ chức, bố trí lại lực lượng, chuẩn bị cho cán bộ và nhân dân tư tưởng chiến đấu lâu dài không sợ hy sinh gian khổ. Từng bước phát triển lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, kiểm tra, bổ sung các phương án tác chiến. Đề phòng địch tập kích, tăng cường bảo vệ bờ biển, biên giới và đẩy mạnh công tác trị an nội địa, xây dựng làng chiến đấu và công tác phòng không nhân dân"(2). Hội nghị còn bàn một số vấn đề quan trọng về công tác ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất. Chiến tranh có thể xẩy ra ác liệt, giao thông vận tải khó khăn, hàng hóa Trung ương không chuyển vào được, hội nghị quyết định xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp địa phương sản xuất tiêu dùng cung ứng cho nhân dân.

---

(1)' (2) Báo cáo của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Bình. Tại hội nghị cán bộ ngày 12 tháng 3 năm 1965 bản đánh máy lưu trữ tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình trang 7.

Sau hội nghị tỉnh Đảng bộ mở rộng (ngày 12 tháng 3 năm 1965), tại Hà Nội từ ngày 25 đến 27 tháng 3 năm 1965, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị đặc biệt lần thứ 11. Hội nghị nhận định: Với những âm mưu và hành động mới của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hòa bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền. Với niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, hội nghị đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng, toàn quân toàn dân trên cả hai miền Nam Bắc là: "tích cực kiềm chế và thắng địch trong cuộc "chiến tranh đặc biệt" ở mức cao nhất ở miền Nam, ra sức tranh thủ thời cơ tập hợp lực lượng của cả nước giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong thời gian tương đối ngắn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra, tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế, tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh bại địch trong mọi trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội, hoặc chuyển nó thành một cuộc "chiến tranh cục bộ" ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, ra sức động viên lực lượng của miền Bắc chi viện cho miền Nam; ra sức giúp đỡ cách mạng Lào"[(1)].

Hội nghị nhận định rằng, đường lối và phương châm giành thắng lợi ở miền Nam đã nêu ra trong những nghị

---

(1) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tập II (1954-1975) Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội 1995 trang 295 - 296

quyết trước đây về cơ bản vẫn không thay đổi. Tuy nhiên trước âm mưu và hành động mới của đế quốc Mỹ, tình hình nửa nước có chiến tranh, nửa nước có hòa bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền. Vì thế trong cuộc chiến tranh yêu nước của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược "miền Nam là tiền tuyến lớn và miền Bắc là hậu phương lớn, nhưng hậu phương ấy cũng đang có chiến tranh hạn chế và đang trực tiếp chiến đấu"(1). Đảng quyết định chuyển hướng miền Bắc sang thời chiến, nhằm đối phó với tình hình đánh phá của địch, đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Khẩu hiệu chung của miền Bắc là: "xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam"(2).

Các tỉnh thành cần quán triệt việc chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc sang thời chiến bằng việc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp kết hợp với việc xây dựng những xí nghiệp vừa và nhỏ, phát triển kinh tế theo từng vùng chiến lược quan trọng để mỗi vùng có thể tự bảo đảm những nhu cầu thiết yếu về ăn mặc, sinh hoạt, học hành.

Hội nghị nhấn mạnh yêu cầu tăng cường công tác tư tưởng công tác tổ chức trong thời kỳ mới và cho đó là vấn đề cực kỳ quan trọng. Cần phải làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận rõ âm mưu và hành động mới của Mỹ, ra sức xây dựng ý chí quyết chiến, quyết thắng đế quốc Mỹ và tay sai, sẵn sàng đánh bại bất cứ loại chiến tranh nào của

---

(1) (2) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước Nhà xuất bản sự thật Hà nội 1985 tập I trang 218, 219.

địch, khắc phục mọi khó khăn, sẵn sàng chiến đấu và công tác bất kỳ nơi đâu khi Đảng cần, xây dựng tinh thần tự lực cánh sinh cao, chống chủ quan khinh địch. Hội nghị nhấn mạnh: Cần làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ giải phóng miền Nam là trách nhiệm chung của nhân dân cả nước, cả nước đều tham gia đánh giặc.

Về chuyển hướng công tác tổ chức, phải điều chỉnh lực lượng cán bộ, công nhân viên giữa các ngành và các địa phương tăng cường cán bộ ở miền núi cải tiến bộ máy quản lý, sửa đổi lề lối làm việc ở tất cả các cấp phù hợp với tình hình mới.

Ngày 5 tháng 3 năm 1965, Hồ Chủ tịch ra sắc lệnh động viên cục bộ, thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa III (tháng 4 năm 1965) Người tuyên bố: "Dù Mỹ đưa thêm mấy chục vạn binh sĩ Mỹ và cố vấn lôi kéo thêm chư hầu vào cuộc chiến tranh tội ác này thì quân dân ta cũng quyết đánh thắng chúng". Người kêu gọi : "Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mỗi người Việt Nam yêu nước"[1].

Trong sự nghiệp vĩ đại của dân tộc, Quảng Bình luôn giữ một vai trò rất quan trọng và nổi bật. Quảng Bình vừa là hậu phương trực tiếp của chiến trường Trị Thiên và liên khu V, vừa là chiến trường quyết liệt đối mặt với quân thù. Vì vậy vị trí Quảng Bình trở thành một trong những trọng điểm và thí điểm của mọi âm mưu thủ đoạn tàn bạo của đế quốc

---

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10 Nhà xuất bản sự thật Hà Nội 1989 tr. 87,89 . .

Mỹ. Quảng Bình trở thành một trong những chiến trường và địa bàn quan trọng quyết định đối với sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta: "Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền Bắc tiếp giáp miền Nam, mọi việc làm tốt hay xấu của cô chú ở đây đều có ảnh hưởng nhất định đến cách mạng miền Nam, đều có ý nghĩa đến việc bảo vệ miền Bắc. Nếu kẻ địch có hoạt động liều lĩnh gì thì Quảng Bình và Vĩnh Linh phải đương đầu với chúng trước hết và phải thắng chúng trước hết..."(1).

Thực hiện nghị quyết hội nghị tỉnh ủy ngày 12 tháng 3, nghị quyết hội nghị đặc biệt của Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11, thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình thực hiện nhiệm vụ tiếp tục xây dựng hậu phương, đẩy mạnh sản xuất cố gắng hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1965.

Ở các xí nghiệp anh chị em công nhân đẩy mạnh phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt" bất chấp mọi gian khổ hy sinh lập thêm nhiều thành tích. Giữa các trận chiến đấu ngày 7, 8 và 11 tháng 2 năm 1965 công nhân cơ khí 3-2 tranh thủ sản xuất giữa hai đợt chiến đấu tăng năng suất gấp 1,5 lần. So với quý I năm 1964, quý I năm 1965 giá trị sản lượng tăng 11,36% vượt kế hoạch đề ra trong quý I là 16,91%(2).

Tuy gặp khó khăn về phương tiện sản xuất, vừa đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, các xí nghiệp

---

(1) Bài nói chuyện của Bác Hồ trong dịp vào thăm Quảng Bình ngày 16 tháng 7 năm 1957 Quảng Bình ơn Bác Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy, Ty Văn hóa Quảng Bình xuất bản năm 1975 trang 52.
(2) Mấy kinh nghiệm lãnh đạo vừa sản xuất, vừa chiến đấu của Quảng Bình nhà xuất bản Sự thật.H. 1965 trang 124.

ở Quảng Bình đã dám nghĩ, dám làm thực hiện hợp tác hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất chất lượng sản phẩm giải quyết kịp thời tại chỗ phần nào nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Xí nghiệp rượu Bồng Lai, xí nghiệp dược phẩm hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 102,9% đến 157%. Các ngành sản xuất nông cụ, gỗ, muối, đóng thuyền phục vụ kịp thời yêu cầu của sản xuất, giao thông vận tải và sinh hoạt đời sống nhân dân Quảng Bình.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, xã viên các hợp tác xã trong toàn tỉnh dấy lên phong trào thi đua lao động sản xuất "tay cầy tay súng, tay búa tay súng, tay chèo tay súng" "không vì địch hoạt động bắn phá mà ngừng sản xuất xây dựng" cán bộ nhân dân lấy khẩu hiệu "cán bộ bám dân, hợp tác xã bám ruộng, xã viên bám hố bom sản xuất, thâm canh". Trên các cánh đồng thường xuyên có hàng vạn người cày cấy suốt đêm. Vụ chiêm 1965, các hợp tác xã cấy xong trước hạn định. Trước chiến tranh, hàng năm tỉnh phải huy động hàng vạn ngày công đến giúp Lệ Thủy. Năm 1965 tuy diện tích tăng nhân lực giảm nhưng do tổ chức hợp lý, bà con với ý thức xem "đồng ruộng là chiến trường, xã viên là chiến sĩ" nên khẩn trương gặt cả ngày đêm, thời gian gặt rút ngắn được 37 ngày so với vụ mùa năm trước.

Năm 1965, mặc dù toàn tỉnh có 2456 thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, 2321 thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến và hàng ngàn dân quân trực chiến, nhưng các địa phương vẫn tổ chức, sắp xếp nhân lực, phát huy tốt vai trò phụ nữ để đảm bảo được kế hoạch và khối lượng sản xuất. Năm 1965 diện tích cấy vụ chiêm tăng đáng kể. Vừa sản xuất vừa chiến đấu các hợp tác xã đẩy mạnh cuộc cách mạng kỹ thuật, tăng năng suất lao động,

cây trồng, thực hiện mục tiêu "4 tấn thóc, 7 tấn màu và 3 đầu gia súc/héc ta". Hợp tác xã Đại Phong vẫn giữ được danh hiệu lá cờ đầu về nông nghiệp trên miền Bắc. Nhiều hợp tác xã có phong trào thâm canh, chăn nuôi thủy lợi, cải tiến nông cụ có hiệu quả; đưa dần năng suất cây trồng lên cao như Hợp tác xã Cự Nẫm, Lộc Long, Hà Thiệp, Phúc Lý, Hợp Hòa, Tiên Lang, Thiết Sơn, Liêm Phú...

Cùng với nông nghiệp, sản xuất ngư nghiệp của tỉnh có nhiều cố gắng, mặc dù địch đánh phá ác liệt; thời tiết khó khăn đồng bào vẫn bám biển đánh cá, sẵn sàng tư thế giặc đến là đánh. Các hợp tác xã Bảo Ninh (thị xã Đồng Hới) Ngư Thủy (Lệ Thủy) Nhân Trạch (Bố Trạch) Cảnh Dương (Quảng Trạch).... có ngày xã viên đánh cá phải nhảy xuống biển hàng chục lần để tránh đạn giặc. Các hợp tác xã Thanh Xuân, Hải Đông, Cảnh Dương, đánh bắt cá vượt mức kế hoạch từ 1,8 đến 27,7%. Hợp tác xã Nhân Trạch tháng 2 năm 1965 đánh bắt được 24,83 tấn, tăng gấp 3 lần sản lượng cá đánh bắt cùng kỳ năm 1964. Tháng 5 năm 1965 trong vòng 15 ngày đầu đánh được 116,625 tấn, đạt kế hoạch đề ra cả tháng. Hợp tác xã Quang Phú lá cờ đầu về nghề cá của miền Bắc vẫn giữ vững phong trào. Chị Nguyễn Thị Khíu quê Bảo Ninh người đội trưởng có 6 con kiên trì động viên xã viên vượt qua bom đạn địch bám biển ngày đêm. Chị được Chính phủ tuyên dương anh hùng lao động. Các tổ Đảng, chi bộ, Đảng bộ đã làm tốt công tác chỉ đạo quản lý sản xuất, khơi dậy và phát động phong trào sản xuất với tất cả quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với bằng mọi hình thức, góp phần chi viện đồng bào miền Nam đánh thắng từng bước leo thang chiến tranh của chúng, càng đánh càng thắng, càng đánh càng mạnh.

Trong chiến tranh, Ngành thương nghiệp mở rộng mạng lưới phục vụ đến tận cơ sở, các cửa hàng quày hàng mở ra nhiều nơi phân phối thích hợp với điều kiện thời chiến, đảm bảo hàng hóa đến tận người tiêu dùng, các hợp tác xã mua bán phát huy chức năng giải quyết kịp thời nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân, Hợp tác xã tín dụng tăng cường hoạt động, phục vụ kịp thời sản xuất và đời sống. Hợp tác xã mua bán Lý Ninh, Mai Thủy, hợp tác xã tín dụng Vĩnh Ninh...là những đơn vị tiêu biểu của mặt trận lưu thông phân phối thời chiến. Các quày bán hàng thương nghiệp, không quản bom đạn, trực tiếp đến các bến phà, trận địa phục vụ bộ đội dân quân công nhân đang làm nhiệm vụ. Những tháng đầu năm 1965 đế quốc Mỹ tăng cường đánh phá Quảng Bình, sản xuất gặp khó khăn, có vùng lúa gần vào vụ gặt lại bị bom địch tàn phá. Tỉnh chỉ đạo chặt chẽ, các ngành chức năng kịp thời điều hòa, được Trung ương chi viện nên đời sống nhân dân ổn định.

Ngành y tế chỉ đạo công tác phân tán bệnh viện tỉnh, huyện, các bệnh xá chuyển hết vào hoạt động thời chiến, Ngành tăng cường cán bộ chuyên môn kỹ thuật xuống tận cơ sở, thực hiện toàn dân làm công tác y tế có lực lượng cán bộ kỹ thuật làm nòng cốt. Để đảm bảo công tác cứu thương, mạng lưới y tế được tăng cường và mở rộng. Hệ thống y tế tổ chức thành các tuyến: Bệnh viện tỉnh, huyện, y bệnh xá xã có 5 đến 10 giường. Hợp tác xã nào cũng có y tá, xã nào cũng có y sĩ. Đồng thời tỉnh còn xây dựng các bệnh viện khu vực, thành lập các đội phẫu thuật cần thiết kịp thời đáp ứng các trường hợp phẫu thuật cần thiết trong chiến đấu. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho các xã và hợp tác xã tiến tới có bác sĩ phụ trách.

Công tác giáo dục được giữ vững bằng các biện pháp phân tán, sơ tán trường lớp. Các trường học phân tán về xã lúc đầu dựa vào nhân dân để tổ chức thành trường lớp nhỏ, đảm bảo có hầm hào tránh máy bay địch oanh tạc, có đủ ánh sáng để dạy và học. Vì vậy 8 vạn học sinh trong tỉnh vẫn đến lớp đều đặn. Địch đánh ban ngày ta tổ chức học ban đêm. Các lớp mẫu giáo, vỡ lòng, nhà trẻ vẫn duy trì, Tỉnh còn nhận hàng trăm em học sinh ở hai tỉnh Khăm Muộn và Xa Văn Na Khẹt (Lào) vào học các trường. Địch đánh vào các trường này, các trường khác quyên góp giấy bút, sách giáo khoa chi viện cho trường bạn[1], Tinh thần vì học sinh thân yêu xuất hiện trong các trường học. Cô giáo Nguyễn Thị Bạch Tuyết, hiệu phó trường cấp hai An Thủy (Lệ Thủy) nhận hai em Nguyễn Thị Hồng và Nguyễn Thị Đào bố bị mất sớm, mẹ bị bom Mỹ giết hại về che chở nuôi dưỡng cho các em tiếp tục học tập. Tinh thần dạy và học được ngành giáo dục đào tạo chú ý coi trọng, phát huy, nhân rộng cá nhân điển hình với tinh thần: "Vì tương lai con em", vì sự nghiệp xây dựng và giải phóng dân tộc.

Công tác tổ chức trong nhà trường ngày càng thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Trên tinh thần đó nhằm để đảm bảo được việc tổ chức, quản lý nhà trường cho sát hợp trọng điều kiện chiến tranh, tỉnh chủ trương phân cấp cho các xã quản lý trường cấp II, hợp tác xã quản lý trường cấp I. Vì vậy các ủy ban xã và các ban quản trị hợp tác xã

---

(1), (2), (3) Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ trong năm 1965 trình bày trong hội nghị cán bộ toàn tỉnh ngày 12 tháng 3 năm 1966 tài liệu lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

đã phát huy vai trò trong công việc hợp lực chặt chẽ với hội đồng nhà trường trong việc củng cố trường lớp, đảm bảo số lượng, chất lượng đào tạo, sự an toàn cho học sinh và giáo viên trong hoàn cảnh chiến tranh. Cho nên mặc dù địch đánh phá ác liệt, nhưng số học sinh vẫn tăng hơn năm trước, kỳ thi tốt nghiệp năm học 1964 - 1965 học sinh các cấp thi đỗ tỷ lệ từ 92- 96%[1]. Về mặt bổ túc văn hóa tỉnh chủ trương cần tăng cường đẩy mạnh hơn nữa công tác phổ cập giáo dục cho nhân dân, cân đối giữa giáo dục phổ thông và bổ túc văn hóa. Nhờ vậy ngành bổ túc văn hóa bắt đầu phát triển, góp phần nâng cao nhận thức văn hóa, khoa học cho quần chúng nhân dân[3].

Các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật chuyển hướng đi sâu về cơ sở với những hình thức phân tán nhỏ, phục vụ tiết mục ngắn gọn, kịp thời cho chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân. Nhờ sự chuyển hướng hoạt động thích hợp với tình hình nên các đơn vị văn công, chiếu bóng đã hoạt động đều khắp trong toàn tỉnh. Có nhiều đơn vị phục vụ 24, 25 đêm liên tục trong một tháng[3]. Các hợp tác xã có đội văn nghệ nghiệp dư. Tỉnh đội, công an vũ trang, Ty giao thông vận tải có đội tuyên truyền văn hóa. Từ đồng ruộng, xưởng máy, trên các tuyến đường chiến lược, các bến phà, trận địa bắn máy bay xuất hiện phong trào "tiếng

---

(1)' (2) Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ trong năm 1965 trình bày trong hội nghị cán bộ toàn tỉnh ngày 12 tháng 3 năm 1966 tài liệu lưu trữ tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.
(3) Theo tài liệu đã dẫn.

hát át tiếng bom". Tỉnh đội có đội văn nghệ "ba như"[1]; đoàn văn công Quảng Bình có nhiều hình thức biểu diễn góp phần động viên, cổ vũ quần chúng nhân dân và gây một phong trào sinh hoạt lành mạnh, lạc quan trong hoàn cảnh có chiến tranh. Sách, báo các loại, tuyển tập thơ chống Mỹ được phát hành, in ấn kịp thời động viên phong trào.

Những kết quả trên mặt trận sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, lưu thông phân phối, giáo dục văn hóa, xã hội.v.v... đã ổn định đời sống, sản xuất và nhu cầu chiến đấu, góp phần tạo nên cơ sở vật chất và kỹ thuật, xây dựng công tác hậu cần tại chỗ cho quân và dân Quảng Bình. Nền kinh tế Quảng Bình vẫn giữ được sự cân đối và phát triển tạo thực lực cho cuộc chiến đấu lâu dài sau này.

Sau ba tháng tập trung đánh phá ác liệt các tỉnh liên khu IV, đế quốc Mỹ vẫn không làm suy giảm được quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta, không ngăn chặn được sự chi viện của miền Bắc cho Miền Nam. Bắt đầu từ tháng 4 năm 1965 đế quốc Mỹ chuyển sang đánh cắt giao thông, cầu cống, bến phà, các phương tiện giao thông vận tải trên trục đường số 1 và một số vùng kinh tế tập trung. Bom đạn Mỹ đã phá sập một số cầu cống, tàn phá khu vực dân cư, đập nước, trường học, bệnh viện, gây cho nhân dân ta nhiều tổn thất nặng nề về tính mạng và tài sản.

Trước những hành động tăng cường và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ. Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam phát động phong trào

---

(1) Đội Văn nghệ "ba như" ra đời trong phong trào "lãnh đạo như Cam Thủy, quản lý như Đại Phong, chiến đấu phòng không như Ngư Thủy".

"ba sẵn sàng" trong giới thanh niên toàn miền Bắc. Phong trào đã lôi cuốn đông đảo thanh niên sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm và sẵn sàng vào bộ đội, sẵn sàng khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, học tập bất kỳ trong tình huống nào, sẵn sàng đi bất cứ nơi nào làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần. Thanh niên Quảng Bình nhiệt liệt hưởng ứng phong trào với tất cả quyết tâm cao. Tất cả đoàn viên thanh niên trong các công nông trường, xí nghiệp, ngư trường... ghi tên tình nguyện "ba sẵn sàng" với số lượng cao thể hiện tinh thần chống Mỹ cứu nước trong những tháng đầu chiến đấu oanh liệt.

Cùng với Thanh niên thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, chỉ thị của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Quảng Bình phát động phong trào "ba đảm đang"[1] trong giới phụ nữ: Đảm đang sản xuất và công tác thay thế chồng, con đi chiến đấu, đảm đang việc gia đình cho chồng con, anh em yên tâm chiến đấu, khuyến khích chồng con anh em tòng quân và phục vụ lâu dài trong quân đội, đảm đang phục vụ chiến đấu, tham gia dân quân tự vệ; luyện tập quân sự để sẵn sàng chiến đấu; phục vụ bộ đội, công an, dân quân tự vệ khi chiến đấu. Phong trào này đã cuốn hút hàng vạn phụ nữ tham gia, ghi tên phấn đấu đạt danh hiệu Phụ nữ "Ba đảm đang". Phong trào "ba đảm đang" đã phát huy cao hơn truyền thống "Trung hậu đảm đang" của Phụ nữ Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng và đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng. Chính vì vậy, phong trào "Ba đảm đang" của phụ nữ

---

(1) Trước gọi phong trào "Ba đảm nhiệm" trong phụ nữ - Ngày 19/3/1965 Ban Chấp hành Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào đổi tên là "Ba đảm đang"

đã được Đảng bộ Quảng Bình chỉ đạo phát huy mạnh mẽ sự nhiệt liệt hưởng ứng của phụ nữ trong toàn tỉnh. Ở các công nông trường, xí nghiệp, trạm trại 100% chị em đã được học tập và đăng ký sẵn sàng đảm nhiệm sản xuất hoàn thành về kế hoạch Nhà nước. Ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp, chị em sẵn sàng đảm nhận mọi công tác và sẵn sàng phục vụ chiến đấu.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp có phong trào "cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ" phong trào phấn đấu đạt năng suất 5 tấn thóc/ha đã trở thành hành động cụ thể của hàng vạn nông dân Quảng Bình. Trong công nhân có phong trào "hai mũi tấn công thắng Mỹ"; tiếp tục bám máy để sản xuất với khẩu hiệu "tay búa, tay súng". Giới khoa học kỹ thuật phát động phong trào "ba quyết tâm". ngành giáo dục có phong trào "Hai tốt". Các phong trào đã tạo được sự chuyển biến mới về tư tưởng, hành động quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trên lĩnh vực công tác tư tưởng và công tác tổ chức nhằm giáo dục cho đảng viên và nhân dân hiểu rõ nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng nhất là đối với bộ đội và thanh niên. Tỉnh ủy chú ý kiện toàn một bước sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy đẩy mạnh xây dựng chi bộ "Bốn tốt"; thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Tỉnh ủy tập trung làm tốt 4 công tác lớn: Xây dựng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có chất lượng cao, có số lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, củng cố chi bộ, kiện toàn cấp ủy Đảng, tăng cường công tác lãnh đạo quần chúng. Công tác phát triển Đảng được các cấp chú ý nắm vững yêu cầu, tiêu chuẩn trong điều kiện mới, ra sức nâng cao chất lượng đảng viên, bảo đảm chất

lượng là chính. Cuộc vận động xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở bốn tốt được Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục tiến hành ở cơ sở. Trước thử thách sống còn của dân tộc đội ngũ đảng viên và tổ chức Đảng luôn luôn được cọ xát trong khói lửa chiến tranh và tỏ ra vững vàng trên con đường cách mạng của mình.

Từ đầu tháng 4 đến tháng 5 năm 1965, địch tập trung đánh phá cầu đường, bến phà, thị xã, thị trấn, kho tàng một cách ác liệt. Ngày 3 tháng 4 trước việc Mỹ dùng máy bay ném bom bắn phá cầu Hàm Rồng và Đò Lèn (Thanh Hóa), ta dự đoán địch đã chuyển hướng đánh mục tiêu. Xuất phát từ tình hình cụ thể và nắm vững quy luật hoạt động của địch, Tỉnh ủy chủ trương lấy việc cơ động tiêu diệt địch làm chính biến ít thành nhiều, biến yếu thành mạnh, đánh địch có trọng điểm. Phán đoán địch có thể đánh phá cầu Dài thị xã Đồng Hới, tỉnh đội điều tiểu đoàn 9 cao xạ 37 ly (có 4 đại đội) cùng với bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn bộ binh 45 và dân quân tự vệ cơ động bố trí bảo vệ mục tiêu. Ngày 4 tháng 4 đúng như dự đoán 35 máy bay Mỹ gồm các loại A4, AD6, F8U chia nhiều tốp nhiều hướng bổ nhào đánh phá Cầu Dài. Các lực lượng bảo vệ cầu Dài đã chiến đấu quyết liệt. Sau gần 90 phút dũng cảm chiến đấu, lực lượng phòng không bảo vệ cầu cùng nam nữ dân quân tự vệ Phú Hải, Đồng Hới hạ 4 máy bay Mỹ. Sau khi đánh hỏng cầu Dài - Đồng Hới ngày 7 và ngày 14 tháng 4 giặc Mỹ cho máy bay tập trung đánh phá cầu Lý Hòa (Bố Trạch) và ném bom mục đích hủy diệt thị xã Đồng Hới. Các lực lượng phòng không có sự phối hợp của dân quân các xã Đồng Trạch, Đức Trạch, Hải Trạch, Phú Trạch (Bố Trạch) bắn rơi, bắn cháy 6 máy bay Mỹ.

8 giờ sáng ngày 16 tháng 4 năm 1965, chúng lại cho nhiều tốp máy bay phản lực đến oanh tạc trọng điểm cầu Khe Tang ở miền Tây Quảng Bình. Công nhân giao thông Hạt 4 đã anh dũng bám đường hoàn thành nhiệm vụ duy tu tuyến đường chiến lược, còn băng bó thương binh tiếp sức chiến đấu. Chị Đinh Thị Thu Ngà người phụ nữ đầu tiên của Quảng Bình đứng trên mâm pháo đánh trả lại máy bay phản lực Mỹ.

Trong 4 ngày từ ngày 19 đến ngày 22 tháng 4 năm 1965, đế quốc Mỹ huy động 120 máy bay phản lực tấn công 3 đợt liên tiếp vào cầu Mỹ Đức. Rút kinh nghiệm chiến đấu ở cầu Dài (Đồng Hới) và cầu Lý Hòa (Bố Trạch) quân và dân ta đã lập trận địa giả nghi binh đánh lừa địch. Dân quân hợp đồng chặt chẽ với lực lượng bộ đội pháo Cao Xạ dũng cảm chiến đấu bắn rơi 17 máy bay Mỹ. Chiến thắng của các lực lượng phòng không đã đánh dấu một bước trưởng thành về trình độ tổ chức chỉ huy hiệp đồng chiến đấu đánh trả máy bay Mỹ.

Cùng với đánh phá các mục tiêu quân sự, giao thông vận tải, không quân Mỹ đã đánh vào các mục tiêu kinh tế, nhà máy, xí nghiệp, các công trình thủy lợi ở Quảng Bình. Hồ chứa nước Cẩm Ly là công trình đại thủy nông đầu tiên của tỉnh Quảng Bình, được khánh thành và đưa vào sử dụng ngày 10 tháng 9 năm 1964. Hồ có diện tích 29 ki lô mét vuông, dung tích 41 triệu mét khối nước, tưới cho 4.500 héc ta ruộng của phần lớn các xã ở huyện Quảng Ninh, nông trường Lệ Ninh và một số xã của huyện Lệ Thủy. Hồ chứa nước Cẩm Ly đã chịu đựng hơn 6000 quả bom tạ, 800 loạt rốc két, 415 loạt bom bi. Các Đại đội 1, 2, 3 thuộc Tiểu đoàn 9 pháo cao xạ luân phiên chốt giữ bảo vệ công trình thủy lợi quan trọng này.

Ngày 20 tháng 4 năm 1965, địch tập trung 18 chiếc máy bay, chia thành nhiều tốp, nhiều hướng đánh vào đập Cẩm Ly suốt 8 giờ liền. Khẩu hiệu "Trận địa là nhà, dòng nước Cẩm Ly là sữa mẹ" càng thôi thúc các pháo thủ giữ vững vị trí, chiến đấu lập công. Quân và dân cùng phối hợp chiến đấu với bộ đội Tiểu đoàn 9. Tự vệ nông trường Lệ Ninh bám sát trận địa tiếp đạn, băng bó, giải quyết thương binh, liệt sĩ. 16 tự vệ gái nông trường thay nhau làm pháo thủ trong 15 ngày liền. Nằm trong đội hình của Tiểu đoàn 9, đại đội 3 đã ghi tiếp bảng vàng lập công bắn rơi máy bay Mỹ: 2 chiếc máy bay A4D, AD6 bị đơn vị bắn rơi cách trận địa 500 mét. 20 giờ cùng ngày, đội tự vệ của công trường Cẩm Ly do Trần Quốc Thản chỉ huy, với 27 viên đạn súng trung liên đã bắn rơi tại chỗ 1 chiếc AD6. Đây là chiếc máy bay đầu tiên của không lực Hoa Kỳ bị dân quân tự vệ Quảng Bình dùng súng bộ binh bắn rơi ban đêm trên bầu trời miền Bắc[1].

Qua thực tế chiến đấu lưới lửa tầm thấp của phong trào "tay cày, tay súng" "tay búa, tay súng" phát triển về cả số lượng, tổ chức được củng cố, trình độ tác chiến được nâng cao một bước. Phong trào bắn máy bay Mỹ ở các địa phương, xí nghiệp...đã xuất hiện nhiều trận đánh hay, nhiều tổ chức dân quân, tự vệ độc lập bắn rơi máy bay Mỹ.

Suốt tháng 3 và tháng 4 năm 1965 đế quốc Mỹ cho hàng chục tốp máy bay trinh sát, ném bom hoạt động tuyến biển, cửa sông, nhằm phát hiện vị trí tàu đậu của hải quân ta rồi dùng không quân để oanh kích.

Ngày 28 tháng 4 năm 1965, đế quốc Mỹ tập trung nhiều loại máy bay F8U, AD6, F105 đánh phá và tập kích

---

(1) 18 năm chống Mỹ, cứu nước thắng lợi (1954-1972). NXB Quân đội nhân dân - H1974, trang 145.

vào căn cứ Thuận Bài (Quảng Trạch) lèn Voi và lèn Đứt Chân (Tuyên Hóa). Trong một ngày đã diễn ra 8 đợt chiến đấu liên tục. Nam nữ dân quân du kích cùng bà con nông dân thuộc các xã Văn Hóa, Cảnh Hóa, Phù Hóa (Tuyên Hóa) Quảng Thanh, Quảng Thuận, Quảng Phúc (Quảng Trạch), Thanh Trạch, Hạ Trạch (Bố Trạch), nam nữ tự vệ ngư trường sông Gianh, đồn Biên phòng Công an vũ trang 122 hợp đồng chặt chẽ vừa chiến đấu vừa phục vụ chiến đấu có hiệu quả. Dân quân, thanh niên, các mẹ, các chị, lão quân, thiếu niên chèo đò tải thương, băng bó chăm sóc thương binh, tiếp đạn, tiếp cơm, tiếp lá ngụy trang cho tàu hải quân và bộ đội phòng không chiến đấu bắn rơi 5 máy bay Mỹ[1]. Nhiều tấm gương dũng cảm xuất hiện. Đồng chí Phương - Bí thư Đảng ủy xã Văn Hóa mặc dầu đang ốm vẫn dẫn hơn 100 dân quân và nhân dân phục vụ chiến đấu. Hai em thiếu niên là Phương Liên và Minh Thục xã Cảnh Hóa chèo đò ra tàu chuyển thương binh lên bờ. Cụ Lê Văn Hiến, công an xã Quảng Phúc, cùng thanh niên, dân quân lội ra sông khiêng, cáng, cõng thương binh vào bờ. Các đồng chí Thái - Bí thư chi bộ, Phương, Trọng công an xã, y tá Trương Thị Diên (xã Thanh Trạch) cùng với thanh niên, dân quân đưa bộ đội vào bờ, băng bó vết thương, cứu chữa cho thương binh, đưa liệt sĩ về tuyến sau. Trận chiến đấu tại sông Gianh ngày 28 tháng 4 năm 1965 là một hình ảnh sinh động về sự đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân.

Một trong những mục tiêu cơ bản của đế quốc Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc là ngăn chặn sự chi viện sức người, sức của hậu phương lớn cho tiền

---

(1) Trận chiến đấu này ta bị chìm 3 tàu, 2 tàu hỏng nặng, 37 chiến sĩ hy sinh 73 đồng chí bị thương. Dẫn theo lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước (1954-1975). BCH QS Quảng Bình XB 1994 - Trang 116.

tuyến lớn. Vì vậy công tác bảo đảm giao thông vận tải thông suốt ở Quảng Bình có một vị trí quan trọng. Ngày 7 tháng 5 năm 1965, Trung ương Đảng ra Nghị quyết thành lập Hội đồng Quốc phòng Quân khu IV, và một số vấn đề trong công tác giao thông vận tải cho các tỉnh Khu IV. Hội đồng bao gồm một số đồng chí trong Bộ tư lệnh Quân khu, Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Khu vực Vĩnh Linh, do đồng chí Lê Hiến Mai, Bí thư Quân khu ủy, kiêm chính ủy quân khu làm Chủ tịch. Ở Quảng Bình đồng chí Nguyễn Tư Thoan - Bí thư Tỉnh ủy là ủy viên Hội đồng Quốc phòng quân khu.

Sau khi thành lập Hội đồng quốc phòng quân khu đã triệu tập cuộc họp bàn kế hoạch triển khai Nghị quyết hội nghị lần thứ 11 của Ban chấp hành Trung ương và Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ (tháng 4 năm 1965) về công tác giao thông vận tải: Hội nghị quyết định: "Quyết tâm lấy chiến tranh nhân dân đánh bại chiến tranh phá hoại bất luận cuộc chiến tranh đó quyết liệt đến mức nào; quyết tâm lấy chiến tranh nhân dân đánh bại chiến tranh cục bộ...sẵn sàng nhận và làm nhiệm vụ chi viện và đi chiến đấu ở B, ở C làm tốt nhiệm vụ bảo vệ sản xuất...càng chiến đấu, các mặt kinh tế, chính trị, quân sự càng phát triển càng lớn mạnh"[1].

Để thực hiện nghị quyết của hội đồng quốc phòng, tháng 5 năm 1965, Bộ tư lệnh quân khu phối hợp với Bộ giao thông vận tải mở hội nghị bàn về công tác bảo đảm giao thông vận tải và thống nhất sự chỉ đạo. Hội nghị đã giao nhiệm vụ: "Dù bất cứ tình huống nào, Quảng Bình,

---

(1) Nghị quyết hội nghị Liên tịch Quân khu ủy và các bí thư Tỉnh ủy bàn tình hình nhiệm vụ quân khu chuyển sang thời chiến họp vào ngày 7 và ngày 8 tháng 5 năm 1965.

Vĩnh Linh phải giữ được mạch máu giao thông với khẩu hiệu: địch phá ta sửa ta đi, chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân nên công tác giao thông vận tải cũng là giao thông vận tải của nhân dân"[1].

Sau hai hội nghị nói trên Tỉnh ủy Quảng Bình thành lập ban giao thông vận tải từ tỉnh xuống xã do đồng chí phó chủ tịch tỉnh làm trưởng ban và thống nhất chỉ huy trên địa bàn, đồng thời thành lập các công trường giao thông: 12A, công trường 151; 152, tuyến quốc lộ 1A và các đội cầu 1, 2, 3 các bến phà được mở rộng và phát triển thêm bến. Mỗi bến phà có hai bến chính và hai đến 3 bến phụ, tổ chức nhiều ca kíp trực bến giải quyết thông xe.[2]. Phà Roòn lúc cao điểm có 4 bến.

---

(1) Tuyến lửa những năm tháng sôi động Sở GTVT Quảng Bình ấn hành năm 1993

(2) Ban chỉ huy bảo đảm giao thông Quảng Bình gồm các đồng chí:

+ Nguyễn Hữu Duật, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy - Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Đồng chí Lại Văn Ly, Tỉnh ủy viên - Trưởng ty Giao thông làm phó Ban.

+ Các thành viên:

Đồng chí : Nguyễn Kỉnh - Phó chỉ huy quân sự tỉnh.

Đồng chí: Trần Thanh Đạt - Phó trưởng ty Công an tỉnh.

Đồng chí: Đoàn Chương - Uỷ viên thường vụ tỉnh Đoàn.

Theo quyết định số 334/QĐ-QB và các số 154, 158, 186, 201 của Thường vụ Tỉnh ủy-tháng 5 năm 1965 (tài liệu lưu tại Phòng nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

- Công trường 12A: Phụ trách đoạn đường từ Tân Ấp, Khe Ve, Cổng Trời đến đèo Mụ Già.

- Công trường 151: Phụ trách đoạn đường từ Phà Xuân Sơn qua đèo Đá Đẻo, ngầm Khe Rinh ra Khe Ve trên đường 15A.

- Công trường 152: Phụ trách đoạn đường 15A từ phà Xuân Sơn vào Bến Quan (Vĩnh Linh).

Tuyến quốc lộ 1A do ban đảm bảo giao thông các huyện, hạt quản lý.

Nhằm phá thế "Độc đạo" tỉnh chủ trương mở thêm nhiều đường tránh, đường xế trên các tuyến đường giao thông chính phụ. Đồng thời Tỉnh quyết định thành lập các đội thanh niên xung phong do đồng chí Đặng Thanh - Thường vụ Tỉnh đoàn phụ trách: Đội "75" gồm các đơn vị: C757 (Lệ Thủy) C754 (Quảng Ninh) C751, C755 (Bố Trạch) C752, C753 (Quảng Trạch), C759 (Tuyên Hoá), C758 (Minh Hoá) tăng cường lên chốt ở các trọng điểm đường 12A. Đội N73 do đồng chí Lương Thị Kim Tiến, uỷ viên thường vụ huyện đoàn Tuyên Hoá phụ trách, tăng cường cho công trường 151 giữ các trọng điểm trên đường 15A.

Tỉnh đã huy động được một lực lượng nam, nữ "Thanh niên xung phong đông đảo. Đầu tháng 5 năm 1965 đã có hơn 3.700[1] nam nữ thanh niên khắp các huyện, thị xã trong tỉnh lên đường làm nhiệm vụ ứng cứu bảo đảm mạch máu giao thông trên các tuyến đường bến bãi xung yếu. Lúc cao điểm con số thanh niên xung phong lên đến 1 vạn 200 ngàn người. Phần lớn trong số họ là những thanh niên tuổi 18 đôi mươi hăng hái, dũng cảm, sáng tạo trong công tác phá bom nổ chậm, phá núi mở đường san lấp hố bom cho xe ra tiền tuyến.

Ngoài số lượng thanh niên xung phong thuộc Tỉnh Quảng Bình còn có lực lượng thanh niên xung phong thuộc đoàn 559 - số lượng 8.000 người trong đó thanh niên Quảng Bình có 1731 người còn lại là thanh niên Hà Tĩnh, Ninh Bình, Nam Hà. Lực lượng thanh niên xung phong

---

(1) Một số quyết định của Chính phủ tuyển dụng và điều động thanh niên xung phong cho Quảng Bình.

thuộc Ban 67 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải - số lượng trên dưới 20.000 người. Ban 67 chủ yếu làm đường 20 gồm thanh niên các tỉnh; Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Hà Tây, Thái Bình, các đội thanh niên xung phong 25, 23,33, 81... sau này bổ sung thêm quân số từ Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh đảm bảo giao thông cả đường 15 và 20...(1)
Lực lượng thanh niên xung phong thuộc Cục công trình I trực thuộc Bộ giao thông vận tải có số lượng 4.000 người phụ trách làm đường 10, đường 21, 22A, 22B gồm thanh niên Nam Hà, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hà Nội, Hải phòng (2).Tổng cộng cả lực lượng thanh niên xung phong Trung ương quản lý và thanh niên xung phong địa phương quản lý, số lượng thanh niên xung phong có trên đất Quảng Bình là trên dưới 3 vạn người.

Ngay sau khi thành lập cùng với các tổng đội thanh niên xung phong Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh và dân công hoả tuyến, Tổng đội thanh niên xung phong Quảng Bình đã có mặt ở công trường 16 mở đường thồ từ Làng Ho (Lệ Thuỷ) vào bắc Sê Băng Hiên, cùng với Trung đoàn 10, tiểu đoàn 25 công binh, trung đoàn bộ binh 4 và 5 mở đường 20 xuyên Trường Sơn qua Phu-la-nhích, Lùm-bùm (Lào).

Cuối tháng 5 năm 1965 địch đánh phá hầu hết các cầu trên tuyến đường Quốc lộ 1A, đường chiến lược 15, các điểm vượt khẩu bị tắc nghẽn. Các bến phá Roòn, sông Gianh, Xuân Sơn, Quán Hàu, Long Đại trở thành những

---

(1) Số lượng thống kê của Trung ương Đoàn tháng 6 năm 1965 - Ban liên lạc cựu Thanh niên xung phong Trung ương cung cấp ngày 6-10-1997.
(2) Theò tư liệu đã dẫn.

trọng điểm ác liệt. Ngày 9 tháng 5 năm 1965, một đoàn xe vận tải hàng vào chiến trường bị sa lầy trên một đoạn đường dài hơn một ki-lô-mét thuộc xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bom địch đánh làm đất tơi ra và những cơn mưa đầu mùa làm cho mặt đường bị lầy bùn trơn trượt. Đảng uỷ, chính quyền xã đã huy động dân quân và nhân dân ra chống lầy giúp các chiến sĩ lái xe vận tải "Xe chưa qua, nhà không tiếc" Bí thư Đảng uỷ xã Phạm Ngọc Đương tự dở nhà mình lấy gỗ, ván lót đường cho xe đi. "Đảng viên đi trước làng nước đi sau" nhiều gia đình theo gương Bí thư Đảng uỷ xin về dở nhà mình. Đảng uỷ xã phải họp cấp tốc, quyết định cho 37 gia đình được dở nhà trước. Chỉ mấy giờ sau, nhân dân đã khiêng gánh hàng trăm tấm ván, cột nhà, rui, mèn, gạch lát nền nhà, lát vỉa hè ra lót đường. Đoàn xe vận tải đã vượt qua đoạn đường khi trời sáng. Trên mặt trận giao thông vận tải Đảng bộ và nhân dân Quảng Thuận (Quảng Trạch) nêu cao khẩu hiệu "Dẫu cho đầu đội tọa độ, chân đạp thủy lôi, không phút nghỉ ngơi đưa hàng ra tuyến trước", "Hết nhà ta lại phá tường không để xe tắc và đường ta hư". Nhân dân Quảng Thuận đã dũng cảm mưu trí cứu thoát 1000 đầu xe bị đánh phá trên địa bàn, cứu hàng trăm người bị sập hầm, góp 10.000 khối đá, 8000 khối cát, 10.000 khối đất, bỏ ra hàng ngàn ngày công tiếp chuyển hàng và cất giữ với chục tấn vũ khí, lương thực và hàng hóa khác, nhân dân tự nguyện theo gương mẹ Trần Thị Chóàng phá tường nhà lấp hố bom thông đường cho xe qua. Tại thôn Lâm Lang xã Châu Hóa (Tuyên Hóa) Đảng ủy và chính quyền địa phương, chi bộ cơ sở trực tiếp động viên nhân dân nhường nhà cho bộ đội, dân quân ban đêm dùng thuyền chở quân vượt sông Gianh vào tiền tuyến.

Binh trạm quân đội ở đây trở thành mục tiêu đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ. Nhân dân xã Châu Hóa chịu đựng hàng ngàn tấn bom đạn, hàng chục ngôi nhà bị đốt cháy, nhiều chiến sĩ và nhân dân đã anh dũng hy sinh. Tinh thần phục vụ chiến đấu, giữ vững mạch máu giao thông luôn luôn được phát huy cao độ trong toàn dân. Khẩu hiệu "Xe chưa qua, nhà không tiếc" từ Quảng Bình lan rộng ra khắp các địa phương, biểu thị tinh thần hy sinh cao cả của nhân dân miền Bắc vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc [1].

Những tháng cuối năm 1965 cùng với những cầu phà máy bay địch sục tìm bắn phá các phương tiện vận chuyển tàu, ca nô, xe phà. Các điểm vượt khẩu bị tắc nghẽn, các bến phà Roòn, sông Gianh, Xuân Sơn, Quán Hàu, Long Đại đều bị máy bay Mỹ phát hiện đánh hỏng. Hai ngàn tám trăm tấn phương tiện vận tải thủy của các hợp tác xã Cảnh Dương (Quảng Trạch), Lý Hoà, Thanh Trạch (Bố Trạch), Hồng Vận (thị xã Đồng Hới)... bị đánh hỏng gần hết. Phương tiện vận tải đường thuỷ tê liệt. Công tác bảo đảm giao thông vận tải lúc này trở thành nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ quân và dân Quảng Bình.

Nhằm phá thế "độc đạo" ta mở thêm đường tránh đường xế trên các tuyến giao thông: Hỗ trợ đường 1A - mở đường 22A từ miền Tây Kỳ Anh (Hà Tĩnh) vào Mũi Vích (Quảng Tùng- Quảng Trạch) đường 22B từ Quảng Châu về Tiên Lương. Để phân tán mục tiêu đề phòng địch đánh phá đoạn quốc lộ 1A từ Nam sông Gianh vào đèo Lý Hoà ta mở

---

(1) Lịch sử vận tải Quân đội nhân dân Việt Nam 1945-1975 - Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - Hà Nội 1992, trang 200

thêm đường Ba Trại từ Nam phà Gianh nối với đường 15A. Để tránh 5 cầu (Lệ Kỳ 1, 2, 3 cầu Vĩnh Tuy, Phúc Duệ) ta mở đường 5 khe (vượt qua 5 khe nước) từ Đồng Hới về Long Đại. Hạn chế việc vận chuyển qua thị xã Đồng Hới, ta mở đường "Hữu Nghị" từ Chánh Hoà đi Đá Mài "Đường sư đoàn" đi Phú Quý.

Ngày 8 tháng 6 năm 1965 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị số 99 về "Phương hướng, nhiệm vụ của công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới" nhằm động viên, sử dụng, phát huy cao độ mọi khả năng vào các hoạt động xã hội và phục vụ chiến đấu, tham gia chiến đấu, tham gia các phong trào bảo mật, phòng gian; bảo vệ trị an. Nhằm thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư, Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức quán triệt chỉ thị số 99 đến các cấp uỷ và cấp hội, đồng thời ra Nghị quyết về công tác phụ vận, lấy phong trào thi đua "Ba đảm đang" để động viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát động tư tưởng tự tin, tự hào của người phụ nữ đứng lên đảm đang việc sản xuất, quản lý sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ đời sống; nhiệm vụ chủ yếu hàng đầu của phụ nữ vẫn là đẩy mạnh sản xuất, bảo vệ sản xuất, đồng thời tích cực thực hiện phương châm động viên phụ nữ chiến đấu, sản xuất giỏi, phải chủ động bồi dưỡng sức lao động của chị em phụ nữ.

Thực hiện chủ trương trên, Tỉnh ủy Quảng Bình ra chỉ thị cho các huyện, thị uỷ tổ chức hội nghị phụ vận và hầu hết các xã đã phổ biến chỉ thị 99 xuống tận chi bộ. Cán bộ đảng viên đã có chuyển biến về nhận thức phương hướng và nhiệm vụ vận động phụ nữ trong tình hình mới; mạnh dạn đào tạo bồi dưỡng đề bạt cán bộ nữ và bước đầu quan tâm đến vấn đề bồi dưỡng sức lao động phụ nữ; chú trọng lãnh

đạo phong trào thi đua "Ba đảm đang" do vậy động viên được phụ nữ nêu cao tinh thần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Trước tình hình đế quốc Mỹ ngày càng leo thang đánh phá, Tỉnh uỷ mở hội nghị cán bộ toàn tỉnh từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 6 năm 1965. Hội nghị đã kiểm thảo và đánh giá mấy tháng đầu năm 1965: "Phát huy truyền thống quê hương, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ, chính quyền quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết, lao động cần cù, nắm chắc tay cày, tay súng, tay búa tay súng, tay chèo tay súng dũng cảm chiến đấu vượt mọi khó khăn giành thắng lợi". Tổng sản lượng lương thực vụ đông xuân năm 1964-1965 vượt 8,1% kế hoạch tăng hơn đông xuân năm 1963-1964 trên 9.700 tấn. Tổng giá trị công nghiệp và thủ công nghiệp tăng hơn 6 tháng đầu năm 1964 là 5,7%. Sản lượng đánh bắt cá giữ được bằng 6 tháng đầu năm 1964. Về chăn nuôi đàn lợn vượt kế hoạch 6,1%, lợn tập thể tăng 46%, đàn trâu bò cũng vượt kế hoạch.

Về công tác cán bộ, đảng viên, Hội nghị đã phê phán một số đảng viên, cán bộ có tư tưởng cầu an, tinh thần bạc nhược,sợ máy bay, bỏ sản xuất, bỏ công tác; khi địch mở rộng diện bắn phá thì hoang mang giao động, ngại gian khổ sợ chiến tranh lâu dài... công tác lãnh đạo chỉ đạo chuyển hướng kinh tế còn chậm; định hướng chưa rõ.

Các ngành còn lúng túng bị động trong xử lý các tình huống cụ thể. Công tác tổ chức - tư tưởng, tác phong lề lối làm việc còn quan liêu máy móc.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ chung cho toàn Đảng bộ trong thời gian tới là: "Động viên toàn Đảng, toàn dân ra

sức chống Mỹ cứu nước. Vừa chiến đấu vừa sẵn sàng chiến đấu; vừa đẩy mạnh sản xuất và tích cực bảo vệ sản xuất. Ra sức xây dựng tiềm lực kinh tế vững chắc để đáp ứng yêu cầu chiến đấu và đời sống của nhân dân trong mọi tình thế. Cố gắng đem hết sức mình làm tròn nghĩa vụ đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào" (1).

Hội nghị đề ra nhiệm vụ cụ thể trước mắt: "Chuyển hướng xây dựng nền kinh tế tự túc. Đề cao ý thức tự lực cánh sinh, chỉ yêu cầu Trung ương viện trợ những thứ địa phương không có khả năng sản xuất và thiếu nó không thể được.Tăng cường củng cố quốc phòng, hệ thống phòng thủ, bảo vệ trị an, phòng không nhân dân. Bảo đảm cho dân quân tự vệ đủ sức vừa sản xuất vừa chiến đấu... Bồi dưỡng sức dân để chiến đấu lâu dài mà còn phải lo chi viện cho miền Nam đặc biệt là cho Trị Thiên và cách mạng Lào. Động viên tinh thần triệt để tiết kiệm, dựa vào dân phát huy tính sáng tạo và khả năng to lớn của toàn dân, kiên quyết bảo đảm kỳ được công tác giao thông vận tải. Tất cả 40 vạn nhân dân Quảng Bình cố gắng thắt lưng, buộc bụng sẵn sàng chịu đựng thiếu thốn, dốc toàn lực lượng xây dựng nền kinh tế tự túc, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ hoàn cảnh nào, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân cả nước" (2).

Hội nghị đặt vấn đề chú trọng công tác chính trị tư tưởng, xây dựng cho được tư tưởng quyết tâm đánh thắng

---

(1), (2) Nghị quyết số 5/NQ-QB "Về tình hình nhiệm vụ trước mắt" ngày 28 tháng 6 năm 1965. Bản đánh máy- Lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng - Tỉnh uỷ Quảng Bình.

giặc Mỹ xâm lược trong mọi tình huống trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Quảng Bình.

Thực hiện nghị quyết hội nghị Tỉnh uỷ (Ngày 18 đến ngày 20 tháng 6 năm 1965) toàn quân, toàn dân dấy lên phong trào "Chống Mỹ cứu nước" quyết tâm giành nhiều thắng lợi trên mặt trận quân sự và kinh tế.

Bằng nhiều hình thức tác chiến và cách đánh thích hợp, phong trào bắn máy bay Mỹ ở các địa phương phát triển rộng khắp, xuất hiện nhiều trận đánh hay. Ngày 24 tháng 6 tổ dân quân xã Quảng Long (Quảng Trạch) do xã đội phó Trần Văn Đương chỉ huy với 3 khẩu súng trường Mỹ và 9 viên đạn đã bắn rơi tại chỗ một chiếc F105. Tổ tự vệ Nguyễn Thị Thu công trường 12A (Minh Hoá) 3 người, 3 súng trường, 6 viên đạn bắn rơi tại chỗ chiếc A4D. Tiểu đoàn 1, trung đoàn 280 bảo vệ khu vực sông Gianh trong 142 ngày đêm vững vàng trên mâm pháo, bắn rơi 30 chiếc máy bay Mỹ.

Ngày 14 tháng 7 năm 1965 quân và dân Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100 trên địa phương. Như vậy chỉ trong 150 ngày đêm chiến đấu quân và dân Quảng Bình đã bắn tan xác 100 máy bay Mỹ, đồng thời vẫn đảm bảo giao thông vận tải thông suốt và sản xuất có hiệu quả cao. Ngày 17 tháng 7 năm 1965 Hồ Chủ tịch gửi thư khen: "Bác vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình đã bắn rơi 100 máy bay giặc Mỹ, vừa qua lại thu hoạch vụ chiêm rất tốt. Như vậy là tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi. Các tỉnh khác hãy ra sức thi đua với Quảng Bình. Các chú bộ đội, cán bộ và đồng bào tỉnh nhà hãy phát huy thắng lợi, nêu cao truyền thống anh hùng của quân và dân ta, đoàn

kết chặt chẽ, luôn luôn cảnh giác, quyết giành nhiều thành tích to lớn hơn nữa cùng đồng bào cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược cho đến thắng lợi hoàn toàn" [1].

Đây là vinh dự lớn lao đối với Đảng bộ - quân và dân Quảng Bình. Để xứng đáng với lời khen ngợi của Hồ Chủ tịch và quyết thực hiện lời dạy của Người, Tỉnh uỷ chỉ thị cho toàn Đảng, toàn quân toàn dân trong tỉnh mở đợt học tập thư Hồ Chủ tịch để nâng cao ý chí chiến đấu, tăng thêm niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Qua đây kiểm điểm lại những mặt còn yếu kém để khắc phục vươn lên, quyết không chủ quan, thoả mãn với những thành tích đã đạt được đặc biệt về thâm canh khoa học kỹ thuật chúng ta còn kém, chúng ta cố gắng tiến công vào khoa học kỹ thuật, đưa nền nông nghiệp tiến lên một trình độ mới cao hơn.

Một vinh dự nữa lại đến với quân và dân tỉnh ta, ngày 29 tháng 8 năm 1965, Hồ Chủ tịch ký lệnh tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất cho quân và dân Quảng Bình.

Cuối năm 1965, Tỉnh uỷ tổ chức Đại hội tổng kết thi đua tại Xuân Hoà (Hoa Thuỷ, Lệ Thuỷ). Đồng chí Tố Hữu thay mặt Trung ương Đảng vào dự Đại hội. Đại hội phát động phong trào thi đua "Hai giỏi" (Sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi) nhằm động viên toàn quân, toàn dân ta dương cao ngọn cờ thi đua "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Phong trào thi đua "Hai giỏi" đã trở thành phong trào cách mạng của quần chúng, nó không những có tác động về tư

---

(1) Quảng Bình ơn Bác - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Ty Văn hoá Quảng Bình xuất bản 1975 - trang 29.

tưởng phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong nhân dân mà còn bồi dưỡng phát huy những nhân tố mới xuất hiện trong chiến đấu và sản xuất.

Tháng 6 năm 1965, đồng chí Nguyễn Tư Thoan, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình dẫn đầu đoàn cán bộ tỉnh ra báo cáo tình hình với Trung ương và Bác Hồ. Trong dịp này đoàn đi thăm một số tỉnh ở miền Bắc để học tập kinh nghiệm sản xuất. Từ tấm chân dung có chữ ký của Hồ Chủ tịch tặng, tỉnh đã cho in một vạn tấm để làm phần thưởng cho cá nhân, gia đình, tập thể đạt danh hiệu "Hai giỏi".

Phong trào thi đua "Hai giỏi" đã trở thành mục tiêu phấn đấu, trở thành cao trào thi đua sâu rộng trong quần chúng. Mỗi đơn vị trong lực lượng vũ trang, hợp tác xã, gia đình, cá nhân đều có chỉ tiêu phấn đấu "Đơn vị hai giỏi" "Chiến sĩ hai giỏi". Nó đã trở thành một luồng gió mạnh đưa chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân Quảng Bình phát triển lên một bước vượt bậc.

Cùng với phong trào thi đua "Hai giỏi" các phong trào thi đua bốn tốt trong công đoàn, ba đảm đang của phụ nữ, bốn tốt của thanh niên, ba tốt của phụ lão.v.v... đều gắn với nội dung phong trào thi đua "Hai giỏi". Trong phong trào thi đua xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân điển hình trong các ngành, các giới.

Sau một thời gian thực hiện lời dạy Hồ Chủ tịch và nghị quyết hội nghị Tỉnh uỷ triển khai công tác "hai giỏi", phong trào "hai giỏi" ở trong tỉnh đã phát triển mạnh mẽ, tiếp tục tiến lên lập được nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào hơn nữa

Tỉnh uỷ Quảng Bình đã triệu tập Hội nghị thi đua chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi. Ngày đầu tháng 11 năm 1965 hội nghị khai mạc có 500 đại biểu, trong đó có 350 chiến sĩ "Hai giỏi" thay mặt cho 17.500 chiến sĩ thi đua "Hai giỏi" trong toàn tỉnh về dự [1]. Nhiều báo cáo điển hình trong Đại hội thể hiện rõ chủ nghĩa anh hùng cách mạng mới của quân và dân Quảng Bình. Đại hội chủ trương đẩy mạnh hơn nữa phong trào "Hai giỏi" lên thành một phong trào rộng rãi trong toàn quân, toàn dân, các cơ quan.

Ngày 27 tháng 12 năm 1965, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 12 (khoá III) đề ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới: "Ở miền Nam chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đã phát triển đến mức cao nhất và căn bản đã bị thất bại. Chúng buộc phải chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Ở miền Bắc mặc dù đế quốc Mỹ tiếp tục "leo thang" chiến tranh với quy mô ngày càng lớn, nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân vẫn không thể thực hiện được mục tiêu đề ra. Đế quốc Mỹ không thể nào ngăn chặn được sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam và Lào. Nhiệm vụ của nhân dân miền Bắc là:"Vừa sản xuất, vừa chiến đấu để bảo vệ miền Bắc, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, động viên sức người sức của tăng cường chi viện miền Nam ra sức giúp đỡ cách mạng Lào; đồng thời

---

(1) Báo cáo công tác của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Bình trong năm 1965. Trình bày tại hội nghị cán bộ toàn tỉnh ngày 12 tháng 3 năm 1966 - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Tỉnh uỷ Quảng Bình, trang 17.

tích cực chuẩn bị đánh địch nếu chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước"[1].

Đầu năm 1966 Tỉnh uỷ Quảng Bình triệu tập hội nghị cán bộ nhằm quán triệt sâu sắc nghị quyết hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12, vạch ra một số nhiệm vụ cơ bản về "Giao thông vận tải"; đẩy mạnh công tác xây dựng làng xã chiến đấu; tăng cường công tác phòng không sơ tán; Hội nghị phát động phong trào cách mạng "Mỗi người dân là một chiến sĩ kiên cường, mỗi thôn xóm là một pháo đài vững chắc"[2].

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước của Hồ Chủ tịch: "Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng; kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa chúng ta kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng"[3]. Thực hiện nghị quyết 12 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, nhiệm vụ cơ bản hội nghị Tỉnh ủy, cán bộ chiến sĩ Quảng Bình đồng loạt tiến công vào chiến dịch bảo đảm giao thông vận tải mang tên "Chiến dịch Quang Trung".

Trước hết, Tỉnh ủy chủ trương kiện toàn và củng cố lại ban đảm bảo giao thông vận tải đủ sức để đảm bảo nhận việc chi viện kịp thời cho miền Nam. Trên tinh thần đó Tỉnh ủy phát động phong trào toàn dân làm công tác đảm bảo

---

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975)- Viện lịch sử Đảng Trung ương xuất bản - Hà Nội 1982, trang 242.
(2) Nghị quyết Tỉnh uỷ Quảng Bình 1966 - Số 02NQ/QB. Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.
(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Sự Thật - Hà Nội 1986, Tập 10 - trang 131

giao thông vận tải. Bằng mọi biện pháp thô sơ, cơ giới, đường bộ, đường thủy, đi ngày, đi đêm, đảm bảo giao thông, thông xe chở hàng ra tiền tuyến đáp ứng nhu cầu của chiến trường. Tỉnh điều động 3.200 thanh niên xung phong và 540 dân công hoả tuyến lên đường phục vụ chiến đấu ở chiến trường. 5.329 nam nữ thanh niên nhập ngũ tham gia lực lượng vũ trang đạt 104% chỉ tiêu trên giao, gấp 3,3 lần năm 1964. Lực lượng dân quân tự vệ cũng được tăng cường lên đến 28.243 chiến sĩ. Hàng ngàn lượt người lên mặt đường tập trung lấp hàng trăm hố bom, làm hàng chục ki-lô-mét đường.

Nhân dịp lễ Nôen, Tết dương lịch và Tết Nguyên đán, bị thế giới lên án hành động dã man và trước hành động nhân đạo của Đảng ta, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng bắn từ ngày 25 tháng 12 năm 1965 đến ngày 31 tháng 1 năm 1966. Tranh thủ thời gian này ta mở chiến dịch vận tải chuyển hàng từ Bắc sông Gianh sang Nam Gianh vào chiến trường. Tỉnh huy động cán bộ, bộ đội, nhân dân cùng lực lượng chuyên trách làm đường, lấp hố bom nâng cấp mặt đường trong thời gian ngắn, hàng chục trọng điểm được khắc phục, hàng vạn tấn hàng hóa được vận chuyển vào chiến trường.

Đoạn đường Hạ Trạch ở nam phà Gianh bị máy bay địch ném bom đánh bật đi 300 mét, 1.000 cán bộ và chiến sĩ, nhân viên các cơ quan, nhân dân hàn gắn kịp thời để phục vụ chiến dịch. Các điểm bị địch đánh thành ao hồ, được đắp lại như hai bến cảng Gianh,Võ Xá, ngầm Ca Tang, Khe Rinh, Long Đại. "Tết Quang Trung" Bính Ngọ năm 1966, toàn dân lên mặt đường, ăn tết trên mặt đường,

bến sông và tại các kho tàng, trên các chuyến xe. Thương nghiệp đưa hàng ra phục vụ trên mặt đường [1].

Năm 1966 để phá thế "độc tuyến" Bộ Giao thông vận tải thành lập trạm vận tải Thống nhất. Quảng Bình thành lập Tổng đội vượt sông bên cạnh Ty Giao thông để chỉ huy các bến phà [2]. Các bến phà tổ chức theo hình thức quân sự hóa. Các bến đò ngang được bố trí lại bảo đảm an toàn cho người đi bộ.

Cùng thời gian này tỉnh Nghệ An chi viện vào Quảng Bình 150 thanh niên xung phong (đội Cù Chính Lan) làm nhiệm vụ bốc xếp tiếp chuyển hàng hoá. Hàng từ miền Bắc vào Bắc Gianh tập kết ở 4 bến: Quảng Thuận, Quảng Phúc (chủ yếu là gạo) Ba Đồn (chủ yếu là vật tư) Quảng Trường (hàng quân sự).Từ đây các lực lượng vận tải dùng thuyền chuyển qua sông cho ô tô chuyển vào đường 20, đường 10, nhập tổng kho 559. Vùng bắc nam sông Gianh, bắc nam Long Đại, Quán Hàu trở thành trung tâm nhận hàng, chuyển hàng và là nơi địch đánh phá ác liệt.

Tháng 1 năm 1966 đoàn 559 và Bộ Gao thông vận tải tập trung lực lượng mở đường mới từ Phong Nha vào Talê nối qua đường 128 ở Lùm Bùm để tránh túi nước Xiêng Phan. Thi công trong tình hình địch đánh phá ác liệt nhưng với quyết tâm cao sau gần 6 tháng tuyến đường mới - đường

---

(1) Quân khu IV. Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975 - Nhà xuất bản Quân đội 1994, trang 138.

(2) - Huyện đội Quảng Trạch: Phụ trách bến phà Roòn, sông Gianh.
- Huyện Bố Trạch: Phụ trách bến phà Xuân Sơn, Lý Hoà.
- Thị xã Đồng Hới phụ trách cầu Dài.
- Huyện đội Quảng Ninh phụ trách phà Long Đại, Quán Hàu
- Huyện đội Lệ Thuỷ phụ trách phà Thác Cóc

20 (đường Quyết Thắng) dài 125 ki-lô-mét đã thông xe đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 76 ngày sinh của Bác Hồ. Sau cửa khẩu đường 12 đây là cửa khẩu thứ 2 vượt Trường Sơn, một hướng tiến công mới trên tuyến hậu cần chiến lược từ miền Bắc vào các chiến trường.

Trong gian khổ ác liệt của chiến tranh, nhân dân vẫn ngày đêm bám ruộng đồng, nhà máy vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu. ở những vùng trọng điểm bị địch đánh phá đội sản xuất tổ chức các tổ xung kích bám ruộng đồng sản xuất, thâm canh. Phong trào làm bèo hoa dâu, làm phân xanh, làm thuỷ lợi, cấy chăng dây thẳng hàng, đưa giống mới vào đồng ruộng gắn liền với tiêu chuẩn thi đua với yêu cầu xây dựng Đảng, xây dựng con người xã viên mới ở nông thôn. Nông thôn nhiều nơi ở Quảng Bình xác định: "Địch càng đánh phá ác liệt, ta càng cấy thật thẳng hàng để chúng trên máy bay nhìn xuống thấy rằng bom đạn Mỹ không dễ gì làm chúng ta run tay nhụt chí"(1). Toàn tỉnh có trên 64% diện tích cấy thẳng hàng và trên 40% diện tích chuyển từ làm lúa vãi sang lúa cấy, lúa trỉa. Phụ nữ đi đầu trong phong trào tiến quân vào khoa học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nhân bèo hoa dâu, làm phân bón và thuốc trừ sâu.

Nông dân Quảng Bình đào hầm trên ruộng, ngư dân ra biển ngoài lưới còn súng và phao bơi kiên quyết đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Nhân dân thị xã Đồng Hới thành lập làng mới vượt qua khó khăn gian khổ, được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo của

---

(1) Quân khu IV: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975. Nhà xuất bản Quân đội 1994, trang 141

Đảng và Nhà nước đã tổ chức được thêm 2 hợp tác xã nông nghiệp khai hoang, trồng lương thực, cây công nghiệp và phát triển chăn nuôi ổn định 23 hợp tác xã cũ như may mặc, mộc, kim khí, đan lát, sửa chữa đồng hồ, bánh kẹo. Thị xã còn hình thành hai xã mới, thành lập trường cấp I, cấp II, trạm xá, khai phá 100 héc ta ruộng, chăn nuôi 350 bò và hàng ngàn lợn. Nhờ sự cố gắng của nhân dân đến nay đã tự túc được lương thực [1].

Toàn tỉnh hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1965. Về mặt sản xuất nông nghiệp tăng hơn năm 1963 năm cao nhất 4.000 tấn, tăng hơn năm 1964, 4 vạn tấn. Năng suất lúa đạt 29 đến 36 tạ/héc ta. Đặc biệt đã có 26 xã đạt từ 33 đến 38 tạ. Nhiều hợp tác xã như An Vĩnh, Hợp Hoà, Cự Nẫm, Hiền Vinh đạt 4 tấn/héc ta. Hợp tác xã Hợp Hoà, Lạc Sơn, Kinh Châu vượt mức kế hoạch màu 120 tạ/héc ta khoai 30 tạ/héc ta ngô. Cây công nghiệp tăng nhanh vượt diện tích năm 1964 là 6,1% [2].

Về chăn nuôi: Đàn lợn tăng9,4% so với kế hoạch Trung ương giao. Cơ sở chăn nuôi gia súc tăng 29,9%; đàn lợn tăng 45,8%. Đàn trâu vượt mức kế hoạch Trung ương giao 1,3%; đàn bò vượt 0,2%. Phong trào hợp tác hoá trong nông nghiệp vẫn được tiếp tục củng cố và ngày càng phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới trong nhiệm vụ vừa chiến đấu, vừa sản xuất. Năm 1965 có 2.429 hộ mới tham gia hợp tác xã đưa tỷ lệ hộ nông dân vào hợp tác xã lên 96%. Gắn chặt với phong trào "Hai giỏi" nông dân

---

(1), (2) Báo cáo tổng kết của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Bình trong năm 1965 - Trình bày trong hội nghị cán bộ toàn tỉnh ngày 12 tháng 3 năm 1966 - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh uỷ Quảng Bình, trang 41

Quảng Bình không quản gian khó "Bám đồng ruộng để sản xuất" tự túc được lương thực và góp phần đóng góp cho miền Nam ruột thịt.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 0,4% so với năm 1964.Xí nghiệp lâm sản vượt 5,9% kế hoạch, ngành ngư nghiệp đánh bắt hải sản tăng 20,6%. Nghề muối phấn đấu đạt 1.700 tấn. Phát triển thêm 20 ha ruộng muối đưa vào sản xuất trong năm 1966 [1]. Tỉnh hoàn thành xây dựng 5 xí nghiệp công nghiệp mới, đưa vào sử dụng. Ngành xây dựng cơ bản vẫn phấn đấu vượt 15% tổng số vốn đầu tư so với năm 1964.

Ngành y tế đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn, giải quyết những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ chuyên môn. Năm 1965 cả tỉnh có 7 bệnh viện với 680 giường, với 78 bác sĩ, 79 y sĩ và 3 dược sĩ cao cấp. Tất cả các xã đều có một trạm xá, nhà hộ sinh, phòng dược. Trong số trạm xá có 13 trạm đã nâng lên thành bệnh xá [2].

Ngành Giáo dục Quảng Bình đã vượt qua những gian khổ để đạt được kết quả mong đợi. Các huyện trong tỉnh đều đã xây dựng được trường cấp III, trong tỉnh có 3 xã có trường cấp II và 2 xã có 3 trường cấp 1. Số lượng học sinh tăng hơn năm 1964 là 13%[3].

Ngành văn hoá, văn nghệ thông tin nhận rõ được nhiệm vụ phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu, toàn ngành

---

(1), (2), (3) Báo cáo công tác của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ năm 1965 - Trình bày trong hội nghị cán bộ toàn tỉnh ngày 12 tháng 3 năm 1966, trang 41 - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh uỷ Quảng Bình.

đã tập trung năng lực vào việc tuyên truyền tình hình và nhiệm vụ mới, nhằm nâng cao lòng căm thù bọn xâm lược Mỹ và tay sai, cổ vũ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, góp phần phát huy năng lực sản xuất, chiến đấu và đáp ứng những yêu cầu về sinh hoạt văn hoá của nhân dân. Toàn bộ hoạt động của ngành chuyển hướng phù hợp với tình hình mới, cố gắng đáp ứng được nhiều nhất, tốt nhất những yêu cầu của chiến đấu, sản xuất và đời sống đông đảo quần chúng. Từ những hoạt động văn hoá của các cơ quan văn hoá, văn nghệ, thông tin và các đơn vị chuyên nghiệp đến những hoạt động văn hoá của quần chúng đều nhằm đối tượng phục vụ chủ yếu là những người trực tiếp chiến đấu, sản xuất và nhằm phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phục vụ sản xuất và chiến đấu một cách kịp thời. Thực tiễn chiến đấu, sản xuất của quân và dân Quảng Bình, những gương dũng cảm quên mình vì nước của tập thể 40 vạn nhân dân trong tỉnh diễn ra hàng ngày hàng giờ đã tác động mạnh đến nếp suy nghĩ và làm việc của những cán bộ văn hoá, văn nghệ, thông tin. Ngoài sự chuyển hướng về nội dung và hình thức, ngành văn hoá, văn nghệ, thông tin Quảng Bình còn có những hoạt động thay đổi về phương thức hoạt động. Sự chỉ đạo trong ngành được cải tiến theo hướng tập trung và thống nhất. Cán bộ thực hiện khẩu hiệu "Giỏi một việc, biết nhiều việc".

Càng thất bại trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ càng đánh phá điên cuồng miền Bắc. Năm 1966 số lần địch đánh phá tăng 4,1 số bom địch sử dụng tăng 7,4 số lần đánh vào vùng dân cư tăng gấp 34,4 so với năm 1965. Phối hợp với không quân, hải quân Mỹ tăng cường khống chế

mặt biển, bắn pháo vào bờ. Vùng biển Quảng Bình thường xuyên có từ 2 - 3 tàu khu trục địch túc trực ngày đêm. Lúc đầu chúng bắn pháo vào dọc bờ biển, đường quốc lộ, cửa lạch, bến phà. Về sau chúng bắn sâu vào nội địa: Hạ Môn, Phú Kinh (Liên Trạch - Bố Trạch) Rào Đá (Quảng Ninh), bắn chặn dọc đường quốc lộ 1A, bắn lên đường 15, bắn sâu vào các bến phà Quán Hàu, Long Đại, các bến đò Trùng Quán, Trần Xá, Trúc Ly, Phú Bình.v.v...

Công tác phòng tránh lại được đặt ra cấp thiết. Những ngày đầu địch đánh phá, cách làm hầm đơn giản phần lớn là hầm tròn, hầm ếch, hầm chữ "L" để tránh mảnh bom, đạn. Rút kinh nghiệm sau những đợt đánh phá ác liệt của địch kỹ thuật làm hầm cũng được cải tiến, nâng cao. Phổ biến nhất là hầm kèo chữ A. Hầm nhiều loại, cho tập thể, cho gia đình, hầm cho gia súc ẩn nấp, hầm bảo vệ tài sản. Ở các nơi địch thường xuyên đánh phá nhân dân xây dựng thành những làng hầm, đưa mọi sinh hoạt của gia đình xuống lòng đất, thực hiện bám đất, bám làng để chiến đấu, sản xuất. Nhiều xã có sơ đồ hầm hào các gia đình trong xóm, thôn, khu vực. Có hợp tác xã tổ chức các tổ, đội đào hầm chuyên trách giúp các gia đình neo đơn, thương binh, liệt sĩ.

Bộ đội hành quân qua làng, con em miền Nam tập kết học tập được nhân dân nhường hầm, cho ăn nghỉ chu đáo. Mọi hoạt động của nhân dân chuyển sang quân sự hoá.

Nhờ các biện pháp tích cực phòng tránh nên mặc dù địch đánh phá ác liệt nhưng tỷ lệ thương vong thấp. Xã Ngư Thuỷ (Lệ Thủy) 1.046 lần bị địch đánh phá, bình quân mỗi trận đánh chỉ có 0,05% thương vong. Xã Quảng Thuận (Quảng Trạch) có 824 hộ 3.427 nhân khẩu, địch đánh phá

4.351 lần, 76 lần tàu chiến Mỹ pháo kích, bình quân mỗi gia đình làm lại nhà 3-4 lần nhưng tỷ lệ thương vong mỗi lần đánh chỉ 0,06% [1]. Khẩu hiệu "Một nhà bị nạn, cả xóm cùng lo. Một xã bị tàn phá, cả huyện tập trung giúp đỡ" trở thành phong trào quần chúng rộng rãi khắp toàn tỉnh.

Để giảm bớt mật độ dân cư trong khu vực chiến sự và đề phòng chiến tranh kéo dài, Trung ương chủ trương cho Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh đưa trẻ em ra sơ tán ở các tỉnh phía Bắc, chủ trương này gọi là "Kế hoạch K8"

Tỉnh thành lập ban chỉ đạo kế hoạch 8 (K8) thành phần bao gồm đại biểu các ngành giao thông vận tải, giáo dục, phụ nữ, thanh niên, bà mẹ trẻ em. Khu vực Vĩnh Linh cử một ban chỉ đạo phối hợp kế hoạch này, quyết tâm đến mùa mưa năm 1966 đưa hết 3 vạn cháu từ 7 đến 15 tuổi ra các tỉnh Thái Bình, Hải Hưng, Hà Bắc, Nam Hà, Ninh Bình, Thanh Hoá để nuôi dưỡng học hành. Đợt đầu tiên đi vào đầu tháng 8 năm 1966.

Kết thúc kế hoạch K8, Quảng Bình, Vĩnh Linh tiếp tục thực hiện kế hoạch K10, đưa những người đau yếu, tàn tật, chị em có con nhỏ dưới 5 tuổi ở khu vực Vĩnh Linh ra định cư tại huyện Tân Kỳ (Nghệ An). Cuộc hành trình tuy phức tạp, nhưng Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh đảm bảo chuyển ra tuyến sau an toàn, hoàn thành kế hoạch "K10" đúng quy định. Kế hoạch K8 và K10 là một cuộc hành trình đầy thử thách để sơ tán 3 vạn cháu nhỏ và hơn một vạn đồng bào khu vực Quảng Bình - Vĩnh Linh ra các tỉnh phía Bắc. Đây là những cố gắng lớn, quyết tâm lớn của

---

(1) Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước 1954-1975 - Thường vụ Tỉnh uỷ - Đảng uỷ, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh ấn hành 1994, trang 128

Đảng bộ, nhân dân và các ngành ở Quảng Bình, Vĩnh Linh để bảo vệ những hạt giống, chăm sóc nuôi dưỡng người già yếu, chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài. Đồng thời tạo nguồn lực cán bộ về xây dựng lại quê hương sau chiến tranh.

Thất bại ở chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ huy động không quân, hải quân phong toả các tuyến đường bộ, đường biển hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam. Cuộc chiến đấu trên mặt trận giao thông vận tải đi vào thử thách mới. Trên sông Gianh, sông Son, Nhật Lệ, Long Đại, địch bắn phá suốt ngày đêm. Với tinh thần "Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược"các thuyền của Hợp tác xã Bình Minh (Quảng Ninh) Hải Trạch (Bố Trạch) ca nô, thuyền máy của Công ty vận tải Quảng Bình vẫn rẽ thuỷ lôi vượt qua những toạ độ lửa đưa hàng tới đích.

Các đội công binh thuộc Tiểu đoàn 49, 73, 74, 75 và dân quân các xã Quảng Minh, Quảng Văn, Quảng Lộc (Quảng Trạch) Sơn Trạch, Hưng Trạch, Bắc Trạch (Bố Trạch), Bảo Ninh (thị xã Đồng Hới), Vĩnh Ninh (Quảng Ninh) nêu khẩu hiệu "Phá được một quả bom là diệt một tên Mỹ, dọn được một bải bom là đánh thắng một trận", đã sáng tạo nhiều cách phá bom táo bạo dũng cảm. Nhiều gương dũng cảm phá bom nổ chậm như Võ Xuân Nở xuất hiện, Nhiều đơn vị không quản hy sinh cho xe thông đường như: Cán bộ, quân dân xã Hoá Hợp (Minh Hoá) trung đội gái công binh Hải Trạch (Bố Trạch) đại đội nữ dân quân xã Cảnh Dương (Quảng Trạch) đội nữ thôn Phú Hải. Các chiến sĩ công binh và tự vệ bến phà Gianh, Xuân Sơn, Quán Hàu, Long Đại, "Đầu đội bom, chân vượt thuỷ lôi" thông

xe, thông bến. Các chiến sĩ công binh tiểu đoàn 27 ghé vai đỡ cầu cho xe vượt qua trọng điểm, lái ca nô phá bom mở đường cho thông bến.

Trên mặt trận phòng không: Quân dân Quảng Bình thu nhiều thắng lợi giòn giã. Ngày 13 tháng 6 năm 1966, Quảng Bình là tỉnh đầu tiên trên miền Bắc bắn rơi chiếc máy bay thứ 200 tại địa phương.

Ngày 14 tháng 6 năm 1966 (Tức là sau một ngày quân dân Quảng Bình ghi chiến công) Hồ Chủ tịch đã gửi thư khen:

Hà Nội ngày 14-6-1966.

Thân ái gửi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình.

Trước đây, Quảng Bình là tỉnh đầu tiên đã bắn rơi 100 máy bay Mỹ. Nay Quảng Bình là tỉnh đầu tiên bắn rơi 200 máy bay Mỹ.

Bác vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình đã nêu cao gương tốt cho các tỉnh bạn thi đua làm theo.

Chúng ta cần nhớ rằng: Địch càng thất bại thì càng điên cuồng hung dữ. Vì vậy, quân và dân tỉnh ta chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch; cần phải luôn luôn nâng cao cảnh giác, ra sức thi đua với quân và dân miền Nam anh hùng, cố gắng chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi hơn nữa, cùng đồng bào cả nước kiên quyết chống Mỹ, cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn.

Chào thân ái và quyết thắng - Bác Hồ" [1]

---

(1) Báo nhân dân - Số 4457 ra ngày 14 tháng 6 năm 1966

Giữa những ngày chống Mỹ cứu nước ác liệt, thư của Bác đã động viên 40 vạn nhân dân Quảng Bình, phát huy truyền thống chủ nghĩa anh hùng cách mạng sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Từ trong cuộc chiến đấu đầy gian khổ hy sinh xuất hiện nhiều khẩu hiệu được đúc rút thành phương châm thành động: "Tay cày, tay súng - Tay búa tay súng - Tay chèo tay súng"; "Bám làng mà chiến đấu, bám đồng ruộng mà sản xuất, bám hố bom mà thâm canh"; " Hợp tác xã là pháo đài, chi bộ là cốt thép, xã viên là chiến sĩ" "Đâu khó có chỉ huy, đâu gian nguy có lãnh đạo"; "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau"; "Đứt dây như đứt ruột, gãy cột như gãy xương"; "Trận địa chính là nơi đường xấu, lý tưởng chiến đấu là lúc gian nguy"... Nhờ vậy trong phong trào thi đua "Làm theo lời Bác" đã xuất hiện ngày càng nhiều những cá nhân, tập thể tiêu biểu. Nhân dân Ngư Thủy kiên cường "Một tấc không đi, một ly không rời" chiến đấu ngoan cường, đánh địch bảo vệ quê hương. Đảng bộ và quân dân Ngư Thủy khẳng định "Địch đánh đá trôi, nhưng làng mạc không trôi được". Tỉnh ủy Quảng Bình đã phát động phong trào trong toàn tỉnh noi gương học tập "Sống và chiến đấu như Ngư Thủy".

Ngày 17 tháng 7 năm 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn dân chống Mỹ cứu nước, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Người khẳng định: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ ! Không có gì

quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"(1).

Nắm vững quan điểm chiến tranh nhân dân, Đảng bộ Quảng Bình đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương nghị quyết, chỉ thị của Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh nhà, càng chiến đấu, càng chứng tỏ khí phách anh hùng, sức sống mãnh liệt của quân và dân trong tỉnh trước bom đạn của quân thù.

BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG - RA SỨC CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

Trong chiến tranh, nhất là chiến tranh hiện đại, yếu tố hậu phương có liên quan trực tiếp đến sự thắng bại của chiến trường. Vì vậy mặc dù chiến sự diễn ra ác liệt, Đảng bộ Quảng Bình vẫn tập trung trí tuệ để xây dựng hậu phương vững mạnh toàn diện, có như vậy mới đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của cả hậu phương và tiền tuyến.

Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh uỷ đầu năm 1966 đã nhấn mạnh "Ra sức xây dựng hậu phương về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá; trước mắt chống lại một cách có hiệu quả cuộc chiến tranh phá hoại, chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của đế quốc Mỹ. Giữ vững trật tự trị an và an ninh địa phương... Chú ý việc tăng cường sản xuất nhằm đáp ứng lương thực tại chỗ, nhu cầu của nhân dân, xây dựng lực lượng quân sự góp phần vào công cuộc chống Mỹ bảo vệ miền Bắc... tăng cường chi viện cho Trị - Thiên ruột thịt và công cuộc đấu tranh của

---

(1) Hồ Chủ tịch: Toàn tập - Nhà xuất bản Sự Thật - Hà Nội 1986. Tập 10, Tr. 131

nhân dân miền Nam"[1]. Hội nghị cũng chú trọng vấn đề xây dựng tư tưởng cho toàn quân, toàn dân trong tỉnh, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của công cuộc đấu tranh thống nhất Bắc - Nam.

Đầu tháng 7 năm 1966, Hội đồng Quốc phòng nước Việt Nam dân chủ cộng hoà dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hồ Chủ tịch đã công bố "Lệnh tổng động viên cục bộ để huy động nhân tài, vật lực cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước"[2].

Thực hiện lệnh tổng động viên của Hội đồng quốc phòng và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Tỉnh đội Quảng Bình đã tuyển chọn hơn 1.700 nam nữ thanh niên bổ sung vào các đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước. Nhân dân Quảng Bình đưa tiễn 2.456 thanh niên lên đường tòng quân bảo vệ Tổ quốc. Nhiều gia đình động viên từ 3 con đến 5 con gia nhập quân đội. Để đảm bảo nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, lực lượng dân quân tự vệ được tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng. Năm 1966 toàn tỉnh có 41.797 dân quân tự vệ (chưa tính thị xã Đồng Hới) chiếm tỷ lệ 10,44% dân số.

Tính đến cuối tháng 2 năm 1966 đế quốc Mỹ liên tục dùng máy bay bắn phá miền Bắc. Ở Quảng Bình địch đã bắn phá trên 13.400 lần. Trung bình mỗi ngày máy bay Mỹ ném bom, bắn phá 37 lần. Riêng từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1966 trên bầu trời Quảng Bình không có giờ nào là

---

(1) Nghị quyết Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình tháng 1 năm 1966
(2) Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam - Tập 2, quyển 1 - NXB Quân đội nhân dân. Hà nội 1988, tr.322

không có máy bay địch [1]. Phối hợp với không quân, lực lượng hải quân của chúng cũng tăng cường phong toả tỉnh ta. Đế quốc Mỹ còn tăng cường chiến tranh gián điệp. Có 3 toán có cả Mỹ và nguỵ 9 lần thả vật liệu chiến tranh tâm lý và hàng triệu tờ truyền đơn xuống Quảng Bình[2].

Ngoài việc địch tập trung bom đạn bắn phá ngày đêm vào các cầu, phà và các đoạn đường xung yếu. Địch còn tập trung đánh cắt đứt đường thành từng đoạn như đường 22, các trọng điểm Roòn, cảng Gianh, Tú Loan, Chánh Hoà, Quán Hàu,Dinh Thuỷ, Dốc Sỏi trên quốc lộ 1, Cà Tang, Khe Ve, La Trọng, Bãi Dinh, đồi 3/7 đường 12, Khe Rinh, Cây số 510, Xuân Sơn, Long Đại, Lệ Kỳ, Vĩnh Tuy, Đường 15...[3].

Tính trong tháng 11 năm 1966 chúng đã dội xuống Quảng Bình 6.580 tấn bom đạn, phá hỏng hơn 90 cầu lớn nhỏ, 18 phà, 169 xe; 1.300 tấn thuyền, cắt đứt 26 ki lô mét đường, gây khó khăn cho giao thông vận tải. Máy bay địch tăng cường đánh phá vào các kho tàng, cơ sở chăn nuôi, chuồng trại nhà kho, các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, xí nghiệp công nghiệp cho đến cả bệnh viện, trường học, nhà gửi trẻ...[4].

Trong năm 1966, địch chú ý đánh phá các công trình thuỷ lợi, có 68 công trình bị phá hỏng phải sửa chữa; công trình thuỷ nông Đá Mài bị phá hoại hoàn toàn, 72 ki lô mét

---

(1), (2) Báo cáo tổng kết công tác năm 1966 - nhiệm vụ năm 1967 - Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 20 tháng 3 năm 1967 số 04BC/QB - Lưu trữ tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.
(3), (4) Báo cáo tổng kết công tác năm 1966 của Tỉnh uỷ Quảng Bình - Hồ sơ số 04BC/QB. Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

đê ngăn mặn bị cắt đứt thành từng đoạn làm cho hàng chục ngàn héc ta đất canh tác bị ngập mặn không sản xuất được[1].

Điều dã man là năm 1966, địch tăng cường đánh phá với cường độ mạnh vào các vùng dân cư. Chúng đã dội hàng ngàn quả bom phá, bom cháy, bom bi xuống làng mạc Quảng Bình. Có xã, thôn tính đến nay đã bị đánh trên 100 lần như Quảng Phú,Thanh Trạch, Nhân Trạch, Phù Hoá, Quy Hậu, Liên Thuỷ, Ngư Thuỷ... Năm 1965-1966 các khu dân cư ở Quảng Bình bị đế quốc Mỹ đã tàn phá hết sức nặng nề: 125 làng bị máy bay oanh tạc, 12.000 nhà bị cháy, giết chết và làm bị thương hàng ngàn người dân, đốt cháy đồ dùng sinh hoạt, tài sản của nhân dân và Nhà nước; 2.000 con trâu bò bị giết, hàng ngàn chiếc thuyền bị thiêu huỷ...[2]

Quán triệt phương châm "Tiêu diệt địch để bảo vệ mình" các đơn vị pháo cao xạ, dân quân tự vệ đã nâng cao hiệu suất chiến đấu. Năm 1966, Quảng Bình bắn rơi 108 máy bay Mỹ, trong đó lực lượng vũ trang địa phương bắn rơi 57 chiếc, bắt sống 11 tên giặc lái máy bay, bắn cháy và bắn chìm 9 tàu chiến Mỹ - nguỵ (3 tàu khu trục, 5 tàu biệt kích, 1 thuỷ phi cơ)[3].

Đi đôi với việc chiến đấu thì việc phục vụ chiến đấu cũng được tăng cường. Năm 1966 đã có 13.000 thanh niên khoẻ đi phục vụ chiến đấu,góp 10 triệu ngày công để đào

---

(1), (2), Báo cáo tổng kết công tác năm 1966 của Tỉnh uỷ Quảng Bình - Hồ sơ số 04BC/QB. Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

(3) Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước 1954-1975 T.V.TU Quảng Bình, BCH Quân sự tỉnh Quảng Bình - Xuất bản năm 1994, trang 153

hào, xây dựng công sự chiến đấu đảm bảo giao thông vận tải, liên lạc, dân công... có hàng ngàn thanh niên đi dân công hoả tuyến, có một bộ phận trực tiếp tham gia chiến đấu ở 2 tỉnh Trị - Thiên kết nghĩa.

Lực lượng phòng thủ được tăng cường, lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh, bộ đội địa phương phát triển đủ tất cả các binh chủng, quân số tăng gấp đôi năm 1965. Về dân quân tự vệ cứ 10 người dân có một tự vệ. Tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ tăng hơn 1000 đồng chí. Lực lượng dân quân là đoàn viên tăng 5,2%, phụ nữ tăng 8,3% so với năm 1965. Khắp nơi lực lượng phát động phong trào thi đua xây dựng làng chiến đấu, thi đua nhận mức diệt Mỹ, thi đua trở thành đơn vị quyết thắng và chiến sĩ quyết thắng. Bộ đội địa phương và dân quân du kích đã triển khai bố trí kế hoạch tác chiến, trang bị vũ khí. Công sự hầm hào được tu sửa, xây dựng nhiều làng chiến đấu. Toàn tỉnh đào đắp được 6.000 ki-lô-mét hào giao thông, hàng chục vạn hầm trú ẩn cho người và gia súc. Công tác bảo vệ trật tự trị an được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Toàn tỉnh đã nêu cao tinh thần cảnh giác với các chiến lược chiến tranh tâm lý, gián điệp của đế quốc Mỹ, có 80% số xã có phong trào an ninh khá tốt.

Muốn bảo vệ hậu phương vững vàng làm mặt trận hậu thuẩn cho cuộc chiến đấu trực chiến với quân thù Đảng bộ Quảng Bình càng phải đẩy mạnh công tác xây dựng địa phương vững mạnh.

Mặc dù khó khăn dồn dập do thiên tai và địch hoạ gây nên, nhân dân toàn tỉnh vẫn nêu cao khẩu hiệu "Bám hố

bom mà sản xuất" để bảo đảm diện tích cần "Bám hố bom mà thâm canh".Vụ chiêm năm 1966 giữ vững được diện tích, năng suất và tổng sản lượng so với năm 1965. Nhân dân còn đẩy mạnh tăng diện tích trồng rau màu. Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, các hợp tác xã đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới như chọn giống, gieo mạ, bón phân, làm cỏ, cấy thẳng hàng, làm ruộng tăng sản. Trên mặt trận sản xuất, Phụ nữ Quảng Bình dũng cảm vượt mọi khó khăn, sẵn sàng đảm đang công việc để chồng con yên tâm chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Toàn tỉnh đã có 15.000 chị em học cày bừa thành thạo. Đây là một công việc mới mẽ từ trước đến nay chị em chưa hề làm. Phụ nữ Quảng Ninh, Lệ Thủy ở vùng cạn cũng như ruộng sâu trước đây ít tham gia cấy, gặt thì nay là lực lượng chủ chốt. Lực lượng lao động ở các hợp tác xã có từ 80 đến 90% là lao động nữ.

Công tác thuỷ lợi được các cấp uỷ và chính quyền các cấp chú ý đẩy mạnh. Toàn tỉnh có 83 xã đã hoàn thành xong việc khoanh vùng, bờ ruộng, đào đắp được 10 triệu mét khối thuỷ lợi, bình quân đầu người 30 mét khối, tăng hơn cả năm 1965 là năm khá nhất từ trước đến nay. 86 công trình thuỷ lợi bị địch đánh phá đã được sửa chữa, xây dựng mới nhiều công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ. Vì vậy năm 1966 đưa diện tích tưới lên 3 vạn héc ta, tăng hơn năm 1965 1.400 héc ta [1].

---

(1) Báo cáo công tác năm 1966 tại Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 20 tháng 3 năm 1967 - Lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm hợp tác xã Quang Phú - đơn vị anh hùng năm 1966

(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

Về chăn nuôi cũng được phát triển. Đàn trâu tăng 2,1%, đàn bò tăng 2,6%, lợn tăng 1,6%. Lợn tập thể tăng 45,7%, trâu tập thể tăng 32,9%.Tính bình quân số súc vật trên 1 héc ta 2,54 con. Chuồng trại chăn nuôi được xây dựng và gia cố (1).

Trong công nghiệp và thủ công nghiệp gặp khó khăn lớn vì do địch đánh phá ác liệt, các cơ sở phải thường xuyên di chuyển, nguyên liệu thiếu thốn. Cán bộ, công nhân trong các xí nghiệp và cán bộ xã viên trong các hợp tác xã thủ công nghiệp phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, tìm cách khắc phục khó khăn, khai thác nguyên liệu tại chỗ tiếp tục sản xuất. Năm 1966 sản xuất thêm được 12 mặt hàng mới phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống. Nhiều xí nghiệp như xí nghiệp Diêm, xí nghiệp Xà phòng tăng năng suất lao động 25% so với năm 1965(2). Sản phẩm lao động làm ra đã cung ứng một phần cho nhu cầu chiến tranh và đáp ứng phương châm xây dựng hậu cần tại chỗ cho chiến tranh nhân dân.

Ngành đánh cá biển tuy bị phong toả và bị đánh phá hết sức ác liệt, 80% nhà cửa đồng bào miền biển, 117 thuyền, 68 vàng lưới bị hư hại, nhưng cán bộ và xã viên hợp tác xã đánh cá vẫn dũng cảm chiến đấu, bám biển sản xuất. Năm 1966 sản lượng hải sản 4.200 tấn đạt trên 90% kế hoạch Trung ương giao. Sản xuất muối được mở rộng diện

---

(1) Báo cáo công tác năm 1966 tại Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 20 tháng 3 năm 1967 - Lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

(2) Báo cáo công tác năm 1966 tại Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 20 tháng 3 năm 1967 - Lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

tích 20 héc ta, sản lượng đạt 1.500 tấn, vượt mức kế hoạch đã định.

Các mặt hoạt động khác như thương nghiệp, tài chính, ngân hàng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch, ngành kiến thiết cơ bản vượt mức kế hoạch 38%.

Đi đôi với việc đảm bảo đời sống vật chất, mặt văn hoá, giáo dục tinh thần được tiếp tục cải thiện. Các mặt văn hoá, giáo dục y tế phát triển mạnh. Số học sinh niên khoá 1966-1967 tăng 15,49% so với niên khoá 1965-1966. Mỗi xã ở vùng đồng bằng và trung du đã xây dựng được một trường cấp 2, bình quân 2 hợp tác xã có 1 trường cấp I. 7 huyện thị xã có 8 trường cấp III. Toàn tỉnh cứ 10 người dân có 3 người đi học [1].

Phong trào vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh,các tuyến cấp cứu phòng không được củng cố, các trạm xá, nhà hộ sinh, nhà giữ trẻ tiếp tục được coi trọng và phát triển. Ty y tế chuyển 50 trạm xá thành y viện, xây dựng hoàn thành 10 y viện khu vực, thuốc chữa bệnh được trang bị đầy đủ[2]. Phong trào văn hoá, văn nghệ "Tiếng hát át tiếng bom"phát triển rộng khắp. Các đội văn công, điện ảnh thường xuyên phục vụ tận cơ sở. Toàn dân tràn đầy niềm tin tưởng lạc quan chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

Các tổ chức quần chúng của Đảng như công đoàn, thanh niên, phụ nữ phát triển khá nhanh. Năm 1966 đoàn thanh niên lao động Việt Nam tỉnh Quảng Bình kết nạp mới 5.000 đoàn viên, xây dựng 428 đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước 38.000 đội viên. Trong phong

---

(1) Báo cáo tổng kết.....(Tư liệu đã dẫn) trang 8
(2) Báo cáo tổng kết.....(Tư liệu đã dẫn) trang 8

trào "ba đảm đang" của Phụ nữ có 30.000 chị em đạt tiêu chuẩn ba đảm đang. Tỉnh xây dựng được 572 đội phụ lão chống Mỹ cứu nước có 11.156 hội viên và hàng trăm hội mẹ chiến sĩ [1]. Các cụ các mẹ đã phát huy truyền thống yêu nước, động viên con cháu và tích cực góp phần vào việc phục vụ chiến đấu, sản xuất.

Qua hai năm chống Mỹ cứu nước địch, càng đánh phá ác liệt các tầng lớp nhân dân Quảng Bình càng được thử thách và tôi luyện. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần càng củng cố lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức căm thù kẻ xâm lược được thể hiện bằng hành động cách mạng, bằng khí thế chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đẩy mạnh sản xuất. Các tầng lớp nhân dân Quảng Bình từ giai cấp công nhân, nông dân tập thể, trí thức cách mạng, đến đồng bào dân tộc ít người, đồng bào thiên chúa giáo, cán bộ miền Nam tập kết, Hoa kiều đang sống trong tỉnh đều hăng hái tham gia sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Nổi bật trong phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân đóng vai trò to lớn với tinh thần cách mạng triệt để là giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Quảng Bình phát triển nhanh về số lượng và chất lượng thể hiện rõ ở tinh thần chiến đấu vượt qua khó khăn gian khổ, xông pha bom đạn để xây dựng nền công nghiệp địa phương, đảm bảo giao thông vận tải.

Giai cấp nông dân tập thể ở trong các hợp tác xã nông nghiệp trưởng thành vượt bậc. Qua thử thách và rèn luyện trong hai năm chống Mỹ các hợp tác xã đã trở thành những pháo đài vững chắc ở nông thôn. Trong điều kiện

---

(1) Báo cáo tổng kết.....(tư liệu đã dẫn) trang 9

địch đánh phá ác liệt, rộng khắp đã có hàng ngàn hộ tiếp tục xin vào hợp tác xã đưa tỷ lệ hợp tác xã lên 97%, hoàn thành hợp tác xã bậc cao, từ đó tạo nên sự đoàn kết nhất trí trong toàn dân. Người dân Quảng Bình đưa cả sức lực tinh thần, trí tuệ và vật chất vào cuộc chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, xây dựng quê hương. Trong cuộc chiến tranh ác liệt trên 40% nhân lực phải dành cho nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu song đời sống sinh hoạt của nhân dân vẫn được giữ vững. Những cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế địa phương tiếp tục được tăng cường; sản xuất lương thực thực phẩm trong nhiều năm đạt khá. Quan hệ sản xuất mới luôn được giữ vững và phát huy sức mạnh trong việc phát triển kinh tế, tổ chức đời sống. Duy trì và bồi dưỡng sức dân vượt trên mọi hy sinh gian khổ, xây dựng một đời sống tinh thần mang đầy đủ phẩm giá cao đẹp của quân và dân Quảng Bình. Phong trào hợp tác xã ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ở địa phương.

Nhằm ngày càng nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng cơ sở, đáp ứng tình hình kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề của một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng, Tỉnh uỷ Quảng Bình chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

Ngày 28 tháng 11 năm 1966 Ban chấp hành Tỉnh uỷ mở hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng bộ và chi bộ bốn tốt, thực hiện nghị quyết 136 của Trung ương Đảng về việc nâng cao vai trò vị trí của Đảng bộ cấp huyện. Năm 1966 tăng cường tốt sự lãnh đạo về cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ bốn tốt kết hợp với cuộc vận động thi đua hai giỏi, toàn tỉnh có 70% số chi bộ và đảng viên đạt tiêu

chuẩn 4 tốt. Qua phong trào kết nạp trên 3.551 đảng viên mới, trong đó tỷ lệ nữ chiếm 27,8% [1]. Chất lượng đảng viên ngày càng được nâng cao. Số đảng viên có văn hoá cấp I chiếm 42,5% cấp II, cấp III và đại học chiếm 47,7%.

Hội nghị triển khai công tác xây dựng Huyện uỷ 4 tốt phấn đấu theo phương hướng: Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp huyện thị một cách toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu và sản xuất, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của quần chúng.

Bồi dưỡng cơ sở Đảng có đủ năng lực chủ động tổ chức việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, vững vàng về chính trị tư tưởng, mạnh về tổ chức. Cuối năm 1967 phấn đấu các huyện trở thành huyện, thị uỷ 4 tốt [2].

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, các huyện, thị uỷ triển khai công tác không ngừng nâng cao xây dựng vững mạnh các cơ sở Đảng 4 tốt. Tiến hành xây dựng huyện uỷ 4 tốt kết hợp với các phong trào thi đua đưa chất lượng đảng viên ngày càng nâng cao. Đảng viên gắn chặt với nội dung các phong trào và trở thành đảng viên 4 tốt, qua đó phong trào chống Mỹ cứu nước ở Quảng Bình ngày càng được đẩy mạnh.

*

* *

Ngày 14 tháng 10 năm 1966, Hội đồng tham mưu trưởng Liên quân Mỹ yêu cầu Tổng thống Giôn xơn cho

---

(1) Số liệu về công tác xây dựng Đảng từ năm 1963-1973 của Ban tổ chức Tỉnh uỷ Quảng bình.

(2) Nghị quyết Tỉnh uỷ về xây dựng Huyện uỷ 4 tốt: Tài liệu lưu tại Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh uỷ Quảng Bình.

phép không quân Mỹ mở rộng phạm vi đánh phá vào Hà Nội, Hải Phòng, khu công nghiệp Thái Nguyên, thả mìn phong toả cảng Hải Phòng...Cùng ngày Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mắc na ma ra chấp nhận phương án xây dựng hàng rào điện tử phía Nam vĩ tuyến 17 qua đường mòn Hồ Chí Minh và vùng "cán xoong" Lào.

Ngày 24 tháng 1 năm 1967, tại Hô nô lu lu, các nhân vật cao cấp của chính quyền Mỹ, nguỵ Sài Gòn đã họp và quyết định "Gây áp lực không thương xót" đối với Bắc Việt Nam bằng cách tập trung nỗ lực đánh phá nhằm triệt đường viện trợ từ bên ngoài vào miền Bắc; chặn đường tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam và sang Lào; phá huỷ tiềm lực kinh tế, quốc phòng và làm tê liệt hệ thống giao thông vận tải miền Bắc; cô lập Hà Nội với Hải Phòng và giữa Hà Nội, Hải Phòng với các khu vực khác.

Thực hiện quyết định đó trong năm 1967 địch sử dụng hàng nghìn máy bay chiến thuật của không quân, hải quân đánh phá đồng loạt vào 6 cụm mục tiêu then chốt ở miền Bắc: Điện lực, công nghiệp, cơ sở quân sự, kho nhiên liệu, hệ thống phòng không, giao thông vận tải.

Quảng Bình là tỉnh nằm trong vùng "cán xoong", lại là hậu phương trực tiếp của miền Nam vì vậy đế quốc Mỹ tập trung khối lượng lớn sắt thép hòng bẻ gãy. Vào những ngày đầu năm 1967 máy bay địch xuất kích gấp 6 lần năm 1966. Thủ đoạn đánh thay đổi, vừa công kích vào mục tiêu vừa ném bom toạ độ. Chúng đánh liên tục cả ngày và đêm vào các tuyến đường chiến lược 12, 15, 20 phong toả tuyến đường quốc lộ 1A. Đèo Đá Đẽo, ngầm Khe Rinh, Khe Ve, Bãi Dinh... thường xuyên bị tắc nghẽn. Công trường 050 chốt ở đường 12 được điều về ứng cứu trọng điểm Khe

Rinh. Cuộc chiến đấu giành giật từng thước đường ở trọng điểm Khe Rinh diễn ra vô cùng ác liệt. Khi công trường quyết định thành lập "Đội quyết tử Khe Rinh" đã có 30 đảng viên, đoàn viên viết đơn tình nguyện gia nhập. Đội quyết tử do đồng chí Đoàn Xuân Lịch làm đội trưởng. Đội làm lễ "Truy điệu sống" trước khi xuất phát. Buổi lễ có bàn thờ Tổ quốc, ảnh Bác Hồ và đốt trầm hương. Đại diện đội quyết tử đọc quyết tâm thư.Vũ khí của các chiến sĩ ra trận là xà beng, xẻng, cúp và mìn. Chính từ đội quyết tử này con đường đã được cứu sống, từng đoàn xe tấp nập ra chiến trường.

Các xe chuyển hàng từ Bắc vào chi viện cho miền Nam vào Quảng Bình phân tán trên 3 tuyến: Tuyến quốc lộ 1A, tuyến 22A, 22B vào giao hàng ở Bắc Gianh. Hàng hoá từ ngoài vào đều đặt kho hàng ở trong dân. Nhân dân các xã Kim Hoá (Tuyên Hoá) Quảng Trường, Quảng Thuận (QuảngTrạch) nhường nhà cho Nhà nước làm kho chứa hàng. Xã Quảng Thuận trở thành nơi đầu mối của các chân hàng. Huyện uỷ Quảng Trạch đề ra nguyên tắc quản lý cho cơ sở: "Đảng uỷ là chủ hàng, dân quân là công nhân bốc vác, nhà dân là kho hàng, chủ nhà là thủ kho". Khẩu hiệu của nhân dân là: "Cho không lấy, thấy không xin, của công giữ gìn, của rơi trả lại". Mặc cho pháp sáng, mặc bom rơi trên các bãi hàng vang rộn tiếng ca "Hàng ta, ta quý, ta yêu. Hàng ra tiền tuyến, hàng tiêu diệt thù". Thể hiện hình ảnh cao đẹp về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về chiến tranh nhân dân trong chống Mỹ, cứu nước ở Quảng Bình.

Các điểm trên tuyến đường 12 có các đội thanh niên xung phong 779 chốt giữ. Trên đồi hố bom ken hố bom

rừng cây không còn lá, núi đá thành đất mùn, các chiến sĩ vẫn bám đường cho xe ra trận. Đại đội phó Trần Thị Thành, tiểu đội trưởng tiểu đội 6 Nguyễn Thị Kim Huế, tiểu đội trưởng tiểu đội 4 Trần Thị Huế trở thành cán bộ gan dạ, chiến đấu kiên cường dũng cảm [1]. Quyết tâm của các chiến sĩ giao thông vận tải là:

"Địch đánh rừng già, ta ra rừng non
Địch đánh rừng non, ta ra đồi trọc
Địch đánh đồi trọc, ta ra bám đường"

Đế quốc Mỹ dùng bom đạn để khuất phục thì các chiến sĩ thanh niên xung phong C 759 "Một tấc không đi, một ly không rời","Sống bám đường, chết kiên cường dũng cảm". Nhiều chiến sĩ đã hy sinh anh dũng như Hoàng Thị Minh Thú, Nguyễn Thị Tình, Trần Thị Thế, gương hy sinh của các cô đã tô thắm thêm cho truyền thống anh hùng của C759. Trước lúc hy sinh, trong một bức thư của Hoàng Thị Minh Thú có đoạn đã viết: "Con đang phấn đấu để được đứng vào hàng ngũ của Đảng dù đổ máu con không tiếc tuổi thanh xuân, hy sinh đến giọt máu cuối cùng. Nếu con có chết vì Tổ quốc, xin mẹ hãy tự hào về con". Trước tinh thần chiến đấu dũng cảm của C759, Bác Hồ đã gửi tặng mỗi người một bộ quần áo và một chai thuốc cao ích mẫu. Tình thương của Bác đã gây xúc động sâu sắc, tăng thêm sức mạnh tinh thần để chị em vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

---

(1) Đơn vị C 759 và Nguyễn Thị Kim Huế được Đảng và Nhà nước tuyên dương Anh hùng (Ngày 22 tháng 12 năm 1969)

Để ngăn chặn việc tiếp tế chi viện của miền Bắc cho miền Nam trên tuyến đường vận tải chiến lược 559 đế quốc Mỹ cho máy bay B52 ném bom rải thảm dọc đường 12. Xã Dân Hoá (Minh Hoá) trở thành điểm đánh phá ác liệt nhất toàn tuyến. Đời sống của đồng bào các dân tộc đứng trước nhiều khó khăn lớn. Một số đồng bào lo sợ bỏ sản xuất, một số đi tìm bản mới. Đảng uỷ Dân Hoá nêu khẩu hiệu "Địch đánh đâu, cán bộ đảng viên đến đó" đưa dân về bản ổn định sản xuất, xây dựng hầm hào. Năm 1966 -1967 mỗi năm Dân Hóa làm nghĩa vụ cho Nhà nước được 2 tấn thóc.

Vừa đánh trả các bước leo thang của không quân Mỹ, quân và dân ta vừa phải đối phó với các hoạt động của hải quân Mỹ đánh phá phong toả vùng ven biển. Đây cũng là một mặt trận nóng bỏng. Dựa vào ưu thế trên biển, hải quân Mỹ mở chiến dịch "Rồng biển". Từ tháng 2 năm 1967 phạm vi bắn phá mở rộng lên phía bắc vĩ tuyến 20. Chiến dịch "Rồng biển" bắt đầu từ ngày 26 tháng 2 đến 30 tháng 7 năm 1967, địch huy động hơn 50 tàu chiến hoạt động từ Vĩnh Linh trở ra hòng ngăn chặn tuyến vận tải biển của ta. Từng tốp hai đến ba khu trục hạm vào gần bờ biển bắn vào các tàu vận tải của ta. Chúng rải thuỷ lôi, bom từ trường phong toả cửa sông Gianh, khu tiếp nhận, phân phối hàng ở cảng Nhật Lệ, các bến phà, trục sông, cửa lạch. Tàu chiến Mỹ dùng pháo 127 ly, 203 ly bắn vào vùng ven biển, sâu vào nội địa.

Trước hành động leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ, các đơn vị pháo binh Quảng Bình tích cực đánh trả tàu chiến dịch. Ngày 1 tháng 3 năm 1967 đại đội 8 pháo binh Quảng Bình đã lập chiến công bắn bị thương tuần dương hạm Ca-be-ra. Thắng lợi này chứng tỏ trình độ chiến thuật,

kỹ thuật của pháo binh Quảng Bình, phát huy được hiệu lực tối đa của pháo, mở rộng tầm bắn, đẩy địch ra xa, đảm bảo khu vực sản xuất trện biển rộng hơn, tạo điều kiện cho giao thông vận chuyển trên biển và quốc lộ 1 thuận lợi, kịp thời đưa hàng ra tuyến trước.

Nhằm đẩy mạnh các mặt trận kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1967 Hội nghị lần thứ 13 Ban chấp hành Trung ương Đảng họp chủ trương đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, chủ động tiến công địch trên các mặt trận để giành thắng lợi to lớn hơn nữa. Tiếp theo hội nghị lần thứ 13 Ban chấp hành Trung ương Đảng, ngày 28 tháng 1 năm 1967 Bộ ngoại giao ta ra tuyên bố, khẳng định lại lập trường trước sau như một của nhân dân ta: Kiên quyết chiến đấu để bảo vệ độc lập tự do. Về điều kiện đàm phán giữa Việt Nam dân chủ cộng hoà và Mỹ, tuyên bố của Bộ ngoại giao ta nêu rõ phía Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Tiếp đó Đảng ta triển khai nhiều hoạt động ngoại giao, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của các quốc gia, của nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ, đồng thời tiếp tục lên án tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ và vạch trần bản chất giả dối lừa bịp của chính quyền Giôn xơn được che đậy bằng luận điệu "Thương lượng hoà bình".

Chính quyền Giôn-Xơn vẫn chủ trương leo thang chiến tranh "Đàm phán trên thế mạnh" và đòi miền Bắc chấm dứt tăng viện cho miền Nam. Trong thư trả lời Tổng thống Mỹ Giôn xơn ngày 15 tháng 2 năm 1967 Chủ tịch Hồ Chí Minh kiên quyết bác bỏ những luận điểm trên của Mỹ: "Chính phủ Mỹ đã gây ra chiến tranh xâm lược Việt Nam thì con đường đưa đến hoà bình ở Việt Nam là Mỹ phải

chấm dứt xâm lược" [1]. Đó cũng chính là quan điểm của mỗi một con người Việt Nam.

Ngày 19 tháng 4 năm 1967 Tỉnh uỷ Quảng Bình mở hội nghị cán bộ chủ chốt nhằm đánh giá lại tình hình năm 1966 và đề ra phương hướng năm 1967. Hội nghị đã nêu rõ: "Sau cái gọi là "tạm ngừng ném bom miền Bắc" đến ngày 31 tháng 1 năm 1966, đế quốc Mỹ trở lại đánh phá tỉnh ta ác liệt, số bom đạn ném xuống gấp 4, 6 lần năm 1965. Chúng phong toả mặt biển, vây bắt thuyền đánh cá, tung biệt kích ra phá hoại, bắn đại bác vào nội địa. Mặt khác trong năm 1966 địch tập trung bắn phá 3 mục tiêu cùng một lúc: Giao thông vận tải, khu vực dân cư, công trình thuỷ lợi. Nghiêm trọng hơn là chúng đánh vào bệnh viện, trường học; triệt hạ từng thôn, xã...Tuy vậy đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng vẫn ổn định. Phong trào thi đua bắn máy bay Mỹ bằng súng bộ binh của dân quân tự vệ phát triển khắp nơi. Về sản xuất vụ 10 bị hạn 4 tháng liền, vụ Đông - Xuân bị ngập úng, rau màu chưa kịp trồng, đời sống nhân dân bị đe dọa.

Hội nghị đưa ra phương hướng nhiệm vụ năm 1967: "Vừa chiến đấu, vừa chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu; vừa ra sức đẩy mạnh sản xuất vừa tích cực bảo vệ sản xuất" kết hợp phát triển kinh tế và tăng cường củng cố quốc phòng; ra sức xây dựng tiềm lực kinh tế vững mạnh đảm bảo yêu cầu chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân, đưa hết sức mình chi viện cho cách mạng miền Nam và ủng hộ cách mạng Lào"[2].

---

(1) Hồ Chí Minh - Toàn tập, tập 10 - trang 516.
(2) Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ về tình hình năm 1966 và phương hướng nhiệm vụ năm 1967. Số 02NQ/QB ngày 19 tháng 4 năm 1967 - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

Hội nghị còn đề ra những nhiệm vụ cụ thể trong năm 1967 về chiến đấu, chuẩn bị chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1967; đảm bảo vấn đề giao thông vận tải trong tình hình mới, ra sức chi viện sức người sức của cho miền Nam ruột thịt.

Hội nghị đánh giá công tác lãnh đạo chỉ đạo của Đảng trong 2 năm qua biểu dương những thành tích mà Đảng bộ Quảng Bình đã đạt được: "Chúng ta đã chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh, trước hết là thành tựu xây dựng được tổ chức cơ sở Đảng từ trên xuống dưới với một đội ngũ cán bộ đảng viên được thử thách rèn luyện, quần chúng nhân dân tín nhiệm, không ngừng phát triển thêm đảng viên mới, nâng dần được số lượng đảng viên nữ...Đảng luôn luôn đi đúng đường lối của quần chúng, phát huy triệt để tinh thần cách mạng của quần chúng nhân dân trong mọi hoàn cảnh của chiến tranh..."(1).

Công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới được Hội nghị thảo luận và đề ra chủ trương: "...làm tốt công tác tư tưởng trong đảng viên, tinh thần quyết chiến quyết thắng trong mọi tình huống, kiên trì đường lối của Đảng, vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội xả thân cứu nước, không sợ gian khổ và hy sinh, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn... Đi đôi với công tác tư tưởng phải tăng cường công tác tổ chức, đẩy mạnh xây dựng Đảng bộ, chi bộ, tổ đảng và đảng viên 4 tốt. Chú ý xây dựng đội ngũ cốt cán của Đảng trong các chi bộ, các hợp tác xã. Trong năm 1967 có 70% Đảng bộ, chi bộ 4 tốt, không còn chi bộ và đảng viên yếu kém. Tăng cường công tác phê bình và tự phê

---

(1) Nghị quyết hội nghị... (tư liệu đã dẫn), trang 33,34,35

bình trong Đảng... cải tiến lề lối làm việc với tinh thần dân chủ tập thể. Muốn hoàn thành những yêu cầu trên, toàn Đảng bộ và nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua "hai giỏi" gắn đảng viên "bốn tốt" với "hai giỏi"(1)

Mở rộng và leo thang chiến tranh, đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng, tăng cường đánh phá miền Bắc. Mỹ sử dụng nhiều loại vũ khí mới như bom truyền hình, bom bi nổ chậm, bom nổ chậm loại mới, thuỷ lôi từ trường, thuỷ lôi âm thanh, mìn các loại rải thảm xuống Quảng Bình. Hạm đội 7 ráo riết phong toả mặt biển. Lợi dụng các khu tứ giác tàu chiến Mỹ thường xuyên vào gần bờ từ 9 đến 10 kilômét bắn pháo sâu vào đất liền gây cho ta rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ngày càng ác liệt, thực hiện nghị quyết Tỉnh uỷ về công tác bảo vệ hậu phương, phòng không nhân dân, công tác xây dựng hầm hào phòng tránh cho nhân dân và tài sản đã được các cấp uỷ Đảng chính quyền chú trọng. Năm 1967 hầm hào ở vùng nông nghiệp xây dựng thêm, khẩu hiệu các nơi đề ra: "Chưa có hầm, chưa cấy, chưa gặt". Nơi địch đánh phá ác liệt, hầm tổ chức thành từng tuyến, tuyến gần làng, tuyến xa làng. Ở vùng biển các hợp tác xã phân bổ lại nhân lực, phân chia công cụ sản xuất, sơ tán dọc theo bờ biển, lập xóm mới đảm bảo sản xuất thuận lợi và phòng tránh tốt. Các xã Nhân Trạch (Bố Trạch), Quang Phú, Lộc Ninh (Quảng Ninh) đưa các đội vào sản xuất ở Tân Định (Gia Ninh), thị xã Đồng Hới, vùng bến phà, cầu đường... di chuyển một số bộ phận, gia đình đi lập làng mới. Thị xã Đồng Hới đã tổ chức được 1.590 hộ với7.772 khẩu lập làng

---

(1) Nghị quyết hội nghị... (tư liệu đã dẫn), trang 33,34,35

mới ở miền Tây xã Nghĩa Ninh. Xã Hải Trạch (Bố Trạch) lập làng mới ở vùng khai hoang xã Phú Trạch. Xã Cảnh Dương lên tổ chức lò ngói ở vùng Đất Đỏ xã Quảng Châu; xã Quảng Thuận, Quảng Tân, Quảng Hải, Quảng Sơn, Quảng Thủy (huyện Quảng Trạch) vận động hàng trăm hộ lập làng mới ở Cao Mại (Tuyên Hoá). Học sinh cấp 3 hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thuỷ di chuyển ra hai huyện miền núi Tuyên Hoá, Minh Hoá. Trường cấp 3 Lệ Thuỷ chia thành 2 trường A và B sơ tán ra xã Ngư Hoá. Trong những ngày đầu của năm 1967 quân và dân Quảng Bình đối đầu với chiến tranh phá hoại tàn khốc của đế quốc Mỹ. Trong chiến đấu nhân dân xã Ngư Thuỷ đúc kết: "Có Đảng, có dân, có hầm, có họp" thì dù địch đánh phá ác liệt đến đâu cũng không lay chuyển được ý chí chiến đấu của quân và dân ta.

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam ngày càng giành được nhiều thắng lợi lớn càng đòi hỏi sự chi viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Nhận rõ điều này, đế quốc Mỹ tìm mọi cách phong toả, đánh phá, khống chế các tuyến giao thông vận tải của miền Bắc vào miền Nam. Cuộc đọ sức trên mặt trận này rất quyết liệt. Bom đạn địch trút xuống mặt đường chiếm 58% tổng số bom đạn địch trút xuống mặt đất. Có những đoạn đường mà mỗi ki-lô-mét phải chịu 2000 tấn bom đạn. Tại Km 21 trên đường chiến lược 12, địch thả bom sạt lở một vạn mét khối đất đá xuống mặt đường[1]. Chúng tập trung đánh dứt điểm ở các vùng xung yếu. Dùng thuỷ lôi, bom từ trường, bom nổ chậm đánh

---

(1) Theo số liệu bản tổng kết 8 năm chống chiến tranh phá hoại (1965-1972 của tỉnh đội Quảng Bình.

liên tục ngày đêm cả đường sông, đường bộ, bến phà, bến đò. Chúng đánh mạnh vào các vùng nghi có dấu xe, kho tàng. Bến phà Gianh, Xuân Sơn, Long Đại, Quán Hàu sạt lở, hố bom chồng hố bom. Vùng cửa khẩu miền Tây máy bay địch trinh sát các đoàn xe, chỉ điểm cho máy bay cường kích ném bom. Dọc đường chiến lược 15, từ Thanh Lạng, Khe Tang, Khe Ve lên đường chiến lược 12 không ngớt tiếng bom nổ. Phà Xuân Sơn trở thành "Túi bom", ở ngã ba đường chiến lược 15, 20. Đoạn đường từ Đá Đẽo qua Troóc (Bố Trạch) vượt phà "Nguyễn Văn Trỗi"[1] đến cây số không (km 0) mỗi ngày có tới 12 đến 16 tốp máy bay bắn phá.

Trước tình hình đó Thường vụ Tỉnh uỷ họp phiên bất thường bàn cách chống địch ngăn chặn, giải toả giao thông, giải quyết công tác tư tưởng và biện pháp tổ chức, giữ vững các tuyến đường giao thông quan trọng, đảm bảo sự chi viện cho chiến trường miền Nam.

Thường vụ Tỉnh uỷ đã quyết định: Tiến hành ngay công tác rà phá bom mìn, phát động quần chúng cùng tham gia, lấy lực lượng nữ làm nòng cốt, dưới sự hướng dẫn của chuyên môn kỹ thuật.

Các cấp các ngành tăng cường chỉ đạo chặt chẽ, bám sát cơ sở. Dù trong tình huống nào, địch tập trung đánh phá ác liệt đến đâu vẫn phải đảm bảo giao thông, đảm bảo hàng hoá thông suốt. Kết hợp chặt chẽ các lực lượng, động viên khả năng của toàn dân, phát huy tính tích cực vai trò xung kích của các đội chuyên trách chủ lực, hiệp đồng giữa các tuyến, chuẩn bị sẵn sàng tuyến này tắc, có tuyến khác hoạt động.

---

(1) Bến phà thứ 2 nằm về phía thượng nguồn sông Son

Tỉnh ủy đặt ra yêu cầu: "Tập trung trong một thời gian ngắn, các nhóm đan thuyền nan,thuyền gỗ buộc mây hoặc đống đinh nhân, đinh đồng để giải quyết công tác vận chuyển"(1).

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Ban chỉ huy quân sự tỉnh, trong một thời gian ngắn đã tổ chức huấn luyện các đội rà phá bom mìn. Mỗi xã thành lập một đội chuyên trách, mỗi huyện có một đội chủ lực phụ trách những khu vực trọng điểm và ứng cứu giúp các xã. Ở những khu vực trọng điểm, lực lượng rà phá bom mìn tập trung hoạt động với các đơn vị công binh của bộ, quân khu. Đội rà phá bom thị xã Đồng Hới có đợt ra quân phá 300 quả bom từ trường, giải quyết thông suốt hàng chục kilômét đường bộ, đường thủy. Những đơn vị dân quân du kích các xã Quảng Tiên, Quảng Liên, Quảng Trường, Quảng Văn, Quảng Phúc, Quảng Minh, Quảng Lộc (Quảng Trạch) lập đài quan sát trên cao để đánh dấu bom từ trường, chỉ điểm chính xác cho lực lượng rà phá chuyên trách có hiệu quả. Các xã Đồng Trạch, Sơn Trạch, Hưng Trạch, Bắc Trạch (Bố Trạch), Bảo Ninh (Thị xã Đồng Hới), Vĩnh Ninh (Quảng Ninh).v.v... Thực hiện 3 nhất: Nghiên cứu tìm tòi nhiều biện pháp phá bom hiệu quả nhất, giải phóng đường nhanh nhất, bảo đảm an toàn nhất. Các đội rà phá hàng trăm quả bom từ trường giải phóng cho giao thông.

Với khẩu hiệu "Địch đánh một ta làm mười, địch đánh ngày ta làm đêm";"mặt đường, mặt nước là chiến trường, tàu thuyền, phà xe là vũ khí" nhân dân các xã có

---

(1) Tư liệu bản tổng kết 8 năm chống chiến tranh phá hoại (1965-1972) của tỉnh đội Quảng Bình.



Nhân dân hợp tác xã Quang Phú (Lộc Ninh) kéo pháo giúp bộ đội trong những năm đánh giặc Mỹ (1965 - 1968)

(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

đường vận chuyển đi qua cùng lực lượng giao thông làm ngày làm đêm lấp hố bom, san mặt đường để thông xe. Đường Ba Trại bị bom Mỹ cày đi xới lại,rừng thông hai bên đường bị bom Na-pan, Phốt-pho thiêu trụi, tiểu đội gái Trần Thị Lý vẫn bám trụ mặt đường cho xe tiến, đứng trên trạm đèn phòng không gác ở ngã ba đường cho xe qua. Các bến phà Gianh, Xuân Sơn, Quán Hàu, Long Đại tự vệ công nhân tích cực rà phá bom mìn để nhanh chóng chuyển hàng ra phía trước. Bằng các biện pháp sáng tạo, linh hoạt của mỗi người, mỗi đơn vị nên tỷ lệ hàng hóa và phương tiện bị máy bay địch đánh hỏng được hạn chế. Khối lượng vận chuyển ngày càng tăng cả đường bộ lẫn đường thủy.

Đứng trước sự đánh phá ngày một gia tăng của đế quốc Mỹ, Tỉnh ủy chú trọng công tác chuẩn bị tư tưởng và hành động cho quần chúng vượt qua mọi gian khổ hy sinh. Dưới sự chỉ đạo, tổ chức của các Đảng bộ cơ sở, cán bộ, đảng viên, quân và dân trong tỉnh học tập tài liệu "Ơn Đảng nặng, thù giặc sâu", tăng cường đoàn kết nội bộ. Tư tưởng chỉ đạo là "Phải trái phân minh - nghĩa tình trọn vẹn". Đợt sinh hoạt chính trị lần này, mọi người thấy rõ hơn công ơn của Đảng của tập thể và nhân dân đối với gia đình, bản thân mình. Từ đó đã góp phần phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của địa phương, nâng cao giác ngộ dân tộc, giác ngộ giai cấp, nung nấu thêm lòng căm thù địch, xây dựng tinh thần tự lực cánh sinh, nâng cao trình độ hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng; làm cho đảng viên và quần chúng càng thêm tin tưởng ở Đảng; tin tưởng ở sức mạnh của bản thân; xác định được lý tưởng phấn đấu của mình và không ngừng cố gắng làm tròn nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh khó khăn. Từ đó vừa làm vừa rút kinh nghiệm, là phương châm 32 chữ hoàn chỉnh đối với cán bộ, đảng viên là "Phải trái

phân minh, nghĩa tình trọn vẹn, thấy sai quyết sửa, miệng nói tay làm, trên trước dưới sau, đầu đi đuôi lọt, đảng viên đi trước làng nước theo sau". Khẩu hiệu của xã Nhân Trạch "Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" được Tỉnh ủy đem phổ biến trong toàn tỉnh và đã được các địa phương thể hiện rất sinh động. Nhờ biết tin và dựa vào quần chúng, Đảng bộ Quảng Bình đã phát động quần chúng làm tốt công tác lương thực, ở những nơi bị địch đánh phá ác liệt, những lúc mất mùa đã vận động quần chúng giúp nhau giải quyết khó khăn, tổ chức tốt đời sống tiếp tục sản xuất và chiến đấu. Qua việc động viên quần chúng phê bình cán bộ đảng viên, phê bình lãnh đạo, qua việc thực hiện chế độ 6 tháng một lần cán bộ đảng viên tự phê bình trước quần chúng cũng như sơ kết cuộc vận động xây dựng chi bộ và Đảng bộ cơ sở "bốn tốt", sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng và quan hệ giữa Đảng và quần chúng được tăng cường. Đó là nguồn sức mạnh để 40 vạn nhân dân Quảng Bình vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hy sinh làm tròn nhiệm vụ của tỉnh tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc và là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp mặc dù địch đánh phá ác liệt nhân dân "bám hố bom mà sản xuất quyết không bỏ ruộng hoang. Các tiểu đội dân quân du kích tháo gỡ hàng trăm quả bom nổ chậm đảm bảo diện tích trồng trọt. Dân quân du kích xung quanh cầu phà bám đồng ruộng, đào đắp hàng vạn mét khối đất đá, lấp hàng ngàn hố bom, đảm bảo diện tích trồng trọt. Năm 1967 diện tích lúa chiêm 23.400 héc ta đạt 98% kế hoạch, diện tích trồng màu 17.740 héc ta đạt 102% kế hoạch đề ra.Đảng bộ và nhân dân Lệ Thuỷ vượt khó tăng diện tích vụ chiêm 0,3% đạt

7.022 héc ta [1]. Các phân đội nữ dân quân trực chiến Võ Ninh, Xuân Ninh (Quảng Ninh), Phong Thuỷ (Lệ Thuỷ), Tiến Hoá (Tuyên Hoá) tổ chức thành nhiều kíp thay phiên nhau vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu. Quảng Ninh đã huy động được 90 - 100% lực lượng nữ ra đồng sản xuất. Hợp tác xã Đại Phong (Lệ Thủy) có ngày công bình quân của phụ nữ là 250 ngày. Xã Trung Trạch (Bố Trạch) huy động 723 lao động trong số 782 xã viên. Xã Cảnh Hóa (Tuyên Hóa) huy động 558 lao động nữ trong số 600 xã viên. Có những xã huy động 100% lao động nữ trong những lúc thời vụ như Lộc An, Thanh Tân (Lệ Thủy), Lộc Long (Quảng Ninh), Trung Đông (Bố Trạch). Phong trào cải tiến nông cụ, kiến thiết đồng ruộng, phát triển mạng lưới cơ khí nhỏ trong các hợp tác xã ngày càng tăng. Hai đội sản xuất 22 và 23 của hợp tác xã Đại Phong được Chính phủ công nhận là "Đội lao động xã hội chủ nghĩa". Phụ nữ miền núi, ở các vùng trọng điểm, các trục đường chiến lược bị đánh phá ác liệt nhưng vẫn bám nương, bám rẫy để sản xuất, phục vụ chiến đấu.

Về công nghiệp, Quảng Bình đã xây dựng được 32 xí nghiệp. 20 xí nghiệp đã đi vào sản xuất, có xí nghiệp đang sản xuất từng bộ phận.

Trong bom đạn ác liệt các xí nghiệp như diêm Nhật Lệ, xà phòng sông Gianh, bát sứ Văn La, cơ khí 2/9... vận chuyển hàng ngàn tấn thiết bị máy móc, nguyên vật liệu từ Hà nội, Hải Phòng về các hang động ở vùng Tây Bắc tỉnh

---

(1) Nghị quyết Tỉnh uỷ về những biến chuyển mới của tình hình 6 tháng đầu năm 1967 và nhiệm vụ trước mắt của tỉnh ta - Hồ sơ số 06NQ/QB. Lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình.

để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật công nghiệp địa phương tiếp tục sản xuất giải quyết một phần hậu cần tại chỗ, phục vụ chiến đấu và sản xuất. Công nhân bám máy giặc đến là đánh, giặc đi là sản xuất. Tự vệ xí nghiệp in tổ chức trận địa bắn máy bay bên cạnh xí nghiệp, kịp thời in những tờ tin chiến thắng, tranh cổ động duy trì đúng định kỳ ấn hành báo Đảng. Tự vệ xí nghiệp ô tô A3 đã xây dựng công sự cạnh chỗ làm việc, vừa sửa chữa lắp ráp ô tô phục vụ chiến trường vừa sẵn sàng chiến đấu.

Nông trường Lệ Ninh nằm giữa ngã ba đường 10, nông trường Việt Trung có đường 15 đi qua. Hai nông trường có diện tích trồng cây cao su khá lớn. Đây là nơi chân hàng, tập kết nhân lực, vật lực để vào chiến trường. Địch đánh phá rừng cao su, công nhân vẫn bám trụ tại chỗ sản xuất và chiến đấu phục vụ chiến đấu. Phụ nữ Nông trường Lệ Ninh, Nông trường Việt Trung luôn luôn phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong việc thu hoạch cà phê, hồ tiêu, đào gốc cao su do đó không những năng suất đạt 100% mà đã vượt lên 140%. Năm 1966, ngày công bình quân 20 ngày 1 tháng, năm 1967 lên 28 ngày. Nhiều tổ đạt danh hiệu tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Nông trường Việt Trung là đơn vị dẫn đầu toàn ngành nông trường toàn miền Bắc, được nhận cờ luân lưu của Chính phủ.

Các ngành sản xuất gỗ, cá, muối và các ngành khác vẫn duy trì và phát triển. Các nghề đóng thuyền, sản xuất vôi, lò rèn... phục vụ đắc lực yêu cầu hàng ngày cho sản xuất, giao thông vận tải và đời sống nhân dân. Hợp tác xã vôi Tương Lai (Thanh Trạch- Bố Trạch) phải chiến đấu liên tục với máy bay Mỹ vẫn đảm bảo vôi phục vụ cho nông nghiệp. Xưởng nông cụ Kiến Giang (Lệ Thuỷ), xưởng đóng thuyền Cảnh Dương vẫn đảm bảo nhịp độ sản xuất.

Mạng lưới lưu thông phân phối có phương án phục vụ, đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Mạng lưới hợp tác xã mua bán mở rộng đến tận thôn xóm bảo đảm hàng hoá tận tay người tiêu dùng. Phong trào thi đua gửi tiền tiết kiệm chống Mỹ cứ mỗi năm một tăng. Bình quân đầu người từ 12 đồng năm 1965 lên 63,6 đồng năm 1967. Nhiều đơn vị tiêu biểu trên mặt trận lưu thông phân phối xuất hiện như hợp tác xã mua bán Lý Ninh, Mai Thủy, hợp tác xã tín dụng Vĩnh Ninh...

Ngành bưu điện, truyền thanh đã có nhiều cố gắng trong việc phổ biến kịp thời những chủ trương đường lối của Trung ương, địa phương đảm bảo thông tin liên lạc chiến đấu, sản xuất và đời sống tinh thần của nhân dân. Khẩu hiệu của ngành là "Đứt dây như đứt ruột, gãy cột như gãy xương", nêu cao tinh thần xả thân để mạch máu thông tin liên lạc được thông suốt trong mọi tình huống.

Công tác giáo dục không ngừng phát triển. Năm học 1967-1968 số lượng lớp tăng 1,73 lần, số học sinh tăng gần 1,9 lần so với năm học 1964-1965. Các em đến tuổi đều được đi học. Các lớp mẫu giáo, vỡ lòng ngày càng phát triển. Năm học 1967-1968 có gần 27.000 cháu vào lớp học. Trường phổ thông cấp 1 Dương Thuỷ (Lệ Thuỷ) cấp II Hạ Trạch (Bố trạch), cấp III (Quảng Trạch) là những điển hình của phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt". Năm 1967 có gần 50.000 học viên, hầu hết là cán bộ chủ chốt ở các địa phương tham gia học bổ túc văn hoá. Tổ giáo viên bổ túc văn hóa thôn Văn La (Lương Ninh - Quảng Ninh) được Chính phủ công nhận tổ "Lao động xã hội chủ nghĩa". Tỉnh chủ trương phát triển nhiều loại trường như trường "ba đảm đang", trường "hai giỏi" trường văn hoá kỹ thuật cấp II vừa trang bị kiến thức văn hoá vừa phục vụ thiết thực yêu cầu chiến đấu và sản xuất.

Ngành văn hoá thông tin tổ chức các quầy sách, tổ chiếu phim, văn công lưu động về phục vụ tận cơ sở. Nhiều sáng tác mới như vè "Ma thằng cu", kịch "Người thợ", ca khúc "Chuyến phà đêm" .v.v... đã kịp thời động viên toàn dân tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, yêu quê hương đất nước.

Mạng lưới y tế phát triển đều khắp. Năm 1967 toàn tỉnh có92% số xã có trạm y viện, các tổ y tế hợp tác xã được củng cố. Y viện xã cùng với tổ y tế tạo thành mạng lưới bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Năm 1967 ngành y tế Quảng Bình được Chính phủ công nhận đơn vị lá cờ đầu toàn miền Bắc được nhận cờ luân lưu của Chính phủ. Bệnh viện Quảng Trạch được Quốc hội, Chính phủ tuyên dương anh hùng.

Khí thế thi đua "hai giỏi" được Đảng bộ phát động đã trở thành phong trào quần chúng lôi cuốn mọi người hăng hái chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi. Năm 1965 toàn tỉnh có 25.000 chiến sĩ "hai giỏi", năm 1966 có trên 47.000 đến năm 1967 có 62.000 chiến sĩ "hai giỏi". Năm 1966 toàn tỉnh có 8.000 gia đình "hai giỏi" năm 1967 có gần 10.000 gia đình "hai giỏi". Từ trong phong trào thi đua "Hai giỏi" trải qua chiến đấu phục vụ chiến đấu Quảng Bình đã xuất hiện nhiều đơn vị và cá nhân anh hùng.

Ngày 1 tháng 1 năm 1967 tại Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước, Quảng Bình có 7 đơn vị và 11 cá nhân được Quốc hội, Chính phủ tuyên dương anh hùng chiến sĩ thi đua chống Mỹ cứu nước.

Để đáp ứng yêu cầu càng cao của sự nghiệp cách mạng công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ được chú ý. Thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về đào tạo bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế, Tỉnh

ủy đã chú trọng công tác đào tạo cán bộ kỹ thuật nông nghiệp. Ở các huyện tỉnh mở trường sơ cấp nông nghiệp đào tạo được 504 cán bộ. Đồng thời mở nhiều lớp tập huấn ngắn ngày về kỹ thuật cho 2.844 cán bộ. Học viên tốt nghiệp các lớp học gắn tri thức với thực tiễn đưa năng suất lao động, sản lượng cây trồng ngày một lên cao.

Qua hai năm với những thành tích trên mặt trận sản xuất và chiến đấu càng chứng tỏ sức mạnh của tinh thần đoàn kết của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Những thành tích của Đảng bộ và nhân dân ta càng được phát huy cao độ trong giai đoạn mới của chiến tranh chống Mỹ cứu nước.

*

* *

Hướng về tiền tuyến, Đảng bộ Quảng Bình quán triệt tinh thần "Vì Trị Thiên ruột thịt, không tiếc máu tiếc xương", động viên toàn quân, toàn dân ra sức làm tròn nghĩa vụ đối với quân dân miền Nam. Tỉnh ủy kêu gọi quân dân toàn tỉnh: "Dù phải ăn cháo, ăn rau, nhân dân Quảng Bình vẫn tiếp tục nâng cao quyết tâm chi viện cho miền Nam. Dù chiến tranh ác liệt đến đâu, Quảng Bình cũng kiên quyết giữ vững mạch máu giao thông vận tải nối liền hai miền Nam - Bắc. Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, tăng cường đội ngũ dân quân du kích, thực sự là lực lượng của chiến tranh nhân dân..."(1)

Ngày 7 tháng 12 năm 1967, Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình họp đã nhận định tình hình: "Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đối với miền Bắc

---

(1) Số 6/NQ-QB tháng 7 năm 1967. Nghị quyết của Tỉnh ủy về tình hình nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trước mắt.

nước ta đang diễn ra với quy mô ngày càng rộng lớn và ác liệt. Riêng đối với tỉnh ta kẻ địch đã dùng đủ mọi thủ đoạn, thâm độc xảo quyệt tập trung đánh mạnh vào các mục tiêu về giao thông vận tải nhằm thực hiện mục đích chiến lược ngăn chặn mọi chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam..."(1). Hội nghị cũng đánh giá sức đóng góp của quân dân trong tỉnh: "Trong 3 năm qua nhân dân Quảng Bình đã đóng góp công sức hết sức to lớn cho công tác đảm bảo giao thông vận tải. Hàng triệu ngày công đã được huy động để sửa chữa cầu, ngầm, lấp hố bom, chống lầy, bốc dỡ, vận chuyển hàng hoá... nhiều nơi nhân dân ta đã không tiếc xương máu và đã hy sinh cả tài sản riêng của mình để đảm bảo giao thông vận tải. Các lực lượng chủ lực của ngành giao thông vận tải như công nhân, thanh niên, thuỷ thủ, lái xe, công nhân trên các bến phà, các đội rà phá thuỷ lôi quyết tâm bám đường, bám luồng lạch, bám phương tiện hàng hoá và đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc..."(2)

Trước tình hình và những nhiệm vụ mới, Hội nghị xác định: "Nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải là nhiệm vụ hàng đầu, là vấn đề sống còn cấp bách của toàn Đảng, toàn dân. Trong thời gian tới kẻ địch còn tiếp tục đánh phá ngày càng ác liệt hơn kể cả tập kích và đổ bộ vì vậy bằng bất cứ hy sinh nào và dù trong tình thế nào; chúng ta cũng phải dốc lòng dốc sức đảm bảo cho kỳ được mạch máu giao thông vận tải được thông suốt, bảo đảm nhiệm vụ chi viện cao nhất cho miền Nam"(3).

---

(1) và (2) Hội nghị Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình ngày 7 tháng 12 năm 1967 - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh uỷ Quảng Bình.

(3) Nghị quyết Thường vụ Tỉnh uỷ về đảm bảo giao thông vận tải trong tình hình mới.

Để hoàn thành nhiệm vụ chung, Hội nghị đề ra chủ trương và những biện pháp cụ thể:

1- Ra sức củng cố và phát triển lực lượng vận tải, thực hiện triệt để đường lối quần chúng trong khâu tổ chức vận tải.

2- Quyết tâm bảo vệ cầu đường, giữ vững mạch máu giao thông, tích cực đẩy mạnh phát triển giao thông nông thôn nhằm đảm bảo giao thông vận tải trong mọi tình hình khó khăn.

3- Giáo dục toàn Đảng, toàn dân có ý thức phòng gian bảo mật, bảo vệ tính mạng, tài sản một cách thường xuyên[1].

Thực hiện khẩu hiệu "Toàn Đảng, toàn dân, giam gia công tác giao thông vận tải" [2].

Thực hiện nghị quyết của Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Bình quân dân Quảng Bình tập trung sức lực đẩy mạnh công tác giao thông vận tải trong tình hình mới. Chỉ trong 3 tháng đầu năm 1968 các hợp tác xã, cơ quan đã tập hợp được 185 xe bò, 792 xe ba gác, 352 xe đạp thồ, tổ chức 74 đại đội gồng gánh bộ sẵn sàng lên đường phục vụ. Đảng bộ phát động các địa phương học tập gương Võ Ninh, thực hiện khẩu hiệu "Xe chưa thông không tiếc công, tiếc máu"[3]. Phong trào rà phá thuỷ lôi bom tự nổ phát triển hết sức mạnh mẽ và đã trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi. Phong trào "4 không, 4 tự" [4] phát triển rộng rãi trong

---

(1) và (2) Nghị quyết Thường vụ Tỉnh uỷ về đảm bảo giao thông vận tải trong tình hình mới.

(3) Báo cáo tổng kết tình hình công tác năm 1968 và phương hướng nhiệm vụ năm 1969.

(4) - 4 không: Không chờ cơ giới, không đợi vật tư, không xin nhân lực, không ỷ lại trên.

- 4 tự: Tự xoay xở nguyên liệu, tự chuyên chở lấy hàng, tự lấp hố bom, tự chống lầy trên tiền tuyến.

toàn ngành. Quân dân thực hiện khẩu hiệu "Đói cho sạch, rách cho thơm" bảo vệ tài sản, hàng hoá vào miền Nam.

Trong tháng 10 năm 1968, Quảng Bình đã vận chuyển được 39.200 tấn hàng, chuyển hàng vào chiến khu B 21.000 tấn.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình luôn luôn giữ trọn lời thề son sắt với đồng bào miền Nam ruột thịt, gửi gắm tình nghĩa hậu phương đối với tiền tuyến. Tỉnh phát động quần chúng thực hiện khẩu hiệu "Trút gạo trong nồi cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Nhân dân Quảng Bình sẵn sàng ăn cháo, ăn khoai, sắn độn thêm rau dành hơn 2000 tấn gạo chi viện cho miền Nam. Cán bộ cơ quan tiết kiệm mỗi tháng từ 2 đến 4,5 ki lô gam gạo để chi viện cho chiến trường. Quân và dân Quảng Bình vận chuyển hàng vào chiến trường trong năm 1968 lên đến 129.000 tấn tăng 98,7% so với năm 1967 gấp 3 lần năm 1966. Đưa khối lượng hàng cho chiến trường miền Nam là 62.148 tấn, tăng 84,7% so với năm 1967 gấp 3 lần năm 1968. Vận chuyển, chi viện hàng thực phẩm phục vụ chiến trường vượt 15% [1]. Quảng Bình coi việc chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở chiến trường là vinh dự và trách nhiệm lớn lao đối với đồng bào miền Nam ruột thịt. Đối với nhiệm vụ ủng hộ cách mạng Lào: Quảng Bình đã đưa 106 cán bộ sang giúp bạn Lào, giúp hạt giống, thuốc men, công cụ lương thực, thực phẩm trị giá trên 150.000 đồng. Giúp bạn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ địa phương, xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng địa phương [2].

Về quân sự Quảng Bình đã tổ chức 3 phân đội an ninh vũ trang D1, D2, D3 (gọi tắt là D67) chi viện cho Gio Carn,

---

(1), (2) Báo cáo tổng kết công tác năm 1968 và phương hướng nhiệm vụ năm 1969 - Lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh uỷ Quảng Bình.

Quảng Trị. Đoàn D67 lên đường với lá cờ mang dòng chữ: "Vì Trị Thiên ruột thịt, không tiếc máu tiếc xương". Đầu năm 1968 ba đại đội súng cối 82 ly, bốn đại đội bộ binh của ba tiểu đoàn 45, 46, 49 và đại đội trinh sát đặc công Quảng Bình vào chi viện cho chiến trường Quảng Trị.

Các đơn vị vào chiến đấu ở chiến trường đã được tặng thưởng 177 Huân chương các loại. Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ đạt danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt cơ giới" cấp ưu tú. Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 địch dồn sức phản kích quyết liệt. Trên chiến trường Trị Thiên bộ đội ta vừa thiếu ăn vừa thiếu vũ khí. Bộ Tư lệnh mặt trận B5 yêu cầu Quảng Bình chi viện vũ khí cho chiến trường. Nhiệm vụ vận chuyển vũ khí vào chiến trường, tỉnh giao Đảng bộ và nhân dân xã Cảnh Dương (QuảngTrạch) đảm nhiệm. Với tinh thần "Tất cả vì miền Nam thân yêu, vì Trị Thiên ruột thịt" Đảng bộ, quân và dân xã Cảnh Dương sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Thường vụ Đảng uỷ họp quyết định chọn hợp tác xã Ngư nghiệp tổ chức lực lượng để thi hành nhiệm vụ. Đội vận chuyển đặc biệt có 72 người. Chi bộ vận tải có 20 đảng viên, đoàn vận tải tổ chức 12 thuyền, trọng tải từ 2 - 3 tấn. Sau 2 tháng vận chuyển vũ khí đã được chuyển vào tận chiến trường.

Nhằm đáp ứng những yêu cầu của chiến trường, Quảng Bình thành lập ban B thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ hai tỉnh Trị Thiên kết nghĩa. Hoạt động của ban B là đón tiếp cán bộ, nhân dân Trị Thiên kết nghĩa ra học tập, mở lớp đào tạo,bồi dưỡng cán bộ cho hai tỉnh. Thành lập bệnh viện riêng để chữa bệnh cho cán bộ, bộ đội Trị Thiên.

Ngày 31 tháng 3 năm 1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn thông báo quyết định hạn chế ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Thực chất Giôn xơn điều chỉnh lại lực

lượng, tập trung hoả lực quyết đánh gãy "Cán xoong" chặt đứt "cuống họng" tuyến chi viện chiến lược của cuộc kháng chiến mà trọng điểm là địa bàn Quảng Bình.

Từ tháng 4 đến tháng 10 địch đã huy động 79.000 lần máy bay chiến thuật và máy bay B52, 4.596 lần tàu tuần dương, khu trục hạm đánh vào Quảng Bình. Từ Bắc sông Lam (Nghệ An) tới nam sông Gianh (Quảng Bình) là khu vực đánh phá ác liệt nhất "Trên một diện tích hẹp bằng 1/4 miền Bắc, số trận máy bay Mỹ ném bom tăng lên 2,6 lần, mật độ bom tăng lên 20 lần"(1). Mục tiêu tập trung đánh phá là giao thông vận tải vùng đông dân cư với thủ đoạn: Đánh điểm kết hợp khống chế toàn tuyến, sử dụng bom từ trường thả dày đặc, bổ sung gối đầu từng đợt dọc các tuyến sông, bến vượt. Tăng cường máy bay trinh sát những nơi cất dấu phương tiện, các loại hàng chiến lược như xăng dầu, vũ khí...

Để đối phó với âm mưu và chiến tranh phá hoại mới của địch, Tỉnh uỷ mở hội nghị đánh giá tình hình 3 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và quán triệt nhiệm vụ trước mắt của Quảng Bình là:"Tập trung sức lực, khả năng trí tuệ, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu cao nhất cho tiền tuyến bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống". Ra sức phục vụ yêu cầu chiến đấu của mặt trận Trị Thiên... đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân thành phong trào quần chúng rộng rãi. Tăng cường công tác đánh bại chiến tranh gián điệp, tâm lý, giữ vững trật tự trị an"(2). Tỉnh uỷ chủ trương củng cố và

---

(1) Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam- Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - Hà Nội 1988, trang 406.

(2) Nghị quyết Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Bình về " Thắng lợi trong 3 năm chống Mỹ cứu nước và nhiệm vụ trước mắt của tỉnh ta" số 02NQ/QB.

phát triển mạng lưới đường, tổ chức tốt khâu vượt sông. Công tác chuyển tải đường biển, đường sông, hình thành các tuyến đường sông: Cảng Gianh đi Khương Hà - Minh Cầm; Nhật Lệ - Long Đại, Nhật Lệ - Xuân Bồ. Đường biển có các tuyến: Hà Tĩnh - Bắc Gianh, Nam Gianh - Đồng Hới, Hà Tĩnh - Đồng Hới. Tuyến vận tải chiến lược Quảng Bình qua 4 cung đoạn, từ đèo Ngang vào Bắc Gianh, từ Nam Gianh vào bắc Quán Hàu, và Long Đại, từ nam Quán Hàu vào Vĩnh Linh theo đường quốc lộ 1A, từ nam Long Đại đến Bãi Hà, vào bến Quán (Vĩnh Linh) theo đường 15A. Để tăng cường thêm lực lượng vận tải, tỉnh thành lập công ty vận tải thủy, dùng ca nô lai dắt các đoàn thuyền vận tải trên sông. Trước yêu cầu đòi hỏi của chiến trường, Bộ Giao thông vận tải chuyển Xí nghiệp công tư hợp doanh ô tô thành Công ty Ô tô Quảng Bình, công ty được Bộ Giao thông tăng cường thêm 50 chiếc ô tô vận tải chuyên chở hàng hóa.

Tháng 6 năm 1968, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Quân uỷ Trung ương quyết định thành lập Bộ Tư lệnh đảm bảo giao thông vận tải Quân khu 4 để cùng với cơ quan tiền phương, Tổng cục hậu cần, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh động viên mọi lực lượng đánh địch và đảm bảo giao thông vận tải.

Sau khi thành lập Bộ Tư lệnh đảm bảo giao thông vận tải ở các tỉnh tiến hành thành lập Ban bảo đảm giao thông Quảng Bình, Ban bảo đảm giao thông tỉnh được thành lập do đồng chí Cổ Kim Thành, Chủ tịch uỷ ban hành chính tỉnh làm trưởng ban. Trên mặt trận chiến đấu Quảng Bình giành chiến thắng vẻ vang. Ngày 25 tháng 6 năm 1968, đơn vị 367 bộ đội địa phương và dân quân huyện Minh Hoá cùng với trung đoàn 280 bắn rơi tại chỗ máy bay

cường kích F4H. Đây là chiếc máy bay thứ 3000 bị bắn rơi trên miền Bắc. Bộ tư lệnh quân khu đã tặng cờ cho quân và dân huyện Minh Hoá. Ngày 27 tháng 6 năm 1968 Hồ Chủ tịch gửi thư khen ngợi đồng bào chiến sĩ và nhân dân Quảng Bình, đơn vị bắn rơi chiếc thứ 3000 máy bay Mỹ: " *Tôi đặc biệt khen ngợi quân và dân Quảng Bình đã đánh giỏi, hạ chiếc máy bay thứ 3000 và gửi tặng đơn vị X một lá cờ danh dự. Đó là thành tích chung của quân và dân miền Bắc ta. Giặc Mỹ đã thua to. Nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ tội ác chiến tranh xâm lược miền Nam, phá hoại miền Bắc. Toàn thể đồng bào, chiến sĩ và cán bộ cả nước chớ vì thắng lợi mà chủ quan. Phải luôn luôn cảnh giác, đoàn kết chặt chẽ, ra sức chiến đấu mạnh, sản xuất tốt, phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, quyết đánh cho giặc Mỹ thất bại đến cùng.*

Tiến lên !

Toàn thắng ắt về ta"

Chào thân ái và quyết thắng- Bác Hồ"[1]

Thư của Bác Hồ là nguồn động viên to lớn để Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình vượt qua mọi gian khổ hy sinh, tiếp tục phấn đấu hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ của hậu phương trực tiếp đối với miền Nam, góp phần đắc lực cho sự nghiệp chiến đấu giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.

Tháng 7 năm 1966 toàn bộ phương tiện vận tải cơ giới ở phía bắc Hà Tĩnh vào Quảng Bình phải ngừng hoạt động vì không có xăng. Tuyến vận tải trên địa bàn quân khu

---

(1) Quảng Bình ơn Bác- Ban NCLS Đảng Tỉnh uỷ, Ty văn hoá Quảng Bình xuất bản năm 1975, trang 36

4 bị tắc làm cho nhiều đơn vị ở chiến trường khu 5, Tây Nguyên, mỗi người trong ngày chỉ có 4 lạng gạo ăn. Tuyến đường giao thông vận tải trên địa bàn Quân khu 4 bị tắc làm cho nhiều đơn vị ở chiến trường Trị - Thiên, gặp không ít những khó khăn về lương thực, thực phẩm. Tháng 5 mỗi cán bộ chiến sĩ được cấp 5 lạng gạo ăn trong một ngày, tháng 6 tụt xuống, tháng 7 tụt xuống 2 lạng, nhiều đơn vị quân số vận chuyển gạo nhiều hơn quân số chiến đấu. Ở Quảng Bình đang kỳ giáp hạt, lương thực đảm bảo đời sống cho nhân dân và lực lượng vũ trang cũng đang đứng trước những thử thách to lớn. Quân khu Trị Thiên điện yêu cầu Quảng Bình chi viện lương thực "miền Nam gọi miền Bắc trả lời", "vì Trị Thiên không tiếc máu, tiếc xương".

Tỉnh ủy Quảng Bình bàn biện pháp vay gạo của nhân dân gửi gấp ra chiến trường. Qua hai tháng thực hiện chủ trương "trút gạo trong nồi cho Trị Thiên đánh Mỹ" Quảng Bình đã huy động các cấp các ngành và nhân dân trong tỉnh đóng góp được 2.600 tấn gạo kịp thời gửi vào Trị-Thiên. Các binh trạm 12,14,16 đã chuyển số gạo của Quảng Bình vào chiến trường.

Công tác giao thông vận tải trở thành nhiệm vụ toàn dân, địch đánh phá ác liệt nhưng hàng hóa đi về phía trước ngày càng tăng. Năm 1968 số lần địch đánh phá gấp nhiều lần so với năm 1965, số hàng hóa vào Quảng Bình cũng gấp hai lần so với năm 1967. Tổng số hàng vào Quảng Bình năm 1968 là 131.547 tấn, hàng cho Quảng Bình 49.397 tấn trong đó khối lượng vận chuyển lên đến 62.000 tấn, gấp 3 lần năm 1966. Mặc dù địch đánh phá ác liệt, cùng với cả nước quân dân Quảng Bình vẫn vượt qua gian khổ hy sinh, xứng đáng là hậu phương trực tiếp của miền Nam thân yêu

và Trị - Thiên ruột thịt. Những cố gắng của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình là đóng góp quý giá cho những thắng lợi chung của quân và dân ta ở miền Nam, đẩy mạnh công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, vừa phục vụ chiến đấu, ra sức chi viện cho miền Nam, ngày 3 tháng 8 năm 1968 quân và dân địa phương phối hợp với Trung đoàn 214 pháo cao xạ đã bắn cháy chiếc máy bay Mỹ thứ 500 trên đất Quảng Bình. Ngày 6 tháng 8 năm 1968 Hồ Chủ tịch gửi thư khen đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình: *"Tính đến ngày 3 tháng 8 năm 1968 Quảng Bình đã lập chiến công vẻ vang, bắn rơi 500 máy bay giặc Mỹ, bắn chìm và bắn cháy 42 tàu chiến Mỹ các loại. Từ cuối tháng 3 năm 1968, giặc Mỹ đánh phá Quảng Bình dã man hơn trước, song vỏ quýt dày có móng tay nhọn. Từ đầu tháng 4 năm 1968 đến nay Quảng Bình đã bắn rơi thêm 100 máy bay Mỹ.*

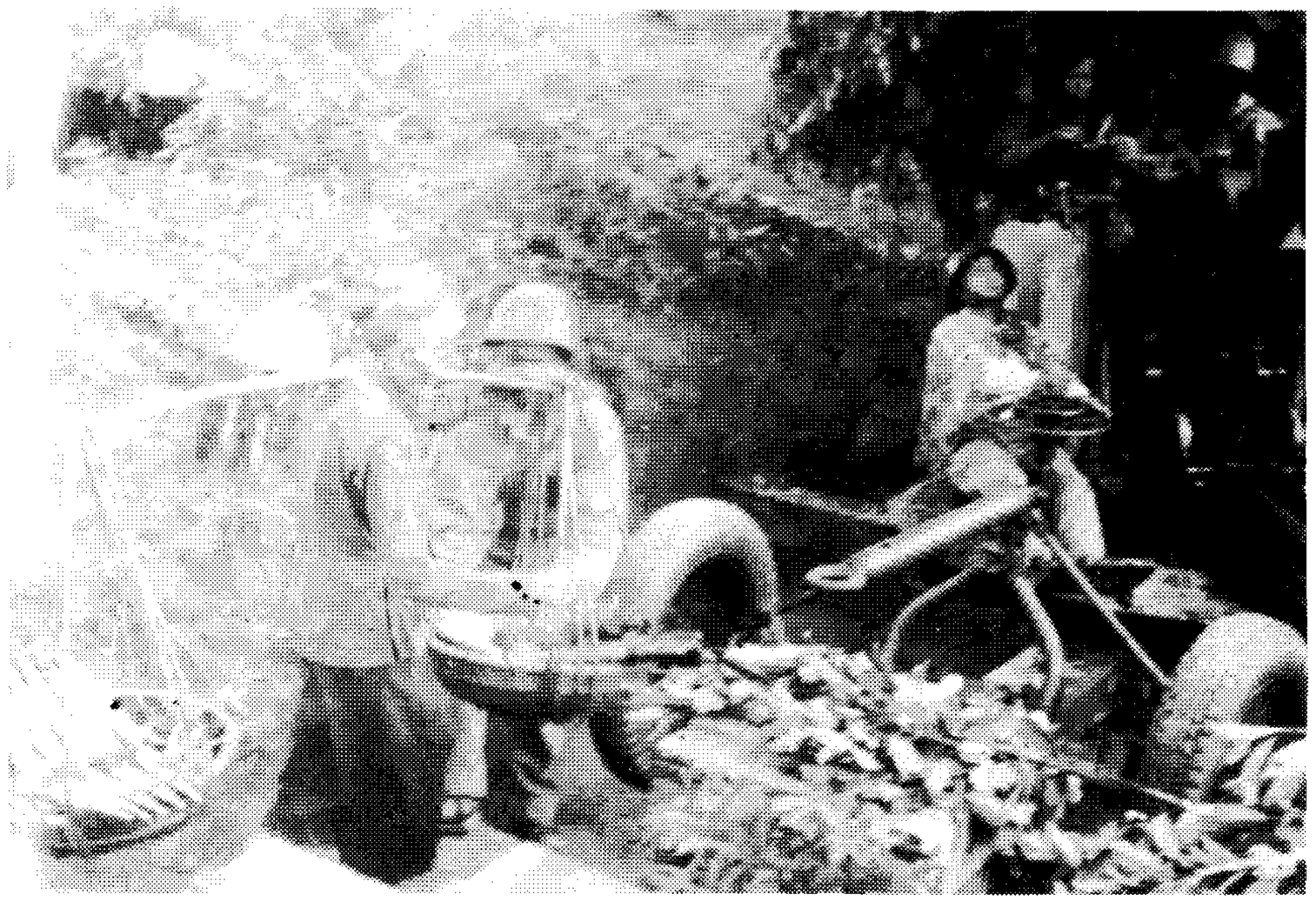
Quảng Bình cũng rất hăng hái trên mặt trận sản xuất và giao thông vận tải, luôn luôn cố gắng làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến.

Bác vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình. Bác vui lòng báo tin là Quốc hội vừa quyết định tăng thưởng Quảng Bình thêm một Huân chương Độc lập hạng Nhì nữa.

Nhân dịp này Bác nhắc nhủ đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình luôn luôn cảnh giác, ra sức thi đua chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi, làm tốt công tác giao thông vận tải và phòng không nhân dân cho thật tốt, để giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa cùng với đồng bào cả nước kiên quyết tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược"[1].

---

(1) Bác Hồ với Bình Trị Thiên - Ban NCLS Đảng - Ty thông tin văn hóa Quảng Bình ấn hành 1977, trang 47-48.



Mẹ Hiên 73 tuổi ở xã Nghĩa Ninh (Đồng Hới) tiếp đạn cho bộ đội bắn máy bay giặc Mỹ.

(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

Trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đây là lần thứ 7 Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình vinh dự và tự hào được Bác Hồ gửi thư khen. Phấn khởi trước sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ, Tỉnh ủy Quảng Bình phát động đợt sinh hoạt chính trị "Vinh dự to lớn, trách nhiệm nặng nề". Biến nghị quyết thành hành động cụ thể tiến lên giành những thắng lợi mới trong chiến đấu và sản xuất.

Ngày 14 tháng 8 năm 1968 dân quân gái xã Lê Hóa dũng cảm chiến đấu bắn rơi 1 chiếc F4. Ngày 20 tháng 10 trung đội nữ dân quân 12ly7 xã Trung Trạch (Bố Trạch) làm nhiệm vụ bảo vệ trục đường quốc lộ 1A, tỉnh lộ số 2, mưu trí dũng cảm chiến đấu bắn rơi 1 chiếc F105 của Mỹ. Ngày 2 tháng 10 năm 1968 dân quân gái xã Tiến Hóa dũng cảm đưa súng lên lèn cao đón đường bay của máy bay Mỹ bắn rơi máy bay F4.

Ngày 24 tháng 10 năm 1968 tại Lê Hóa 1 chiếc F4 bị đền mạng. Tính đến ngày 1 tháng 11 năm 1968 toàn tỉnh bắn rơi 596 máy bay Mỹ, là tỉnh dẫn đầu toàn miền Bắc về việc bắn cháy máy bay giặc Mỹ xâm lược. Lực lượng vũ trang địa phương càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng lớn, càng trưởng thành. Năm 1968 lực lượng dân quân, tự vệ có 54.700 người, gấp 2 lần năm đầu chiến tranh, đạt tỷ lệ 13,1% so với dân số (tỷ lệ nữ đạt 32,6%, tự vệ đạt 65,1% so với công nhân viên chức). Năm 1968 xây dựng 161 đại đội tăng gấp 2 lần năm 1967; có 95 phân đội 12,7ly thường trực chiến đấu thường xuyên. Có 79 đơn vị dân quân xã đã tham gia chiến đấu từ tháng 6 năm 1968 đến hết cuộc chiến tranh. Toàn tỉnh có 13 phân đội dân quân gái, 2 phân đội lão dân quân đánh máy bay và 1 đại đội dân quân gái

pháo binh đánh tàu địch. Năm 1968 hệ thống làng xã chiến đấu được xây dựng với sự tham gia rộng rãi và tích cực của toàn dân, điển hình là các xã Võ Ninh, Ngư Thủy, Phong Thủy.v.v... Các trận địa pháo mặt đất kết hợp với pháo cao xạ, súng bộ binh của dân quân tự vệ, hình thành một hệ thống chiến đấu liên hoàn, sẵn sàng giáng trả mọi âm mưu, hành động của đế quốc Mỹ và tay sai trong mọi tình huống.

Cuộc chiến đấu trên mặt trận sản xuất cũng diễn ra rất căng thẳng và quyết liệt. Ở nhiều địa phương lúa mùa chín rộ, địch thả bom nổ chậm bao vây. Phát hiện có người trên các cánh đồng, máy bay lại ném bom bi, bắn rốc két. Vào vụ gặt như đi vào cuộc chiến đấu. Các chi bộ phân công đảng viên phụ trách từng nhóm gặt, chuẩn bị hầm hào, trạm cấp cứu ngoài đồng. Nhờ có quyết tâm cao chuẩn bị chu đáo, vụ mùa năm 1968, bom đạn địch đánh gấp 2 - 3 lần nhưng các địa phương đã thu hoạch nhanh hơn vụ chiêm năm 1967 đến 10 ngày[1]. Quan hệ sản xuất mới không ngừng được củng cố. Các hợp tác xã đều phát triển lên quy mô toàn thôn. Các hợp tác xã ngư nghiệp vẫn giữ vững quy mô cũ và phát triển thêm được 13 hợp tác xã đánh cá. Máy bay địch đánh phá vào 46 hệ thống đê đập thủy lợi làm sạt lở hàng chục kilômét mương tưới, đê ngăn mặn. Tranh chấp với máy bay địch, nhân dân các địa phương củng cố, sửa chữa đưa diện tích ruộng được tưới nước từ 64% năm 1965 lên 69,3% năm 1968. Diện tích ruộng được cải tạo chua mặn tăng từ 3 đến 5,6%. Phong trào thâm canh phát triển mạnh, lúa cấy thẳng hàng từ 12% năm 1965 tăng 69,7% năm 1968. Diện tích ruộng tăng sản chiếm 24% sản lượng không những giữ được mà còn tăng. Bình quân năm 1964 đạt 9,5 tạ/héc ta; năm 1968 đạt 12,22 tạ/héc ta. Tổng sản lượng lương thực bình quân đầu người năm 1964 đạt 206,1

---

(1) Đường Hồ Chí Minh qua Bình Trị Thiên - NXB Quân đội nhân dân - Hà Nội 1992. trang 289

kilôgam, năm 1968 giữ mức 202 kilôgam. Hợp tác xã Đại Phong (Phong Thủy -Lệ Thủy) vụ chiêm năm 1968 năng suất đạt 24,78 tạ/héc ta, hợp tác xã Cự Nẫm đạt 25 tạ/héc ta. Công nghiệp địa phương phát triển từng bước vững chắc. Năm 1968 vốn đầu tư tăng gấp 2,7 lần so với 10 năm trước chiến tranh (1955-1964). Năm 1964 toàn tỉnh có 12 cơ sở công nghiệp với 600 công nhân; năm 1968 có 38 xí nghiệp bao gồm cơ khí, phân bón, xây dựng, khai thác gỗ, hàng tiêu dùng, số lượng công nhân gấp 7 lần năm 1964. Các mặt hàng như diêm Nhật Lệ, xà phòng Sông Gianh, rượu Bồng Lai, Bát Sứ.v.v... đã kịp thời giải quyết khó khăn đời sống sinh hoạt của cán bộ nhân dân.

Nghề cá dành 60% lao động và phương tiện phục vụ giao thông vận tải, mặt biển bị địch đánh phá khống chế thường xuyên, nhưng ngư dân vẫn bám biển, bám sông khai thác. Sản lượng đánh bắt tuy không bằng lúc hòa bình, nhưng năng suất tăng hơn trước. Năm 1964 năng suất lao động bình quân 1.367 kilôgam/người, năm 1968 đạt 1.700 kilôgam/người. Ở hợp tác xã Quang Phú (Lộc Ninh) đơn vị anh hùng lá cờ đầu về đánh cá của miền Bắc, năng suất bình quân một người đạt 5 tấn/năm. Cùng với nhiệm vụ chiến đấu các đơn vị bộ đội địa phương vẫn tranh thủ thời gian sản xuất được 40 tấn lương thực, 72 tấn rau xanh, 22 tấn thịt, gửi tiền tiết kiệm chống Mỹ 130.000 đồng.

Các ngành lưu thông phân phối, văn hóa xã hội cũng chuyển hướng hoạt động về cơ sở. Địch đánh phá không nhóm chợ được, các hợp tác xã mua bán mở thêm nhiều quầy hàng tận thôn, đội sản xuất, đảm nhận "Mua tận, bán tại" cung cấp phân phối các mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Các tổ chức văn hóa văn nghệ, phân tán hoạt động nhỏ lẻ, đi xuống từng đội sản xuất, từng thôn xóm đem tiếng hát, lời ca, phim ảnh và làn sóng truyền

thanh đến với nhân dân, góp phần giáo dục động viên cuộc sống chiến đấu, lao động, xây dựng con người mới ở các địa phương.

Công tác giáo dục, y tế, phát triển với nhịp độ nhanh. Năm 1964 toàn tỉnh có 3 trường phổ thông cấp III, năm 1968 có 9 trường. Mỗi huyện có 1 trường, riêng Lệ Thủy, Quảng Trạch mỗi huyện có hai trường. So với năm 1964, số trường số lớp phổ thông năm 1968 tăng gấp 2 lần, số học sinh phổ thông tăng 1,2 lần. Lớp vỡ lòng tăng gần 2 lần, lớp mẫu giáo nhà trẻ tăng 3 lần. Phong trào học bổ túc văn hóa đã thu hút 12.000 người tham gia vào các lớp cấp 1 và cấp 2. Năm 1964 bình quân 1 vạn dân có 10 giường bệnh, 0,4 bác sĩ, 44 cán bộ y tế phụ trách. Năm 1968 bình quân 1 vạn dân có 28 giường bệnh và 1,2 bác sĩ, 63 cán bộ y tế. Phong trào vệ sinh phòng bệnh trở thành phong trào tự giác của quần chúng. Năm 1968, trên 93,33% gia đình có hố xí hai ngăn, nhiều địa phương xây dựng nhà tắm giếng nước công cộng cho các đội sản xuất.

Những thắng lợi trên mặt trận kinh tế, văn hóa - xã hội không chỉ đáp ứng công tác hậu cần tại chỗ, phục vụ đắc lực nhu cầu chiến đấu, sản xuất đời sống nhân dân mà còn tạo nên cơ sở vật chất, kỹ thuật, dần dần làm cho nền kinh tế của tỉnh giữ được cân đối giữa chiến đấu và sản xuất, giữa công nghiệp và nông nghiệp, chuẩn bị tiềm lực cho cuộc chiến đấu lâu dài. Những thắng lợi nói trên là thực tiễn sinh động của cuộc chiến tranh nhân dân trên địa bàn Quảng Bình, là biểu hiện sức mạnh của 40 vạn nhân dân Quảng Bình gắn bó chặt chẽ với Đảng tiên phong, biết đánh, biết thắng địch trong những điều kiện hết sức gay go gian khổ.

Qua 4 năm chống Mỹ cứu nước đi đôi với việc bồi dưỡng, bổ sung và ổn định đội ngũ cốt cán, thông qua

phong trào thi đua chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi, đội ngũ đảng viên ngày càng phát triển về số lượng, nâng cao chất lượng. Trong 4 năm chống Mỹ cứu nước Quảng Bình có 2.042 đồng chí đã hy sinh anh dũng cho sự nghiệp quang vinh của Đảng bộ và dân tộc. Năm 1968 đội ngũ đảng viên tăng 41% so với năm 1964, tăng 10,4% so với năm 1967. Tỷ lệ đảng viên hai giỏi chiếm 97,7%(1). Tổng số đảng viên trong năm 1968 là 23.896 đồng chí. Trong đó nữ có 4.272 chiếm 17,89%. Đảng viên vùng thiên chúa giáo có 759 người chiếm 3,2%(2). Trong số đảng viên kết nạp trong năm 1968 lực lượng trẻ chiếm 92%; phụ nữ chiếm 30,8%. Số hợp tác xã không có chi bộ năm 1967 là 18 đơn vị, sang năm 1968 chỉ còn 12, số đội sản xuất không có tổ Đảng và đảng viên năm 1967 có đến 413, đến cuối năm 1968 chỉ còn 137 đội sản xuất.

Song song với nâng cao số lượng đảng viên, Tỉnh ủy chú trọng công tác xây dựng Đảng bộ, chi bộ, tổ đảng 4 tốt đúng với vai trò vị trí đạt tiêu chuẩn công tác này, đưa tổ chức đảng ngày càng vững về chính trị, tư tưởng, mạnh về tổ chức. Giải quyết tốt chi bộ yếu kém, đảng viên yếu, xây dựng Đảng bộ Quảng Bình vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng to lớn.

Bị thất bại ở cả miền Nam, miền Bắc, trước sức ép của dư luận thế giới và nhân dân Mỹ, ngày 01 tháng 11 năm 1968 tổng thống Mỹ, Giôn Xơn phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn cuộc ném bom bắn phá nước Việt Nam dân chủ

---

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1968 và phương hướng nhiệm vụ năm 1969 số 01 - BC/QB.

(2) Số liệu cơ bản để nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng 1963 - 1973, Ban tổ chức Tỉnh ủy Quảng Bình lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình.

cộng hòa bằng không quân, hải quân và pháo binh để đi đến một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam.

Trải qua thời gian chống ngăn chặn và phá hoại của đế quốc Mỹ (8/1964 - 1/11/1968), Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã vượt qua những thử thách hết sức gay go và quyết liệt, đập tan mọi âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù. Hoàn thành nhiệm vụ của Tổ quốc giao phó, góp phần xứng đáng cùng cả nước đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc tuyến đầu miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đảm bảo đời sống sinh hoạt của nhân dân, tiếp tục nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sản xuất. Tỉnh ủy Quảng Bình đã đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, chi bộ 4 tốt gắn chặt với cuộc vận động thi đua hai giỏi tạo được một bước chuyển biến sâu rộng trong tất cả các địa phương, các đơn vị, trong tất cả các tầng lớp nhân dân; gắn chặt Đảng với quần chúng thành một khối vững chắc. Đó là việc Đảng bộ đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình theo phương châm "Phải trái phân minh nghĩa tình trọn vẹn, thấy sai quyết sửa, đầu đi đuôi lọt, cán bộ, đảng viên đi trước, làng nước theo sau" là sức mạnh để 40 vạn nhân dân Quảng Bình ngày càng đoàn kết chặt chẽ và tin tưởng tuyệt đối vào Đảng tiếp tục đẩy mạnh phong trào "sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi" cùng toàn Đảng toàn dân tiếp tục công cuộc bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ra sức chi viện cho miền Nam, đẩy nhanh công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

CHƯƠNG XIII

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO "SẢN XUẤT GIỎI, CHIẾN ĐẤU GIỎI" LÊN MỘT BƯỚC, CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969-1973)

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, TĂNG CƯỜNG CỦNG CỐ AN NINH, QUỐC PHÒNG

Sau thắng lợi của nhân dân ta trên hai miền Nam, Bắc, đế quốc Mỹ đã buộc phải "xuống thang"ngừng ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Paris.

Tuy buộc phải ngừng bắn phá miền Bắc nhưng đế quốc Mỹ không ngừng tăng cường các thủ đoạn phá hoại an ninh chính trị của miền Bắc và tăng cường độ chiến tranh ở miền Nam dưới một chiến lược chiến tranh mới "Việt Nam hóa chiến tranh".

Học thuyết "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn là sự kế tục hay nói đúng hơn là sự điều chỉnh chủ trương "phi Mỹ hóa chiến tranh của Giôn-xơn nhằm sử dụng sức

mạnh tối đa về quân sự kết hợp với những thủ đoạn chính trị và ngoại giao rất xảo quyệt hòng giành lại thế chủ động trên cả hai mặt trận quân sự và ngoại giao để cô lập, bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân ta, tạo điều kiện thuận lợi để đưa Mỹ thoát ra khỏi sự sa lầy trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" . Tuy nhiên, ngay từ những ngày đầu áp dụng chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, đế quốc Mỹ và tay sai đã gặp nhiều mâu thuẫn, không lối thoát, trong đó mâu thuẫn căn bản nhất vẫn là sự thiếu thống nhất trong nội bộ chính quyền Mỹ, sự phản ứng của nhân dân Mỹ và các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới, khối đoàn kết quốc tế với Việt Nam, nhất là trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa càng chặt chẽ khiến chính quyền Ních-xơn ngày càng bị cô lập và lúng túng [1].

Để bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ đòi hỏi hậu phương lớn miền Bắc phải nỗ lực gấp bội để tranh thủ thời cơ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế văn hóa, bảo vệ an ninh quốc phòng và tăng cường lực lượng cho cách mạng miền Nam.

Ngày 1 tháng 1 năm 1969 trong thư chúc Tết, Hồ Chủ tịch đã xác định phương hướng chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn trước mắt là "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

---

(1) Xem: Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. tr.8.

Đầu năm 1969 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp và ra nghị quyết về "tình hình và nhiệm vụ trước mắt" của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Nghị quyết đã phân tích sâu sắc những mâu thuẫn của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Thấy rõ những chỗ yếu trong việc tổ chức thực hiện ý đồ chiến lược của chúng; từ đó xác định nhiệm vụ cho quân và dân cả hai miền là phải tranh thủ mọi thời cơ, động viên mọi lực lượng tiến công mạnh mẽ phá tan mọi âm mưu của đế quốc Mỹ trên cả hai miền Nam - Bắc, làm phá sản âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh" của chúng[1].

Ngày 17 tháng 3 năm 1969, Tỉnh ủy Quảng Bình ra Nghị quyết 01/NQ-QB đánh giá tình hình 4 năm chống Mỹ cứu nước, đặc biệt là tình hình năm 1968 và phương hướng nhiệm vụ năm 1969[2]. Nghị quyết khẳng định thắng lợi của toàn Đảng, toàn dân cả nước nói chung và của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình trong 4 năm qua là rất to lớn và cơ bản. Thể hiện:

Bám sát các nhiệm vụ chính trị trọng tâm cách mạng để xây dựng Đảng vững mạnh làm nhân tố quyết định cho thắng lợi trên các lĩnh vực công tác khác.

Tổ chức và chỉ đạo thành công các phong trào cách mạng của quần chúng, đặc biệt là phong trào thi đua 2 giỏi và nhiều phong trào khác.

---

(1) Xem Nghị quyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng 4/1969.

(2) Nghị quyết 01/NQ-TU. Tài liệu đánh máy lưu trữ tại Tiểu ban Lịch sử Đảng - Tỉnh ủy Quảng Bình.

Biết kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức xây dựng hậu cần tại chỗ cho chiến tranh, vừa tổ chức đánh địch, đảm bảo giao thông vận tải và chi viện miền Nam.

Thành công có ý nghĩa cách mạng của quá trình lãnh đạo của Đảng bộ là biết kiên trì đường lối quần chúng để từ phong trào của quần chúng mà phát hiện, xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình, từ các điển hình phát triển thành các cuộc thi đua học tập và tiến dần thành phong trào thi đua rộng lớn.

Trong suốt quá trình lãnh đạo tổ chức sản xuất và chiến đấu luôn luôn chú trọng việc củng cố quan hệ sản xuất và tăng cường lực lượng sản xuất xã hội chủ nghĩa coi đó là điều kiện cơ bản đảm bảo cho thắng lợi của công cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Sau 4 năm chống Mỹ cứu nước, bên cạnh những thành công cơ bản, vẫn còn một số tồn tại.

Năng lực tổ chức quản lý kinh tế còn yếu.

Việc chỉ đạo xây dựng tổ chức Đảng trong điều kiện chiến tranh ác liệt vẫn còn lúng túng.

Phong trào thì rộng lớn nhưng việc tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm có lúc chưa kịp thời.

Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 1969 là: Động viên toàn Đảng, toàn dân tập trung sức phục vụ cho tiền tuyến lớn và chi viện cho chiến trường Trị - Thiên ruột thịt, đánh to thắng lớn. Tập trung sức nhanh chóng khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất phát triển văn hóa, ổn định đời sống nhân dân, quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1969. Nâng cao cảnh giác sẵn sàng

chiến đấu quyết tâm đập tan mọi âm mưu và hành động của đế quốc Mỹ, làm tốt công tác phục vụ chiến đấu. Tích cực điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch chuẩn bị điều kiện để tiến lên xây dựng tỉnh phát triển toàn diện. Tích cực giúp đỡ cách mạng Lào.

Thực hiện Nghị quyết 01/NQ-QB, trong năm 1969 Đảng bộ đã lãnh đạo triển khai mọi mặt công tác, trọng tâm tập trung vào mấy nhiệm vụ:

Công tác phục vụ tiền tuyến: Tỉnh ủy đã chủ trương đưa cơ quan chỉ huy quân sự và các đơn vị bộ đội địa phương luân phiên vào chiến đấu ở mặt trận.

"Đoàn Nhật Lệ" đã được thành lập huấn luyện và lên đường chiến đấu ở chiến trường Trị - Thiên.

Tiểu đoàn hỏa tuyến 505 được thành lập và lên đường phục vụ chiến trường B5.

Các đơn vị bộ đội địa phương như tiểu đoàn 45, 49, các đại đội 361, 362, 363, 365 đã trực tiếp tham gia chiến đấu tại chiến trường Trị - Thiên và lập nên nhiều chiến công vang dội ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, Quán Ngang, cao điểm 544, cao điểm 161. Trong năm 1969, các lực lượng của quân và dân Quảng Bình chiến đấu trên chiến trường Trị - Thiên đã tiêu diệt 1.800 tên địch, đa số là Mỹ, bắn rơi 11 máy bay, bắn cháy 25 xe bọc thép, phá hủy phương tiện chiến tranh khác, thu nhiều quân trang và quân dụng.

Tỉnh ủy đã lãnh đạo mở tuyến thống nhất nối liền Quảng Bình với Trị - Thiên tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ chi viện cách mạng miền Nam. Cùng với công tác phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu ở chiến trường miền Nam, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tích cực chi viện cách mạng

Lào. Nghị quyết số 01 (tháng 4 năm 1969) của Tỉnh ủy Quảng Bình đã xác định "Việc giúp đỡ cách mạng Lào không những là nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta mà còn có lợi ích trực tiếp đến chiến thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc".

Tỉnh ủy điều động 106 cán bộ là cấp ủy Đảng ở huyện, thị xã, cơ sở và một số cán bộ các ngành giúp bạn Lào xây dựng căn cứ kháng chiến, chỉ đạo đưa một số lực lượng vũ trang (tiểu đoàn 45, đại đội 361) phối hợp với quân và dân Sa-van-na-khẹt hợp đồng đánh địch thu nhiều thắng lợi.

Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân tranh thủ khôi phục và phát triển kinh tế. Trong nông nghiệp: Tập trung sức khôi phục diện tích canh tác bị chiến tranh tàn phá, san bằng hàng loạt hố bom, khôi phục 3.000 héc ta ruộng đất, đưa diện tích gieo trồng tăng hơn 1968 là 5,2%. Huy động 30% nhân lực tập trung cho công tác thủy lợi để chủ động tưới tiêu, khôi phục các công trình bị địch đánh phá, tập trung hàng vạn người cho các công trình trọng điểm (có lúc lên đến 3 vạn người), tăng diện tích tưới lên 3.000 héc ta.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có những chuyển biến tích cực, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng 22% so với cùng kỳ năm 1968, xấp xỉ bằng mức 1965.

Lĩnh vực xây dựng cơ bản phát triển mạnh, tăng 79% so với cùng kỳ năm 1968, nhờ vậy đã góp phần phục hồi và phát triển thêm một số cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế trong tỉnh.

Các lĩnh vực kinh tế khác như lâm nghiệp, thủy sản đều có chuyển biến cơ bản, khai thác gỗ tăng 26%, đáp ứng

được nhu cầu sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng và nhà ở nhân dân. Nghề cá đã tập trung khôi phục phương tiện, tăng cường đánh bắt, đưa sản lượng đánh bắt tăng 26,8% so với cùng kỳ năm 1968.

Về tổ chức đời sống: Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng tập trung đưa cuộc sống của 40 vạn nhân dân trong điều kiện phòng tránh chiến tranh trở lại cuộc sống bình thường. Toàn tỉnh làm mới và tu sửa 5 vạn nốc nhà, tổ chức nơi ăn chốn ở ổn định cho nhân dân từ thành thị đến nông thôn.

Chăm lo mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đưa con em K8 trở về đoàn tụ với gia đình, tổ chức hệ thống trường học từ mẫu giáo đến cấp III. Khôi phục hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng (khám và điều trị các di chứng tổn hại sức khỏe do chiến tranh cho 28 vạn người), chăm sóc các đối tượng chính sách xã hội và người có công với cách mạng, chú trọng tăng cường quan hệ sản xuất.

Tập trung lãnh đạo việc xây dựng hợp tác xã theo hướng xây dựng hợp tác xã quy mô vừa đảm bảo đủ khả năng về cơ sở vật chất để thực hiện cơ cấu sản xuất mới và phân công lao động hợp lý.

Tổ chức và xây dựng các hình thức chuyên môn hóa sản xuất.

Về tư tưởng chỉ đạo:

Năm 1968, là năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng, là năm đầu thực hiện sự chuyển hướng từ điều kiện chiến tranh sang thời kỳ tạm thời có hòa bình. Sự thay đổi đó không chỉ tác động sâu sắc lên tư tưởng, tinh thần mà còn làm thay đổi cơ bản cả phương thức lãnh đạo, chỉ đạo

của tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở. Vì vậy phải đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ mới.

Để ổn định tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, tiếp tục phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh, ngày 3 tháng 11 năm 1968 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước "Chúng ta đã đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó mới chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói "hòa bình, thương lượng" nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng"[1].

Đúng như nhận định của Hồ Chủ tịch, tuy đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc nhưng chúng vẫn thường xuyên tổ chức nhiều phi vụ trinh sát khắp các địa bàn miền Bắc và tập kích nhiều căn cứ quân sự và tuyến giao thông chiến lược của ta.

Quảng Bình là vị trí chiến lược, trực tiếp với chiến trường nên cường độ trinh sát và tập kích của đế quốc Mỹ càng cao. Do vậy, mặc dù trên miền Bắc có ngừng bắn nhưng Quảng Bình vẫn trong tình trạng vừa có chiến tranh, vừa có hòa bình.

Thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tháng 11 năm 1968 Tỉnh ủy đã họp để đánh giá diễn biến tình hình và đề ra nhiệm vụ kịp thời để lãnh đạo nhân dân tranh thủ điều kiện thuận lợi của việc ngừng bắn để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, tăng cường cảnh giác, bảo vệ an ninh chính trị và chi

---

(1) Hồ Chí Minh. Toàn tập. NXB Sự thật H. 1989. Tr.10. Tr.732



Nhân dân xã Cự Nẫm, huyện Bố Trạch, Quảng Bình trong chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu khi có máy bay Mỹ đến bắn phá.

Ảnh tư liệu

viện miền Nam. Nghị quyết chỉ rõ: "Chúng ta tuyệt đối không xả hơi, nghỉ ngơi, hưởng lạc để xây dựng quê hương giàu có trong khi miền Nam còn phải tiếp tục cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt, còn phải sống hết sức gian khổ". Nghị quyết khẳng định "Quảng Bình là tiền tuyến của hậu phương lớn, do đó chúng ta phải quán triệt một cách sâu sắc là dù trong tình huống nào nhiệm vụ của tỉnh ta vẫn rất nặng nề..."[1].

Nghị quyết đã đề ra hai nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ này là:

Trong điều kiện tạm thời ngừng bắn, không lơ là cảnh giác, tiếp tục chuẩn bị mọi khả năng để đánh thắng mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai.

Tranh thủ cao nhất trong điều kiện tạm thời hòa bình để tăng cường chỉ đạo công tác sản xuất, đảm bảo đời sống, khôi phục kinh tế và mọi hoạt động sản xuất theo hướng tăng cường tiềm lực để sẵn sàng đánh thắng đế quốc Mỹ và chi viện chiến trường.

Để cổ vũ phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang, kịp thời biểu dương những tấm gương điển hình trong lao động, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tiếp tục tiến lên làm tròn sứ mệnh của tuyến lửa anh hùng, ngày 21 tháng 2 năm 1969 Tỉnh ủy Quảng Bình đã tổ chức "hội nghị tổng kết phong trào "thi đua hai giỏi" là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt từ diễn đàn của Hội nghị, một lần nữa cán bộ đảng viên, quần chúng nhân dân và lực

---

(1) Nghị quyết 07/NQ-TU của Tỉnh ủy Quảng Bình ngày 13 tháng 11 năm 1968.

lượng vũ trang có dịp nhìn nhận lại những tháng ngày chiến đấu lao động sản xuất và chi viện chiến trường trong những hoàn cảnh vô cùng ác liệt, vô cùng khó khăn gian khổ, thử thách và hy sinh. Từ trong điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh càng tỏ rõ phẩm chất cao quý của những người cộng sản và quần chúng cách mạng. Qua hội nghị, một lần nữa chứng minh được tinh thần tận tụy vì sự nghiệp cách mạng, vì nhân dân của các thế hệ đảng viên cộng sản và quần chúng, thể hiện lòng tin tuyệt đối của nhân dân vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Nhiều tấm gương tiêu biểu trong lao động, chiến đấu và phục vụ chiến đấu đã được xây dựng thành báo cáo điển hình để học tập trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Sau hội nghị, "phong trào thi đua hai giỏi" có thêm không khí mới và được phát huy mạnh mẽ hơn nữa trong thời kỳ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Ngay từ đầu năm 1969, các cơ sở sản xuất công nghiệp đã bắt đầu chuyển sang chế độ làm việc mới. Trong điều kiện tạm thời có hòa bình, các cấp ủy Đảng đã tranh thủ ổn định hệ thống sản xuất, trang bị thêm một số thiết bị máy móc để nâng cao hiệu suất lao động. Hiện tượng lãng phí thời gian lao động do phải tổ chức phòng tránh trong chiến tranh đã được chấm dứt. Hầu hết các xí nghiệp quốc doanh đều đạt bình quân lao động từ 23 đến 25 ngày công trong tháng. Nhiều đơn vị như công trường 080, xí nghiệp ô tô A3, xí nghiệp cơ khí 3/2, xí nghiệp phà Bắc, công ty xây dựng thủy lợi, nông trường Đại Phong, lâm trường Ba Rền.v.v... đã hoàn thành vượt mức từ 110 đến 120% kế hoạch Nhà nước. Nhiều đơn vị sản xuất đã tranh thủ điều

kiện ngừng bắn để thu mua nguyên, vật liệu tích lũy cho sản xuất lâu dài, đề phòng tình huống chiến tranh có thể xảy ra.

Các phong trào thi đua do tổ chức Đảng trực tiếp phát động hoặc chỉ đạo các đơn vị và tổ chức Công đoàn phát động như phong trào "nổi trống đầu xuân ra quân thắng Mỹ", phong trào "sáng kiến, góp công, dốc lòng hiến kế", nhiều danh hiệu như "kiện tướng", "dũng sĩ" trong lao động sản xuất đã được cán bộ đảng viên và quần chúng hưởng ứng và xây dựng thành mục tiêu phấn đấu của bản thân.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo phong trào "lấp hố bom sản xuất và thâm canh", phong trào thi đua áp dụng khoa học kỹ thuật tăng năng suất và sản lượng. Chỉ trong một thời gian ngắn, các hợp tác xã nông nghiệp đã được tổ chức lại tập trung hơn tránh được tình trạng phân tán manh mún do chiến tranh. Năm 1969 sản lượng lúa đạt tới trên 59.000 tấn, bằng mức năm 1964.

Lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp cũng đã được củng cố lại, kế hoạch lâm sản chủ yếu tập trung vào các sản phẩm phục vụ kịp thời cho việc khôi phục sản xuất sau chiến tranh như gỗ làm cầu, làm công xưởng, một số đưa vào chế biến phục vụ dân sinh.

Ngành Thủy sản đã kịp củng cố các hợp tác xã đánh bắt thủy sản: Trong điều kiện có chiến tranh, nhiều đơn vị thuộc ngành thủy sản đã phải chuyển hướng sử dụng tàu thuyền phục vụ giao thông vận tải. Từ đầu năm 1969 Tỉnh ủy đã chỉ đạo các hợp tác xã ở Bảo Ninh, Nhân Trạch, Quang Phú, Ngư Thủy củng cố lại tổ chức, sửa chữa phục hồi tàu thuyền và ngư cụ để ra khơi đánh bắt.

Trên lĩnh vực văn hóa xã hội, Tỉnh ủy đã có chủ trương cho ngành giáo dục có kế hoạch chuyển hướng trường và lớp sang giảng dạy ban ngày và tập trung, nhưng phải có phương án phòng tránh khi có tình huống chiến tranh xảy ra. Hoạt động y tế, văn hóa cũng được chuyển sang hình thái mới, có cơ sở tập trung, năng lực phục vụ rộng hơn. Cơ sở vật chất cũng được tăng cường một bước.

Nghị quyết hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy (họp từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 8 năm 1969) đã xác định: Để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hoàn thành nhiệm vụ chính trị, phải xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt: Tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, kinh tế, kiến thức khoa học kỹ thuật.

Nhờ có tổ chức Đảng vững mạnh toàn diện nên các chủ trương của Trung ương Đảng, của cấp ủy Đảng địa phương đã quán triệt kịp thời đến tận cơ sở và có điều kiện đi vào cuộc sống.

Mặc dù từ chiến tranh ác liệt chuyển sang thời kỳ tạm thời có hòa bình nhưng cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân vẫn không có diễn biến tư tưởng "xả hơi", giảm sút ý chí và tinh thần cách mạng. Tranh thủ điều kiện ngừng bắn, các cấp ủy Đảng đã phát động quần chúng tiến quân vào sản xuất, ổn định đời sống, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục mạch máu giao thông vận tải. Chính trong thời gian này phong trào thi đua lao động sản xuất, tự túc lương thực và chi viện cho miền Nam đã làm nảy sinh nhiều điển hình mới mà nòng cốt cho các phong trào vẫn là lực lượng đảng viên.

Vào thời điểm phong trào thi đua yêu nước trong tỉnh đang phát triển mạnh mẽ và có những sắc diện mới thì cũng

là thời kỳ Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ốm nặng. Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình theo dõi sát sao và lo lắng diễn biến sức khỏe của Bác Hồ. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong Tỉnh ủy cũng đã được Trung ương Đảng thông tin đầy đủ về tình trạng sức khỏe của Bác. Mặc dù đã được toàn Đảng, toàn dân quan tâm, được Trung ương Đảng và các giáo sư, bác sĩ tận tình chăm sóc nhưng do tuổi cao và bệnh nặng Bác đã từ trần ngày 2/9/1969.

Tin Bác Hồ qua đời đã gây niềm thương đau và xúc động mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân tỉnh Quảng Bình. Đảng bộ Quảng Bình đã cử đoàn cán bộ đại diện cho toàn Đảng bộ, toàn dân và lực lượng vũ trang Quảng Bình ra Hà Nội viếng Bác và dự lễ truy điệu trọng thể do Ban chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức.

Ở Quảng Bình, khắp nơi từ thành thị đến nông thôn, từ cơ quan đến trường học, từ nhà máy, xí nghiệp đến các đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức Đảng, tổ chức chính quyền gồm quần chúng đã tổ chức lễ truy điệu Bác. Các cơ quan, công sở, các đơn vị quân đội và công an đã lập bàn thờ tưởng niệm Bác. Trong các gia đình bên cạnh bàn thờ tổ tiên, nhân dân đã lập thêm bàn thờ Bác với tấm ảnh Bác Hồ để tặng nhân dân Quảng Bình.

Nhân dịp này, Tỉnh ủy Quảng Bình đã phát động đảng viên, quần chúng nhân dân biến đau thương thành hành động cách mạng, phát huy tinh thần và khí thế phong trào thi đua hai giỏi, tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ mới.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng trong tỉnh đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt học tập Di chúc

Chủ tịch Hồ Chí Minh, 5 lời thề trong điếu văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng đọc trong lễ truy điệu Người tại quảng trường Ba Đình ngày 9/9/1969. Khắp nơi trong tỉnh dấy lên phong trào thi đua đỉnh cao. Các tổ chức Đảng trong lực lượng công nhân viên chức đã lãnh đạo tổ chức chuyên môn và công đoàn chấn chỉnh nề nếp làm việc, phát động công nhân viên chức phấn đấu đạt bình quân 25 ngày công/tháng trong cả năm. Đặc biệt trong một số ngành công thương nghiệp địa phương đã dấy lên phong trào "xuất tướng ra quân giành 3 đỉnh cao thắng Mỹ". Trong giai cấp nông dân đã tiếp tục phong trào "lấp hố bom sản xuất", tranh thủ hàn gắn viết thương chiến tranh để tăng diện tích sản xuất và tăng năng suất lao động.

Ngoài lao động sản xuất tại chỗ, cán bộ công nhân viên chức và quần chúng lao động còn hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, tranh thủ chi viện cao nhất cho chiến trường miền Nam và chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện để đối phó với những diễn biến mới của kẻ thù.

Qua gần 1 năm sau ngày tạm thời ngừng bắn, Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo nhân dân kịp thời chuyển hướng tổ chức sản xuất, đời sống và chi viện chiến trường phù hợp với diễn biến tình hình và yêu cầu nhiệm vụ trước mắt. Đời sống nhân dân không những tương đối ổn định mà còn đủ điều kiện cơ bản để bám trụ sản xuất và chiến đấu trong tình huống chiến tranh có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Có thể nói năm 1969 đánh dấu một bước quan trọng trong chuyển hướng lãnh đạo công cuộc khôi phục kinh tế ổn định đời sống, tạo tiền đề để thúc đẩy phát triển kinh tế trong những năm sau.

Cùng với những kết quả trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, Đảng bộ Quảng Bình đã tạo ra được những chuyển biến về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức Đảng, đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

Để tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trên mặt trận sản xuất, đầu năm 1970 Trung ương Đảng phát động "cuộc vận động lao động sản xuất" trên toàn miền Bắc. Mục tiêu cuộc vận động là nhằm động viên mọi lực lượng lao động sản xuất trong toàn xã hội, đảm bảo mọi người làm việc và lao động sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả, nhằm tăng nhanh sản phẩm xã hội, khôi phục và phát triển kinh tế, cải thiện từng bước đời sống nhân dân[1].

Tháng 3 năm 1970, Bộ Chính trị lại mở tiếp cuộc vận động "phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc[2]. Liên tiếp hai cuộc vận động sản xuất đã tác động mạnh mẽ đến mặt trận sản xuất nông nghiệp ở Quảng Bình.

Tháng 3 năm 1970, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã họp mở rộng, triển khai cuộc vận động đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp do Trung ương phát động. Tỉnh ủy đã chọn một số hợp tác xã có phong trào tốt như Đại Phong, Xuân Trung, Phúc Lý... để tập trung đánh giá, rút kinh nghiệm chỉ đạo và nhân rộng điển hình trong toàn tỉnh.

---

(1), (2) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. T.II. NXB Chính trị Quốc gia 1995. Tr.461.

Thực hiện chủ trương của Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ty nông nghiệp xem xét điều động một loạt kỹ sư và cán bộ ngành nông nghiệp có kinh nghiệm công tác lâu năm đưa về cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nông dân để chỉ đạo các hợp tác xã cải tiến lề lối làm việc, cải tiến quản lý, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nhất là việc di thực lai tạo giống lúa mới, bảo vệ thực vật, phát triển chăn nuôi.

Trên cơ sở những kết quả thu được, ngày 15 tháng 6 năm 1970, Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết 01/NQ-QB đánh giá tình hình năm 1969 và vạch phương hướng tiếp tục tập trung lực lượng đẩy mạnh mọi mặt kinh tế, xã hội và bảo vệ an ninh trong những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Tiếp tục khôi phục và đẩy mạnh một bước phát triển kinh tế là 4 tấn thóc, 7 tấn màu, 3 đầu gia súc trên một héc ta. Phấn đấu đạt 12 vạn tấn lương thực và bình quân đạt 16 kg/người/tháng.

Dành một lực lượng lao động thích đáng để xây dựng cơ sở hạ tầng cơ sở cho nông nghiệp, đặc biệt tập trung hoàn thành dứt điểm các công trình khoanh vùng và thủy lợi nhỏ, giao thông nông thôn.

Ra sức khôi phục và phát triển công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp. Trong đó chú trọng ổn định, củng cố và mở rộng từng bước quy mô của các xí nghiệp địa phương và tập trung cao nhất cho việc phát triển tiểu thủ công nghiệp. Mục tiêu là tổ chức sản xuất tại chỗ và cung ứng hàng tiêu dùng kịp thời cho nhân dân, nhất là nông dân.

Tăng cường khai thác và chế biến thủy sản phương châm là ra sức cải tiến và tận dụng khai thác nghề lộng,

từng bước phát triển nghề khơi, đẩy mạnh cả hai lực lượng quốc doanh và hợp tác xã. Tập trung khả năng tăng cường thêm cơ sở vật chất (lưới thuyền, ngư cụ khác) cho việc đánh bắt thủy sản.

Đi đôi phát triển kinh tế, quan tâm hơn nữa đến đời sống nhân dân, làm tốt hơn nữa công tác tổ chức đời sống để nâng cao một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.(1)

Để lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và củng cố an ninh quốc phòng, Tỉnh ủy đã tổ chức nhiều phiên họp để đánh giá tình hình và có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Đặc biệt vào giữa năm 1970, Thường vụ Tỉnh ủy có phiên họp chuyên đề về xây dựng và phát triển công nghiệp đã thể hiện một cách nhìn toàn diện của cấp ủy Đảng.

Nghị quyết của Tỉnh ủy đã đánh giá:

Trong 4 năm chiến tranh, thực hiện đường lối xây dựng và phát triển kinh tế địa phương của Trung ương Đảng, trên cơ sở tự lực cánh sinh, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương và các Bộ, ngành, Quảng Bình đã xây dựng và duy trì sản xuất của các đơn vị công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp.

Trong năm 1970 toàn tỉnh có 27 xí nghiệp địa phương (quốc doanh) và 39 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp duy trì hoạt động và có hiệu quả.

---

(1) Tài liệu lưu trữ Tiểu ban NCLS Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình tập Nghị quyết 1968-1972.

Sản xuất 45 loại mặt hàng chủ yếu có thể cung cấp tại chỗ cho nhu cầu sản xuất và đời sống. Công nghiệp đã lắp ráp 263 điểm cơ khí phục vụ nông nghiệp.

Nghị quyết đã xác định nội dung nhiệm vụ chủ yếu của các lĩnh vực công nghiệp trong tỉnh. Trong đó:

Ngành cơ khí: Sắp xếp lại một bước cơ cấu ngành để nâng cao năng lực sản xuất (sát nhập xí nghiệp cơ khí 3/2 với 2/9, tăng cường thiết bị cho các xí nghiệp A3, mở rộng sản xuất của một số xí nghiệp nông cụ, xây dựng mới xí nghiệp lắp ráp tàu thuyền cho nghề cá và giao thông vận tải.

Ngành điện lực: Chú trọng phát triển các trạm và mạng điện phục vụ nông nghiệp và các khu tiểu thủ công nghiệp.

Ngành vật liệu xây dựng: Khôi phục các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chủ yếu là gạch, ngói và gỗ để cung ứng cho nhu cầu xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi đặc biệt là cung ứng cho nhân dân trong việc xây dựng hệ thống phòng trách khi giặc Mỹ đánh phá..

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trong năm 1970 và đầu năm 1971, các ngành các địa phương đã tập trung mọi khả năng đẩy nhanh các mặt kinh tế - xã hội để sớm ổn định đời sống và có bước chuẩn bị để sẵn sàng đối phó với chiến tranh phong tỏa của địch.

Lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực được tập trung chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Nhờ quán triệt đầy đủ tinh thần và chủ trương của Trung ương trong các đợt vận động đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nhờ có những chủ trương và biện pháp sát đúng với thực tế Quảng Bình nên chỉ một thời gian không đầy hai năm sau chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ,

nông nghiệp Quảng Bình đã nhanh chóng phục hồi và có tăng trưởng. Chỉ riêng trong năm 1970 toàn tỉnh đã tích cực khai hoang, phục hóa, san lấp hố bom, đưa 67.000 ha vào gieo trồng, đưa tổng diện tích gieo trồng cây lương thực lên bằng mức năm đầu chiến tranh (1965). Năng suất lúa bình quân một vụ đạt tới 15 tạ/ha, tăng hơn năm 1964 tới 25%, sản lượng lúa năm 1970 đạt 68.200 xấp xỉ mức trước chiến tranh[1].

Trong thời gian này, tuy đế quốc Mỹ tạm ngừng bắn phá miền Bắc, chấp nhận "xuống thang" nhưng đối với địa bàn Quảng Bình địch vẫn tăng cường khiêu khích và đánh phá ngăn chặn của các tuyến chi viện cho miền Nam. Trong những tháng đầu năm 1970 địch thường xuyên cho máy bay do thám vùng dọc biên giới Quảng Bình - Khăm muộn, đánh phá các điểm hiểm yếu trên tuyến đường 20, cửa khẩu Cha Lo, đánh uy hiếp các làng bản dọc các tuyến vận tải và cho tàu chiến uy hiếp vùng biển. Không lơ là cảnh giác trước mọi âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, Hội nghị lần thứ 18 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách phải tăng cường sức mạnh và hiệu lực chiến đấu của 3 thứ quân.

Tháng 5/1970 Quân ủy Trung ương đã ra Nghị quyết nêu rõ: để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới cần phải tăng cường công tác quân sự địa phương xây dựng các tỉnh, thành phố vững mạnh cả về kinh tế và quân sự, trở thành đơn vị chiến lược cơ bản của chiến tranh nhân dân.

---

(1) Theo tư liệu Tình hình phát triển kinh tế văn hóa Quảng Bình 18 năm. Chi cục Thống kê Quảng Bình ấn hành 1973.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 18 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Quân ủy Trung ương, ngày 15 tháng 6 năm 1970 Tỉnh ủy Quảng Bình đã họp Hội nghị đánh giá tình hình năm 1969 và 6 tháng đầu năm 1970. Nghị quyết tháng 6/1970 của Tỉnh ủy đã nhấn mạnh phải tiếp tục khôi phục kinh tế, tạo ra những chuyển biến lớn trong sản xuất, đồng thời phải luôn đề cao cảnh giác, tăng cường bảo vệ trị an, đập tan mọi âm mưu của kẻ thù và tiếp tục chi viện cao nhất cho chiến trường.

Đồng thời với việc chấn chỉnh và phát huy sức mạnh lực lượng quân sự địa phương và tổ chức chi viện chiến trường.

Có thể nói, năm 1970 là năm Quảng Bình đã đạt được sự ổn định cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng và làm tốt công tác chi viện chiến trường. Chính đây là điều kiện quan trọng để Tỉnh ủy Quảng Bình tiếp tục chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân Quảng Bình tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, làm tiền đề phát huy phong trào thi đua "hai giỏi" trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng, trên cơ sở phân tích diễn biến chính trị và nhiệm vụ kinh tế của tỉnh trong tình hình mới, ngày 19 tháng 12 năm 1970, Tỉnh ủy đã ra chỉ thị nêu rõ, nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất để chuẩn bị lực lượng sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi hành động phiêu lưu của đế quốc Mỹ.

Đầu năm 1971, chính quyền Ních- xơn quyết định cùng một lúc mở 3 hướng tấn công trên các hành lang chiến

lược đánh sang vùng giải phóng Căm-pu-chia, vùng biên giới Tây Nguyên và đặc biệt là đường 9 Nam Lào.

Nắm được ý đồ của địch, Trung ương Đảng hạ quyết tâm chiến lược mở chiến dịch phản công đánh địch trên cả ba mặt trận.

Để làm hậu thuẫn trực tiếp cho chiến trường, hơn lúc nào hết, Quảng Bình phải tranh thủ mọi điều kiện đẩy mạnh mọi mặt sản xuất và đời sống, tạo ra khả năng toàn diện cả về kinh tế và quốc phòng để đủ điều kiện bám trụ vững vàng khi diễn biến chiến tranh có thể xảy ra. Ngày 27 tháng 5 năm 1971 Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã ra Nghị quyết số 08-NQ/QB về công tác phân vùng và quy hoạch sản xuất nông nghiệp. Nghị quyết đã phân tích diễn biến tình hình chính trị ba nước Đông Dương, nhất là diễn biến quân sự khu vực Trị Thiên tiếp giáp với Quảng Bình sẽ có tác động trực tiếp đến mọi mặt kinh tế - xã hội của tỉnh. Yêu cầu đặt ra là phải nhanh chóng phát huy các khả năng hiện có để phát triển kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp toàn diện để khi chiến tranh xảy ra lần nữa thì Quảng Bình có đủ khả năng vừa chiến đấu vừa tự tổ chức tốt đời sống.

Nhờ có chủ trương đúng đắn và chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, trong hai năm 1970-1971 toàn tỉnh đã gieo trồng được 46.714 ha, đạt 90,5% kế hoạch, diện tích cây công nghiệp đạt 4.117 ha.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn thiếu thốn về vật tư, nguyên liệu, phân bón... nhưng năng suất lúa vẫn đạt 17,34 tạ/ha (đạt cao nhất từ 1960 đến nay). Một số hợp tác xã như Cự Nẫm, Đại Phong đạt từ 26 đến 30 tạ/ha.

Một số giống mới và tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng. Nhiều địa phương triển khai đại trà nhiều giống lúa ngắn ngày để tăng năng suất, và sản lượng.

Các loại cây công nghiệp, đặc biệt là các loại cây có hiệu quả kinh tế cao đã được khoanh vùng chuyên môn hóa. Diện tích lạc đạt 3.500 ha năng suất 8-9 tạ/ha, sản lượng 3.000 tấn, thuốc lá đạt 250 tấn, mở rộng diện tích cói lên 200 ha...

Chăn nuôi: Phát triển một bước chăn nuôi toàn diện, chú trọng cả trâu bò, lợn, gia cầm vừa phát triển chăn nuôi tập thể hợp tác xã, vừa phát triển chăn nuôi hộ gia đình.

Trong công nghiệp và giao thông vận tải: Giá trị tổng sản lượng 1971, đạt 48 triệu đồng (thời giá 1970).

Các ngành công nghiệp địa phương chuyển hướng tập trung sản xuất hàng cung ứng cho nông nghiệp, cung cấp trên 17 chủng loại hàng hóa là nông cụ, trên 20 mặt hàng tiêu dùng và phát triển sửa chữa công cụ cho nông dân.

Giao thông vận tải thi công hoàn thành 60 cầu cống lớn nhỏ, khôi phục các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ bị bom đạn tàn phá, làm mới trên 30km đường liên huyện.

Lâm nghiệp: Là lĩnh vực được tỉnh chú trọng chỉ đạo kết hợp chặt chẽ 3 mặt cân đối là khai thác - bảo vệ - tái sinh rừng.

Năm 1971 toàn tỉnh đã khai thác 6 vạn m^3 trong đó 700m^3 gỗ thuyền phục vụ giao thông và thủy sản. Các lâm sản khác cũng được chú trọng khai thác như mây soong 4.000.000 mét, mây chẻ 200 tấn, mây tắt 150 tấn, lá nón, nứa, dược liệu.v.v...

Trong lĩnh vực thủy sản: Sau chiến tranh, tỉnh đã chỉ đạo tập trung khôi phục phương tiện đánh bắt và phát triển theo hướng đi từ thủ công, quy mô nhỏ, chủ động phát triển nghề lộng và tăng dần phương tiện cơ giới để phát triển nghề khơi. Sản lượng đánh bắt đạt 2.200 tấn.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội đều phát triển. Các chính sách xã hội và hậu phương quân đội đã được quan tâm giải quyết.

Các cấp ủy Đảng đã chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh và vận động nhân dân hỗ trợ lẫn nhau trên tinh thần "lá lành đùm lá rách" để sửa chữa, khôi phục và làm mới hàng vạn nhà ở của dân bị chiến tranh tàn phá. Chính quyền các cấp đã thực hiện chính sách trợ cấp cho gần 5.000 hộ gia đình có con em đang chiến đấu và công tác tại chiến trường B và C.

Hệ thống y tế, giáo dục được tăng cường một bước, hàng nghìn cơ sở y tế cấp xã được khôi phục lại. Hệ thống y tế cấp xã được củng cố để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phục vụ khi có tình huống mới xảy ra. Hệ thống trường học (nhất là giáo dục cấp 1) được mở rộng và đưa dần về quy mô liên thôn để tạo điều kiện cho con em đến trường và thuận lợi trong việc tổ chức phong trào bảo vệ khi có tình huống chiến tranh xảy ra.

Hoạt động văn hóa thông tin chuyển hướng kịp thời công tác tuyên truyền và văn hóa văn nghệ phục vụ nhiệm vụ" về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

Đi đôi với tổ chức sản xuất, ổn định đời sống và chi viện chiến trường, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các tổ chức Đảng

trong tỉnh bám sát các nhiệm vụ sản xuất, tổ chức đời sống và chi viện chiến trường để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các chi bộ Đảng và đảng viên. Trước hết Tỉnh ủy đã nghiêm túc đánh giá công tác lãnh đạo nhiệm vụ chính trị của Tỉnh ủy. Qua phân tích kết quả triển khai trong thực tiễn, Hội nghị Tỉnh ủy họp ngày 20/7/1971 đã chỉ rõ bên cạnh mặt thành công còn nhiều mặt hạn chế cần kịp thời rút kinh nghiệm mới có thể nâng cao vai trò và sức chiến đấu của Đảng. Nghị quyết tháng 7/1971 của Tỉnh ủy đã chỉ rõ: Các mặt tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đảng còn nặng hình thức, chưa cụ thể, chưa dựa vào tổ chức Đảng và đảng viên ở cơ sở làm nòng cốt để triển khai Nghị quyết. Do đó trong thực hiện Nghị quyết đã vấp phải khuyết điểm chủ quan, các giải pháp tổ chức thực hiện chưa sát đúng tình hình từng nơi, từng lúc. Nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương, nhiều công việc có đảng viên còn bàng quan, thiếu trách nhiệm.

Từ sự phân tích như vậy, Tỉnh ủy đã tổ chức rà soát chất lượng đảng viên, giáo dục nâng cao trình độ nhận thức và trình độ chuyên môn, nhất là chuyên môn quản lý kinh tế. Thông qua thực tiễn các tổ chức Đảng đã bồi dưỡng nhân tố mới để phát triển đảng viên, nhất là trong lực lượng trẻ và lực lượng có trình độ chuyên môn, văn hóa. Từ sau đợt kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, công tác phát triển Đảng có chất lượng hơn và thường xuyên hơn.

Có thể nói, trong chiến tranh thử thách đối với tổ chức Đảng, cán bộ và đảng viên là ở tinh thần dũng cảm kiên định bám trụ tổ chức cho quần chúng sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu thắng lợi, bất luận tình huống chiến tranh

ác liệt đến mức độ nào thì trong những năm 1969-1970 trách nhiệm của tổ chức Đảng và đảng viên lại được thử thách trong những điều kiện mới, đó là hiệu quả kinh tế - xã hội của công tác lãnh đạo và chỉ đạo.

Nhận thức sâu sắc vấn đề đó, Hội nghị Tỉnh ủy tháng 12/1970 đã đề ra phương châm xây dựng Đảng là phải từ thực tế nhu cầu kinh tế - xã hội để củng cố hệ thống tổ chức Đảng, phân công đảng viên phụ trách các mũi nhọn kinh tế - xã hội (như các đơn vị kỹ thuật trong hợp tác xã, các đội công trình, các khu vực trọng điểm). Nhờ vậy trong mọi tình huống của sản xuất và đời sống luôn luôn hiện diện tổ chức Đảng để có phán quyết cuối cùng. Tính chủ động sáng tạo của đảng viên dần dần được nâng lên. Một số đảng viên trong chiến tranh có tư tưởng dao động, chạy dài, trốn tránh những công việc khó khăn, gian khổ và có thể hy sinh đã được các tổ chức Đảng cơ sở giáo dục, động viên và bố trí thử thách rèn luyện trong điều kiện mới.

Thành công cơ bản của công tác xây dựng Đảng là đã tạo ra được cơ sở quan trọng để duy trì khí thế của phong trào thi đua "hai giỏi" trong điều kiện tạm thời có hòa bình, là cầu nối để khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh leo thang phá hoại miền Bắc lần thứ hai thì phong trào này lại được đẩy lên một đỉnh cao mới.

Từ sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom miền Bắc, nhiệm vụ chính trị cơ bản không thay đổi nhưng chuyển hướng sang một hình thái mới. Trong điều kiện đó, Tỉnh ủy đã có chủ trương đúng đắn kịp thời chuyển hướng các công tác từ thời chiến sang giai đoạn tạm thời có hòa bình, tập trung mọi khả năng để vừa khôi phục kinh tế, ổn định đời sống, giải quyết tốt các chính sách xã hội, không ngừng

củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường một bước lực lượng sản xuất.

Trong một thời gian ngắn từ năm 1969 đến năm 1971, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Quảng Bình đã đạt được một số thành tựu quan trọng.

Nông nghiệp là lĩnh vực được quan tâm hàng đầu. Trong nông nghiệp, nhân dân Quảng Bình vừa tích cực san lấp hố bom, khai hoang, phục hóa để khôi phục diện tích sản xuất, vừa đầu tư áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nhất là việc phát triển các giống mới có năng suất cao, đã thu được thành công, sản lượng lương thực tăng.

Công nghiệp địa phương được chú trọng, tạo ra khả năng cung ứng tại chỗ một số nhu cầu đời sống nhân dân và mở ra khả năng phát triển lâu dài.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội đều được củng cố lại và phát triển.

Thành công cơ bản của Đảng bộ Quảng Bình trong những năm 1969, 1970, 1971 là đã khôi phục và ổn định kinh tế, đời sống của nhân dân sau chiến tranh và đặc biệt là giữ vững được khí thế của phong trào thi đua "hai giỏi" và đưa phong trào này lên thành đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh chống Mỹ ở khu vực "tuyến lửa".

Những kết quả trên là tiền đề rất quan trọng để Đảng bộ nhân dân Quảng Bình có thể đứng vững và tiến lên giành thắng lợi quyết định trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN QUẢNG BÌNH KIÊN CƯỜNG CHIẾN ĐẤU GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ, TIẾP TỤC CHI VIỆN CAO NHẤT CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM

Xác định vị trí là tuyến đầu của miền Bắc, hậu phương trực tiếp của miền Nam nên tuy giặc Mỹ đã xuống thang chiến tranh, tuyên bố ngừng đánh phá miền Bắc nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình vẫn bám sát các nhiệm vụ chính trị, thực hiện xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình.

Giữa lúc này, tình hình trên chiến trường miền Nam nhất là chiến trường Trị - Thiên có nhiều diễn biến phức tạp.

Sau thất bại trong mùa xuân năm Mậu Thân (1968) đế quốc Mỹ tăng cường các chiến dịch càn quét để giành lại những vùng đất đã mất và tạo sức ép đối với vùng giải phóng.

Sau các đợt tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trong dịp Tết Mậu Thân - 1968, Mỹ ngụy điên cuồng phản kích, phá hoại các cơ sở cách mạng trong nội thành, một số cơ sở ở nông thôn bị lộ, một số lực lượng quân sự và các căn cứ kháng chiến bị tổn thất chưa có điều kiện bổ sung.

Tại khu vực Trị - Thiên, đế quốc Mỹ và tay sai tổ chức lực lượng càn quét để giành lại thế đứng ở nông thôn, cô lập vùng giải phóng và âm mưu chặn đứng chi viện của miền Bắc tại vùng này.

Trước tình hình đó, Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 4/1969 đề ra chủ trương cho quân và dân ta tăng

cường lực lượng về mọi mặt, tiến lên đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn mới của đế quốc Mỹ.

Để tăng cường phương tiện và lực lượng quân sự cho chiến trường đủ mạnh để mở các đợt tấn công lớn, tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường vào dịp đầu Xuân 1969, nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải và chi viện tiền tuyến luôn luôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu của các địa phương trên miền Bắc, nhất là các tỉnh ở vùng tuyến lửa khu IV cũ.

Nhận thức sâu sắc trách nhiệm trọng đại đó, ngay từ sau đế quốc Mỹ ngừng bắn phá miền Bắc Tỉnh ủy Quảng Bình luôn luôn đặt nhiệm vụ chi viện cho chiến trường phải là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

Song song với việc chỉ đạo phát triển sản xuất, đảm bảo đời sống nhân dân, củng cố an ninh quốc phòng trên địa bàn, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy địa phương và các ban ngành củng cố lại hệ thống các tuyến chi viện đã từng phát huy hiệu quả tốt trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ. Chính quyền các cấp trong tỉnh, các đoàn thể xã hội và lực lượng vũ trang địa phương đã tổ chức lại lực lượng, quán triệt tinh thần và yêu cầu nhiệm vụ mới, phát động khí thế toàn dân làm công tác đảm bảo giao thông và xây dựng mạng lưới giao thông nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, tranh thủ mọi điều kiện và huy động mọi khả năng tiếp tục chi viện cho chiến trường miền Nam đánh to, thắng lớn. Đáp lời kêu gọi của quân dân Trị Thiên ruột thịt, Tỉnh ủy Quảng Bình ra Nghị quyết 07/NQ-QB và ra nhiều chỉ thị chỉ

đạo công tác chi viện cho Trị - Thiên và miền Nam, đỉnh cao là chiến dịch VT5[1].

Chiến dịch VT5 là một sự kiện lịch sử hết sức quan trọng thể hiện ý chí, tinh thần quyết tâm và tình cảm thiêng liêng mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình dành cho miền Nam nói chung và Trị - Thiên nói riêng, là chiến dịch có quy mô lớn nhất, bao trùm tất cả các tuyến vận tải cả đường bộ lẫn đường thủy nối dài từ Hà Tĩnh vào chiến trường Trị - Thiên.

Chiến dịch VT5 đã huy động sự tham gia đông đảo của tất các các lực lượng từ bộ đội chính quy, các lực lượng bộ đội địa phương, thanh niên xung phong, các lực lượng dân công, cán bộ công nhân viên chức, dân quân tự vệ và nhân dân các địa phương.

Chiến dịch VT5 cũng là chiến dịch đầu tiên huy động nhiều phương tiện tham gia bao gồm các phương tiện đường thủy, đường bộ, bến cảng, kho tàng và sử dụng cả nhà ở nhân dân để làm kho chứa hàng hóa cho chiến dịch.

VT5 là chiến dịch vận tải do Trung ương tổ chức chỉ đạo nhưng Quảng Bình là địa bàn có ý nghĩa quyết định thành công của chiến dịch nên thường xuyên nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chính phủ, đặc biệt là của "Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương". Đồng chí Đỗ Mười - Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch "Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương" đã mật điện cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình: "Kế hoạch vận tải VT5

---

(1) VT5 là mật danh chiến dịch vận tải mang tên "Vận tải tranh thủ tụt thang".

sẽ đưa vào Quảng Bình 12 vạn tấn hàng hóa để chuyển vào chiến trường, phải làm cho tốt. Ngoài phương tiện đường bộ, đường thủy Trung ương đưa vào, Nhà nước sẽ huy động thêm nhiều tàu hải quân vào tham gia chiến dịch"[1].

Bộ Giao thông vận tải chi viện cho Quảng Bình đội tàu "Giải phóng" (70 tấn/chiếc), sà lan B_3, B_7 (800 tấn/chiếc), tàu quân sự, tàu "tăng kít"(50 tấn/chiếc) và đoàn sà lan quân sự Hồng Hà. Một số phương tiện vận tải của Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa... cũng đã được huy động vào Quảng Bình[2].

Trước nhiệm vụ nặng nề mà Trung ương Đảng và Chính phủ giao cho Quảng Bình, Tỉnh ủy Quảng Bình đã tăng cường lực lượng cán bộ lãnh đạo các ngành kế hoạch, bưu điện, lương thực, thương nghiệp... bổ sung vào Ban chỉ đậo đảm bảo giao thông của tỉnh và phối hợp với đoàn cán bộ Hội đồng chi viện Trung ương do đồng chí Đặng Thạc (Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương) và đồng chí Dương Bạch Liên (Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải) để triển khai chiến dịch.

Trong toàn bộ chiến dịch, Quảng Bình đã chuyển vào chiến trường 13,2 vạn tấn hàng hóa, huy động hơn 6 vạn ngày công để tham gia giải phóng đường sá, bến bãi, tháo gỡ bom mìn, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng hóa.

Để thông đường, thông tuyến, thông bãi và giải phóng hàng cho chiến dịch, Tỉnh ủy đã chỉ đạo lực lượng vũ trang của tỉnh thành lập các đội xung kích rà phá thủy lôi, bom, mìn do đế quốc Mỹ ném xuống để phong tỏa và ngăn chặn

---

(1), (2) Theo Lịch sử Giao thông vận tải Quảng Bình. NXB Giao thông vận tải. 1999. Tr.221.

giao thông vận tải của ta trong chiến tranh. Sau một thời gian ngắn, các đơn vị đặc biệt phụ trách rà phá bom mìn thủy lôi như đội 73 Tỉnh đội Quảng Bình, tiểu đoàn công binh Quân khu IV, tiểu đoàn công bình Hải quân phối hợp chặt chẽ với dân quân tự vệ các địa phương đã thông đường an toàn 4 tuyến đường bộ số 1A và 15A, đường 12 và đường 20, thông tuyến đường sông Nhật Lệ và sông Gianh, đảm bảo an toàn cho các bãi tập kết hàng ở cửa Gianh, Roòn, cửa Nhật Lệ, Quán Hàu, Long Đại, Quảng Thuận, Quảng Trường.

Ngày 01 tháng 11 năm 1968 chiến dịch vận tải VT5 được Trung ương Đảng và Chính phủ phát lệnh ra quân.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, Tỉnh ủy Quảng Bình đã huy động hằng vạn cán bộ công nhân, viên chức, học sinh, các cơ quan, xí nghiệp, các lực lượng dân quân tự vệ và nhân dân các địa phương nhất loạt hưởng ứng, lên đường phục vụ chiến dịch. Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo các địa phương có tuyến vận tải đi qua, có các khu vực bến bãi trung chuyển và tập kết hàng hóa phải thành lập Ban chỉ huy chiến dịch của địa phương mình để cùng với Ban chỉ huy chiến dịch của Tỉnh và Trung ương hợp đồng chặt chẽ trong tổ chức, chỉ huy điều chuyển lực lượng.

Nhân dân khắp nơi trong tỉnh đã tình nguyện đem, các phương tiện vận tải hiện có của tập thể và cá nhân tham gia chiến dịch. Không khí chiến dịch VT5 ở các điểm trung chuyển và bốc dỡ hàng như cảng Gianh, cảng Nhật Lệ, Quán Hàu, Long Đại, Hiền Ninh, Tân Ninh, Duy Ninh, Hàm Ninh, Quảng Thuận, Quảng Phúc, Quảng Trường, Thanh Trạch... rộn ràng như ngày hội.

Nhờ sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, nhờ biết phát động quần chúng nên từ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh nhân dân ta đã tiếp tục khơi dậy tinh thần thi đua yêu nước, sẵn sàng xả thân hy sinh để phá bom, mở đường và tổ chức có hiệu quả chiến dịch vận tải.

Trong 3 tháng thực hiện chiến dịch, tỉnh Quảng Bình đã huy động 6 vạn ngày công của các lực lượng cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân lao động, huy động hàng nghìn phương tiện vận tải của các đơn vị và của nhân dân trong tỉnh để chuyển giao 13,2 nghìn tấn hàng vào tiền tuyến, vượt chỉ tiêu Trung ương giao cho hơn 10 nghìn tấn.[1]

Sau chiến dịch VT5 ngành giao thông vận tải tiếp tục hoàn thiện các công trình trọng điểm trên tuyến và trục đường giao thông vận tải để đảm bảo thường xuyên thông tuyến.

Trong quý I năm 1970 các lực lượng vận tải tiếp tục đưa vào chiến trường 24.485 tấn hàng hóa và xay xát hơn 5.000 tấn thóc để cung ứng cho các lực lượng trên đường vào chiến trường.

Chỉ trong 9 tháng đầu năm 1970 toàn tỉnh đã tiếp nhận 107.700 tấn hàng hóa để chuyển vào chiến trường 56.360 tấn hàng. Một khối lượng lớn hàng hóa đã được gửi vào trong dân để bảo quản.

Ngay từ sau ngày Mỹ ngừng ném bom miền Bắc, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích sâu sắc âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và tay sai, thường xuyên chỉ đạo các ngành, các địa phương trong cả

---

(1) Theo Lịch sử Giao thông vận tải Quảng Bình. Sách đã dẫn. Tr.225

nước nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Trước sự phát triển của cục diện chính trị và quân sự ở hai miền Nam- Bắc cũng như sự phát triển mới của tình hình Lào và Căm-pu-chia, ngày 19 tháng 6 năm 1970 Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về "tình hình mới trên bán đảo Đông Dương và nhiệm vụ mới của chúng ta". Trên cơ sở phân tích toàn diện so sánh lực lượng giữa ta và địch, vạch rõ âm mưu mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ ở Đông Dương và nhận định về bước phát triển mới của phong trào cách mạng ba nước Đông Dương, Nghị quyết của Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chung cho cách mạng cả nước là: "Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cả hai miền Nam - Bắc nước ta, tăng cường khối đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, làm cho lực lượng của ba nước trở thành một khối thống nhất, có một chiến lược chung, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến cứu nước của nhân dân ba nước chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai"(1).

Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6 năm 1970 có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định sự tiến triển của phong trào cách mạng không chỉ trên tầm chiến lược mà còn làm chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện tình hình ở mọi miền đất nước.

Nghị quyết hội nghị tháng 6 năm 1970 của Bộ Chính trị đến với Quảng Bình giữa lúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Quảng Bình đang dấy lên phong trào thi đua phấn

---

(1) Theo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tập II. NXB Chính trị quốc gia.1995. Tr.489.

đấu thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 5 lời thề của Ban chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc trong buổi lễ truy điệu Người ngày 9/9/1969 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong dịp vào thăm Quảng Bình đầu năm 1970.

Trước những chuyển biến lớn lao về diễn biến chính trị trong nước và khu vực Đông Dương, các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình đã bắt đầu được điều chỉnh cho thích ứng với tình hình.

Một mặt, Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo phát triển sản xuất và chăm lo đời sống, mặt khác gấp rút chuẩn bị các phương án sẵn sàng đối phó trong tình huống có chiến tranh và tổ chức hợp đồng chi viện các chiến trường.

Trên mặt trận kinh tế, từ đầu năm 1971, Tỉnh ủy đã soát xét lại lực lượng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn để có phương án sắp xếp tinh gọn, hiệu quả và có khả năng cơ động nhanh trong thời chiến. Từ 28 xí nghiệp công nghiệp địa phương được xây dựng trước và trong chiến tranh, trong đó có xí nghiệp được xây dựng cấp tốc để cung ứng kịp thời nhu cầu đời sống cho nhân dân, Tỉnh ủy đã chủ trương giải thể bớt 6 xí nghiệp không còn phù hợp trong hoàn cảnh mới, chuyển lực lượng lao động này sang nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải và chi viện chiến trường. Trong số 33 xí nghiệp công nghiệp địa phương còn lại, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cơ quan quản lý các cấp sát nhập một số đơn vị cùng chức năng và tổ chức hướng dẫn cho các đơn vị lập phương án dự phòng khi có diễn biến thất thường, xây dựng các tuyến tổ chức sản xuất theo chiều sâu.

Đối với 33 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, Tỉnh ủy chủ trương duy trì tổ chức cũng như các phương án sản xuất vốn có nhưng điều chỉnh một số mặt hàng trực tiếp phục vụ đời sống dân sinh mà các xí nghiệp công nghiệp địa phương không có điều kiện tổ chức sản xuất.

Đi đôi với việc chỉ đạo điều chỉnh các ngành sản xuất công nghiệp, trên lĩnh vực nông lâm thủy sản Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo mở rộng diện tích sản xuất và đầu tư giống mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất và sản lượng, tạo ra khả năng tự túc và tích luỹ lương thực để sẵn sàng đối phó với chiến tranh ác liệt có thể xảy ra. Tuy nhiên do có điều chỉnh lực lượng lao động và do phải huy động một lực lượng lớn thanh niên nhập ngũ hoặc lên đường phục vụ công tác đảm bảo giao thông, chi viện các chiến dịch, nên tổng diện tích gieo trồng lương thực năm 1971 có giảm sút so với năm 1970 (đạt gần 67.000 ha), nhưng sản lượng lương thực nhất là sản lượng lúa so với những năm mới ngừng bắn vẫn tăng đáng kể (đạt 63 nghìn tấn, tăng 15% so với năm 1968)[1].

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và công tác xã hội khác đã được Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng phương án sẵn sàng đối phó với chiến tranh. Từ hình thức xây dựng các đội tuyên truyền văn hóa tập trung của các huyện và thị xã trước đây, ngành Văn hóa đã đưa cán bộ nghiệp vụ về cơ sở để xây dựng lực lượng tuyên truyền xung kích ngay trong từng đơn vị sản xuất, các xí nghiệp và các hợp tác xã nên khi chiến tranh xảy ra, các lực lượng này có thể trực tiếp phục vụ tuyên truyền ngay tại chỗ. Phong trào "tiếng hát át

---

(1) Theo Tình hình phát triển kinh tế, văn hóa 18 năm của Quảng Bình. Chi cục Thống kê Quảng Bình xuất bản. Tr.179.

tiếng bọm" lại được tiếp nối phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất, chiến đấu và chi viện chiến trường.

Giữa lúc này, tình hình chiến sự ở miền Nam, đặc biệt là ở Trị - Thiên diễn ra rất ác liệt. Để tiếp tục mở rộng chiến tranh ra ba nước Đông Dương, tổng thống Mỹ Ních- xơn cùng một lúc mở nhiều cuộc tiến công trên các hành lang chiến lược: Cuộc hành quân "toàn thắng 01-71 - Công-pong-chàm - Krachiê" đánh sang đông bắc Căm-pu-chia, cuộc hành quân "Quang Trung 4" đánh lên Tây Nguyên và cuộc hành quân "Lam Sơn 719" đánh ra đường số 9 Nam Lào. Đế quốc Mỹ cho rằng đường 9 Nam Lào là mục tiêu có tầm chiến lược có thể phá vỡ "trung tâm hệ thống hậu cần chiến lược" của lực lượng quân giải phóng. Nếu cuộc hành quân "Lam Sơn 719" thành công có thể "bóp nghẹt từ cuống họng" đường chi viện sống còn của lực lượng cách mạng từ gốc, làm cho chiến trường bị suy giảm tiềm lực.

Việc đế quốc Mỹ mở chiến dịch tấn công lớn vào hành lang đường 9 Nam Lào là trực tiếp đánh vào khu vực có ý nghĩa quyết định cho toàn tuyến chi viện chiến trường và đặt nhân dân cả nước, nhất là nhân dân vùng tuyến lửa Quảng Bình, Vĩnh Linh và Trị - Thiên một thử thách mới. Đế quốc Mỹ muốn dùng chiến dịch này làm thước đo quyết tâm và khả năng quân sự của miền Bắc, đồng thời tập dượt cho quân Mỹ đương đầu với lực lượng quân giải phóng để thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"

Dự kiến đúng âm mưu và ý đồ chiến lược của đế quốc Mỹ, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6/1970 đã chỉ thị cho các chiến trường tập trung mọi khả năng đập tan mọi kế hoạch của Ních - xơn. Ngày 25/6/1970 Bộ Chính trị thành lập

"Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương" là cơ quan trực thuộc Chính phủ do đồng chí Đỗ Mười làm Chủ tịch.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tư lệnh đã tập trung một lực lượng lớn cho chiến dịch gồm 5 sư đoàn bộ binh, 26 tiểu đoàn, trung đoàn binh chủng hợp thành và các lực lượng tại chỗ của Trị - Thiên với quyết tâm đánh thắng "trận có ý nghĩa chiến lược" của quân và dân ta.

Cục diện chiến trường miền Nam, đặc biệt là việc tập trung lực lượng chủ lực của ta ở đường 9 Nam Lào và khu vực Trị - Thiên để chuẩn bị cho chiến dịch quân sự đập tan âm mưu của Mỹ và tay sai trong chiến dịch "Lam Sơn 719" đòi hỏi phải tăng cường khẩn cấp một khối lượng lớn phương tiện quân sự và hậu cần cho chiến dịch. Tình hình đó đặt ra cho vùng đất lửa Quảng Bình nhiệm vụ nặng nề là phải đảm bảo vận chuyển hàng chi viện của miền Bắc qua vùng tuyến lửa để đưa vào chiến trường miền an toàn, đồng thời huy động chính lực lượng quân sự của Quảng Bình tăng cường chi viện trực tiếp cho chiến trường Trị - Thiên.

Trước những bước phiêu lưu quân sự mới của đế quốc Mỹ, ngày 19 tháng 6 năm 1970 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp đánh giá diễn biến tình hình và quyết định một số chủ trương lớn để chủ động đối phó với địch, tiến lên giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn nhất. Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6 năm 1970 khẳng định: "Miền Bắc nước ta không những là hậu phương của tiền tuyến lớn miền Nam mà còn là hậu phương chung của cả các nước Lào và Căm-pu-chia"[(1)].

---

(1) Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975. Những sự kiện quân sự, Viện Lịch sử quân sự - Bộ Quốc phòng. XB. 1988. Tr.238.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6 năm 1970, trong tháng 7 năm 1970, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Bình xác định nhiệm vụ "Tập trung lực lượng phục vụ cao nhất cho tiền tuyến lớn" coi đó là "nhiệm vụ hàng đầu, bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải làm tốt".

Thực hiện nhiệm vụ Tỉnh ủy đề ra, các lực lượng chi viện của Quảng Bình đã lên đường vào chi viện miền Nam.

Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Ban chỉ huy lực lượng công an vũ trang của tỉnh đã chọn 110 cán bộ chiến sĩ có quá trình thử thách, dày dạn kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm cao đưa vào chi viện cho chiến trường Trị-Thiên. Các địa phương trong tỉnh cũng đã cử 383 thanh niên vào làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu ở mặt trận B5. Tiểu đoàn dân công hỏa tuyến số 72 sau khi hoàn thành nhiệm vụ phục vụ chiến đấu trên mặt trận B4 đã tình nguyện ở lại để phục vụ chiến dịch.[1].

Cùng với các lực lượng phục vụ chiến đấu Tỉnh ủy đã chỉ thị cho Tỉnh đội Quảng Bình xin ý kiến Bộ chỉ huy tiền phương cử 3 tiểu đoàn bộ đội địa phương số 45, 46 và 49, 3 đại đội 361 (Lệ Thủy), 362 (Quảng Ninh), 365 (Quảng Trạch) lên đường hành quân vào mặt trận đường 9 hợp đồng tác chiến với các đơn vị chủ lực của mặt trận.

Từ đầu tháng 4 năm 1969 các lực lượng quân sự của Quảng Bình chi viện cho chiến trường Trị - Thiên đã bước vào chiến đấu. Tuy những lực lượng này được huy động vào chiến trường, đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh mặt trận nhưng ngay từ quá trình chuẩn bị cho các lực lượng

---

(1) Theo thông báo số 09 của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình.

lên đường, Tỉnh ủy Quảng Bình đã chăm lo công tác tổ chức, xác định trọng trách cho các cán bộ Đảng trực tiếp chỉ huy, động viên và phát huy vai trò cán bộ đảng viên trong lực lượng nên hầu hết cán bộ chiến sĩ đều yên tâm, phấn khởi nhận nhiệm vụ. Trong quá trình chiến đấu ở chiến trường, Tỉnh ủy luôn luôn theo dõi, động viên và thông báo tình hình địa phương cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị biết để động viên tư tưởng. Mặt khác, Tỉnh ủy cùng kịp thời thông báo cho toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh biết những chiến công oanh liệt của các lực lượng quân sự và các đơn vị phục vụ chiến đấu trên các chiến trường để khích lệ phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

Các lực lượng do Quảng Bình gửi vào mặt trận đã chiến đấu vô cùng dũng cảm trên các mặt trận ở "tứ giác Cồn Tiên - cao điểm 544 - Dốc Miếu - Quán Ngang", cao điểm 805, phía bắc động Cô Ha, cao điểm 161 (đồi Con Thỏ) và nhiều điểm khác trên chiến trường Trị - Thiên.

Tính đến giữa năm 1969 các đơn vị vũ trang Quảng Bình đã tổ chức hàng chục trận đánh tại chiến trường Trị - Thiên, tiêu diệt trên 1200 quân Mỹ-ngụy, bắn cháy 10 máy bay, nhiều xe tăng, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai[1].

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vũ trang trực tiếp chiến đấu, các lực lượng phục vụ chiến đấu do Quảng Bình gửi vào chiến trường bao gồm các tiểu đoàn dân công hỏa tuyến, thanh niên xung phong của các huyện và thị xã, đơn

---

(1) Theo Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước 1954- 1975 Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ chỉ huy quân sự Quảng Bình. XB.1994. Tr.230.

vị dân công hỏa tuyến của lực lượng cán bộ công nhân viên chức đã dũng cảm xông xáo bám sát bộ đội để vừa phục vụ hậu cần cho chiến đấu và trực tiếp chiến đấu.

Sau mỗi chiến dịch, Tỉnh ủy Quảng Bình đã tổ chức đánh giá, tổng kết, rút ra những kinh nghiệm trong việc tổ chức chỉ huy đưa lực lượng của Quảng Bình vào chiến trường trực tiếp chiến đấu. Nhờ vậy mà liên tục trong những năm 1970, 1971, 1972 các đơn vị của Quảng Bình tiếp tục thực hiện phương châm "ăn cơm Bắc, đánh giặc Nam", tổ chức được nhiều đợt chi viện có hiệu quả được Bộ chỉ huy mặt trận tiền phương và nhân dân Trị - Thiên đánh giá cao. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành và trực tiếp là Tỉnh đội Quảng Bình động viên khen thưởng kịp thời, tiếp tục bổ sung lực lượng, tăng cường phương tiện và động viên tinh thần, tư tưởng để tiếp tục những đợt chi viện mới.

Bước sang năm 1972, để tiếp tục giữ vững thế chủ động trên chiến trường, đáp lời kêu gọi của Bộ Tư lệnh chiến dịch, Tỉnh ủy Quảng Bình đã chỉ đạo thành lập đơn vị vũ trang Quảng Bình lấy từ 3 đại đội chủ công của các tiểu đoàn 45, 46, 49, đặt tên là "Đoàn Quảng Bình" tham gia chiến đấu ở chiến trường Trị - Thiên trong đội hình của Đoàn 32. Đồng thời Tỉnh đội Quảng Bình cũng đã huy động 3 đại đội bộ binh và 3 trung đội công binh gồm 407 chiến sĩ được huấn luyện khẩn cấp sẵn sàng lên đường chi viện khi có mệnh lệnh. Ngoài lực lượng trực tiếp tham gia chiến đấu, Tỉnh ủy đã chỉ đạo huy động các địa phương hơn 4000 dân công hỏa tuyến theo sát bộ đội phục vụ chiến đấu.

Khi thị xã Quảng Trị mới được giải phóng, Tỉnh ủy đã huy động 169 cán bộ chiến sĩ công an nhân dân vũ trang lên

đường vào giúp Quảng Trị tiếp quản vùng mới giải phóng. Đồng thời chỉ đạo cấp ủy các địa phương ở Lệ Thủy tiếp đón 3654 đồng bào Quảng Trị ra sơ tán, sắp xếp nơi ăn chốn ở, ổn định tư tưởng và đời sống cho đồng bào. Tỉnh đã thành lập Ban K15 chuyên trách công tác đón tiếp đồng bào vùng mới giải phóng ở miền Nam tạm ổn định ăn ở, sinh sống tại Quảng Bình để chờ ngày trở về tiếp quản quê hương.

Hoạt động chi viện cho chiến trường, đặc biệt là các đơn vị của Quảng Bình trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến trường Trị - Thiên đã để lại ấn tượng sâu sắc trong quân và dân miền Nam nói chung và trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, thể hiện đầy đủ trọng trách và tình cảm gắn bó giữa vùng tuyến lửa Quảng Bình với chiến trường Trị - Thiên ruột thịt.

Song song với việc đưa lực lượng vào chiến trường phục vụ chiến đấu và trực tiếp đánh địch tuyến chi viện chiến trường trên đất Quảng Bình đã được chỉ đạo triển khai hết sức khẩn trương và tổ chức rất chặt chẽ.

Nhiệm vụ chi viện chiến trường được hình thành trên 4 tuyến chủ yếu.

Thứ nhất đó là tuyến giao thông nhân dân. Với tinh thần yêu nước và ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đã tích cực và tự nguyện làm nhiệm vụ chi viện chiến trường. Mạng lưới đảm bảo an toàn giao thông chỉ hình thành trên các trục, các tuyến vận tải chiến lược mà hình thành khắp nơi trong nông thôn. Nhà dân trở thành kho tàng, làng xóm thành bến bãi, khắp nơi đều có các tổ đội đảm bảo an toàn giao thông và tình

nguyện làm công tác chi viện chiến trường đã trở thành nổi tiếng như Gianh, Quán Hàu, Cự Nẫm, Thanh Khê, Võ Xá, Mỹ Đức...

Thứ hai là tuyến chi viện miền Nam và Trị - Thiên do các lực lượng thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, lực lượng này bao gồm cả thanh niên nông thôn, thành thị và cán bộ công nhân viên chức Nhà nước. Lực lượng này tham gia theo từng đợt, từng chiến dịch nhưng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng chiến dịch.

Thứ ba là lực lượng thường xuyên làm tốt công tác đảm bảo giao thông. Lực lượng này đã được hình thành suốt thời kỳ chiến tranh phá hoại, đã bám trụ kiên cường trên các trọng điểm giao thông vận tải, luôn luôn đảm bảo cho mạch máu giao thông thông suốt.

Thứ tư là các lực lượng quốc phòng phối hợp làm công tác đảm bảo giao thông vận tải.

Chính nhờ quán triệt sâu sắc vị trí Quảng Bình là tuyến đầu của hậu phương lớn và là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam và Trị - Thiên ruột thịt cho nên Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo nhân dân quyết tâm đảm bảo tuyến chi viện chiến lược cho cách mạng miền Nam, cung ứng kịp thời cho chiến trường Trị - Thiên đánh to thắng lớn.

Khi đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc lần thứ hai thì nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải, đảm bảo tuyến chi viện cho chiến trường càng quan trọng hơn bao giờ hết.

Nghị quyết XII của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình xác định "Nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải trở thành nhiệm vụ đột xuất số một của toàn Đảng, toàn dân, toàn

quân ta. Mặt trận giao thông vận tải đã trở thành mặt trận chiến đấu quyết liệt hàng ngày, hàng giờ giữa ta và địch và sẽ ngày càng quyết liệt hơn cho đến khi chiến tranh kết thúc thắng lợi".

Để tổ chức triển khai công tác đảm bảo giao thông vận tải đáp ứng yêu cầu Nghị quyết XII, Tỉnh ủy đã kiện toàn và tăng cường Ban chấp hành đảm bảo giao thông vận tải, phân công đồng chí Cổ Kim Thành, Phó bí thư Tỉnh ủy làm trưởng ban.

Lực lượng đảm bảo giao thông vận tải được tổ chức chặt chẽ và đủ sức mạnh để đáp ứng yêu cầu chi viện cho chiến trường. Để đảm bảo giao thông vận tải, lực lượng dân quân tự vệ được sử dụng làm nòng cốt. Cùng với lực lượng chủ yếu gồm công nhân giao thông vận tải chuyên nghiệp của Ty giao thông vận tải, công trường 71 Ban 67. Lực lượng này được chia thành nhiều cung, đoạn, trạm đảm bảo giao thông vận tải và lực lượng thường trực làm công tác chi viện. Lực lượng vũ trang hoạt động trên địa bàn có nhiệm vụ đánh địch đảm bảo giao thông vận tải.

Chiến dịch giao thông vận tải chi viện chiến trường trọng điểm ở Hòn La.

Hòn La là một cù lao nhỏ nằm gần sát bờ biển phía đông nam Đèo Ngang có điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi cho việc cập các tàu lớn chuyển tải hàng hóa cho khu vực tuyến lửa. Trung ương Đảng cử đồng chí Đỗ Mười, Phó thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng chi viện tiền tuyến, trực tiếp vào làm việc với Tỉnh ủy Quảng Bình để tổ chức chiến dịch.

Nhằm chuẩn bị cho chiến dịch thành công, Tỉnh ủy đã triển khai công tác xây dựng lực lượng, thành lập các tuyến và trạm bốc dỡ. Đồng thời theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Tỉnh đội Quảng Bình đã tổ chức triển khai lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chiến dịch.

Để phối hợp hành động của tất cả các lực lượng, Tỉnh ủy đã thành lập "Ban chỉ đạo R1", chỉ đạo lực lượng nòng cốt là quân dân, hai huyện Quảng Trạch và Bố Trạch làm mạng lưới chuyển tải và tập kết hàng trên bờ để tiếp nhận toàn bộ hàng hóa do lực lượng quân sự và giao thông vận tải chuyên nghiệp bốc dỡ từ tàu vận tải "Hồng Kỳ" (Trung Quốc).

Do có sự tổ chức chỉ đạo chặt chẽ nên qua 8 tháng thực hiện chiến dịch trong điều kiện vô cùng ác liệt, khó khăn gian khổ và không ít hy sinh, tổn thất, quân và dân ta đã chuyển tải thành công 21000 tấn hàng hóa lên đất Quảng Bình để tiếp tục đưa vào chiến trường.

Có thể nói đây là chiến dịch lớn nhất, tập trung nhất và ác liệt nhất. Thắng lợi của chiến dịch thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Quảng Bình trước nhiệm vụ do Trung ương Đảng và Chính phủ giao phó. Thắng lợi đó còn là kết quả của sự chỉ đạo chặt chẽ, có kế hoạch cụ thể, có quyết tâm cao và cùng thể hiện tinh thần xả thân vì nhiệm vụ của hàng nghìn cán bộ, đảng viên, bộ đội và quần chúng nhân dân.

Cùng với tuyến chuyển tải KHR1 (Hòn La) 4 tuyến vận tải chi viện khác cũng được hình thành để phối hợp triển khai đưa hàng hóa về nơi tập kết an toàn và tiếp tục tổ chức những tuyến vận tải mới, đưa hàng vào Nam.

Tuyến R2 vận chuyển cơ giới từ đường 22B xuống Quảng Trường sang Nam Gianh.

Tuyến R3 từ Kỳ Thượng xuống Minh Cầm có sự tham gia của 200 thanh niên xung phong đội Cù Chính Lan (Nghệ An).

Tuyến R4 vận tải theo tuyến đường goòng từ Chu Lễ (Hà Tĩnh) vào Đò Vàng và đến Lệ Sơn.

Trong 4 tuyến chuyển tải, đã huy động 4000 bộ đội, công nhân, dân quân tự vệ trực tiếp tham gia bốc dỡ và chuyển tải hàng hóa chi viện chiến trường.

Sau khi đế quốc Mỹ lật lọng tráo trở tại Hội nghị Paris, ngày 26 tháng 10 năm 1972, Chính phủ ta ra tuyên bố kêu gọi quân và dân cả nước tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn, Tỉnh ủy Quảng Bình đã họp và tiếp tục khẳng định "Mặt trận giao thông vận tải và "nhiệm vụ trọng tâm số 1" của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh (NQ 14), đồng thời phát động toàn dân thực hiện khẩu hiệu hành động "đường có tắc nhưng lòng không tắc".

Theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, Tỉnh ủy Quảng Bình đã thành lập Ban cán sự đảm bảo giao thông vận tải (gồm đồng chí Phan Khắc Hy, Trần Sự, Lại Văn Ly).

Thực hiện nhiệm vụ đảm bảo giao thông trong điều kiện chiến tranh ngày càng trở nên ác liệt, Tỉnh ủy Quảng Bình đã phối hợp với các lực lượng Trung ương trên địa bàn xây dựng nhiều tuyến vận tải, mở đường mới, tuyến mới, khắc phục kịp thời các sự cố cầu đường, làm cầu phụ, đường ngầm tránh.

Các tuyến vận tải Long Đại - Đá Mài - Xuân Sơn, Ngân Sơn - Đồng Hới, Nam Long - Mỹ Đức, Kỳ Lạc - Trooc, Ba Rền - Bến Tiến - Đường 10.v.v... đã được thiết lập với sự tham gia của gần 1 vạn thanh niên xung phong của các tỉnh bạn và bộ đội sư đoàn 571.

Các công trường đảm bảo giao thông vận tải như Quyết Thắng, công trường 12A, công trường 050, đội thanh niên xung phong 759, công ty vận tải ô tô, hợp tác xã vận tải thủy Cảnh Dương, Lý Hòa, Hồng Vân, Thanh Khê, Bình Minh, các bến phà Gianh, Long Đại, Xuân Sơn là những điểm nóng ác liệt nhưng mạch máu giao thông chi viện chiến trường vẫn thường xuyên thông suốt.

Mặt trận đảm bảo giao thông vận tải, chi viện cho chiến trường trong thời kỳ 1969 - 1972, hết sức quyết liệt nhưng nhờ nắm vững và quán triệt sâu sắc chủ trương của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và Chính phủ, Tỉnh ủy Quảng Bình luôn luôn coi nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, bất luận tình huống nào cũng phải chỉ đạo thực hiện thành công nhiệm vụ Trung ương giao cho, đồng thời phải đảm bảo ổn định đời sống nhân dân đứng vững trong mọi tình huống.

Nhờ nhận thức như vậy nên Tỉnh ủy Quảng Bình luôn luôn gắn chặt 3 nhiệm vụ: sản xuất, chiến đấu và bảo đảm giao thông vận tải chi viện cho chiến trường. Trong điều kiện tạm thời có hòa bình, Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo nhân dân một mặt tiếp tục chi viện cho chiến trường đánh to thắng lớn, mặt khác tranh thủ đầu tư sức người sức của khôi

phục, củng cố và xây dựng mới các cơ sở hạ tầng đảm bảo giao thông vận tải . Nhờ vậy khi giặc Mỹ leo thang đánh phá trở lại miền Bắc thì các lực lượng và phương tiện đảm bảo giao thông vận tải chi viện chiến trường đã trong tư thế sẵn sàng.

Trong suốt thời kỳ tạm ngừng bắn từ năm 1969 đến năm 1972 cục diện chiến tranh có thay đổi nhưng Đảng bộ Quảng Bình vẫn duy trì tốt nhịp độ hoạt động chi viện chiến trường.

Thành công cơ bản của Đảng bộ Quảng Bình trên mặt trận đảm bảo an toàn giao thông chi viện chiến trường là ở chỗ biết dựa vào dân, xây dựng lực lượng đảm bảo an toàn giao thông toàn dân, toàn dân tự nguyện làm công tác đảm bảo an toàn giao thông và chi viện chiến trường với tình cảm thiêng liêng đối với miền Nam và Trị - Thiên ruột thịt.

Những thắng lợi của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình trên mặt trận đảm bảo giao thông thể hiện thành công của Đảng bộ trong việc biết kết hợp, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng quần chúng nhân dân địa phương với các lực lượng Trung ương làm công tác đảm bảo giao thông vận tải và chi viện chiến trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Trên trận tuyến đảm bảo giao thông và chi viện chiến trường hiện diện đầy đủ các lực lượng trọng yếu của xã hội trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước như bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, cán bộ công nhân viên chức, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến và các lực lượng quần chúng nhân dân.

Thắng lợi trên mặt trận giao thông vận tải và chi viện chiến trường thể hiện cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần xả thân vì nước của nhân dân Quảng Bình.

Trong quá trình làm công tác đảm bảo giao thông chi viện chiến trường, kể cả trong thời gian kẻ thù xuống thang hay tạm ngừng bắn phá miền Bắc thì các chiến sĩ làm nhiệm vụ đảm bảo giao thông chi viện chiến trường vẫn luôn luôn đối mặt với những hy sinh. Cái chết luôn luôn rình rập bên cạnh giữa lúc chiến tranh tạm lắng. Thế nhưng để hoàn thành nhiệm vụ phục vụ chiến trường, các chiến sĩ làm công tác đảm bảo giao thông vận tải không chỉ đổ mồ hôi mà còn đổ máu. Khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ hai, mặt trận đảm bảo giao thông vận tải chi viện chiến trường thực sự là một cuộc chiến đấu giành giật giữa ta và địch một mất một còn.

Kết quả thu được trên mặt trận giao thông vận tải chi viện chiến trường thể hiện thành công của Đảng bộ Quảng Bình trong việc vận dụng đường lối của miền Bắc và hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam.

Đồng thời với việc phải tranh thủ mọi điều kiện để khôi phục, phát triển sản xuất và đảm bảo giao thông vận tải chi viện chiến trường, Đảng bộ Quảng Bình luôn luôn tập trung cao nhất cho việc xây dựng tiềm lực, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đánh thắng tại chỗ, mọi phiêu lưu quân sự của đế quốc Mỹ trên đất Quảng Bình.

Sau thắng lợi quan trọng của nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc mùa xuân năm 1968, đế quốc Mỹ đã buộc phải thay đổi thủ đoạn chiến tranh và đơn phương tuyên bố chấm dứt không điều kiện các cuộc ném bom và mọi hoạt động

chiến tranh chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thế nhưng chỉ một ngày sau khi tuyên bố chấm dứt các hoạt động chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đế quốc Mỹ đã thực hiện hàng loạt các vụ trinh sát, thăm dò và thậm chí còn trực tiếp đánh phá nhiều nơi trong tỉnh Quảng Bình.

Trước tình hình đó ngay từ cuối năm 1968 Tỉnh uỷ Quảng Bình đã kịp thời chỉ đạo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác sẵn sàng đập tan mọi phiêu lưu quân sự của Mỹ và tay sai

Phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, với quyết tâm lớn quân và dân Quảng Bình đã được chuẩn bị sẵn sàng về tư tưởng, sẵn sàng đánh trả và giành thắng lợi ngay từ trận đầu.

Cuối năm 1968 đế quốc Mỹ càng tăng cường trinh sát và bất ngờ tập kích nhiều nơi, cho tàu chiến áp sát vùng biển của ta để uy hiếp và ngăn chặn các hoạt động chi viện chiến trường của quân và dân ta.

Các hoạt động chiến tranh tâm lý cũng diễn ra ngày càng phức tạp. Chúng đã dùng nhiều phương tiện và hình thức phối hợp giữa tuyên truyền tâm lý và đột nhập quân sự như: Rải truyền đơn xuyên tạc đe dọa; cho biệt kích thâm nhập...; tung tin thất thiệt để gây rối loạn xã hội, đánh lừa dư luận.

Giữa lúc tình hình đang có những diễn biến mới, để kịp thời động viên quân và dân toàn tỉnh tiếp tục cuộc chiến đấu kiên cường, quyết đập tan mọi âm mưu và hành động phiêu lưu quân sự mới của Mỹ và tay sai, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ trương mở hội nghị tổng kết 4 năm và Đại hội tổng kết phong trào thi đua hai giỏi.

Đại hội hai giỏi là một sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa to lớn. Đại hội có 1200 đại biểu tham dự, một số vị lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước như đồng chí Tố Hữu, Lê Văn Lương, Hà Thị Quế đã về dự Đại hội.

Đại hội tổng kết phong trào thi đua "hai giỏi" đã biểu dương những thành tích của quân và dân trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, đánh giá cao những hy sinh và cống hiến to lớn của quân và dân ta trong chiến đấu và sản xuất. Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân tranh thủ khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai.

Cũng trong dịp này, Tỉnh ủy Quảng Bình đã mở hội nghị để đánh giá tình hình 4 năm chống Mỹ cứu nước và đề ra phương hướng năm 1969.

Hội nghị đánh giá cao sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, rút ra những bài học thành công trong công tác xây dựng Đảng, công tác lãnh đạo và chỉ đạo cuộc chiến tranh nhân dân.

Hội nghị đã nghiêm khắc đánh giá những thiếu sót non yếu trong thời kỳ cuối năm 1968 đầu năm 1969. Hội nghị đã đặc biệt nhấn mạnh đặc điểm tình hình trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ nhận định cho rằng trước những thay đổi quan trọng sau ngày ngừng bắn, tư tưởng đảng viên, quần chúng chưa theo kịp với diễn biến tình hình chính trị và quân sự trong nước, trên thế giới.

Hội nghị đã đánh giá rằng: Nhiệm vụ trước mắt rất khẩn trương nhưng cán bộ đảng viên và quần chúng chưa đáp ứng kịp thời, đôi lúc có tư tưởng "xả hơi", nghỉ ngơi.

Nghị quyết hội nghị khẳng định: Chừng nào đế quốc Mỹ còn ở miền Nam thì dù cục diện chiến tranh diễn ra dưới hình thức nào, Quảng Bình vẫn là nơi sẽ bị địch đánh phá ác liệt nhất. Đảng bộ cần tập trung chỉ đạo, lãnh đạo để nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, tăng cường tích lũy cho quốc phòng, đảm bảo chi viện thường xuyên cho chiến trường và nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Để chủ động đối phó với địch, thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy đã nêu ra, các cấp ủy Đảng đã kịp thời triển khai các phương án chiến đấu như: Kiện toàn và tăng cường lực lượng dân quân tự vệ tăng cường huấn luyện để trang bị nhận thức mới về quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ. Toàn Đảng, toàn dân luôn luôn trong tư thế vừa sẵn sàng chiến đấu vừa sản xuất với khẩu hiệu "Tay búa tay súng, tay cày tay súng".

Các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh, chính quyền các địa phương đã triển khai lực lượng chiến đấu ở một số tuyến xung yếu (tuyến biên giới, tuyến biển dân quân gái Ngư Thủy), các trọng điểm giao thông vận tải, phối hợp với lực lượng công an nhân dân và các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn xây dựng phương án tác chiến đánh địch (bắt biệt kích, chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân, đánh địch đổ bộ.v.v...)

Tỉnh đã mở các lớp huấn luyện tập trung để đào tạo về chính trị và quân sự cho các cán bộ chỉ huy các cấp ở cơ sở.

Sau những thất bại nặng nề tại chiến trường Trị - Thiên và đường 9 Nam Lào, đế quốc Mỹ tăng cường các hoạt động do thám và tập kích bất ngờ và nhiều cơ sở kinh tế ở Quảng Bình.

Đánh phá 103 lần vào đường 10 đường 20.

Sử dụng các loại bom nổ chậm, bom từ trường trên tuyến vận tải 12A.

Tàu khu trục, tàu biệt kích rượt đuổi vây bắt ngư dân trên tuyến biển.

Một số dấu hiệu chuẩn bị tập kích, khiêu khích trên vùng biển.

Chủ động đối phó với những phiêu lưu quân sự mới của đế quốc Mỹ và tay sai, quân khu 4 đã phối hợp với lãnh đạo tỉnh Quảng Bình tăng cường các lực lượng tác chiến trên địa bàn tại Quảng Bình.

Tỉnh ủy chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự xây dựng phương án chiến đấu "trước mạnh, sau vững" tiếp tục phát động rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân phong trào "toàn dân bàn việc nước", "toàn dân đánh giặc". Thế trận chiến tranh nhân dân đã được Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai và luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, trong đó các lực lượng chủ lực (các trung đoàn phòng không, trung đoàn bộ binh, sư đoàn 324) có nhiệm vụ chốt giữ các trọng điểm chiến lược. Bộ đội địa phương phối hợp xây dựng các tuyến phòng thủ chiều sâu. Dân quân tự vệ xây dựng trận địa chiến đấu tại chỗ.

Để chủ động đối phó tình hình, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra thông báo số 20 chỉ đạo cho các địa phương nhanh chóng triển khai các phương án phòng không và tác chiến đánh địch của địa phương mình.

Một số biện pháp khẩn cấp đã được áp dụng như: Phương án sơ tán người già, trẻ em ra khỏi vùng trọng điểm khi có chiến tranh ác liệt xảy ra; chuyển một số sinh hoạt đông người như họp chợ, hội họp sinh hoạt của các đoàn thể...; huy động lực lượng toàn dân tu sửa, làm mới hầm hào ẩn nấp, khôi phục và tổ chức cho các tổ đội cứu chữa

(chống sập, cứu thương, chống cháy...) tiếp tục hoạt động để sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Đầu năm 1972, trước sự phát triển mới của tình hình cách mạng ba nước Đông Dương, so sánh lực lượng giữa ta và địch càng ngày càng có lợi cho ta, đế quốc Mỹ càng ngày càng rơi vào bế tắc, chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ đang đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Để phát huy đà thắng lợi mà quân và dân ta đã giành được trên hai miền Nam - Bắc, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ XX, chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Hội nghị lần thứ XX của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã nhất trí nhận định năm 1971 là năm đế quốc Mỹ và tay sai dồn hết mọi khả năng hòng tháo gỡ những bế tắc cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", nhưng những thất bại nặng nề trên chiến trường 3 nước Đông Dương đã làm cho chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Học thuyết Ních- xơn" bị phá sản một bước nghiêm trọng. Hội nghị khẳng định diễn biến cơ bản của tình hình là ta đang ở thế thắng, thế chủ động, thế thuận lợi.

Xuất phát từ sự phân tích sâu sắc tình hình thực tế trên chiến trường và ưu thế của cách ân mạng cả trên ba phương diện chính tri, quân sự, ngoại giao, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn d, toàn quân là: "phải động viên toàn lực, cố gắng vượt bậc, anh dũng tiến lên đẩy mạnh cuộc kháng chiến... đánh bại chính sách Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ, đánh bại "học thuyết Ních - xơn", giành thắng lợi to lớn hơn nữa cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước"[1].

---

(1) Theò Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Sđd. Tr.521

Để đáp ứng yêu cầu to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hội nghị đã xem xét và quyết định những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch Nhà nước năm 1972 và chuẩn bị cho năm 1973.

Bước vào đầu năm 1972, trong không khí chuẩn bị chiến dịch mùa xuân năm 1972 và trước những chiến thắng vang dội của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam, các hoạt động về kinh tế - xã hội và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trên đất Quảng Bình diễn ra rất sôi nổi.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ XX của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các ngành, các cấp, các cơ sở đẩy mạnh hơn nữa mọi mặt công tác để đủ sức đối phó mọi âm mưu hành động của kẻ thù có thể diễn ra bất cứ lúc nào.

Tỉnh ủy đã quyết định tăng cường củng cố công tác xây dựng Đảng để các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên có đủ năng lực lãnh đạo chiến đấu trong tình hình mới và kết hợp phát động phong trào thi đua hai giỏi để phát động tinh thần thi đua của quần chúng nhân dân.

Đứng trước thử thách nặng nề do những phiêu lưu quân sự mới của đế quốc Mỹ, Tỉnh ủy Quảng Bình đã xác định trách nhiệm động viên cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh, đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua "hai giỏi" để động viên toàn Đảng, toàn dân tiếp tục bám trụ vững chắc trên quê hương mình để chiến đấu.

Để làm nòng cốt cho phong trào này, Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy tháng 3/1972 quyết định chỉ đạo các ngành lựa chọn những đảng viên và cán bộ có năng lực thành lập các đoàn công tác cơ sở để bám đất, bám dân giúp tổ chức Đảng cơ sở lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Cán bộ chủ chốt của các ngành cấp tỉnh được chia làm ba bộ phận chỉ đạo ba vùng trọng điểm của tỉnh (vùng ngoài, vùng giữa và vùng trong). Nhờ đi sâu, đi sát với thực tế như vậy nên trong tình huống địch đánh phá rất ác liệt, các chủ trương chỉ đạo của cấp ủy Đảng vẫn được truyền đạt về tận cơ sở và tổ chức thực hiện thành công.

Ngày 20 tháng 5 năm 1972 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp Hội nghị lần thứ IX để quán triệt Chỉ thị 198 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng thời tiến hành một cuộc vận động trong toàn Đảng bộ để xác định tinh thần sẵn sàng chiến đấu đánh bại đế quốc Mỹ khi chúng liều lĩnh leo thang đánh phá trở lại miền Bắc nói chung và Quảng Bình nói riêng.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy đã tổng hợp tình hình, chuẩn bị tài liệu và cử cán bộ về các huyện, thị xã và các địa bàn trọng yếu để phổ biến tình hình thời sự thế giới và trong nước, quán triệt nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ, tay sai và những nhiệm vụ cấp bách mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần gấp rút triển khai để kịp thời đối phó với bước leo thang quân sự mới của đế quốc Mỹ.

Công tác xây dựng Đảng được coi là công tác trọng tâm của cuộc vận động. Cấp ủy Đảng các địa phương, các ngành tiến hành tổ chức rà soát lại chất lượng đảng viên, phát hiện quần chúng tích cực để phát triển đội ngũ của Đảng và xây dựng các nhóm nòng cốt trong cán bộ, đảng

viên để làm chỗ dựa tinh thần cho quần chúng khi tình huống mới xảy ra.

Ở các làng, bản, hợp tác xã, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng lại các cụm dân cư theo đơn vị tổ, đội hoặc tổ 3 đến 5 gia đình gần gũi nhau thành một đơn vị tự nguyện giúp nhau trong sản xuất, vừa ứng cứu lẫn nhau khi bị địch đánh phá. Đây là hình thức đã có từ trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc lần thứ nhất (1964-1968), nay được tổ chức lại chặt chẽ hơn, để chủ động đối phó với địch.

Bên cạnh việc xây dựng các tổ, đội nòng cốt, tích cực, các tổ chức Đảng còn quan tâm giáo dục, động viên, cổ vũ đối với các cán bộ, đảng viên và quần chúng trước đây có biểu hiện hoang mang, dao động, đưa họ vào khí thế phấn đấu chung, có phân công trách nhiệm cụ thể để họ phát huy khả năng. Vì thế đội ngũ cán bộ đảng viên đã trở thành cốt lõi cho phong trào thi đua yêu nước và tinh thần hy sinh vì nhiệm vụ.

Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo các ngành thành lập các nhóm chuyên trách hoặc các đoàn liên ngành về tận các khu vực trọng điểm như Cảng Gianh, Nam và Bắc Phà Gianh, Thanh Trạch, Đồng Hới, Quán Hàu, Long Đại, tuyến đường Thống Nhất, khu vực ngã ba Phú Thiết - Ngư Thủy để thường trực chỉ đạo chiến đấu, phục vụ chiến đấu và tổ chức phòng tránh cho dân.

Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ nên trước khi đế quốc Mỹ tiến hành đánh phá trở lại miền Bắc, hệ thống tổ chức Đảng ở Quảng Bình đã củng cố được một bước quan trọng. Từ Tỉnh ủy đến cơ sở đã có các tuyến chỉ đạo gián tiếp và trực tiếp, thông suốt trong mọi tình huống, đồng thời Tỉnh ủy

cũng giao nhiệm vụ cho các cấp ủy Đảng địa phương và các ngành chủ động lập phương án theo khu vực và lĩnh vực để linh hoạt vận dụng trong điều kiện tạm thời bị gián đoạn, chia cắt do địch có thể đánh phá ác liệt hoặc tập kích bất ngờ bằng đường bộ, đường biển.

Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ như vậy nên khi đế quốc Mỹ tăng cường các hoạt động khiêu khích đánh phá Quảng Bình, lòng dân không những không nao núng mà còn đồng lòng, đồng sức đưa cuộc chiến tranh nhân dân lên tầm cao mới. Qua kết quả đánh giá của nhân dân và thực tế tổng kết tình hình phong trào thi đua "hai giỏi" ở khu vực nông nghiệp và nông thôn có tới 48,2% số hợp tác xã, 56,6% số đội sản xuất, 18,5% số hộ gia đình được bình chọn danh hiệu "hai giỏi". Từ kết quả lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua của quần chúng, đã có 62% số chi bộ Đảng và 70% đảng viên được bình chọn là tập thể và đảng viên xuất sắc. Cũng qua thực tiễn của phong trào thi đua yêu nước, Tỉnh ủy đã xem xét những mặt hạn chế trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nghiêm khắc rút kinh nghiệm để điều chỉnh công tác trong thời gian tới, kiên quyết xử lý kỷ luật hơn 100 trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng. Nhờ đó chất lượng công tác Đảng ngày một cao hơn và được quần chúng tin yêu hơn.

Để sẵn sàng đối phó với địch bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân, kho tàng của Nhà nước và đảm bảo an toàn cho các lực lượng triển khai công tác, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy các vùng trọng điểm chuyển hệ thống trường học, bệnh xá vào điều kiện chiến tranh bằng cách phân tán trường lớp, xây dựng các lớp học và trạm xá theo kiểu nhà hầm hoặc di chuyển ra vùng an toàn. Một số lực lượng lão

động được huy động chuyên trách làm hầm hố phòng tránh cho nhân dân.

Bằng vật liệu tự tạo, các lực lượng dân quân tự vệ cùng với quần chúng nhân dân đã làm thêm 56000 hầm kiên cố cho các hộ gia đình, 2300 hầm kiên cố nơi công cộng, 415000 hầm cá nhân và hàng chục vạn mét đường hào giao thông liên kết nhà này sang nhà khác, xóm này sang xóm khác, tạo thuận lợi cho quần chúng phòng tránh lúc ác liệt và để các lực lượng vũ trang, bán vũ trang cơ động chiến đấu.

Để chủ động đảm bảo đời sống nhân dân trong tình huống chiến tranh chia cắt, Tỉnh ủy phát động phong trào thi đua tăng năng suất lao động, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất lương thực và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng nhu yếu phẩm trực tiếp cần thiết gần 33 xí nghiệp công nghiệp địa phương và hàng chục hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp khắp các địa phương trong tỉnh nên khi bước vào chiến tranh, tỉnh đã chủ động cung ứng được hàng hóa thiết yếu cho nhân dân.

Sau 2 năm khôi phục kinh tế, toàn tỉnh đã khai hoang phục hóa hơn 6.000 ha, đưa tổng diện tích cây lương thực đạt tới 69.000 ha, sản lượng lương thực từ giữa năm 1971 đến khi đế quốc Mỹ tiến hành ném bom trở lại đã đạt tới 66.000 tấn. Riêng năm 1972 đạt 108.000 tấn. Có 22 hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha, 33 hợp tác xã đạt 44 tạ/ha. Bình quân lương thực đạt 236,4 kg/người, đạt mức cao nhất từ năm 1969 đến nay. Sản lượng các lĩnh vực lâm nghiệp, ngư nghiệp đều vượt trội so với thời gian mới ngừng bắn trong đó sản lượng cá đạt 500 tấn, khai thác 42.000m^3 gỗ. Tổng giá trị sản lượng công nghiệp xấp xỉ năm 1971.

Mặc dù chiến tranh ác liệt nhưng hệ thống văn hóa giáo dục vẫn được duy trì. Đặc biệt ngành văn hóa đã phát huy được kinh nghiệm của phong trào "tiếng hát át tiếng bom" trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần trước để xây dựng lại lực lượng văn hóa xung kích phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống. Các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của tỉnh (văn công tỉnh, đoàn nghệ thuật tỉnh đội, của công an vũ trang tỉnh, của ngành giao thông vận tải tỉnh được tổ chức lại xây dựng nhiều chương trình biểu diễn mới hơn, thiết thực hơn. Tỉnh đã xuất bản hơn 5.000 ấn phẩm phục vụ các tầng lớp nhân dân. Sự nghiệp giáo dục luôn được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo cả về mặt chất lượng đào tạo lẫn công tác đảm bảo an toàn tính mạng cho học sinh. Tuy phải di dời đến địa điểm mới để đảm bảo an toàn cho học sinh nhưng chất lượng đào tạo, nhất là khối cấp II và cấp III, vẫn đạt yêu cầu của Bộ. 90% các trường phổ thông cấp II có học sinh thi đỗ tốt nghiệp 100%. Đặc biệt ở tất cả các hợp tác xã đều tổ chức được các lớp mẫu giáo và vỡ lòng để thu nhận các cháu ở độ tuổi đi học vào lớp. Hệ thống các trường bổ túc văn hóa, bổ túc công nông, phổ thông lao động, lớp "Ba đảm đang", nhất là trường bổ túc văn hóa mang tên "hai giỏi" đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao tri thức văn hóa cho một đội ngũ khá lớn cán bộ cốt cán cấp xã, thôn bản và một số cán bộ công nhân viên chức.

Ngành y tế đã mở thêm 3 lớp đào tạo y tá, y sĩ chính quy bổ sung về cơ sở, làm nòng cốt tổ chức lại mạng lưới y tế cấp huyện, cấp xã và đồng thời đây cũng là tuyến phục vụ cấp cứu, cứu thương trong chiến tranh góp phần làm giảm

bớt thương vong cho bộ đội, cán bộ và nhân dân. Trong năm 1972 đội ngũ cán bộ y tế đã tăng lên 28 lần so với 1969.

Từ những kết quả ban đầu trong thời kỳ khôi phục kinh tế và đời sống sau chiến tranh, đến đầu năm 1972, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, các cấp bộ Đảng ở các ngành, các địa phương đã tạo ra được sự ổn định về đời sống, tạo nền tảng quan trọng để phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, chủ động giải quyết mọi nhu cầu của đời sống xã hội khi chiến tranh ác liệt xảy ra. Nhờ vậy khi chiến tranh ác liệt xảy ra toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Quảng Bình đã có đủ điều kiện cơ bản để bám trụ sản xuất và chiến đấu.

Đúng như nhận định của Trung ương Đảng và Chính phủ, đầu năm 1972 cường độ các cuộc thăm dò, tập kích đánh phá của đế quốc Mỹ càng tăng thêm, thủ đoạn càng ngày càng nham hiểm.

Ngày 5 tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ tập kích đánh phá nhiều vùng trọng điểm như tuyến ven biển từ Bảo Ninh đến Lý Hòa, cảng Gianh, Roòn, cửa Nhật Lệ, Vạn Trạch, Cự Nẫm... gây nhiều tổn thất.

Trong ngày 5 tháng 4 năm 1972, dấu hiệu tập trung lực lượng để đánh phá Quảng Bình ở mức độ quyết liệt hơn nữa đã xuất hiện.

Mỹ đưa nhiều tàu chiến áp sát vùng biển của ta. Máy bay do thám tiến hành nhiều đợt trinh sát trên toàn bộ lãnh thổ.

Trước sự tấn công và nổi dậy mạnh mẽ của quân và dân miền Nam trong mùa xuân năm 1972 đế quốc Mỹ đã thay đổi thủ đoạn chiến tranh, phát động trở lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hòng chặn đứng sự chi

viện của hậu phương lớn miền Bắc đối với chiến trường miền Nam.

Ngày 6 tháng 4 năm 1972, đế quốc Mỹ huy động tối đa phương tiện chiến tranh đồng loạt đánh phá nhiều vùng dân cư, trục đường giao thông và các trọng điểm khác trên toàn lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ chống nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã bùng nổ với quy mô lớn.

Quảng Bình là nơi địch đánh phá dữ dội nhất.

Trong tháng 4 năm 1972, máy bay và tàu chiến Mỹ đã đánh trên 500 trận vào 360 điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình sử dụng hơn 500 loạt bom các loại, 7.000 quả đạn pháo đánh phá vào Quảng Bình. Từ sau tháng 4 năm 1972, mức độ chiến tranh phá hoại càng ngày càng ác liệt hơn. Ngày 8 tháng 5, Ních - xơn ra lệnh phong tỏa toàn bộ hệ thống giao thông của miền Bắc, ngay sau đó ngày 9 tháng 5 chúng phong tỏa cửa biển Nhật Lệ. Trong tháng 6 năm 1972, chúng đã hoàn thành việc phong tỏa các chốt trọng điểm ở Roòn, Quán Hàu, Xuân Sơn, Long Đại dọc tuyến ven biển. Tất cả gồm 43 điểm phong tỏa.

Đặc biệt, ngay từ đầu thứng 4 năm 1972 đế quốc Mỹ đã huy động máy bay chiến lược B52 đánh phá dã man các khu dân cư và các vùng kinh tế, đô thị của nước ta. Từ tháng 6 năm 1972 hoạt động ném bom của máy bay B52 trở thành thường xuyên với quy mô và cường độ ngày càng lớn tập trung vào khu vực Quảng Bình, Vĩnh Linh hòng chặn đứng tuyến chi viện của miền Bắc cho chiến trường trong dịp tấn công chiến lược 1972. Cường độ xuất kích của máy bay B52 ngày một cao hơn, lên tới 12 lần chiếc B52, ném hàng

nghìn tấn bom đạn xuống hàng loạt làng xóm, đô thị và cơ sở sản xuất của nhân dân ta. Các máy bay cường kích của không quân và hải quân Mỹ đồng thời tấn công vào tất cả các mục tiêu ở Quảng Bình với cường độ xuất kích lên tới 700 lần/chiếc/ngày.

Cũng trong thời gian này, đi đôi với tập kích bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc, chính quyền Ních - xơn tiến hành chiến dịch ngoại giao con thoi đến một số nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa với mục tiêu lôi kéo, thuyết phục cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Chiến dịch phong tỏa toàn bộ hệ thống giao thông vận tải của Mỹ đối với miền Bắc Việt Nam, nhất là đối với Quảng Bình đã đưa cuộc chiến tranh đến thời kỳ quyết liệt nhất. Nhân dân ta phải vừa đối phó với những chiến dịch tập kích đánh phá quyết liệt bằng đường không và đường biển, vừa phải tổ chức rà phá tháo gỡ bom mìn đủ các loại để đảm bảo an toàn tính mạng cho nhân dân và đảm bảo thông tuyến giao thông chiến lược chi viện cho chiến trường.

Trước phản ứng điên cuồng của địch, tháng 5 năm 1972 Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp ra Nghị quyết về nhiệm vụ của quân và dân miền Bắc trước tình hình mới.

Nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 5/1972 xác định 4 nhiệm vụ cấp bách đối với miền Bắc:

1. Phát động cuộc chiến tranh nhân dân đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của địch ở mức độ cao hơn, đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự mới của địch, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

2. Thực sự chuyển hướng mọi hoạt động của miền Bắc cho phù hợp với thời chiến.

3. Tiếp tục làm nhiệm vụ tăng viện cho miền Nam trong mọi tình huống.

4. Chuẩn bị mọi mặt để khi có điều kiện thì đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội được nhanh chóng.(1)

Thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị, để tiếp tục ổn định tinh thần của nhân dân trong điều kiện chiến tranh vô cùng ác liệt, Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy ngày 21/6/1972 đã quyết định khẩn trương mở đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn với mục tiêu là:

Phân tích để thấy rõ âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ và tay sai trong chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

Xác định lại trách nhiệm của Quảng Bình với tư cách là tuyến đầu của miền Bắc và hậu phương trực tiếp của chiến trường, thấy rõ tầm quan trọng của việc đánh thắng địch tại chỗ ở Quảng Bình và việc chi viện chiến trường qua đất Quảng Bình, trách nhiệm đối với miền Nam và Trị - Thiên ruột thịt.

Phát động quần chúng nhân dân phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng kiên quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Quảng Bình đã dũng cảm kiên cường chiến đấu, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại trên quy mô lớn của Mỹ.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, thế trận chiến tranh nhân dân đã phát huy sức mạnh tổng hợp của nó trước một kẻ thù hơn hẳn về tiềm lực kinh tế và trang bị kỹ thuật.

---

(1) Theo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Sđd. Tr.553.

Các lực lượng quân đội và nhân dân phối hợp tác chiến đánh địch bằng cả phương tiện hiện đại và những vũ khí thông thường có trong tay.

Các lực lượng hậu cần cho chiến tranh vừa huy động từ tiềm lực quốc phòng đã được chuẩn bị, vừa là hậu cần tại chỗ cho nhân dân cung ứng. Hình thức vừa chiến đấu, vừa sản xuất đã tạo ra chỗ đứng vững chắc cho thế trận chiến tranh nhân dân.

Nhờ đường lối đúng đắn của Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ và linh hoạt của Đảng bộ, cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại đã thu được những thắng lợi rực rỡ, nhiều chiến công vang dội thể hiện truyền thống kiên cường bất khuất của nhân dân ta trong chiến đấu chống ngoại xâm.

Ngay trong ngày 5 và 6 tháng 4 năm 1972 các lực lượng tiểu đoàn 9 cao xạ, đại đội 359, phối hợp với các lực lượng chiến đấu của dân quân tự vệ Lệ Thủy, Đồng Hới, Bố Trạch, Quảng Trạch bắn rơi 9 máy bay Mỹ[1].

Ngày 8 tháng 4, đại đội 8 bắn cháy 1 tàu chiến Mỹ trên vùng biển Quang Phú.

Ngày 9 tháng 4, đại đội 10 đánh 2 trận bắn cháy cả tốp 3 tàu chiến Mỹ, tại Thanh Trạch, đại đội 48 bắn cháy 1 tàu.

Như vậy, trong trận đầu ra quân, các lực lượng của ta đã bắn cháy 7 tàu chiến Mỹ, trong đó lực lượng của tỉnh Quảng Bình độc lập bắn cháy 5 chiếc.

Ngày 19 tháng 4 năm 1972, lần đầu tiên ta sử dụng lực lượng không quân chiến thuật bất ngờ xuất kích tại sân bay dã chiến Gát (Xuân Trạch) đánh thẳng vào một tốp khu trục

---

(1) Thông báo số 41 - Tỉnh ủy Quảng Bình .

hạm của Mỹ trên biển Nhật Lệ, bắn hỏng 2 khu trục làm cho lực lượng hải quân Mỹ hết sức bất ngờ.

Ngày 20 tháng 4, trung đoàn phòng không 238 phối hợp dân quân tự vệ Minh Hóa bắn rơi chiếc máy bay thứ 3.500 (của miền Bắc).

Trong tháng 4 năm 1972, quân và dân toàn tỉnh đã lập nhiều chiến công vang dội, đánh nhiều trận trực diện với cả không quân, hải quân của đế quốc Mỹ giành thắng lợi oanh liệt. Trong 25 ngày đầu tiên chống cuộc chiến tranh phá hoại quy mô lớn lần thứ hai của Mỹ, quân dân Quảng Bình đã bắn rơi 23 máy bay và 8 tàu chiến Mỹ bắt sống 2 giặc lái (báo cáo số 23 của Tỉnh ủy).

Từ tháng 5 năm 1972, đế quốc Mỹ phong tỏa toàn diện đối với Quảng Bình, cuộc chiến đấu của quân dân Quảng Bình càng ngày càng ác liệt hơn.

Trong 3 tháng từ tháng 7 đến tháng 10 năm 1972 địch tăng cường cho tàu chiến áp sát các vùng ven biển, đặc biệt là ở khu IV cũ và Quảng Bình-Vĩnh Linh, liên tục nả trọng pháo bắn phá vùng ven biển và tiếp tục phong tỏa thủy lôi, bom từ trường đối với các cửa biển và dòng sông trong toàn bộ khu vực. Thời gian này lực lượng không quân của Mỹ tăng cường đánh phá gấp bội phần những tháng trước đây. Riêng đối với khu vực vận tải Hòn La, chúng đã huy động 1.500 lần chiếc máy bay, đánh phá trên 700 trận suốt ngày đêm, ném xuống gần 1000 loạt bom phá, 149 loạt bom bi, 540 loạt roóckét, 606 loạt đạn 20 ly, 124 quả đạn cối, 149 quả bom từ trường[1].

Trên địa bàn toàn tỉnh, địch đồng loạt đánh phá tất cả các tuyến vận tải chiến lược đường bộ, đường sông và

---

(1) Tài liệu Nhật ký trực ban BCH Quân sự tỉnh Quảng Bình

đường biển, đặc biệt tập trung đánh chặn theo từng đoạn trên 3 tuyến đường quốc lộ 1A, đường 15A và đường 20, đồng thời đánh vào một số vùng đông dân cư để uy hiếp tinh thần của nhân dân ta.

Diễn biến phức tạp của tình hình đã đặt Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình vào những thử thách mới.

Thực hiện quyết tâm của Tỉnh ủy, Ban chỉ huy tỉnh đội Quảng Bình đã cho đồng loạt triển khai các lực lượng bộ đội địa phương, các đơn vị dân quân tự vệ trực chiến và các lực lượng cơ động khác lên vị trí sẵn sàng chiến đấu.

Khắp nơi trong tỉnh đã diễn ra những trận hiệp đồng chiến đấu và chiến thắng giòn giã của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

Trong 10 ngày đầu tháng 6, đại đội 8 pháo binh phối hợp với dân quân tự vệ địa phương bắn cháy 3 tàu chiến địch.

Đặc biệt, đại đội gái pháo binh Ngư Thủy trong 2 ngày 5 tháng 5 và ngày 9 tháng 6, hai lần nổ súng bắn cháy 2 tàu chiến Mỹ.

Đại đội pháo binh cũng đã hợp đồng tác chiến 3 lần nổ súng bắn cháy 3 tàu chiến Mỹ.

Các tiểu đoàn 8, tiểu đoàn 9 pháo cao xạ đã phối hợp với lực lượng thường trực chiến đấu của dân quân tự vệ nông trường Việt Trung, Lộc Ninh, Quang Phú, Đồng Phú, Mai Thủy, Phú Thủy bắn rơi 5 máy bay Mỹ, bắt sống 2 giặc lái.

Liên tiếp từ tháng 4 đến tháng 11 năm 1972 các lực lượng phòng không của ta bao gồm các đơn vị phòng không chủ lực, các trận địa phòng không của dân quân tự vệ đã liên tục tổ chức đánh địch, bắn rơi thêm nhiều máy bay và bắn cháy tàu chiến Mỹ.

Từ tháng 4 đến tháng 11 năm 1972, đã có 74 máy bay bị bắn rơi, 34 tàu chiến Mỹ bị bắn cháy trên đất Quảng Bình trong đó riêng các lực lượng quân dân Quảng Bình bắn cháy 34 máy bay và 26 tàu chiến.

Trong 6 tháng cuối năm 1972, đế quốc Mỹ đã phải ồ ạt tuôn vũ khí phương tiện chiến tranh vào miền Nam để tăng cường trang bị cho quân ngụy để phản kích vùng mới giải phóng, đồng thời chúng huy động các vũ khí chiến lược tập trung cho hạm đội Thái Bình Dương để sẵn sàng tấn công gây sức ép đối với miền Bắc.

Trên mặt trận ngoại giao, âm mưu thỏa hiệp lôi kéo một số nước tỏ thái độ tiêu cực với Việt Nam đã không ngăn chặn được cuộc tấn công của quân và dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Trong lúc đó nội bộ chính quyền Mỹ đang có những mâu thuẫn, trầm trọng không thể tháo gỡ nổi. Tình thế đó đặt chính quyền Mỹ trước 3 sự lựa chọn: hoặc là đạt được một thỏa thuận với Chính phủ ta trước khi bước vào bầu cử tổng thống, hoặc trì hoãn để tiếp tục leo thang chiến tranh sau khi trúng cử tổng thống hoặc tiếp tục duy trì cường độ chiến tranh để gây sức ép đối với ta.

Phân tích thủ đoạn của chính quyền Mỹ, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 9/1972 đề ra mục tiêu chính cần đạt được là chấm dứt mọi sự dính líu quân sự của đế quốc Mỹ, chủ trương đưa cách mạng miền Nam tiến lên bằng phương pháp giành thắng lợi từng bước, từ giải quyết vấn đề "Mỹ cút" đến đánh cho "ngụy nhào".

Đúng theo dự đoán của Bộ Chính trị, sau ngày thắng cử tháng 11/1972 Ních - xơn tăng cường lực lượng không quân chiến lược đánh phá quyết liệt từ vĩ tuyến 20 trở vào, đặc biệt là đánh vào các trọng điểm giao thông chiến lược.

Quảng Bình là nơi đế quốc Mỹ tập trung lực lượng không quân chiến lược đánh phá hủy diệt hòng chặn đứng các tuyến chi viện chiến trường. Chúng sử dụng cả máy bay chiến lược B52 và F111 ném bom hủy diệt ở Đồng Hới, Quảng Sơn, cảng Gianh và nhiều điểm trọng yếu khác gây nhiều tổn thất đau thương cho nhân dân Quảng Bình.

Trước tình hình đó Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành vừa tổ chức chiến đấu đánh trả máy bay, tàu chiến địch, vừa tổ chức tốt việc phòng tránh cho dân an toàn và cứu chữa, giải quyết thương vong, kịp thời ổn định tình hình.

Công tác tổ chức phòng tránh và tổ chức cuộc sống cho nhân dân, đảm bảo duy trì học hành cho con em được coi như một mặt trận chiến đấu.

Các lực lượng thường trực chiến đấu đã hợp đồng chặt chẽ với bộ đội chủ lực tiếp tục đánh địch để bảo vệ các cơ sở kinh tế - xã hội bảo vệ tuyến chi viện chiến trường và bảo vệ dân.

Từ sau khi đế quốc Mỹ tuyên bố ngưng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra, tình hình chiến sự vùng khu IV cũ, đặc biệt là tuyến lửa Quảng Bình, Vĩnh Linh càng trở nên ác liệt hơn bao giờ hết. Không quân Mỹ đã huy động cả hai loại máy bay chiến lược B52 và "cánh cụp cánh xòe" F111 cùng với hàng trăm máy bay cường kích đánh đồng loạt hết sức ác liệt trên tất cả các địa bàn của cả 7 huyện và thị xã trong tỉnh.

Trước sự thay đổi tình hình chiến sự, được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bộ tổng tham mưu, Bộ tư lệnh quân khu 4 và các tỉnh trong quân khu đã họp hội nghị liên tịch để xác định nhiệm vụ của từng lực lượng, từng địa phương với ý chí quyết tâm đánh thắng trận cuối cùng.

Tại Quảng Bình, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác phòng tránh, tổ chức bảo vệ an toàn cho dân và cứu trợ kịp thời những khu vực bị địch đánh phá dã man, nhất là ở Quảng Sơn, Thanh Trạch, khu vực dọc sông Gianh, sông Nhật Lệ và 5 xã vùng trung tâm huyện Lệ Thủy. Các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân tự vệ vừa tổ chức thường trực đánh địch vừa tổ chức các đội xung kích để cứu trợ kịp thời khi địch đánh phá ác liệt.

Đến giữa tháng 12 năm 1972 tình hình chiến sự trên cả hai miền Nam-Bắc càng ngày càng trở nên ác liệt. Thế và lực của ta cả về chính trị, quân sự và ngoại giao đã hơn hẳn kẻ thù. Đế quốc Mỹ đã sử dụng hết các con bài chiến lược nhưng vẫn không đảo lộn nổi tình thế.

Sau khi đế quốc Mỹ lật lọng tráo trở không thực hiện những cam kết của chúng trong dự thảo hiệp định Paris, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng vũ trang và cấp ủy các ngành, các địa phương sẵn sàng đối phó với thủ đoạn đen tối nhất của đế quốc Mỹ.

Ngày 27/11/1972 Quân ủy Trung ương chỉ thị cho các lực lượng vũ trang "tăng cường sẵn sàng chiến đấu", chuẩn bị đối phó với chiến tranh phá hoại mở rộng trở lại trên địa bàn toàn miền Bắc, kể cả việc địch liều lĩnh dùng máy bay B52 đánh ồ ạt vào Hà Nội và Hải Phòng[1].

Đúng như nhận định của Trung ương Đảng và Bộ tổng tham mưu, vào lúc 19 giờ 40 phút đêm 18 tháng 12 năm 1972 đế quốc Mỹ sử dụng hàng loạt máy bay B52 ồ ạt đánh phá Hà Nội. Trong suốt 12 ngày đêm từ 18 đến 30/12/1972 địch đã dùng tới 729 lần chiếc B52, 1.900 lần chiếc máy bay cường kích đánh phá Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Mơ,

---

(1) Theo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Sđd. T.2. Tr.568

Kép, Thái Nguyên..., có nhiều trận địch dùng phối hợp cả máy bay chiến lược B52, máy bay siêu âm cánh cụp cánh xòe F111 và A6 dồn dập đánh vào thủ đô Hà Nội hòng uy hiếp lực lượng của ta và bắt ta phải lùi bước nhân nhượng trên bàn Hội nghị Paris.

Nhờ nhận định đúng tình hình và có sự chuẩn bị chu đáo, với tinh thần quả cảm và trí thông minh sáng tạo quân và dân đã giành được thắng lợi giòn giã. Trong suốt 12 ngày đêm kiên cường chiến đấu, quân và dân thủ đồ Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các vùng phụ cận đã bắn rơi 81 máy bay hiện đại của Mỹ trong đó có 34 máy bay B52, 5 máy bay F111. Chiến thắng trong chiến dịch 12 ngày đêm đánh trả máy bay Mỹ, bảo vệ thủ đô Hà Nội xứng đáng là "trận Điện Biên Phủ trên không" đánh dấu chiến công huy hoàng của quân và dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Trong khi quân dân thủ đô và các tỉnh thành phố ở miền Bắc chiến đấu oanh liệt để bẻ gãy bước phiêu lưu quân sự cuối cùng của đế quốc Mỹ thì ở Quảng Bình, Tỉnh ủy đã chỉ đạo quân dân Quảng Bình hợp đồng chiến đấu, cùng chia lửa với miền Bắc, với thủ đô yêu dấu. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các địa phương tổ chức các lực lượng tự vệ phát huy lưới lửa tầm thấp, phối hợp với lưới lửa tầng cao của các đơn vị phòng không chủ lực kiên quyết đánh trả máy bay địch. Ngày 01 tháng 12 năm 1972 dân quân tự vệ huyện Lệ Thủy hiệp đồng chặt chẽ với trung đoàn pháo cao xạ 214 bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 700 trên đất Quảng Bình. Từ ngày 31 tháng 12 đến ngày 15 tháng 01 năm 1972 khi đế quốc Mỹ buộc phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc, các lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ

Quảng Bình bắn rơi thêm 4 máy bay nữa, đưa tổng số máy bay của đế quốc Mỹ bị bắn rơi ở Quảng Bình lên 704 chiếc[1].

Sau gần 7 tháng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại quy mô lớn đối với miền Bắc, đế quốc Mỹ đã dùng nhiều thủ đoạn tàn bạo đánh phá ác liệt vào Quảng Bình - tuyến đầu và là hậu phương trực tiếp của chiến trường hòng tiêu diệt toàn bộ cơ sở kinh tế, quốc phòng của ta, hủy diệt cuộc sống của con người tại vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng này.

Được sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, Đảng bộ Quảng Bình đã tiếp thu đường lối của Trung ương Đảng, biết phân tích một cách sâu sắc diễn biến cụ thể của tình hình, đề ra những giải pháp đúng đắn và kịp thời xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân nên không những đã hạn chế được tổn thất do địch gây ra, đảm bảo cuộc sống của nhân dân trong điều kiện chiến tranh ác liệt, tổ chức sản xuất có hiệu quả để tăng tiềm lực quốc phòng và giải quyết hậu cần tại chỗ cho chiến tranh mà còn tổ chức đánh địch với một tinh thần dũng cảm ngoan cường và chi viện chiến trường miền Nam có hiệu quả.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ ngày 5 tháng 4 năm 1972 đến 17 tháng 01 năm 1973) lực lượng vũ trang trên địa bàn đã bắn rơi 92 máy bay, bắn cháy, bắn chìm 39 tàu chiến các loại, trong đó quân và dân địa phương độc lập chiến đấu bắn rơi 41 máy bay, bắn chìm, bắn cháy 26 tàu chiến Mỹ.

Vừa chiến đấu, Đảng bộ vừa lãnh đạo nhân dân làm tốt công tác chi viện cho chiến trường miền Nam, vận chuyển hàng trăm vạn tấn hàng vượt qua lửa đạn đưa ra tiền

---

(1) Theo Lịch sử Quảng Bình chống Mỹ cứu nước. Sđd. Tr.315.

tuyến, đảm bảo thông suốt mạch máu giao thông vận tải trong mọi tình huống.

Các lực lượng vũ trang của Quảng Bình không chỉ chiến đấu giành thắng lợi giòn giã trên quê hương mà còn trực tiếp chiến đấu chi viện chiến trường Trị - Thiên và Lào giành nhiều thắng lợi vang dội. Quân và dân Quảng Bình còn dành cho con em và các chiến sĩ miền Nam, trong đó có Trị - Thiên kết nghĩa sự chăm sóc ân cần để nhanh chóng phục hồi sức khỏe sớm trở lại chiến trường.

Vừa chiến đấu, quân dân Quảng Bình vừa sản xuất và tổ chức phòng tránh an toàn cho dân, hạn chế tổn thất, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong điều kiện có chiến tranh.

Qua lãnh đạo sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu Đảng bộ Quảng Bình đã nâng cao một bước chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng.

Thắng lợi của quân và dân Quảng Bình trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ minh chứng sự trưởng thành và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trong việc vận dụng đường lối chung của Đảng và tình hình diễn biến cụ thể từng thời kỳ, từng giai đoạn để giành thắng lợi trong chiến đấu trực diện với kẻ thù, trong tổ chức phát triển sản xuất, đảm bảo đời sống nhân dân và chi viện chiến trường.

Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại trên đất Quảng Bình góp một phần quan trọng cùng cả nước đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược buộc chúng phải cúi đầu ký hiệp định Paris ngày 27 tháng 01 năm 1973, thực hiện xuất sắc lời dạy của Hồ Chủ tịch "đánh cho Mỹ cút", mở ra điều kiện quyết định để tiếp tục tiến lên "đánh cho ngụy nhào".

CHƯƠNG XIV

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH, DỐC SỨC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN CÙNG CẢ NƯỚC TIẾN LÊN ĐÁNH THẮNG HOÀN TOÀN GIẶC MỸ XÂM LƯỢC (1973-1975)

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết, hòa bình được lập lại trên đất nước ta. Cuối tháng 3 năm 1973, tất cả các đơn vị quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu đã rút về nước. Ngày 29 tháng 3 Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Tướng Uâyen, Tổng chỉ huy và Bộ tham mưu quân viễn chinh Mỹ cùng 2.051 lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam. Với thắng lợi đó cách mạng nước ta bước vào một giai đoạn mới. Thế và lực của ta trên chiến trường có sự

thay đổi có lợi cho ta, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân ta tiếp tục tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Là một tỉnh đầu cầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Quảng Bình quyết tâm thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hộ "Không có gì quý hơn độc lập tự do", "Đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào". Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh đã sớm xác định vị trí, trách nhiệm chính trị của mình kiên quyết dương cao ngọn cờ chống Mỹ cứu nước, nỗ lực phấn đấu khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng lại quê hương sau chiến tranh, góp phần cùng cả nước giành thắng lợi lịch sử vĩ đại, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc đã kết thúc nhưng hậu quả của nó để lại cho miền Bắc nói chung và Quảng Bình nói riêng hết sức nặng nề và phức tạp. Toàn tỉnh có 133 xã, phường bị đánh phá trong đó thị xã Đồng Hới, thị trấn Ba Đồn bị san bằng; 31 xã, 152 thôn bị đánh có tính chất hủy diệt làm 16.391 người chết, 22.456 người bị thương, hàng vạn trẻ em phải sống trong cảnh mồ côi cha mẹ; trên 6 vạn ngôi nhà, gần 800 kho tàng, 116 trường học, 43 cơ sở y tế, hàng nghìn ô tô, tàu thuyền ca nô, phà... bị hủy hoặc cháy hỏng. Hàng ngàn hécta rừng bị phá trụi, 5.394 hécta đất canh tác bị bỏ hoang, hơn 1 vạn trâu bò, 3 vạn con lợn bị bom đạn Mỹ giết chết[1]. Nền kinh tế địa phương vốn nghèo nàn lạc hậu, mang nặng tính chất của một nền sản xuất nhỏ, phân tán, lệ thuộc thiên nhiên, thiên

---

(1) Theo thống kê tội ác của đế quốc Mỹ với Quảng Bình của ban điều tra tội ác chiến tranh tỉnh - Báo cáo của Đảng bộ tỉnh khóa VI.

tai khắc nghiệt. Trong một thời gian dài đã phải dồn sức tập trung vào nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước vì vậy nền kinh tế tỉnh nhà gặp nhiều khó khăn. Trong những năm chiến tranh ác liệt ấy để trụ vững và đánh thắng kẻ thù, nhân dân Quảng Bình chấp nhận mọi sự thiếu thốn và khắc nghiệt từ khí trời đến ngọn rau, hạt gạo để chiến đấu và sản xuất, vì thế mà nạn dịch hoành hành sức khỏe con người một cách nghiêm trọng. Theo điều tra ngành y tế ở 4 vùng khác nhau sau tháng 1 năm 1973 có tới 56% số người được kiểm tra mắc các bệnh suy nhược thần kinh, đường ruột, thấp khớp[1]. Hệ thống giao thông bị thiệt hại nặng nề, hàng chục công trình thủy lợi, hàng trăm cơ sở sản xuất bị kẻ thù đánh phá hư hại mất khả năng hoạt động hoặc phải sửa chữa lại. Chiến tranh chấm dứt nhưng hậu quả của nó còn vương sót lại trên những cánh đồng, những mảnh vườn... vì thế người dân Quảng Bình lại một lần nữa đổ máu trên quê hương thân yêu của mình.

Sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Quảng Bình biểu thị quyết tâm khắc phục dần tư tưởng tác phong ảnh hưởng nặng nề của lề lối sản xuất nhỏ, tri thức về kinh tế, năng lực lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát huy truyền thống quê hương "hai giỏi", phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, đoàn kết chặt chẽ, tự tin dũng cảm bước vào trận chiến đấu mới: cuộc chiến đấu để hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, khôi phục và phát triển kinh tế xã hội, tiếp tục xây dựng hậu phương vững

---

(1) Báo cáo tình hình 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa sau chiến tranh (1973-1975) và phương hướng nhiệm vụ thời gian tới của Ban chấp hành Đảng bộ- số 01BC/QB - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

mạnh và làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến trong giai đoạn cách mạng mới.

Ngày 28 tháng 1 năm 1973, Ban chấp hành Trung ương Đảng lao động Việt Nam (nay là Đảng cộng sản Việt Nam) ra lời kêu gọi nhân dân cả nước, khẳng định cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước đã giành được thắng lợi rất vẻ vang. Tuy nhiên những thế lực quân phiệt phát xít, công cụ của chủ nghĩa thực dân mới đi ngược lại nguyện vọng của dân tộc ta vẫn chưa từ bỏ những âm mưu phá hoại hòa bình, ngăn trở con đường độc lập tự do của nhân dân ta. Trung ương Đảng nhắc nhở nhân dân cả nước "Tăng cường đoàn kết đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà".(1)

Tháng 2 năm 1973, đồng chí Lê Duẩn- Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng vào thăm và làm việc với lãnh đạo cốt cán tỉnh Quảng Bình. Đồng chí đã khẳng định: "Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước Quảng Bình đã có cống hiến xuất sắc thì trong công cuộc xây dựng hòa bình, Quảng Bình có thể và trở thành một tỉnh tiêu biểu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa"(2).

Xuất phát từ tình hình, nhiệm vụ mới và căn cứ vào đặc điểm của tỉnh Quảng Bình, dưới ánh sáng của Nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị vào đầu tháng 3 năm 1973 mở rộng đề ra nhiệm vụ trước mắt của quân dân Quảng Bình là "Hết lòng,

---

(1) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) - Nhà xuất bản chính trị Quốc gia - Hà Nội 1995, trang 603.
(2) Báo Quảng Bình ngày 16 tháng 2 năm 1973 số 884.



Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam
làm việc với Tỉnh ủy Quảng Bình, tháng 2-1973
(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

hết sức làm tròn nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu cách mạng của cả nước, làm tốt nhiệm vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Cam pu chia. Mặt khác ra sức tranh thủ thời cơ thuận lợi, tập trung mọi khả năng nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống, phục hồi sức khoẻ nhân dân khôi phục và phát triển sản xuất mạnh mẽ về nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp, mở rộng giao thông vận tải. Tích cực sắp xếp lao động vào các hướng phát triển sản xuất và xây dựng. Tăng cường và chuyển hướng quản lý kinh tế sang thời bình, tổ chức tốt lưu thông phân phối để nhanh chóng đưa mọi hoạt động trở lại bình thường; ra sức đẩy mạnh xây dựng cơ bản nhằm khôi phục lại các cơ sở bị đánh phá trong chiến tranh, khởi công xây dựng các cơ sở vật chất, kỹ thuật mới để tạo điều kiện phát triển sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; Tiến hành công tác điều tra cơ bản, khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch, xây dựng kế hoạch dài hạn 3 năm (1973-1975); Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ, công nhân nhằm chuẩn bị cho việc phát triển kinh tế văn hóa trong hòa bình với quy mô lớn và tốc độ cao. Đồng thời không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, giữ gìn trật tự an ninh trong tỉnh" [1].

Nhiệm vụ của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình do Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng đề ra đã thể hiện rõ hai nhiệm vụ chiến lược của Quảng Bình khi hòa bình lập lại là: "Sẵn sàng chiến đấu, phục vụ tiền tuyến, giải phóng miền Nam,

---

(1) Trích báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, xác định nhiệm vụ năm 1973, và những biện pháp hoàn thành kế hoạch 6 tháng cuối năm-Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

thống nhất Tổ quốc; khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng lại quê hương giàu mạnh". Với khẩu hiệu "4 chuyển": Chuyển nhiệm vụ chính trị và ý chí phấn đấu của Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình từ chiến tranh sang thời kỳ hòa bình; chuyển tổ chức bộ máy chỉ đạo thời chiến tranh sang hòa bình; chuyển sinh hoạt của nhân dân từ dưới mặt đất lên; chuyển phong trào lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành, các đoàn thể phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.(1)

Được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, quân và dân Quảng Bình khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng (tháng 3 năm 1973) đẩy nhanh các hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.

Sản xuất nông nghiệp có vị trí hàng đầu, quan trọng trong nền kinh tế Quảng Bình. Trong đó việc đáp ứng đủ nhu cầu về lương thực là vấn đề thiết yếu và bức bách nhất, đây cũng là nguyện vọng thiết tha từ lâu của nhân dân toàn tỉnh. Nhận thức sâu sắc vấn đề đó, Tỉnh ủy chủ trương, trong vài năm tới, sẽ cố gắng khôi phục hết diện tích hoang hóa ở vùng đồng bằng, từng bước mở mang diện tích vùng gò đồi, tăng nhanh năng suất lúa và nâng cao tỷ trọng màu trong lương thực. Cuối năm 1973 toàn tỉnh khai hoang được 277 héc ta, đưa vào sản xuất 222 héc ta. (Trong đó Tuyên Hóa 22 héc ta, Quảng Trạch 35 héc ta, Bố Trạch 50 héc ta, Lệ Thủy 50 héc ta, Quảng Ninh 65 héc ta. Nhân dân, cán bộ

---

(1) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1974 và nhiệm vụ kế hoạch năm 1975 của Uỷ ban kế hoạch Quảng Bình - Lưu tại Tiểu ban lưu trữ Tỉnh ủy Quảng Bình.

toàn tỉnh đã san lấp hố bom được 6.000 mét khối, tăng nhanh diện tích gieo trồng lương thực của tỉnh vào năm 1974.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 19 "đưa chăn nuôi lên ngành sản xuất chính". Tỉnh chú ý việc tuyên truyền, động viên chăn nuôi trong toàn dân, cử cán bộ về tận xã thôn hướng dẫn kỹ thuật chọn giống và kỹ thuật nuôi, nghiên cứu lai giống cung cấp cho các hộ nông dân. Các trại chăn nuôi tập thể được di chuyển từ nơi sơ tán về địa điểm tập trung, đàn lợn được tăng lên rõ rệt. Trại Sen Bàng được khôi phục lại số lượng đã tăng lên 211 con, trại Hồng Thủy xây dựng được 74 ô chuồng đưa đàn lợn lên 100 con, số trại khác tập trung xây dựng mở nhiều ô chuồng, tăng nhanh số lượng đàn lợn. Kết hợp với ngành chăn nuôi, Ngành tài chính đầu tư vốn để khôi phục các trại lợn giống quốc doanh. Tính đến cuối năm 1973 tỉnh đã có đàn lợn hơn 13,3 vạn con vượt chỉ tiêu 2,7%, đàn trâu bò 6 vạn con tăng 5% so với năm 1972; bình quân mỗi hộ gia đình có 1 đến 2 đầu gia súc. Nhờ coi trọng phát triển chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp trong tỉnh đã giải quyết một phần đáng kể về sức kéo và phân bón. Ngoài ra ngành chăn nuôi còn góp phần quan trọng vào việc tạo nguồn cung cấp thực phẩm cho nhu cầu đời sống của nhân dân, cán bộ trên địa bàn.

Công tác thủy lợi được tỉnh chú trọng và xem đó là một vấn đề cần giải quyết có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Sau chiến tranh chống phá hoại của đế quốc Mỹ hầu hết các công trình thủy lợi ở

Quảng Bình đều bị bom đạn giặc Mỹ đánh phá. Một số công trình lớn hư hỏng nặng như đập Cẩm Ly, Đá Mài, Rào Nan... nhiều công trình đang xây dựng phải ngừng thi công vì chiến tranh. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ cho sản xuất, ngoài việc sửa chữa và tu bổ các công trình bị hư hỏng, tiếp tục xây dựng các công trình chưa hoàn chỉnh, tỉnh đã có quy hoạch xây dựng tiếp một số công trình mới ở các vùng trọng điểm lúa Lệ Thủy, Quảng Ninh, Quảng Trạch. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy các đơn vị khẩn trương, hăng hái nhận nhiệm vụ. Với quyết tâm thực hiện "Lệ Thủy đi trước một bước", Tỉnh ủy huy động các đơn vị bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và Đoàn thanh niên thành lập các đội xung kích để làm lực lượng nòng cốt trên mặt trận thủy lợi. Từ Cẩm Ly, Rào Nan, Đá Mài, Đồng Ran, Tiên Lang, Mỹ Trung, Bang đến hữu ngạn Kiến Giang, Hạc Hải... không khí thi đua diễn ra sôi nổi nhằm giành năng suất lao động cao, chất lượng tốt, ngày công nhiều. Sự nổ lực không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Quảng Bình đã đưa lại kết quả: Gần 29.000 héc ta đất trồng cây lương thực được bảo đảm nước tưới; 1000 héc ta thoát khỏi nạn ngập mặn và hơn 2.600 héc ta được tiêu úng[1]. Vụ lúa xuân năm 1973 do rét kéo dài, việc gieo cấy không thuận lợi, mạ chết nhiều, những trà lúa cấy sớm chậm phát triển. Được sự giúp đỡ của ngành nông nghiệp, các địa phương đã động viên bà con nông dân mạnh dạn gieo mạ trên sân và gieo thẳng để bù lại số mạ và lúa chết rét. Nhiều hợp tác xã tổ chức cho xã

---

(1), Báo cáo Đại hội thi đua "hai giỏi" tỉnh Quảng Bình năm 1965-1975 - Lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

viên ăn cơm tại đồng để giành thời gian gieo cấy kịp thời vụ. Sau đợt rét đậm vụ xuân, đến thời điểm làm vụ 8, vụ 10 Quảng Bình lại gặp hạn nặng. Hết hạn hán lại đến bão lụt gây ngập úng, sản xuất nông nghiệp liên tiếp gặp khó khăn. Mặc dù bà con nông dân đã có cố gắng lớn, nhưng diện tích gieo cấy cả năm vẫn không đạt kế hoạch, gieo cấy không đảm bảo thời vụ; việc chăm bón chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật... Do vậy năng suất lúa chỉ đạt từ 8,7 đến 18 tạ/ha; màu đạt năng suất rất thấp (3,7tạ/ha). Tổng sản lượng lương thực mới đạt 76,4% chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tỷ trọng màu trong lương thực chỉ có 17% - đây là mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây và điều đó đã ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân toàn tỉnh, nhất là đối với bà con nông dân.

Để đẩy mạnh thâm canh, tăng nhanh năng suất cây trồng tăng thu nhập ổn định đời sống. Tỉnh ủy đã chỉ đạo ngành nông nghiệp đầu tư nghiên cứu, lai tạo, xác định giống mới. Nhờ biết sử dụng đúng các biện pháp kỹ thuật và biết áp dụng các loại giống mới như: NN8, 390, 314 vì thế năng suất lúa của tỉnh đạt từ 19 đến 32 tạ/ha. Giống ngô Ấn Độ đạt năng suất từ 27 đến 40 tạ/ha. Riêng loại ngô giống Gan-Ga năng suất bình quân trên diện rộng từ 30 đến 36 tạ/ha[1]. Những kết quả đạt được trên mặt trận sản xuất nông nghiệp đã nâng cao tổng thu nhập toàn tỉnh. Quảng Bình ổn định một bước về đời sống sinh hoạt mà trước đó gặp không ít những khó khăn. Đời sống nhân dân ngày

---

(1), Báo cáo Đại hội thi đua "hai giỏi" tỉnh Quảng Bình năm 1965-1975 - Lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình

được nâng cao. Nông dân có thêm vốn và kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp; nhằm mục tiêu nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm hòan thành kế hoạch Nhà nước, hàng vạn cán bộ, công nhân các xí nghiệp, xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn trong sản xuất, trong đời sống để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Quảng Bình ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã tiến hành khẩn trương khôi phục các cơ sở sản xuất, chuyển các cơ sở sản xuất từ nơi sơ tán về địa điểm cũ vừa khôi phục xây dựng vừa đẩy mạnh sản xuất. Mặc dù còn nhiều khó khăn về vật tư, tiền vốn, lao động, về tổ chức đời sống nhưng nhiều cơ sở xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã đã ổn định sản xuất và hoàn thành kế hoạch như lâm trường Ba Rền, 2 xưởng cưa Ba Rền, xí nghiệp A3... Ngành điện lực, công suất lên 2.200KW với mạng lưới đường dây 100km. Cụm điện Lộc Ninh, Rào Nan, Cộn đã sản xuất điện sớm hơn kế hoạch. Tỉnh chỉ đạo phục hồi xí nghiệp điện Quảng Bình, giao cho xí nghiệp quản lý và điều hành 3 cụm điện Lộc Ninh, Lệ Thủy và Nam Lý. Cụm điện Nam Lý đã lắp đặt hoàn chỉnh 6 máy phát 2400KW trước thời hạn quy định hoàn thành 40,7 kimômét đường dây cao thế, hạ thế và 12 trạm biến áp 180KVA. Trạm điện Ba Đồn cũng lắp đặt xong 2 máy phát 800KW đưa vào hoạt động. Chỉ trong thời gian ngắn cụm điện Lộc Ninh hoàn thành lắp đặt 4 tổ máy 16.000KW. Trạm điện Rào Nan có 3 máy 60KW, xưởng điện Cộn lắp thêm 2 máy 24KW và 1 máy 50W. Mạng lưới

điện trong tỉnh đã góp phần ổn định qui trình sản xuất nâng cao năng suất của các xí nghiệp. Thường xuyên cung cấp điện kịp thời cho việc chống úng, chống hạn, đảm bảo đúng mùa vụ sản xuất hoa màu, cây trồng, đáp ứng được những nhu cầu cần thiết sinh hoạt của đời sống nhân dân.

Cùng với ngành điện ngành cơ khi và ngành vật liệu xây dựng cũng có nhiều sự cố gắng đáng ghi nhận. Sau hiệp định Paris, các cơ sở của ngành cơ khi đều chủ động đưa máy móc phương tiện kỹ thuật về lại vị trí cũ, xí nghiệp A3, xí nghiệp đóng tàu thuyền X200 được tỉnh trang bị thêm phương tiện máy móc kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu lắp rắp, sửa chữa đóng tàu thuyền sông biển loại từ 25 đến 135 CV. Ngoài khu vực quốc doanh tỉnh còn có 22 điểm cơ khí nhỏ của các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp có khả năng đóng được 2500 tấn thuyền/ năm đã đi vào hoạt động. Ngành vật liệu xây dựng với mạng lưới cả quốc doanh và thủ công nghiệp từ tỉnh đến các huyện đã đạt công suất 28 triệu viên gạch ngói/năm; 28.000 tấn và 120.000m^3 đá và 1.000 tấm bê tông đúc sẵn, đáp ứng được một phần nhu cầu xây dựng trong toàn tỉnh.

Phát huy truyền thống kiên cường, bất khuất của Đảng bộ và tinh thần tương thân, tương trợ của quần chúng nhân dân, Đảng bộ và quân dân Quảng Bình đã chuyển cuộc sống của 40 vạn dân từ hầm hào lên mặt đất, 13 vạn học sinh đã có trường lớp kịp thời vào năm học mới[1]. Mặt khác Tỉnh uỷ phối hợp với các Ban ngành trong tỉnh đã cố gắng giải quyết một số nhu cầu cấp bách cho quần chúng

(1) Nghị quyết Tỉnh ủy về tình hình 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng tới-Số 17NQ/QB - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình.

nhân dân, cung cấp phân phối những mặt hàng thiết yếu trong sinh hoạt của nhân dân, giải quyết tốt những khó khăn trong những ngày giáp hạt, những ngày nắng hạn gay gắt. Những kết quả bước đầu của Đảng bộ Quảng Bình đã ổn định một phần đời sống của nhân dân.

Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, chuyển từ tình hình có chiến tranh sang hòa bình, Đảng bộ Quảng Bình đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục tình hình nhiệm vụ mới, động viên chuyển khí thế cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước thành khí thế tiến công trong nhiệm vụ khôi phục phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Đảng bộ chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ các cấp, quán triệt đường lối chính sách của Trung ương; Công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật trong Đảng cũng được chú ý; công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ năm 1973 đã kết nạp được 333 đảng viên mới hầu hết là trẻ, có văn hóa, là chiến sĩ hai giỏi. Tổng số đảng viên toàn tỉnh năm 1973 lên đến 29.550 người [(1)]. Tổ chức chính quyền đã hoàn thành đợt bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã, huyện, kiện toàn một bước ủy ban hành chính các cấp, đề cao được ý thức dân chủ trong quần chúng.

Mặc dù, trong điều kiện có nhiều khó khăn lớn do hậu quả chiến tranh nặng nề, do thiên tai khắc nghiệt, nhưng Đảng bộ, nhân dân ta đã nổ lực vượt lên mọi khó khăn, đạt được những thành tích lớn trên mọi mặt và cố

---

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ trình bày trước Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ 6 - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

gắng giúp Quảng Trị kết nghĩa. Một vùng Quảng Trị đã được giải phóng. Công ty ô tô chở hàng chục ngàn đồng bào Quảng Trị sơ tán ra Quảng Bình và từ Hà Tĩnh đưa vào trở về quê nhà. Công đoàn công ty ô tô tổ chức đưa đón nhiệt tình chu đáo thể hiện đậm đà tình thương yêu ruột thịt, tình cốt nghĩa chiến đấu. Các đơn vị ngành công nghiệp đã vận chuyển từ nơi sơ tán hàng trăm tấn máy móc để kịp thời phục vụ cho nông nghiệp. Xí nghiệp mộc Ba Đồn, xí nghiệp cơ khí Kiến Giang vừa khẩn trương xây dựng vừa sản xuất hàng trăm xe cải tiến, hàng ngàn nông cụ các loại góp phần phục hồi kinh tế cho Quảng Trị. Tỉnh thu mua 255 tấn muối của đồng bào vùng mới giải phóng theo kế hoạch của tỉnh Quảng Trị.(1)

Đạt được kết quả đó là do sự cố gắng chung của Đảng bộ và quân dân trong tỉnh, các cấp, các ngành đã quán triệt nghị quyết đầu năm của Tỉnh ủy, cố gắng động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng thực hiện. Cán bộ, đảng viên, quần chúng nhận thức được vị trí và trách nhiệm chính trị, đã ra sức phấn đấu làm tròn nhiệm vụ của mình, đồng thời Quảng Bình là tỉnh được Trung ương Đảng và Chính phủ động viên cổ vũ, được các Bộ ngành Trung ương hết sức giúp đỡ tạo điều kiện cho Quảng Bình có những thuận lợi mới.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đang sống ở giai đoạn vẻ vang nhất trong lịch sử dân tộc, đồng thời cũng đang đứng trước những trách nhiệm lịch sử nặng nề. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi vĩ

---

(1) Báo cáo tình hình phong trào công nhân viên chức và hoạt động công đoàn từ đầu năm 1973 đến 30 tháng 8 năm 1973. Số 50BC/CĐ - Lưu tại phòng lưu trữ Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

đại, miền Bắc đã được hòa bình. Song các mục tiêu của cách mạng miền Nam vẫn chưa hòan thành, nước nhà vẫn chưa thống nhất.Trong bối cảnh đó, nghị quyết hội nghị lần thứ 22 Ban chấp Trung ương Đảng lao động Việt Nam họp tháng 12 năm 1973 đã đề ra nhiệm vụ của miền Bắc trong giai đoạn mới là: "Đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, ra sức tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, nâng cao cảnh giác sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai, ra sức làm tròn nghĩa vụ của mình trong cuộc đấu tranh hòan thành độc lập, dân chủ ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế với cách mạng Lào và cách mạng Cam pu chia"[1].

Để làm tròn nhiệm vụ trên, và thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng trong thông báo của Ban Bí thư ngày 15 tháng 2 năm 1974, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình càng phải xác định rõ: Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở vị trí tiền tiêu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa tiếp giáp với miền Nam và Trung - Hạ Lào, có một trách nhiệm nặng nề và cũng là vinh dự lớn đối với sự nghiệp cách mạng trong cả nước. Trước tình hình mới, tuy miền Bắc có hòa bình nhưng nhiệm vụ của Quảng Bình vẫn còn nặng nề và đây là trách nhiệm, vinh dự của nhân dân cả nước giao phó cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình. Trước trách nhiệm lớn lao đó Quảng Bình cần phải đẩy nhanh hơn nữa tốc độ khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa xây dựng thành một

---

(1) Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập II (1954-1975) Nhà xuất bản chính trị Quốc gia - Hà Nội 1995 - trang 621.

tỉnh tiêu biểu cho chế độ xã hội chủ nghĩa của miền Bắc trong bước đi ban đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xứng đáng là một tỉnh đầu cầu tiếp giáp giữa hai miền. Nhiệm vụ đó rất nặng nề, cấp bách không những có ý nghĩa về kinh tế, đời sống của nhân dân mà còn có ý nghĩa chính trị rất lớn là một thử thách mới của Đảng bộ và nhân dân trong thời kỳ mới, đóng góp một phần mình với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đồng thời phải tiếp tục làm tròn nhiệm vụ đối với tiền tuyến, đối với Trị - Thiên Huế, phải đảm bảo nghĩa vụ quốc tế vô sản đối với sự nghiệp cách mạng của tỉnh bạn Sa-va-na-khét, và phải tiếp tục nêu cao cảnh giác sẵn sàng đối phó có hiệu quả với mọi âm mưu hoạt động của địch.

Thực hiện nhiệm vụ trong thời kỳ mới, theo chỉ thị của Trung ương Đảng, **Đại hội đại biểu lần thứ VI Đảng bộ Quảng Bình** được khai mạc. Đại hội được tiến hành từ ngày 17 đến ngày 23 tháng 6 năm 1974 tại Đồng Hới. Về dự đại hội có 300 đại biểu chính thức thay mặt cho 3 vạn đảng viên của 18 Đảng bộ toàn tỉnh. Đồng chí Hà Thị Quế, ủy viên Trung ương Đảng về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ VI quán triệt sâu sắc ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiến hành Đại hội: "... Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần này cần đánh giá đúng đắn những thành tích và ưu điểm để tích cực phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và nhân dân đồng thời thấy rõ những khuyết điểm và nhược điểm chính để kịp thời khắc phục, thấu suốt và thi hành tốt Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng nhằm tăng cường đoàn kết nhất trí nội bộ trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng và nhiệm vụ cách mạng của địa phương, phát huy tinh thần phấn khởi, lạc quan tin tưởng và ý chí cách mạng của toàn

Đảng bộ, toàn dân, để làm tốt nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm các yêu cầu chi viện trong giai đoạn mới..." [1] Căn cứ vào ý kiến của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đại hội đánh giá thành tích trong 10 năm, nhất là trong 8 năm chống Mỹ cứu nước. Đảng bộ cùng quân và dân toàn tỉnh đã trải qua một thời kỳ đầy thử thách hy sinh và đã giành nhiều thắng lợi vẻ vang nhất trong lịch sử đấu tranh cách mạng của mình. Trong 10 năm qua, dưới ánh sáng đường lối chính trị và quân sự đúng đắn của Đảng, được Trung ương Đảng, Chính phủ, Bác Hồ kính yêu quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, được cả nước yêu thương đùm bọc, cổ vũ, cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh sớm xác định được trách nhiệm cao cả của địa phương đối với cả nước, một lòng một dạ hướng về miền Nam thân yêu, Trị Thiên ruột thịt "Quân và dân Quảng Bình chấp hành chủ trương của Trung ương có vận dụng một cách sáng tạo và đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sức mạnh của chế độ xã hội mới, của quan hệ sản xuất mới, đoàn kết chiến đấu, bất chấp mọi gian khổ hy sinh, dấy lên cao trào chống Mỹ cứu nước, sôi nổi khắp mọi nơi; lập nên thành tích xuất sắc, góp phần vào thắng lợi chung của cả dân tộc trong sự nghiệp vĩ đại chống Mỹ, cứu nước.[2] Đại hội cũng đã đánh giá "qua chỉ đạo chiến tranh Đảng bộ đã

---

(1) Thông báo của Ban Bí thư về Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quảng Bình, số 03 TB/TƯ ngày 25-2-1974. Lưu tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

(2), Trích Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ VI - Tài liệu lưu trữ tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình.

trưởng thành về nhiều mặt. Số lượng Đảng viên tăng hai lần so trước chiến tranh, cơ sở Đảng được mở rộng khắp nơi; Trong phong trào cao trào cách mạng sôi nổi của quần chúng trình độ chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng và của cán bộ Đảng viên sát đúng phù hợp tình hình".(1) "Trong chiến tranh ác liệt đầy hy sinh gian khổ Đảng đã giữ vững được đời sống vật chất của nhân dân và đã xây dựng được một đời sống tinh thần cao đẹp. Tuyệt đối tin tưởng và đoàn kết, gắt bó chặt chẽ xung quanh Đảng bộ, sẵn sàng hy sinh vì nước, vì lợi ích chung. Đó là phẩm chất cao quí làm cho sức mạnh của trên 40 vạn nhân dân Quảng Bình nhân lên gấp bội, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trách nhiệm nặng nề trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (2) Đại hội thông qua nghị quyết về phương hướng và nhiệm vụ mới của Đảng bộ trong thời kỳ tiếp theo. Căn cứ vào những quan điểm cơ bản và nội dung tinh thần Nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, Đại hội đề ra nhiệm vụ chung của tỉnh ta trong giai đoạn mới là "Tăng cường đoàn kết Đảng bộ và quân dân trong tỉnh, không ngừng nêu cao khí thế cách mạng tiến công, tiếp tục làm tròn hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới. Một mặt ra sức xây dựng chủ nghĩa đồng thời tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng. Phát huy ba thế mạnh về nông nghiệp, nghề rừng, nghề biển, tăng nhanh nguồn sản phẩm hàng hóa cung cấp cho Nhà nước và xuất khẩu, xây dựng lại quê hương giàu mạnh. Mặt khác làm tròn trách nhiệm với miền Nam, đối với Trị Thiên - Huế ruột thịt ra tăng cường hợp tác tương trợ với tỉnh bạn Xa-

(1), (2) Trích Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ VI - Tài liệu lưu trữ tại tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình.

van-na-khẹt; đồng thời phải nâng cao cảnh giác thường trực, tăng cường công tác quân sự, trị an, kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu hành động khiêu khích phá hoại của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai" (1)

Đại hội đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế trong 2 năm 1974-1975: "Nỗ lực phấn đấu để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất, củng cố quan hệ sản xuất và chế độ xã hội chủ nghĩa về mọi mặt; tập trung vào trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực. thực phẩm, hàng tiêu dùng và chú trọng sản xuất vật liệu xây dựng... Tích cực chuẩn bị cho việc phát triển kinh tế văn hóa toàn diện và mạnh mẽ trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980)..." (2)

Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đại hội đã nhấn mạnh trong giai đoạn mới phải đặc biệt tăng cường năng lực lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của các cấp Đảng bộ, thực sự đề cao hiệu lực quản lý của hệ thống chính quyền, và phát huy đầy đủ vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, ra sức đẩy mạnh phong trào lao động, sản xuất cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng Quảng Bình tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, xứng đáng với vị trí một tỉnh tiếp giáp giữa hai miền.

Để chuẩn bị cho bước phát triển mới về mọi mặt, Đại hội đã nhiệt liệt biểu dương những thành tích của quân và dân trong tỉnh đã vượt mọi khó khăn thử thách lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu dũng cảm quên mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà từ

---

(1), (2) Tư liệu đã dẫn...

nhiệm kỳ đại hội đại biểu lần thứ 5 (1963) đến nhiệm kỳ Đại hội đại biểu lần thứ 6 (1974); nhưng đồng thời Đại hội cũng đã nghiêm túc kiểm điểm phê phán những khuyết điểm và nhược điểm như "thiếu tập thể dân chủ trong lãnh đạo; e dè, nể nang chưa làm tốt tự phê bình và phê bình; chưa nắm chắc những đặc điểm về kinh tế và tự nhiên của địa phương; chưa phát huy được những kinh nghiệm tốt của nhân dân, của các điển hình tiên tiến và tri thức của cán bộ khoa học kỹ thuật, thiếu khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm của các tỉnh khác để có những chủ trương, biện pháp chính xác trong chỉ đạo kinh tế; chưa bồi dưỡng và sử dụng tốt cán bộ"[1]

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 26 đồng chí, (trong đó có hai đồng chí dự khuyết), để lãnh đạo, hướng dẫn, tổ chức, động viên toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội. Đồng chí Cổ Kim Thành được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.[2].

Đại hội đại biểu lần thứ VI Đảng bộ Quảng Bình đánh dấu một sự kiện lịch sử quan trọng. Đại hội kêu gọi Đảng bộ các cấp, các ngành, các đoàn thể, các lực lượng vũ trang và an ninh, các tầng lớp nhân dân chấp hành nghiêm

---

(1) Thông báo ý kiến của Ban Bí thư về Đại hội đại hiểu Đảng bộ Quảng Bình số 03-TB/TW ngày 25/2/1974. Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

(2) Đồng chí Nguyễn Tư Thoan bị khai trừ ra khỏi Đảng về lý lịch bản thân có một vấn đề không khai "vẫn dấu Đảng" và "đã làm sai nguyên tắc tổ chức của Đảng, phạm nhiều hành động độc đoán, dẫn tới quyết định một số chủ trương sai lầm về kinh tế và công tác cán bộ". (Nghị quyết của Ban Bí thư số 2220-NQ-NS/TW ngày 3/5/1974 về việc thi hành kỷ luật đồng chí Nguyễn Tư Thoan, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình) - Lưu tại Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

chỉnh nghị quyết 22 của Trung ương Đảng, thực hiện tốt yêu cầu của Ban Bí thư đã chỉ thị "... Quảng Bình đã từng là một tỉnh có phong trào quần chúng mạnh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có nhiều điển hình chiến đấu giỏi, tổ chức sản xuất và đời sống trong thời chiến... Ban Bí thư tin tưởng rằng qua Đại hội lần này Quảng Bình sẽ sớm trở thành một trong những tỉnh khá nhất trong phong trào thi đua "lao động, sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội...".

Dưới ánh sáng nghị quyết hội nghị lần thứ 22 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, quán triệt nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ VI và các nghị quyết quan trọng khác của Đảng và Nhà nước phát huy thắng lợi phong trào "hai giỏi" bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực, Ban chấp hành Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo quần chúng nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhờ đó, cơ sở vật chất và kỹ thuật của nền kinh tế và các cơ sở phúc lợi được phục hồi và mở rộng, năng lực sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải... được nâng cao. Công tác văn hoá giáo dục, y tế được mở mang và phát triển mạnh.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp Tỉnh ủy chỉ thị cho ngành nông nghiệp và cấp ủy, chính quyền các cấp trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp mở Đại hội nông dân tập thể để xây dựng bản "Dự thảo Điều lệ hợp tác xã bậc cao". Toàn tỉnh có 236 hợp tác xã tiến hành Đại hội với sự tham gia của gần một vạn xã viên (bằng 78,3% tổng số xã viên toàn tỉnh). Do làm tốt việc quán triệt chủ trương của tỉnh và tích cực tuyên truyền vận động trong

quần chúng nên ở các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch và thị xã Đồng Hới có 100% số hợp tác xã đã tổ chức Đại hội đạt kết quả tốt. Qua đợt sinh hoạt chính trị, nhận thức về quan điểm, đường lối nông nghiệp của Đảng, tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng xã viên được nâng cao rõ rệt. Khắp nơi trong tỉnh, phong trào trả nợ khê động nhiều vụ, trả lại ruộng đất lấn chiếm sai chính sách đã trở thành hành động tự giác của nông dân. Xã viên các hợp tác xã Dài Hổ, Phúc Trạch, Thống Nhất (Bố Trạch); Tuy Lộc, Hồng Kỳ, (Lệ Thủy) tự giác dời nhà làm trên đất mạ, giao lại cho tập thể 15 héc ta đất canh tác. Ở các hợp tác xã Mỹ Lộc, Tân Phúc, Xuân Hạ, Đinh Thượng (Lệ Thủy) bà con tự nguyện công hữu hóa 99 đò riêng đưa vào hợp tác xã. Xã viên hợp tác xã Thạch Hưng (Bố Trạch) tự giác trả lại 33 con bò của tập thể do từ lâu ban quản lý không nắm được. Các phong trào thi đua: San lấp hố bom, khai hoang mở rộng diện tích, tiếp nhận giống mới cây trồng, hoàn chỉnh thủy nông kiến thiết đồng ruộng... được đông đảo quần chúng tham gia và đưa lại hiệu quả thiết thực. Diện tích khôi phục ở đồng bằng và khai hoang ở vùng kinh tế mới lên đến 2.700 héc ta. Chiến dịch thủy lợi "Đại thắng" thu hút trên 3 vạn người tham gia, các công trình thủy lợi đều được khôi phục hệ thống kênh mương phát triển, diện tích tưới tiêu được tăng thêm. Đồng ruộng được cải tạo ngày càng mở rộng, hệ thống trạm trại nông nghiệp được hình thành từ tỉnh đến các vùng sản xuất. Kết quả bước đầu đó không những có tác dụng củng cố hình thức, sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất mà còn góp phần giữ gìn khối đoàn kết trong nội bộ nông dân ở khu vực nông thôn. Nhờ giải quyết tốt mối quan hệ giữa thủy lợi, gieo

trồng và chăm bón. Năng suất lúa bình quân của cả tỉnh đạt 17 tạ/ha; có 54 hợp tác xã đạt trên 20 tạ/ha; trong đó có 18 hợp tác xã đạt tới 25 tạ/ha. Các hợp xã Cổ Cảng, Lâm Lang, Phong Châu (Tuyên Hóa) đạt năng suất bình quân 3,5 tấn/ha. Sản lượng màu tăng 10.000 tấn so với năm 1973 tỷ trọng màu trong lương thực từ 17% tăng lên 23% trong năm 1974. Phát huy kết quả đó các địa phương chủ động giải quyết nguồn nước tưới, gieo cấy hết diện tích trong khung thời vụ và đẩy mạnh khâu chăm bón. Toàn tỉnh đã gieo cấy vượt 21% so với chỉ tiêu diện tích; năng suất lúa bình quân đạt 14,6 tạ/ha, đưa sản lượng lương thực đạt 12.336 tấn[1].

Trong vụ Đông xuân năm 1974-1975, đã xuất hiện 13 hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn/ha trở lên trên chân ruộng 2 vụ luá, đặc biệt hợp tác xã Đức Ninh đã đưa lên 6 tấn/ha. Quảng Ninh là huyện dẫn đầu về tăng nhanh sản xuất lúa của tỉnh; sản lượng lương thực tăng hơn vụ đông xuân trước 3000 tấn; năng suất bình quân tăng 2,5 tạ/ha so với năm 1973.

Kết quả sản xuất lương thực trong những năm đầu sau chiến tranh phá hoại đã ghi nhận sự nổ lực rất lớn của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Vượt qua hậu quả chiến tranh và sự khắc nghiệt của thiên nhiên, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường khắc phục mọi khó khăn trong sản xuất lương thực; từng bước giảm dần sự trợ giúp của Trung ương, phấn đấu để vươn tới mục tiêu tự đảm bảo nhu cầu lương thực và làm tròn nghĩa vụ của mình đối với cả nước trong tình hình mới.

---

(1) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1974 và nhiệm vụ kế hoạch năm 1975 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Quảng Bình - Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Quảng Bình

Trên mặt trận sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; nhằm mục tiêu nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm hoàn thành kế hoạch Nhà nước, hàng vạn cán bộ, công nhân xí nghiệp, xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp đã phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần tự lực cánh sinh, khắc phục khó khăn trong sản xuất, trong đời sống để hòan thành mọi nhiệm vụ được giao. Điểm nổi bật trong thời gian qua là Quảng Bình vừa di chuyển, vừa phục hồi vừa xây dựng, vừa đẩy mạnh phong trào thi đua lao động, sản xuất và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo 3 hướng lớn, phong trào trong các xí nghiệp, nhà máy, công trường... cả những hợp tác xã thủ công nghiệp đã chuyển một bước vào nội dung quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật và từ đó chất lượng phong trào được nâng cao hơn, vai trò làm chủ của công nhân, viên chức và vai trò trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan Nhà nước được phát huy tốt. Đi đôi với việc tranh thủ thời gian hàn gắn, phục hồi nhanh cơ sở sản xuất bị chiến tranh tàn phá, cán bộ, công nhân, xã viên hợp tác xã đánh cá, ngoài việc ưu tiên sức người sức của chi viện cho tiền tuyến, phát huy tinh thần thường xuyên bám biển, năm 1975 đạt 6.500 tấn/năm. Nhiều hợp tác xã đã bán sản phẩm cho Nhà nước, trong đó có 11 hợp tác xã đã bán từ 80 đến 90% sản lượng đánh bắt như Thống Nhất, Hải Đông, Quang Phú, Hải Thành. Nhiệm vụ động viên sức người sức của chi viện cho chiến trường càng nặng nề. Cả miền Bắc dồn hàng cho Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh, tạo thành những chân hàng vận chuyển đi các hướng. Quảng Bình là hậu phương trực tiếp của miền Nam vừa phải tiếp nhận một lực lượng hàng lớn vừa phải chuyển hàng đi phục vụ các chiến trường và

còn phải phục vụ kế hoạch dân sinh kinh tế trong tỉnh. Trong lúc đó, hệ thống giao thông bị hư hỏng nặng. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngành giao thông huy động sự hỗ trợ của bộ đội, dân quân gấp rút sửa chữa các tuyến đường 1A, 15A, 22... gấp rút sửa chữa các cầu bị hỏng. Chỉ trong một thời gian ngắn, 150 ki lô mét đường liên huyện, liên xã được đưa vào sử dụng; 23 cầu trên các trục đường chính được phục hồi vững chắc. Cảng Đồng Hới được xây dựng. Ngành giao thông còn huy động nhân lực mở rộng ngầm Lý Hòa cho chảy hai chiều, làm cầu phao qua sông Gianh mở thêm 2 tuyến đường lên Minh Hoá, Cao Mại; làm cầu Dài Đồng Hới với tinh thần khẩn trương, kịp thời phục vụ cho lưu lượng xe lớn qua sông. Xí nghiệp cơ khí 3-2 phục vụ kịp thời điện cho các bến bốc dỡ hàng hóa, xí nghiệp còn cử nhiều tổ sản xuất về trực tiếp sửa chữa máy móc, thuyền ở các khu vực sông Gianh và Nhật Lệ. Xí nghiệp ô tô A3 thành lập các tổ lưu động trong một thời gian ngắn kịp thời sửa chữa 82 xe bị hỏng tiếp tục vận hành đưa hàng vào Nam.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã tích cực phấn đấu từng bước ổn định đời sống tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển. Các hoạt động thông tin, văn hóa, sách báo, bưu điện, tuyên thanh, thể dục, thể thao... được đẩy mạnh và phát triển khắp nơi trong tỉnh bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú đã tạo ra không khí tươi vui lành mạnh trong nhân dân, góp phần tích cực vào việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới.

Phong trào thi đua "hai tốt" trong ngành giáo dục phát triển đều khắp, cơ sở trường lớp được củng cố hoặc xây



Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Thủ tướng Phi Đen Caxtơrô thăm đại đội gái pháo binh Ngư Thủy (Lệ Thủy), tháng 9-1973

(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

dựng mới vững chắc hơn. So với năm 1965 số lượng học sinh phổ thông tăng gấp 2 lần. Học sinh cấp III tăng gấp 5 lần. Số người đi học bổ túc văn hóa ngày càng tăng. Toàn tỉnh có trên 40% số xã có lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân, tiêu biểu xã Mai Thủy đã phổ cập cấp II và đang tổ chức học cấp III cho cán bộ chủ chốt. Hệ thống trường chuyên nghiệp nhằm bồi dưỡng về văn hóa đào tạo cán bộ về kỹ thuật về nghiệp vụ ngày càng phát triển đáp ứng một phần yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong toàn tỉnh. Đi đôi với việc phát triển giáo dục, nhiệm vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng được chú trọng. Hầu hết các cơ sở y tế đều được đưa về vị trí tốt nhất. Phần lớn các bệnh viện, trạm xá, y viện được củng cố, mở rộng để tăng thêm năng lực hoạt động ngành y tế phát động phong trào khám chữa bệnh tại nhà cho dân. Tổng số giường bệnh tăng lên ở các bệnh viện 12,3% so với năm 1973,cứ một vạn dân có 14,5 y bác sĩ thì đến năm 1974 tỷ lệ đó đã tăng lên 15,1 người. Ngoài nhiệm vụ phòng bệnh, diệt trừ các ổ dịch, chăm sóc vết thương chiến tranh... ngành y tế đã chỉ đạo tuyến cơ sở đi sâu nghiên cứu, phổ biến kiến thức chữa bệnh bằng đông, tây y kết hợp; khai thác và sử dụng thuốc nam sẵn có trên địa bàn để giảm bớt những khó khăn về thuốc chữa bệnh. Chứng kiến tận mắt hậu quả chiến tranh gây ra ở Quảng Bình, trong chuyến thăm Việt Nam tháng 9 năm 1973, Chủ tịch Phi đen Castrô đã thay mặt nhân dân Cu Ba quyết định xây dựng tặng nhân dân Quảng Bình một bệnh viện hiện đại. Ngày 19 tháng 5 năm 1974 đội quốc tế Cu Ba mang tên "Nguyễn Viết Xuân" đã khởi công xây dựng bệnh viện vào đúng dịp kỷ niệm lần thứ 84 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình hết sức tự hào trước những đổi thay kỳ diệu của đất nước, trước những thành tích to lớn của mình trong những năm tháng chiến đấu cũng như trong thời gian hòa bình xây dựng. Đặc biệt từ năm 1965 đến nay, Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình luôn được sự động viên cổ vũ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Hồ Chủ Tịch, được bạn bè gần xa giúp đỡ hết lòng, đã phát huy đến mức cao nhất chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lập nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu phục vụ chiến đấu, trong sản xuất và tổ chức đời sống. Kết quả đó là sự phấn đấu bền bỉ, gian khổ và không kém phần anh dũng của 50 vạn dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình khoá VI.

NÊU CAO TINH THẦN CẢNH GIÁC, SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

Quảng Bình, một địa bàn chiến lược rất quan trọng là hậu phương trực tiếp của miền Nam tiền tuyến của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương trực tiếp của chiến trường Trị - Thiên, hành lang chiến lược của hai miền Nam-Bắc. Nơi tập kết lực lượng, và là bàn đạp xuất phát tấn công đi các chiến trường. Vì thế Quảng Bình là nơi trọng điểm đánh phá, và mục tiêu phá hoại của kẻ thù.

Xác định vị trí quan trọng của Quảng Bình đế quốc Mỹ tung gián điệp, biệt kích kết hợp với bọn phản động nội địa, phá hoại kinh tế và quốc phòng gây rối trị an, gây chiến tranh phá hoại không quân, hải quân, chúng đánh vào các kho tàng, bến bãi nhằm ngăn chặn sự chi viện, vận chuyển cho chiến trường miền Nam.

Trước hành động đánh phá dã man của đế Quốc Mỹ, Đảng bộ Quảng Bình, giáo dục, động viên nhân dân và các lực lượng vũ trang chấp hành các Nghị quyết của Trung

ương, Quân uỷ Trung ương thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống xấu nhất xảy ra, luôn luôn chủ động để đối phó với mọi âm mưu hành động của địch, quyết tâm bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, xây dựng quê hương Quảng Bình ngày càng vững mạnh, tập trung sức người sức của chi viện đắc lực cho cách mạng Miền Nam.

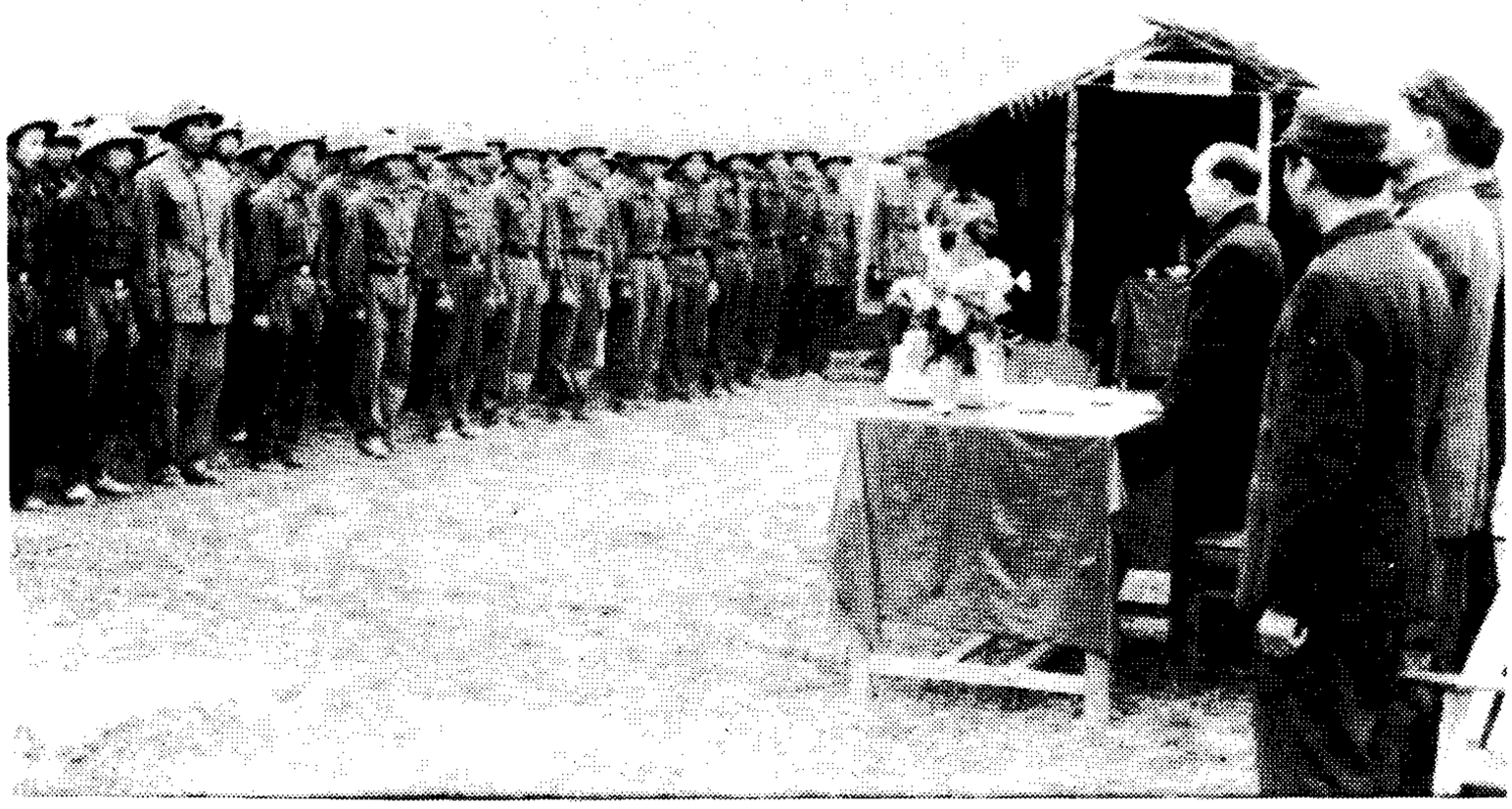
Đảng bộ Quảng Bình phối hợp với lực lượng vũ trang tăng cường xây dựng nâng cao chất lượng toàn diện của bộ đội địa phương. Lực lượng vũ trang phối hợp với công an, nhân dân kịp thời trấn áp mọi hành động phản loạn của bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh. Tỉnh uỷ quyết định xây dựng lực lượng vũ trang địa phương thực sự là nòng cốt của phong trào toàn dân đánh giặc, sẵn sàng mở rộng lực lượng khi cần thiết. Ngoài ra Tỉnh uỷ còn chỉ thị cho các địa phương tích cực xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu phù hợp với quân đội chính quy hiện đại, củng cố quốc phòng sẵn sàng động viên khi có chiến tranh lớn.

Năm 1974, tình thế cách mạng ngày càng thay đổi có lợi cho ta. Để dồn lực lượng chi viện cho chiến trường, các tiểu đoàn bộ đội địa phương của huyện lần lượt giải thể, rút quân số đi chiến trường. Đoàn 80 cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cũng được lệnh giải thể. Quân số của tỉnh từ 4.693 người rút xuống còn 3.067 người. Đi đôi với việc ổn định biên chế các đơn vị bộ đội địa phương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã từng bước củng cố kiện toàn lực lượng dân quân tự vệ. Năm 1973, toàn tỉnh có 51.180 người (chiếm 11,8% dân số) gần 11 tiểu đoàn, 279 đại đội, 772 trung đội và 126 tiểu đội độc lập. đáp ứng nhiệm vụ phòng thủ tháng 7 năm 1974 quân số lên đến 56.020 người, có 18 tiểu đoàn, 343 đại đội 1.210 trung đội và hàng trăm tiểu đội độc lập.

Qua một thời gian biên chế, ổn định tổ chức tỉnh đã xây dựng được lực lượng bộ đội địa phương và dân quân tự vệ có số lượng phù hợp, chất lượng cao cùng nhân dân toàn tỉnh sẵn sàng đập tan mọi âm mưu chiến tranh của kẻ thù, bảo vệ vững chắc địa bàn. Các đơn vị địa phương phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ động viên tuyển quân và huấn luyện quân tăng cường cho miền Nam với số lượng đủ, chất lượng cao thời gian đúng. Đồng thời tiến hành tuyển quân xây dựng các đơn vị bộ đội chuyên làm kinh tế ở địa phương vừa làm lực lượng dự bị sẵn sàng đáp ứng mọi tình huống chiến đấu khác. Ngòai ra các địa phương còn kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, thiết thực chuẩn bị đối phó với mọi âm mưu của kẻ thù, phát huy vai trò của dân quân tự vệ thực sự làm nòng cốt xung kích trong sản xuất.

Trên cơ sở phân tích tình hình nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới thấm nhuần chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do" Đảng bộ Quảng Bình tuyên truyền giáo dục cho quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh thấy được tính chất bức thiết phải thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, tăng cường công tác canh phòng, chủ động kịp thời đối phó với mọi tình huống.

Để tích cực chuẩn bị tốt cho chiến trường, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành có liên quan từng bước xây dựng và hoàn chỉnh các phương án tác chiến; trước mắt khẩn trương tăng cường công tác tuần tra canh gác kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng cùng sản xuất và hoạt động ở từng vùng để sẵn sàng chiến đấu; phía Tây gồm các lực lượng bộ đội, công an vũ trang, lâm nghiệp, và dân quân; phía biển gồm hải quân, các hợp tác xã, và dân quân...



Đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thăm cán bộ chiến sĩ Tiểu đoàn 9 anh hùng đầu xuân 1974

(Ảnh tư liệu Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình)

Ngoài ra Đảng bộ Quảng Bình còn tăng cường công tác kiểm tra chấp hành các chỉ thị, nghị quyết về sẵn sàng chiến đấu, đề ra biện pháp, tăng cường tổ chức diễn tập và luyện tập cho nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương. Chú trọng công tác phòng không, phòng biệt kích ở các cảng Gianh, cảng Đồng Hới, vùng cận và các điểm khác trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan quân sự tỉnh kết hợp với bưu điện, nghiên cứu, tổ chức đường dây liên lạc với các xã trọng điểm ở miền núi và miền biển để kịp thời thông báo và chỉ huy chiến đấu. Đảng bộ Quảng Bình chỉ thị cho các địa phương củng cố và duy trì công tác phòng không nhân dân, tổ chức các tổ, đội cấp cứu, tu sửa hầm hào ở các trọng điểm như chợ, bến xe, trường học, rạp hát, sân bóng, các đơn vị các ngành cần phải chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch sơ tán, phân tán người và của cho nhân dân, cơ quan xí nghiệp... để chủ động tránh các trận tập kích lớn của địch. Tích cực xây dựng đường sá để đảm bảo chủ động giao thông vận tải thông suốt trong thời bình và khi chiến tranh xảy ra. Các ngành lương thực thực phẩm phối hợp với các cơ quan quân sự nghiên cứu xác định các địa điểm làm kho dự trữ phù hợp với yêu cầu sơ tán phòng không và phục vụ chiến đấu tốt.

Lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với công an thường xuyên làm tốt công tác bảo vệ trật tự trị an địa phương, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng đập tan mọi hoạt động xâm nhập nội địa của kẻ địch, nhanh chóng dập tắt tại chỗ mọi hành động gây rối phá hoại phản loạn chống phá cách mạng; lên án trừng trị kịp thời bọn phạm pháp; đập tan mọi hành động chiến tranh tâm lý dưới mọi hình thức. Lực

lượng vũ trang địa phương luôn đi đầu trong các phong trào, vận động nhân dân làm tốt việc giữ gìn tài sản thiết bị của Nhà nước, quân đội đẩy mạnh công tác thu hồi trang thiết bị, súng đạn còn rãi rác ở khắp nơi, kết quả trên 4000 súng các loại, 300 tấn bom đạn và nhiều quân trang quân dụng được thu hồi.

Nhờ Đảng bộ và quân dân trong tỉnh nêu cao tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu vì thế trong thời gian qua tình hình an ninh nội địa được giải quyết tốt. Biên giới bờ biển được giữ vững, các hiện tượng tiêu cực như ma chay, đồng bóng, cờ bạc, móc ngoặc, tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa giảm xuống rõ rệt. Đời sống nhân dân có phần sung túc hơn, nhân dân hết lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

ĐỐC SỨC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM

Chiến thắng lịch sử "Điện Biên Phủ trên không" đã làm thay đổi cục diện của ta và địch trên chiến trường. Cuộc chiến đấu chống chiến tranh xâm lược ở miền Nam đòi hỏi hậu phương miền Bắc phải cố gắng gấp bội. Miền bắc phải tranh thủ những thuận lợi mới trong hoàn cảnh không còn chiến tranh phá hoại; khắc phục hậu quả chiến tranh tăng cường lực lượng cho cách mạng miền Nam. Đầu năm 1973, Trung ương chỉ thị cho Quảng Bình chuẩn bị tham gia một chiến dịch vận tải lớn khi địch ngừng bắn, với khối lượng tiếp nhận là 20 vạn tấn hàng, để giữ vững bí mật chiến dịch mang mật danh "Ngày N".

Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho các ngành, các cấp khẩn trương làm tốt công tác chuẩn bị. Cũng trong thời gian

này tại sở chỉ huy Đoàn 559 đồng chí Đồng Sỹ Nguyên, tư lệnh giao nhiệm vụ cho sư đoàn 571 cùng với tỉnh Quảng Bình bàn biện pháp tổ chức triển khai thực hiện.

Tại ban chỉ huy giao thông vận tải, các đồng chí Trần Sự, Nguyễn Thanh Phong, Lại Văn Ly đã họp bàn phương án vận chuyển để báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy. Đúng 3 giờ sáng ngày 16 tháng 1, Trung ương điện vào: "Mỹ đã ngừng bắn từ 22 giờ ngày 15 tháng 1 năm 1973". 5 giờ ngày 16 tháng 1, các lực lượng và phương tiện vận tải tập kết đầy đủ, ở các bến bãi các đơn vị cầu, phà... bắt tay vào nhiệm vụ. Tranh thủ thời cơ, Trung ương chủ trương mở hai đợt vận chuyển đột xuất đẩy hàng vào cho chiến trường B và C. Nhân dân dọc đường quốc lộ 1A, 15A được huy động ra sửa đường san lấp hố bom. Chỉ trong thời gian ngắn 3 cầu Roòn, Gianh, Long Đại được hoàn thành. Cầu Roòn bắc xong ngày 17 tháng 1 năm 1973 bình quân mỗi ngày có 1.062 chuyến xe ra vào. Cầu Long Đại bắc xong ngày 18 tháng 1 năm 1973 mỗi ngày 572 chuyến xe ra vào. Cầu Gianh bắc xong ngày 21 tháng 2 năm 1973 bình quân mỗi ngày có 684 chuyến xe ra vào.

Tại thị xã Đồng Hới, chiều ngày 17 tháng 1 năm 1973, Đảng bộ và nhân dân Đồng Hới tổ chức mít tinh mừng thắng lợi và huy động chiến dịch lấp cầu Dài nối liền mạch máu giao thông trên chiến trường quốc lộ 1A. Các ngành các cấp, các cơ quan đoàn thể hăng hái tham gia. Sau 15 ngày khúc sông 150 mét đã được ngăn xong. Đến ngày 17 cầu được củng cố vững chắc các đoàn xe nối đuôi nhau vào chiến trường[1].

---

(1) Trích "Đồng Hới trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ..." - Lưu tại Ban Tuyên giáo Thị ủy Đồng Hới.

Kết thúc đợt I, Quảng Bình nhận và chuyển cho chiến trường B được 12 vạn tấn bằng cả kế hoạch 3 tháng chiến dịch VT5 (1968)[1] đạt 100% kế hoạch Trung ương giao

Đợt II của chiến dịch chủ yếu chuyển hàng cho chiến trường C. Các lực lượng vận tải; bộ đội và quân dân của tỉnh đảm nhiệm việc bốc dỡ và tiếp chuyển.Đợt này chủ yếu tạo chân hàng lên Khương Hà - Phong Nha. Công ty ô tô số 8 xí nghiệp 32 (Bộ giao thông vận tải) và binh trạm 14 có nhiệm vụ đưa hàng vào tận cửa khẩu giao cho các binh trạm của Đoàn 559, 959 chuyển qua Tây Trường Sơn giao hàng cho nước bạn.

Sau một tháng chiến dịch kết thúc. Quân và dân Quảng Bình đã nhận và tiếp chuyển ra các chiến trường B, C hơn 220.000 tấn tạo chân hàng chiến lược cho các năm sau. Trung ương điện vào khen tất cả các đơn vị, biểu dương tinh thần trách nhiệm của Đảng bộ Quân và dân Quảng Bình phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch được giao.

Với tình cảm sâu sắc và nghĩa vụ thiêng liêng đối với đồng bào và chiến sĩ ta ở miền Nam và Trị - Thiên ruột thịt, với khẩu hiệu tất cả cho tiền tuyến, "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Sau khi chấm dứt chiến tranh phá hoại đến nay, Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình đã phát huy tuyền thống tốt đẹp của quê hương mình, luôn luôn giữ trọn lời thề sâu sắc của hậu phương với tiền tuyến, coi việc chi viện cho miền Nam cho Trị - Thiên là vinh dự, là trách nhiệm vẻ vang của mình. Suốt trong 6 tháng từ chiến dịch

---

(1) Tuyến lửa những năm tháng sôi động - Sở giao thông vận tải Quảng Bình năm 1993, trang 188

này sang chiến dịch khác Đảng bộ quân và dân ta đã tích cực bảo đảm vượt mức kế hoạch tiếp chuyển hàng ra phía trước. Đồng thời đã đem hết nhiệt tình tiếp đón hàng ngàn chiến sĩ chiến thắng trở về, tiễn đưa hàng vạn đồng bào Quảng Trị ra tạm lánh trở về quê cũ. Ở các vùng mới giải phóng của tỉnh Quảng Trị, tỉnh đã giúp đỡ các phương tiện kỹ thuật góp phần vào việc phục hồi kinh tế, phục hồi các mặt sinh hoạt của nhân dân.

Đi đôi với việc tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, nêu cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Tháng 7 năm 1973, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 21 vạch ra đường lối hòan thành sự nghiệp giải phóng miền Nam. Thực hiện quyết tâm của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh xác định nhiệm vụ tuyển quân là nhiệm vụ nặng nề là công tác trọng tâm đột xuất. Nhận thức được vấn đề đó, các cờ quan, các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong các tầng lớp nhân dân và thanh niên nhờ vậy phong trào đăng ký nghĩa vụ quân sự, quân dự bị động viên và dân công hỏa tuyến đã dấy lên mạnh mẽ khắp nơi trong tỉnh.

Năm 1973 tỉnh đã giao cho các đơn vị 2.450 thanh niên, vượt 3,2% chỉ tiêu [1]. Năm 1974 công tác tuyển quân đạt kết quả cao hơn. Huyện Bố Trạch, cả năm vượt 3,8% chỉ tiêu. Thị xã Đồng Hới, đợt I giao quân vượt 10% cả năm vượt 5,7% chỉ tiêu, là đơn vị dẫn đầu trong năm 1974. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm tỉnh đã huy động được 2.074 thanh niên lên đường nhập ngũ đúng thời hạn được Hội

---

(1) Báo cáo công tác quân sự địa phương Quảng Bình năm 1973 - số 369/BCH.

đồng Chính phủ biểu dương[1]. Đầu năm 1975 trước tình hình mới của cách mạng ở huyện Quảng Trạch, nhiều thôn, xã trước đây không có người nhập ngũ, nay phong trào đã có chuyển biến đồng đều. Thanh niên ở các vùng công giáo như Quảng Lộc, Quảng Phú, Quảng Sơn cũng sôi nổi tòng quân nhân dân khắp nơi trong tỉnh từ đồng bằng, miền núi, ven biển, phong trào làm đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ sôi nổi rầm rộ hơn trước. Dẫn đầu là huyện Bố Trạch, đến ngày 27 tháng 2 đã hoàn thành chỉ tiêu giao quân cả năm, là lá cờ đầu về công tác tuyển quân năm 1975 của tỉnh.

Với tinh thần "Tiền tuyến gọi hậu phương trả lời" trong 3 năm (1973-1975) Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã huy động một triệu dân công phục vụ hỏa tuyến. 11.508 thanh niên hăng hái nhập ngũ vượt cả số lượng, chất lượng, thời gian của cấp trên giao. Có những đợt tuyển quân đúng thời vụ khẩn trương; nhưng các địa phương vẫn đảm bảo yêu cầu quy định. Riêng năm 1975 trước thời cơ lịch sử mới của dân tộc, chỉ trong một đợt tuyển quân trên 7000 nam nữ thanh niên đã sôi nổi lên đường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân cả năm[2] phục vụ yêu cầu to lớn của cuộc tổng tiến công chiến lược mùa xuân năm 1975. Trong điều kiện hòa bình nhưng phong trào tòng quân thực sự trở thành "Ngày hội lên đường diệt Mỹ". Nhiều gia đình đã phấn khởi tiễn đưa con thứ ba, thứ tư lên đường với lời căn dặn thiết tha "Đánh tan giặc Mỹ mới về quê hương", nhiều bà cụ, bà

---

(1) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua quyết thắng của lực lượng vũ trang Quảng Bình năm 1974

(2) Báo cáo tình hình 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa sau chiến tranh (1973-1975) của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Quảng Bình - Số 01BC/QB. Lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình.

mẹ động viên đưa con trai độc nhất lên đường ra mặt trận. Cụ Nguyễn Triển xã Xuân Ninh (Quảng Ninh) đã có 5 con đi bộ đội vẫn tiếp tục cho người con thứ 6 nhập ngũ. Mẹ Đinh Thị Thiên xã Minh Hóa (Minh Hóa) đã có 5 con trai tại ngũ, mẹ đã về huyện đội xin cho đứa con út đi bộ đội. Cụ Nguyễn Hơ, giáo dân xã Hưng Trạch (Bố Trạch) có 2 con đi bộ đội vẫn chống gậy đến xã đăng ký cho đứa thứ 3 lên đường diệt Mỹ... với tất cả nhiệt tình và niềm tự hào của người dân ở hậu phương lớn, Đảng bộ và quân dân Quảng Bình đã đảm bảo nơi ăn chốn nghỉ an toàn bí mật cho các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn làm nhiệm vụ, các đơn vị dừng chân trên đường ra mặt trận hoặc trở về xây dựng hậu phương... nhiều bà mẹ, nhiều chị em đã tận tình chăm sóc anh chị em thương binh từ chiến trường ra cũng như những đoàn quân chiến thắng trở về thật là "Tình quân dân như cá với nước".

Từ ngày 30 tháng 9 năm 1974 đến ngày 8 tháng 10 năm 1974 Bộ chính trị họp bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngày 8 tháng 12 năm 1974 đến ngày 7 tháng 1 năm 1975 Bộ chính trị tiếp tục họp (đợt hai). Hội nghị đã thảo luận ba vấn đề cụ thể: Lực lượng so sánh ta - địch diễn ra từ sau Hiệp định Pari đến lúc này; những yêu cầu phải đạt được của kế hoạch hai năm 1975 - 1976; nhiệm vụ cụ thể của từng chiến trường. Căn cứ vào thế và lực so sánh giữa ta và địch, hội nghị đã phân tích cụ thể thời cơ lịch sử và khả năng thực tế của ta mở trận quyết chiến cuối cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 9 tháng 1 năm 1975, Thường vụ Quân ủy Trung ương bàn triển khai kế hoạch cụ thể kế hoạch tác chiến chiến lược trong hai năm 1975 - 1976. Theo chủ trương của Bộ Chính trị, trong bước mở đầu của kế hoạch

năm 1975, sẽ mở chiến dịch tấn công ở Tây Nguyên, mục tiêu chính là thị xã Buôn Ma Thuột.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, lực lượng vũ trang cả nước khẩn trương củng cố mọi mặt sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ lịch sử. Các đơn vị phía trước gấp rút chuẩn bị chiến trường, lực lượng phía sau sẵn sàng chờ lệnh. Trong khí thế sôi nổi của cả nước, tháng 2 năm 1975 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh được lệnh bổ sung 2 tiểu đoàn bộ binh, 2 đại đội trinh sát, một đại đội thông tin và một đại đội hóa học cối 82, ĐKZ với tổng quân số 1.505 cán bộ chiến sĩ cho sư đoàn 341.

Sôi động nhất là trên mặt trận giao thông đưa hàng vào miền Nam. Công tác vận tải hàng hóa phục vụ chiến trường ngày càng gấp rút và đẩy mạnh. Để tăng cường vận tải hàng hoá phục vụ chiến trường ngày càng gấp rút và đẩy mạnh. Để tăng cường chi viện có hiệu quả cho chiến trường miền Nam, tháng 2 năm 1975 Trung ương quyết định phát triển đường 15, thực hiện quyết định này, chủ nhiệm tổng cục Hậu cần - Tổng cục Kỹ thuật Đinh Đức Thiện chỉ huy cán bộ kiểm tra các binh trạm và tuyến đường 559, theo tinh thần: Để tăng cường công tác vận chuyển ta phải phát triển trục đường 15. Tất cả các xe quân sự phải đi đường 15. Tổng cục hậu cần và Tổng cục kỹ thuật cấp 21 xe lu phối hợp cùng Bộ giao thông và lực lượng địa phương để hoàn thiện đường 15. Rút hàng ở kho và tuỳ tình hình, lấy từ Đá Đẽo cho đi thẳng không xếp xuống bãi ở đường 10 nữa. Ở Bến Quảng Thuận phải làm kho cấp phát được hàng trăm xe và phải đảm bảo an toàn.

Thực hiện chỉ thị của chủ nhiệm tổng cục, các cục chuyên ngành đã chỉ đạo chấn chỉnh các binh trạm, và kho quân khí, cấp phát xe ben góp phần hoàn chỉnh đường 15,

kịp thời chi viện được nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật vào chiến trường B. Cùng với tuyến đường bộ, 215 ki lô mét đường sông cũng được khai thông luồng lạch, bảo đảm an toàn cho việc vận chuyển hàng hoá kinh tế quốc phòng. Số lượng người tham gia cho việc vận chuyển ngày càng lớn, lực lượng công nhân ngành giao thông vận tải có nhiều đóng góp đáng kể. Năm 1973 tổng khối lượng hàng hoá địa phương vận chuyển được gần 40 vạn tấn, năm 1964 tăng gấp đôi năm 1973. Cả 3 năm (1973 - 1975) trên một triệu tấn hàng hoá đã được vận chuyển an toàn, đáp ứng yêu cầu chi viện chiến trường và phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mặc dù thời gian không dài về vốn đầu tư và nhân lực còn hạn hẹp, kết quả đạt được trên mặt trận giao thông vận tải còn hết sức khiêm tốn. Nhưng với kết quả đó một lần nữa Quảng Bình đã làm sống lại tinh thần "Xe chưa qua, nhà không tiếc" " Đường chưa thông không tiếc máu tiếc xương" trong cuộc đọ sức quyết liệt với kẻ thù trước đây mà ta đã giành được chiến thắng.

Ngày 04 tháng 3 năm 1975, lực lượng của ta bắt đầu cắt đường số 19, đánh một số mục tiêu ở Plây cu để nghi binh tạo thế cho chiến dịch Tây Nguyên, ngày 10 tháng 3 ta đánh Buôn Ma Thuột, mở đầu cho chiến dịch Tây Nguyên và cũng mở màn cho cuộc tiến công và nổi dậy trên chiến trường Miền Nam, sau hai ngày chiến đấu ta đã làm chủ thị xã Buôn Ma Thuột, tiếp đó là các tỉnh Tây Nguyên, sau chiến dịch Tây Nguyên thời cơ chiến lược lớn đã đến. Chế độ Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ, quân và dân ta nhanh chóng giải phóng Huế, Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải miền Trung Trung bộ. Để đáp ứng sức người sức của cho miền Nam trong tình hình mới, ngày 25 tháng 3 năm 1975 Trung ương quyết định thành lập Hội đồng chi viện

miền Nam ở Trung ương do đồng chí Phạm Văn Đồng, Ủy viên Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch; đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, phó Thủ tướng làm Phó chủ tịch. Việc thành lập hội đồng chi viện miền Nam ở Trung ương vào giờ phút lịch sử này thể hiện quyết tâm sắt đá của toàn Đảng toàn quân và toàn dân trong việc huy động sức người sức của cả nước chi viện kịp thời cho chiến trường giành thắng lợi quyết định. Tỉnh Quảng Bình trong thời gian này đã tổ chức nhiều đội làm nhiệm vụ vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa với khối lượng dân công lớn. Lực lượng giao thông vận tải Quảng Bình dồn hết sức mình đưa nhanh hàng ra phía trước. "Tất cả vì miền Nam toàn Thắng".

Sau thắng lợi liên tiếp ở Tây Nguyên và Trị Thiên - Huế, Đà Nẵng, các vùng chiến lược mới được giải phóng mở ra một khả năng lớn. Thời cơ chiến lược để tiến hành cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn. Ngày 30 tháng 4 năm 1975 chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh toàn thắng, nhân dân ta đã thực hiện được nhiệm vụ "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

*

* *

Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình hết sức phấn khởi, tự hào đã làm tròn trách nhiệm của mình, góp phần cùng cả nước kết thúc một giai đoạn lịch sử giành lại độc lập thống nhất trọn vẹn, vững bền cho đất nước. Thành tựu lớn nhất của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình trong 3 năm qua là biểu hiện một truyền thống đấu tranh cách mạng của đông đảo chiến sĩ, cán bộ, nhân dân trong toàn tỉnh xứng đáng là những con em của quê hương "Hai giỏi" Quảng Bình.

KẾT LUẬN

Bằng thắng lợi vĩ đại của cuộc tổng tấn công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đã kết thúc sự nghiệp chống Mỹ cứu nước đầy khó khăn gian khổ và hy sinh nhưng vô cùng vẻ vang và oanh liệt.

Gần một phần tư thế kỷ đối đầu với một đế quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất thế giới nhưng nhờ kiên trì đường lối cách mạng giải phóng dân tộc mà Đảng và Bác Hồ đã vạch ra từ ngày đầu thành lập Đảng, nhờ vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo nguyên lý cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ được tính đúng đắn và năng lực lãnh đạo cách mạng của mình.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh dấu một bước ngoặt cơ bản trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thiết lập nền độc lập dân tộc và thống nhất trên phạm vi cả nước, đưa đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng tháng 12 năm 1976 khẳng định: "Năm tháng sẽ trôi qua,

nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"[(1)].

Trong suốt chặng đường gần một phần tư thế kỷ kể từ khi đế quốc Mỹ can thiệp vào Việt Nam cho đến ngày nhân dân ta thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân trong tỉnh vượt qua muôn vàn khó khăn và gian khổ, chịu đựng nhiều thử thách hy sinh, thực hiện xuất sắc những nhiệm vụ mà Trung ương Đảng và Chính phủ giao cho.

Ngay từ những ngày đầu sau hòa bình lập lại ở Quảng Bình (tháng 7/1954) Đảng bộ Quảng Bình đã được đặt trước những thử thách mới quyết liệt không kém gì những năm tháng kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Xác định vị trí là tỉnh tuyến đầu miền Bắc, mọi hoạt động kinh tế xã hội trên mảnh đất Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng đối với quần chúng cách mạng ở miền Nam. Để thể hiện tính ưu việt của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ Quảng Bình đã bắt tay thực hiện công cuộc hàn gắn vết thương sau chiến

---

(1) Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Tr.5.

tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, tiến hành cải cách trên tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội để xác lập quyền sở hữu của người lao động đối với mọi cơ sở vật chất mà thành quả cách mạng mang lại, thúc đẩy sự phát triển toàn diện cả về kinh tế, văn hóa xã hội và an ninh quốc phòng.

Trong ba năm phát triển kinh tế - văn hóa Đảng bộ Quảng Bình đã bước đầu thiết lập được quan hệ sản xuất mới, trong đó người lao động đã dần dần thể hiện vai trò là chủ thể của xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với hơn 95% hộ nông dân, 80% hộ ngư dân vào các hợp tác xã nông nghiệp và ngư nghiệp, với 24/32 hộ tư sản công thương nghiệp tự nguyện chuyển đổi thành công tư hợp doanh, với những thiết chế văn hóa xã hội mới hình thành, Đảng bộ Quảng Bình càng ngày càng thiết lập được vai trò lãnh đạo toàn diện của mình trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh và quốc phòng. Đây là tiền đề quan trọng để Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Quảng Bình phấn đấu đạt tới đỉnh cao của sự phát triển vào năm 1960.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình được trang bị toàn diện cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn để đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ nhất (1960-1964). Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng, Tỉnh ủy Quảng Bình đã phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo để đề ra chủ trương và hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa phù hợp với nhiệm vụ chính trị của một tỉnh đầu cầu miền Bắc. Lần đầu tiên ở Quảng Bình đã xuất hiện những xí nghiệp quốc doanh sản xuất và góp phần cung ứng hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân. Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp và ngư nghiệp được củng cố vững chắc hơn, gần

60% các hợp tác xã phát triển thành hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, các công trình phúc lợi xã hội được xây dựng. Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục đều phát triển. Quân và dân trong tỉnh đã nâng cao cảnh giác tóm gọn nhiều toán gián điệp biệt kích của Mỹ và tay sai. An ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững.

Thắng lợi của việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất tạo nền tảng cơ bản cho Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đứng vững và chiến thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Chính thành công trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới mà nòng cốt là các hợp tác xã bậc cao và các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh, những thành tựu thu được trong kinh tế và quốc phòng là nền tảng xã hội có tính chất quyết định cho việc vận dụng thành công đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội để phát động cuộc chiến đấu chống Mỹ.

Vì thế, khi đế quốc Mỹ phiêu lưu tiến hành cuộc chiến tranh leo thang phá hoại miền Bắc (từ 1965 - 1972), Quảng Bình đã có sự chủ động không chỉ trên tinh thần, ý thức mà ngay cả trong các lĩnh vực lãnh đạo sản xuất và tổ chức đời sống.

Trong suốt hơn 8 năm chiến đấu kiên cường, Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân vừa tổ chức phòng tránh, đảm bảo mạch máu giao thông vận tải chi viện chiến trường vừa trực tiếp đánh địch. Chính trong thời kỳ này, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Quảng Bình đã sáng tạo ra những phong trào thi đua yêu nước nổi tiếng, có phong trào trở thành mẫu hình của toàn quốc, được toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta ghi nhận như phong trào "thi

đua hai giỏi", phong trào "thi đua đánh thắng trận đầu", "nhằm thẳng quân thù mà bắn", phong trào " xẻ chưa qua nhà không tiếc", "tiếng hát át tiếng bom" v.v...

Trong suốt 8 năm đánh Mỹ, nhân dân Quảng Bình đã đánh hàng nghìn trận, bắn rơi hơn 700 máy bay Mỹ trên đất Quảng Bình, bắn cháy hàng chục lần tàu chiến Mỹ, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản không chỉ của hàng chục vạn người dân Quảng Bình mà còn của hàng trăm đơn vị bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến làm nhiệm vụ hoặc hành quân qua đất Quảng Bình.

Tuy chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ vô cùng ác liệt nhưng Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình vẫn tổ chức tốt mọi mặt sản xuất và đời sống. Công nghiệp địa phương của Quảng Bình tuy còn đang ở trình độ công nghệ kỹ thuật thấp kém và lạc hậu nhưng sản phẩm của gần 30 xí nghiệp quốc doanh và hàng trăm hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp sản xuất ra đủ đáp ứng kịp thời nhu cầu cấp thiết của nhân dân trong chiến tranh.

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhất là mặt trận sản xuất lương thực luôn luôn nóng bỏng và đầy thử thách cam go. Mặc dù vậy Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân tranh chấp với địch, tranh thủ mọi thời gian, mọi khoảnh khắc trong chiến tranh để sản xuất với mục tiêu đảm bảo tự túc được lương thực trong những thời điểm chiến tranh ác liệt nhất, có thể tạm thời bị gián đoạn sự chi viện của Trung ương và tỉnh bạn.

Hiệp định Paris là một thắng lợi cơ bản tạo ra cho Quảng Bình một điều kiện thuận lợi để khôi phục kinh tế hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục đẩy mạnh mọi mặt sản xuất và đời sống.

Trong ba năm ngắn ngủi từ 1973 đến 1975 Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã chuyển từ trạng thái chiến tranh sang điều kiện có hoà bình nhưng cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân không một ngày ngơi nghỉ. Đảng bộ Quảng Bình đã kịp thời đề ra chủ trương đúng đắn huy động hết mọi lực lượng có thể có để phục vụ công tác chi viện chiến trường. Tất cả sức mạnh của miền Bắc xã hội chủ nghĩa chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam chuyển tải qua đất Quảng Bình đều được Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình tổ chức bảo quản và chuyển tiếp ra chiến trường kịp thời phục vụ chiến dịch. Bên cạnh đó Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đã trực tiếp chi viện sức người sức của cho Trị - Thiên ruột thịt.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân 1975 giành toàn thắng, kết thúc chặng đường một phần tư thế kỷ đấu tranh chống Mỹ vô cùng hào hùng và oanh liệt.

Trên vị trí của tuyến đầu của miền Bắc, là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam, Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ mà Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ giao cho.

Kế tục sự nghiệp cách mạng đã giành được sau cách mạng tháng 8 năm 1945 và sau 9 năm trường kỳ chống Pháp thắng lợi, với gần một phần tư thế kỷ làm sứ mệnh lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chiến đấu chống Mỹ xâm lược trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ, nhiều cam go và thử thách, Đảng bộ Quảng Bình đã từng bước trưởng thành trên tất cả các phương diện chính trị tư tưởng, tổ chức và thực tiễn đấu tranh cách mạng. Trong hơn hai thập kỷ hào hùng và oanh liệt ấy, Đảng bộ Quảng Bình đã để lại những trang sử chói lọi trong sự nghiệp cách mạng quang vinh của toàn Đảng, toàn dân và cũng từ đó mà

đúc kết được những kinh nghiệm quý báu có giá trị với những chặng đường oanh liệt đã qua mà còn soi sáng con đường và sự nghiệp mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình đang phấn đấu. Những kinh nghiệm đó là:

1. Quán triệt và nhận thức sâu sắc đường lối cách mạng của Đảng vận dụng một cách linh hoạt vào từng hoàn cảnh cụ thể để từ đó đề ra những chủ trương sát đúng với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng, lãnh đạo nhân dân Quảng Bình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đánh giá thành quả của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng trước Đại hội đại biểu lần thứ IV có nhận định: "Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta".

Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng ta luôn giữ vững lập trường chính trị của chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó như một nguyên tắc sống còn của Đảng.

Tuy nhiên qua mỗi chặng đường lịch sử cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc diễn biến vô cùng phức tạp, đòi hỏi các tổ chức Đảng phải biết quán triệt và nhận thức sâu sắc đường lối chung của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể và vị trí lịch sử của từng địa phương mới có thể thực hiện thành công những nhiệm vụ chính trị mà Trung ương Đảng và Bác Hồ giao phó.

Trước hết, Đảng bộ Quảng Bình đã nhận thức nhất quán tinh thần kiên định, quyết tâm và kiên trì kháng chiến chống Mỹ cứu nước cho đến thắng lợi hoàn toàn. Nhận thức này có ý nghĩa quan trọng, quyết định mọi chủ trương của

cấp ủy Đảng trong những hoàn cảnh hết sức đặc thù. Quảng Bình là một tỉnh đất hẹp, người không đông, điều kiện tự nhiên rất khắc nghiệt, kinh tế còn nghèo nàn và nhiều khó khăn. Do vậy cùng một lúc có hàng loạt nhiệm vụ kinh tế - xã hội đặt ra đòi hỏi Đảng bộ phải giải quyết.

Tuy nhiên, nhờ nhận thức sâu sắc đường lối chính trị, đường lối quân sự, những nguyên tắc, phương châm chỉ đạo cách mạng, chỉ đạo chiến tranh, những nhiệm vụ cấp bách được đề ra trong nhiều hội nghị của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng, trong các chỉ thị và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng nên trong quá trình lãnh đạo của mình, Đảng bộ Quảng Bình luôn luôn coi trọng sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với chiến đấu bảo vệ quê hương, chi viện chiến trường nhằm thực hiện một mục tiêu chung trong giai đoạn này là đánh thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược.

Để làm được sứ mệnh đó, Đảng bộ Quảng Bình luôn xác định trọng trách của Quảng Bình trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với những sứ mệnh đặc thù:

Là vùng được coi là "tuyến lửa" - nơi có thể sẽ diễn ra sự đọ sức quyết liệt nhất, đòi hỏi tinh thần quả cảm và kiên định nhất.

Là vùng đất hẹp và hiểm trở, nơi dễ bị chia cắt và cô lập nhất nên đòi hỏi phải chủ động linh hoạt và sáng tạo nhất.

Là khu vực còn nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống, đòi hỏi phải có sức chịu đựng lớn nhất.

Là địa bàn gần chiến trường nhất đòi hỏi phải chi viện nhiều nhất và trực tiếp nhất.

Trong điều kiện thực tiễn cụ thể đó, để thực hiện đúng đường lối chính trị của Đảng và những nhiệm vụ cấp bách trong từng giai đoạn, những chủ trương mà Đảng bộ Quảng Bình đề ra trong nhiều hội nghị của cấp uỷ Đảng suốt thời kỳ chống Mỹ cứu nước đều thể hiện những quan điểm tư tưởng chính sau đây:

Thước đo phẩm chất của cán bộ đảng viên thể hiện ở quyết tâm đánh Mỹ, đánh thắng trận đầu, đánh bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, đánh thắng bất cứ loại hình chiến tranh nào, đánh địch ở mọi vị trí, mọi khi, mọi lúc. Tất cả các lực lượng trẻ, già, trai, gái, bộ đội, dân quân, tự vệ đều tham gia đánh máy bay, tàu chiến và biệt kích của Mỹ và tay sai.

Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường và năng động sáng tạo để tự giải quyết những khó khăn của địa phương mình, ngành mình, đơn vị mình, gia đình mình và bản thân mình. Từ đó làm nảy sinh các phong trào "bám trụ sản xuất và chiến đấu", "lá lành đùm lá rách", "tay búa tay súng" và đỉnh cao là phong trào "thi đua hai giỏi - chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi".

Toàn Đảng, toàn dân sống chiến đấu, hy sinh vì miền Nam thân yêu, vì Tri - Thiên ruột thịt. Nhờ đó làm nảy sinh ra phong trào "hũ gạo vì miền Nam", "xe chưa qua nhà không tiếc", "ăn cơm Bắc đánh giặc Nam".

Chính nhờ quán triệt và nhận thức sâu sắc đường lối chung của Đảng, biết phân tích và vận dụng linh hoạt sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Quảng Bình nên Đảng bộ Quảng Bình đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh vượt qua được những thử thách do điều kiện thiên nhiên khắc

nghiệt và chiến tranh ác liệt để sáng tạo ra những phong trào thi đua yêu nước có ý nghĩa quốc gia và có tiếng vang quốc tế, mang lại kết quả cao trong thực tiễn cách mạng, góp phần xứng đáng vào thành công của công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

2.Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, khơi dậy và phát động tinh thần thi đua yêu nước để xây dựng thành các phong trào cách mạng của quần chúng, qua đó tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi cuối cùng dù phải chấp nhận mọi khó khăn, gian khổ và hy sinh.

Trong các giai đoạn cách mạng trước đây, nhân dân Quảng Bình cũng như nhân dân cả nước chỉ tập trung cho một mục tiêu cao nhất là giành chính quyền (trước năm 1945) và giải phóng dân tộc (trước năm 1954). Trong giai đoạn từ 1954 đến 1975 nhân dân cả nước đồng thời thực hiện 2 mục tiêu song song và xen kẽ là vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa trực tiếp chiến đấu chống Mỹ có những thời điểm lịch sử cần tập trung cho việc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội và có thời kỳ phải tập trung cao nhất cho việc đánh thắng đế quốc Mỹ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ này cũng nhằm mục tiêu tạo ra nền tảng tinh thần, tư tưởng và cơ sở vật chất đảm bảo cho đánh Mỹ và thắng Mỹ. Do đó hình thái xuyên suốt của giai đoạn lịch sử 1954 - 1975 là hình thái đối đầu giữa lực lượng cách mạng tên đế quốc có tiềm lực kinh tế, quân sự hàng đầu thế giới là đế quốc Mỹ.

Trong cuộc đối đầu lịch sử đó, Quảng Bình với vị thế là tỉnh đầu cầu, là địa bàn chiến lược xung yếu vừa là hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam vừa là "tuyến

lửa", là chiến trường thực sự và thường xuyên trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược. Vì lẽ ấy Quảng Bình được coi như một trong những điểm đối đầu quyết liệt nhất giữa ta và địch trên địa bàn miền Bắc.

Với vị trí lịch sử đó, để hoàn thành nhiệm vụ mà Trung ương Đảng và chính phủ giao phó trước hết Tỉnh ủy Quảng Bình đã nêu cao tinh thần tiến công cách mạng, khởi động và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong tất cả cán bộ Đảng viên và các tầng lớp nhân dân mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của lực lượng quần chúng cách mạng, hạn chế được sức mạnh vật chất của kẻ thù, để giành thắng lợi từng bước, bẻ gãy từng âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ này, công tác tổ chức lực lượng đã được Tỉnh ủy Quảng Bình triển khai trên một quy mô rộng lớn và toàn diện chưa từng có trong lịch sử, bao gồm cả việc tổ chức chỉ huy phối hợp hành động để cùng một lúc thực hiện cả 4 nhiệm vụ quan trọng nhất là:

Tổ chức sản xuất đảm bảo đời sống nhân dân và tăng cường tiềm lực cho cuộc chiến đấu.

Tổ chức đảm bảo mạch máu giao thông vận tải, giữ vững tốc độ và yêu cầu chi viện chiến trường.

Tổ chức lực lượng cơ động đánh địch trên chiến trường miền Nam, cùng chia lửa với đồng bào Trị - Thiên.

Tổ chức đánh địch và thắng địch tại chỗ trên đất Quảng Bình.

Các Nghị quyết Hội nghị Thường vụ và Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ đều thể hiện sự nhất quán về nhận thức vai trò lịch sử và sứ mệnh của công cuộc chống Mỹ cứu nước trên đất Quảng Bình. Các cấp ủy Đảng, phần lớn cán bộ đảng viên đều nhận thấy rõ rằng mọi hoạt động kinh tế - xã

hội, chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên đất Quảng Bình đã không còn giới hạn trong phạm vi của địa phương hay của khu vực mà mang tầm quốc gia, có ý nghĩa chiến lược. Do vậy muốn làm tròn sứ mệnh lịch sử đó, có quyết tâm cao chưa đủ mà còn phải có thực lực cách mạng, trong đó bao gồm cả yếu tố tiềm lực xã hội và vật chất. Trong lúc đó Quảng Bình vốn là mảnh đất đang còn nghèo khó, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, tích luỹ xã hội không đáng kể, đời sống nhân dân ở mức độ thấp so với cả nước; thời gian và yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ lại không chờ đợi, không được phép chần chừ, do dự.

Trước những mâu thuẫn đặt ra, qua thực tiễn lãnh đạo cuộc kháng chiến vận dụng sáng tạo đường lối chính trị và quân sự của Đảng ta vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy Quảng Bình đã tìm ra lời giải để hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình. Đó chính là biết phát huy sức mạnh tổng hợp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng để tập hợp lực lượng quần chúng, huy động mọi tiềm lực trong nhân dân trên tinh thần cách mạng tiến công.

Chính từ bài học đó mà trong nhiều hoàn cảnh ác liệt của chiến tranh Quảng Bình luôn luôn là một địa bàn thông suốt để chuyển tải sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho tiền tuyến lớn miền Nam. Và, cũng chính từ bài học đó mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình luôn luôn đứng vững cả trong những tình huống địch tập trung lực lượng đánh phá bao vây, chia cắt, thậm chí đánh hủy diệt. Sự tồn tại của Quảng Bình trong cuộc đọ sức quyết liệt với đế quốc Mỹ là sự tồn tại của một pháo đài của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

3. Biết xây dựng hình thái chiến tranh nhân dân có tính đặc thù phù hợp với Quảng Bình, biết xây dựng hậu

cần tại chỗ cho chiến tranh và khai thác tối đa phong trào toàn dân đánh giặc.

Chiến tranh nhân dân là sản phẩm của truyền thống chống ngoại xâm mà nhân dân ta đã đúc kết được qua hàng nghìn năm đấu tranh giữ nước. Nhưng chỉ đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng Việt Nam thì chiến tranh nhân dân mới trở thành một lý luận khoa học.

Vận dụng học thuyết chiến tranh nhân dân của Đảng, Đảng bộ Quảng Bình đã xây dựng hình thái chiến lược chiến tranh nhân dân với những sắc thái mới, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Quảng Bình và đưa chiến tranh nhân dân lên đỉnh cao của phong trào thi đua yêu nước.

Biểu hiện sinh động nhất của hình thái chiến tranh nhân dân là việc tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc.

Do vị trí có tính chiến lược trong chiến tranh chống Mỹ nên trong suốt thời kỳ từ 1954 đến 1975 ở Quảng Bình hiện diện khá đầy đủ toàn bộ các lực lượng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Và, có thể nói Quảng Bình như một nhiệt kế hết sức nhạy cảm với không khí chính trị của cả nước, bởi lẽ nơi đây là khu vực tập kết lực lượng, là nơi mà hễ có bất cứ một hoạt động quân sự nào dù ở tầm chiến lược hay chiến thuật thì các lực lượng làm nhiệm vụ hầu hết đều lấy Quảng Bình làm bàn đạp. Vì lẽ đó ở Quảng Bình hội đủ các lực lượng từ cơ quan lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tư lệnh và các ngành Trung ương. Ở Quảng Bình có sự hiện diện của "ba thứ quân" bao gồm các lực lượng bộ đội chủ lực (của Bộ tổng tham mưu, của quân khu IV và của các lực lượng phối hợp khác, các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích. Ngoài ra

các lực lượng tác chiến ở miền Nam cũng thường xuyên lấy Quảng Bình làm địa bàn tập kết, bổ sung lực lượng để tiếp tục chiến đấu.

Như vậy, thế trận chiến tranh nhân dân ở Quảng Bình vừa hình thành trên thế trận của cả nước, vừa hình thành trong cục diện địa phương và khu vực.

Trong bối cảnh đó Đảng bộ Quảng Bình đã giải quyết thành công khâu thống nhất tổ chức chỉ huy và hợp đồng chiến đấu. Đây vừa là kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, vừa thể hiện tinh thần ý thức chấp hành và tính chủ động của cấp ủy Đảng Quảng Bình. Kết quả là nhờ có tính thống nhất xuyên suốt về mặt tổ chức, chỉ huy và hợp đồng các lực lượng mà trong mọi diễn biến phức tạp của tình hình thì Quảng Bình luôn là một mặt trận chiến tranh nhân dân nhất quán. Sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng trên địa bàn là một nhân tố góp phần quyết định thắng lợi, trong đó sự đóng góp của các cấp ủy Đảng ở Quảng Bình về tổ chức và chỉ huy có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Sự vận dụng đường lối chiến tranh nhân dân, sự phát triển của nghệ thuật tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân được hình thành từng bước, qua từng giai đoạn, đi từ thấp đến cao, từ những hoạt động đơn lẻ đến cả một cao trào thi đua yêu nước.

Để xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, ngay từ sau khi chiến thắng thực dân Pháp, Tỉnh ủy Quảng Bình đã tiếp tục củng cố lực lượng bộ đội địa phương, công an nhân dân, dân quân tự vệ và phát động quần chúng nâng cao cảnh giác, sẵn sàng đánh địch. Khi bùng nổ cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, công tác bảo vệ an ninh quốc gia không còn hạn chế trong một số lực lượng vũ trang

nữa mà trở thành phong trào toàn dân. Trong những năm này, hình thái chiến tranh nhân dân diễn biến sinh động làm cho kẻ thù không lường trước được để đối phó. Chưa lúc nào trong lịch sử chiến tranh cách mạng, cả Quảng Bình trở thành một mặt trận thống nhất. Tuy là thống nhất về hình thái của toàn cục nhưng hoạt động của chiến tranh nhân dân lại có nhiều tầng, nhiều lớp xen kẽ nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Bất cứ một lực lượng nào của địch xâm nhập đánh phá Quảng Bình đều phải đương đầu với nhiều lực lượng đánh trả, bao gồm cả các phương tện hiện đại, tầm cao, tầm xa lẫn phương tiện giản đơn, tầm thấp, tầm gần. Kẻ địch phải đối mặt với không chỉ các lực lượng chính qui hùng mạnh như các đơn vị phòng không không quân có trang bị khí tài hiện đại mà còn phải đương đầu với cả một lưới lửa của nhân dân trong đó có sự góp công của đầy đủ các tầng lớp từ các lão dân quân, nữ dân quân, các cháu thiếu niên đến các lực lượng thanh niên trai tráng.

Vậy là đã hình thành phong trào toàn dân đánh giặc như là một minh chứng thực tiễn sinh động nhất của chiến tranh nhân dân.

Thành công của Đảng bộ Quảng Bình trong việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc đã làm cho toàn bộ Quảng Bình trở thành một mặt trận "thiên la địa võng", và chính "mặt trận toàn dân" này đã hạn chế tối đa sức mạnh vật chất của đế quốc Mỹ. Kẻ địch đã không thể cùng một lúc đánh phá tất cả địa bàn Quảng Bình, do đó bao giờ ở Quảng Bình cũng có những con đường dọc ngang, len lỏi trong bom đạn để đưa lực lượng chi viện của miền Bắc ra tiền tuyến an toàn. Ngược lại kẻ thù đến bất cứ lúc nào, đến bất cứ nơi đâu, đến bằng phương tiện chiến tranh nào cũng đều gặp phải sự đánh trả quyết liệt của lực lượng chiến tranh nhân dân.

Thành công của Đảng bộ Quảng Bình trong việc tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc đã làm nảy sinh ra những sáng tạo của quần chúng nhân dân trong nhiều phong trào thi đua yêu nước là đỉnh cao là phong trào thi đua "hai giỏi" (chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi).

Như vậy đối với Quảng Bình, chiến tranh nhân dân đã không dừng lại ở giới hạn tổ chức lực lượng đánh địch mà còn bao hàm cả lĩnh vực tổ chức sản xuất, ổn định đời sống nhân dân để tăng cường tiềm lực vật chất, đảm bảo cho chiến tranh chống Mỹ giành thắng lợi.

Trên một quan điểm như vậy, song song với tổ chức đánh địch, Đảng bộ Quảng Bình đã chỉ đạo tốt công tác sản xuất và đời sống. Trong thời kỳ chiến tranh, hoạt động sản xuất và đời sống thực sự là cơ sở hậu cần tại chỗ vững chắc nhất để duy trì chiến đấu lâu dài. Cho nên có thể coi phong trào "bám hố bom sản xuất và thâm canh", "tay búa tay súng, tay cày tay súng" là sản phẩm của tư tưởng chiến tranh nhân dân mà Đảng bộ Quảng Bình đã giải quyết thành công.

4. Biết khai thác và phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ, khó khăn đã ác liệt để vượt qua những thử thách hiểm nghèo nhất..

Nhân dân Quảng Bình vốn có truyền thống lao động cần cù, chịu thương, chịu khó, không quản ngại khó khăn gian khổ trong lao động sản xuất, anh dũng kiên cường trong chiến đấu bảo vệ quê hương. Nhưng chưa lúc nào những khó khăn gian khổ và ác liệt lại chất chồng và quyết liệt như thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Trong suốt hơn 20 năm chống Mỹ, nhất là trong 8 năm chống chiến tranh leo thang phá hoại của đế quốc Mỹ, nhân dân Quảng Bình đã phải hứng chịu hàng chục vạn tấn

bom đạn của đế quốc Mỹ, hầu hết các đường sá, cầu cống, nhà máy, xí nghiệp, trường học bệnh viện, làng mạc từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi và ven biển đều bị bom đạn chà đi, xát lại. Có nhiều vùng bị bom đạn của đế quốc Mỹ xóa sạch, có những cơ sở kinh tế bị bom đạn phong tỏa không tổ chức sản xuất được. Có những khu vực bị chiến tranh bao vây phong toả và cô lập nhiều đợt suốt hàng tháng trời. Cũng có lúc cả tỉnh bị chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ phong tỏa, gián đoạn liên lạc và tiếp ứng của Trung ương và các tỉnh bạn.

Trong hoàn cảnh đó, Tỉnh ủy Quảng Bình đã biết khai thác và phát huy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường để vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.

Có những thời điểm lịch sử như cuối năm 1967, đầu năm 1968, cuối năm 1972, đầu năm 1973, tình huống và cục diện chiến tranh đã đặt Quảng Bình trước những thử thách nặng nề. Chiến tranh ngăn chặn đế quốc Mỹ đã làm cho tuyến chi viện của miền Bắc hết sức khó khăn. Một kiện hàng cho miền Nam đi qua Quảng Bình có thể đổi bằng xương máu của bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và nhân dân. Trong lúc đó tiền tuyến lại cần tiềm lực vật chất cho chiến dịch. Tỉnh ủy Quảng Bình đã xác định phải giành tất cả cho tiền tuyến. Để thực hiện mục tiêu cao cả đó Tỉnh ủy Quảng Bình đã phát động tinh thần tự lực, tự cường, không ỷ lại, không trông chờ vào chi viện của cấp trên. Mỗi cấp ủy Đảng, mỗi địa phương, mỗi tổ chức kinh tế xã hội, mỗi cơ sở sản xuất, mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đều phải có kế hoạch tổ chức sản xuất. Tỉnh ủy xác định mục tiêu trực tiếp trước mắt các cơ sở công nghiệp là sản xuất công cụ sản xuất và hàng tiêu dùng cấp thiết nhất cho đời sống nhân dân, mục tiêu cao nhất của sản xuất nông nghiệp là đảm bảo được tự túc lương thực,

mục tiêu hàng đầu của các ngành văn hóa xã hội là duy trì được cuộc sống lạc quan, tin tưởng, bảo đảm mọi mặt giáo dục y tế cho cộng đồng.

Để đạt được những mục tiêu cụ thể đó, đội ngũ công nhân Quảng Bình đã phải di chuyển nguyên vẹn hàng chục nhà máy, xí nghiệp từ thị xã, vùng đồng bằng lên vùng sâu núi non hiểm trở, vào trong các hang động để phòng tránh các đợt đánh phá của bom đạn Mỹ, duy trì được nhịp độ sản xuất phục vụ sản xuất. Tất cả các công việc di chuyển chủ yếu đều được thực hiện bằng sức lao động của chính lực lượng công nhân của các nhà máy, xí nghiệp. Ở vùng sơ tán, công nhân phải lao động trong điều kiện thiếu thốn trăm bề, rừng thiêng nước độc, thiếu lương thực, phương tiện nhưng nhờ phát huy tinh thần tự lực tự cường mà lực lượng công nghiệp địa phương đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trên mặt trận sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, mặc dù bom đạn Mỹ chà đi, xát lại nhưng các cấp ủy Đảng đã phát động quần chúng "một tấc không đi, một ly không rời", "bám làng chiến đấu, bám hố bom sản xuất, thâm canh", "bám thuyền, bám đội ra khơi".v.v... nên vẫn duy trì được năng suất và sản lượng.

Trong chiến tranh có những lúc bị bom đạn kẻ thù san phẳng nhà cửa, hủy hoại tài sản, hàng vạn người dân phải chịu cảnh màn trời, chiếu đất nhưng lòng dân vẫn không nao núng. Tinh thần "lá lành đùm lá rách", "một miếng khi đói bằng một gói khi no" đã là sợi dây gắn kết tình làng nghĩa xóm, đoàn kết gắn bó chịu đựng gian khổ vượt qua khó khăn.

Nhờ giải quyết thành công bài học phát huy tinh thần tự lực tự cường mà Tỉnh ủy Quảng Bình không chỉ giữ vững

được nhịp độ phát triển ổn định về kinh tế - xã hội mà còn giành một lực lượng lớn làm công tác chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chi viện chiến trường.

5. Biết xây dựng và bồi dưỡng tinh thần "tất cả vì miền Nam thân yêu, vì Trị - Thiên ruột thịt" vì nước bạn Lào anh em, cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù chung với khẩu hiệu "chiến trường gọi Quảng Bình có mặt".

Do vị thế địa lý của mình, Quảng Bình có mối quan hệ nhiều mặt và lâu đời với Trị - Thiên và với nước bạn Lào, trong chiến tranh chống Mỹ, Quảng Bình lại là địa bàn đầu cầu của miền Bắc nên nhiệm vụ chi viện cho chiến trường Trị - Thiên, cho miền Nam và cho nước bạn Lào là nhiệm vụ chính trị và là nghĩa vụ thiêng liêng của nhân dân Quảng Bình.

Để hoàn thành nhiệm vụ chi viện chiến trường, Tỉnh ủy Quảng Bình đã tổ chức tuyên truyền giáo dục, xây dựng và bồi dưỡng tinh thần tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đối với Quảng Bình, khái niệm tiền tuyến được cụ thể hóa bằng những trách nhiệm cụ thể đối với miền Nam, đối với Trị - Thiên và đối với tỉnh Khăm-muộn, tỉnh Xa-va-na-khẹt nước bạn Lào.

Từ nhận thức như vậy Tỉnh ủy đã tổ chức hàng loạt các hoạt động xã hội hướng về chiến trường. Ngay từ sau ngày hòa bình lập lại sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Tỉnh ủy đã lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh đòi thống nhất nước nhà, đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ. Nhiều hoạt động hướng về Trị - Thiên đã được tổ chức thu hút đông đảo quần chúng tham gia như phong trào xây dựng vườn dừa Trị - Thiên, "hũ gạo Trị- Thiên", các công trình mang tên Trị - Thiên .v.v...

Phong trào toàn dân hướng về tiền tuyến càng phát triển từ khi Trung ương Đảng quyết định mở đường chi viện miền Nam vào năm 1959. Từ sau năm 1965, khi đế quốc Mỹ tiến hành ồ ạt chiến tranh ngăn chặn trên miền Bắc thì khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến" trở thành một cao trào thu hút sự tham gia của tất cả mọi tầng lớp nhân dân Quảng Bình.

Đảng bộ Quảng Bình đã thu được thành công không chỉ trên lĩnh vực tổ chức chi viện trên đất Quảng Bình, tổ chức chuyển tải tiềm lực cho Trị - Thiên, miền Nam và nước bạn Lào qua các tuyến đường 12, 20, 15A, 1A và nhiều tuyến khác mà còn đưa cả con em mình trực tiếp phục vụ chiến đấu và chiến đấu ở chiến trường.

Bài học từ kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo bồi dưỡng và giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng tinh thần xả thân vì tiền tuyến, vì Trị - Thiên và tinh thần quốc tế cao cả đã góp phần nâng cao giá trị sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân Quảng Bình, làm nhân thêm sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh của dân tộc ta.

6. Luôn luôn chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Trung ương Đảng giao cho.

Nhận thức sâu sắc vai trò quyết định của tổ chức Đảng đối với mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của quần chúng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Trung ương Đảng giao cho.

Từ kết quả của việc kiên quyết sửa sai, Đảng bộ Quảng Bình đã kịp thời củng cố tổ chức, ổn định tình hình chính trị và từng bước xây dựng Đảng vững mạnh.

Thành công nổi bật trong xây dựng Đảng của Đảng bộ Quảng Bình là biết chăm lo giáo dục chính trị tư tưởng kịp

thời và phù hợp với sự chuyển biến mau lẹ của cục diện chính trị và tình hình chiến tranh.

Trong giai đoạn lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ đã coi trọng việc xây dựng tổ chức Đảng cơ sở làm nòng cốt để xây dựng quan hệ sản xuất mới. Nhờ vậy khi chiến tranh bùng nổ thì cơ sở Đảng đã chủ động huy động nguồn lực từ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa để phục vụ cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Trước mỗi biến đổi của tình hình chính trị (từ hòa bình chuyển sang có chiến tranh, từ chiến tranh chuyển sang ngừng bắn, từ ngừng bắn chuyển sang ném bom hạn chế, từ đánh phá hạn chế chuyển sang tấn công hủy diệt). Tỉnh ủy luôn luôn lấy sự nhạy cảm chính trị của đảng viên để làm thước đo phẩm chất đảng viên và chất lượng tổ chức Đảng. Thông qua thực tiễn phong trào cách mạng, tổ chức Đảng được kiểm chứng, quần chúng nhân dân được thử thách, cơ sở Đảng có điều kiện phát hiện nhân tố tích cực để phát triển Đảng. Nhờ vậy tỷ lệ những đảng viên trung kiên, dũng cảm năng động, nhạy cảm chính trị ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Như vậy Đảng đã được xây dựng và trưởng thành không chỉ về số lượng và thể hiện rất rõ nét về chất lượng.

Có thể nói chưa bao giờ tổ chức Đảng ở Quảng Bình được thử thách toàn diện như trong thời kỳ chống Mỹ. Đảng bộ đã đặt tổ chức Đảng và đảng viên trước diễn biến chính trị để thử thách nhận thức tư tưởng, kiểm chứng lập trường cách mạng tiến công, đặt trước những hoàn cảnh éo le, hiểm nghèo để giáo dục tính chủ động sáng tạo. Và, thực tế đã làm cho cán bộ, đảng viên trưởng thành, Đảng bộ vững mạnh, quần chúng tin yêu Đảng hơn, vai trò lãnh đạo của Đảng càng được phát huy hơn bao giờ hết.

Thời gian tiếp tục qua đi nhưng những giá trị, kinh nghiệm và bài học của Đảng bộ Quảng Bình trong chặng đường gần một phần tư thế kỷ lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước thần tránh mãi mãi còn nguyên giá trị. Hàng vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng của Quảng Bình và của con em trên mọi miền đất nước đã ngã xuống một cách quả cảm cho sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại.

Sự hy sinh của các anh hùng, liệt sĩ, công lao to lớn của cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng trong gần một phần tư thế kỷ đánh Mỹ và thắng Mỹ là một di sản quý giá trong hành trang của Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình bước vào thời kỳ lịch sử mới với sứ mệnh xây dựng quê hương, đất nước vươn tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và chủ nghĩa xã hội" theo đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại./.

PHỤ LỤC 1

ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI (TÍNH ĐẾN ĐẠI HỘI VI)

- Ngày 07 tháng 10 năm 1945, hội nghị cán bộ toàn tỉnh họp tại thị xã Đồng Hới bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 7 đồng chí do đồng chí Nguyễn Đình Chuyên làm Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị cán bộ toàn tỉnh có tính chất như một Đại hội.

- Ngày 06 tháng 1 năm 1948, Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng bộ tỉnh họp tại thôn Đại Hòa (Tuyên Hóa). Đại hội có 56 đại biểu, đại diện cho 983 đảng viên toàn tỉnh. Đại hội bầu Ban chấp hành có 11 ủy viên chính thức, 7 ủy viên dự khuyết do đồng chí Nguyễn Văn Thanh làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Ngày 19 tháng 5 năm 1949, Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ tỉnh họp tại Kim Bảng (Tuyên Hóa). Đại hội có 90 đại biểu thay mặt cho 4.670 đảng viên toàn tỉnh. Đại hội bầu Ban chấp hành có 15 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết do đồng chí Võ Thúc Đồng làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Ngày 11 tháng 8 năm 1951, Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ tỉnh họp tại Bến Tiêm (chiến khu Quảng Ninh). Đại hội có 200 đại biểu. Đại hội bầu Ban chấp hành có 23 đồng chí ủy viên chính thức, trong đó có 5 đồng chí ủy viên dự khuyết, do đồng chí Trương Văn Địch làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Ngày 20 tháng 6 năm 1960, Đại hội đại biểu lần thứ

IV (vòng 1) họp tại thị xã Đồng Hới. Đại hội có 159 đại biểu chính thức và 16 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 11.460 đảng viên toàn tỉnh. Đại hội bầu 11 đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

- Ngày 06 tháng 3 năm 1961, Đại hội đại biểu lần thứ IV (vòng 2) Đảng bộ tỉnh họp tại thị xã Đồng Hới. Dự Đại hội có 175 đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết đã dự Đại hội đại biểu vòng 1. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 21 ủy viên chính thức và 5 ủy viên dự khuyết, đồng chí Nguyễn Tư Thoán được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Ngày 06 tháng 8 năm 1963, Đại hội đại biểu lần thứ V Đảng bộ tỉnh họp tại thị xã Đồng Hới. Dự Đại hội có 215 đại biểu thay mặt cho 12.800 đảng viên toàn tỉnh. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 17 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Tư Thoán được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

- Ngày 17 tháng 6 năm 1974, Đại hội đại biểu lần thứ VI họp tại thị xã Đồng Hới. Dự đại hội có 300 đại biểu thay mặt cho 3 vạn đảng viên toàn tỉnh. Đại hội bầu Ban chấp hành gồm 24 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Cổ Kim Thành được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

PHỤ LỤC II

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH QUẢNG BÌNH (1954 - 1975)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH QUẢNG BÌNH 1959
(19 ỦY VIÊN CHÍNH THỨC, 4 ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT)

- NGUYỄN TỪ THOAN	Bí thư Tỉnh ủy
- TRẦN BỘI (tức Vũ)	Phó Bí thư
- CỔ KIM THÀNH	Phó Bí thư
- PHẠM THANH ĐÀM	Ủy viên Thường vụ
- LÊ THANH LIÊM	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN VĂN HUYÊN (tức Tế)	Ủy viên Thường vụ dự khuyết
- ĐINH VĂN ÍCH	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN VĂN SỚ	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGÔ ĐÌNH VĂN	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN HỮU DUẬT	Ủy viên chấp hành chính thức
- DƯƠNG ĐÌNH DƯ	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN PHỐ	Ủy viên chấp hành chính thức
- PHẠM XUÂN TUYNH	Ủy viên chấp hành chính thức
- VÕ VĂN ẤP	Ủy viên chấp hành chính thức
- VŨ VĂN GIÁO	Ủy viên chấp hành chính thức

- NGUYỄN MINH TÂM (tức Phong)	Ủy viên chấp hành chính thức
- ĐẬU MINH TUYẾT	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ THUẬN KHUÔNG	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN SỰ	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN TRỌNG CÁCH	Ủy viên dự khuyết
- LÊ ĐÌNH NGHI (tức Tâm)	Ủy viên dự khuyết
- TRẦN KHẢO (tức Khánh)	Ủy viên dự khuyết
- LẠI VĂN LY	Ủy viên dự khuyết.

(Nghị quyết số 18 NQ/QB của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Bình ngày 21-1-1959)

BAN CHẤP HÀNH HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA IV (1961 - 1963)
(21 ỦY VIÊN CHÍNH THỨC, 5 ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT)

- NGUYỄN TƯ THOAN	Bí thư Tỉnh ủy
- CỔ KIM THÀNH	Phó Bí thư
- TRẦN BỘI (tức Vũ)	Phó Bí thư
- LÊ THANH LIÊM	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN HỮU DUẬT	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN THANH PHONG	Ủy viên Thường vụ
- NGÔ ĐÌNH VĂN	Ủy viên Thường vụ
- PHẠM XUÂN TUYNH	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN VĂN HUYÊN (tức Tế)	Ủy viên chấp hành chính thức
- VÕ VĂN ẤP	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ THUẬN KHUÔNG	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN SỰ	Ủy viên chấp hành chính thức
- LẠI VĂN LY	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN PHỐ	Ủy viên chấp hành chính thức
- ĐẬU MINH TUYẾT	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ ĐÌNH NGHI (tức Tâm)	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN HOAN	Ủy viên chấp hành chính thức
- LƯU VĂN ĐÀNG	Ủy viên chấp hành chính thức
- PHAN ĐÌNH LANG	Ủy viên chấp hành chính thức
- ĐẶNG CÁNH	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN MẠNH CAN	Ủy viên chấp hành chính thức

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA V (1963 - 1973) (17 ỦY VIÊN CHÍNH THỨC, 2 ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT)

- NGUYỄN TỪ THOAN	Bí thư Tỉnh ủy
- CỔ KIM THÀNH	Phó Bí thư
- TRẦN BỘI	Phó Bí thư
- LÊ THANH LIÊM	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN HỮU DUẬT	Ủy viên Thường vụ
- TRẦN PHỐ	Ủy viên Thường vụ
- ĐẶNG GIA TẤT	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN THANH PHONG	Ủy viên chấp hành chính thức
- ĐẬU MINH TUYẾT	Ủy viên chấp hành chính thức
- LƯU VĂN ĐĂNG	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN SỰ	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN HOAN	Ủy viên chấp hành chính thức
- PHẠM XUÂN TUYNH	Ủy viên chấp hành chính thức
- LẠI VĂN LY	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ ĐÌNH NGHI	Ủy viên chấp hành chính thức
- VÕ VĂN ẤP	Ủy viên chấp hành chính thức
- PHAN VĂN KỈNH	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN ĐÌNH VƯỢNG	Ủy viên dự khuyết
- HÀ THỊ THU TỊNH	Ủy viên dự khuyết.

(Nghị quyết số 8 NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Bình ngày 13-9-1963)

DANH SÁCH THAY ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH QUẢNG BÌNH TỪ 1964-1973

** Trung ương quyết định đi công tác khác:*

- ĐẬU MINH TUYẾT	Năm 1964 đi công tác chiến trường C
- VÕ VĂN ẤP	Năm 1964 đi công tác chiến trường B
- TRẦN BỘI	Năm 1965 ra công tác ở Hà Nội
- NGUYỄN HỮU DUẬT	Năm 1968 hy sinh

** Bổ sung vào Ban chấp hành:*

- TRẦN SỰ	Ủy viên Thường vụ (Năm 1965)
- ĐINH VĂN ÍCH	Ủy viênThường vụ (Tỉnh xin Trung ương về)
- NGUYỄN VĂN ĐÀI	Ủy viên chấp hành (Tỉnh xin Trung ương về)
- NGUYỄN TƯƠNG	Ủy viên chấp hành (Tỉnh xin Trung ương về)
- NGÔ VĂN GIAI	Ủy viên chấp hành
- NGUYỄN VĂN LƯƠNG	Ủy viên chấp hành
- NGUYỄN VĂN PHỤ	Ủy viên chấp hành
- PHẠM KÍNH	Ủy viên chấp hành
- NGÔ ĐÌNH VĂN	Ủy viên chấp hành (đi học Trường Nguyễn Ái Quốc về)

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA VI (1974 - 1976)
(24 ỦY VIÊN CHÍNH THỨC, 2 ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT)

- CỔ KIM THÀNH	Bí thư Tỉnh ủy
- NGÔ ĐÌNH VĂN	Phó Bí thư
- NGUYỄN VĂN TRỊ	Ủy viên Thường vụ
- LÊ ĐÌNH NGHI	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN VĂN LƯƠNG	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN VĂN ĐÀI	Ủy viên Thường vụ
- ĐẶNG GIA TẤT	Ủy viên Thường vụ
- NGUYỄN HOAN	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN DUY ĐỨC	Ủy viên chấp hành chính thức
- ĐOÀN LONG	Ủy viên chấp hành chính thức
- VŨ BÃO	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN LINH	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRẦN VĂN RÊ	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ ĐỨC MẬN	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ QÚY HỮU	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ CHƯỜNG	Ủy viên chấp hành chính thức
- LÊ VĂN ĐANG	Ủy viên chấp hành chính thức
- MAI THỊ MƯỜI	Ủy viên chấp hành chính thức
- HÀ THỊ THU TỊNH	Ủy viên chấp hành chính thức
- TRƯƠNG THỊ DINH	Ủy viên chấp hành chính thức
- VŨ VĂN GIÁO	Ủy viên chấp hành chính thức
- NGUYỄN VĂN THỤ	Ủy viên chấp hành chính thức

- NGUYỄN NGỌC TRANG Ủy viên chính thức
- ĐOÀN TIẾN KHU Ủy viên chính thức
- DƯƠNG PHƯỚC XIÊM Ủy viên dự khuyết
- LÊ CÔNG TRUNG Ủy viên dự khuyết.

(Nghị quyết số 12-TB/QB của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Bình ngày 28-6-1974)

PHỤ LỤC III

DANH SÁCH ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LLVTND VÀ ANH HÙNG LAO ĐỘNG (TỈNH QUẢNG BÌNH) TÍNH ĐẾN NGÀY 25-6-1999

I - ĐƠN VỊ ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN:

1 - Trung đội dân quân Thôn Tây - Ngư Thủy
2 - Đồn 111 Cha Lo CANDVT Quảng Bình
3 - Dân quân du kích xã Võ Ninh
4 - Đội dân quân gái xã Ngư Thủy
5 - Đồn 120 Roòn CANDVT Quảng Bình
6 - Đồn 132 Ngư Thủy CANDVT Quảng Bình
7 - Dân quân du kích xã Tiến Hóa - Tuyên Hóa
8 - Dân quân du kích xã Quảng Phúc - Quảng Trạch
9 - Đại đội pháo binh 85 ly - bộ đội địa phương Quảng Bình
10 - Dân quân du kích xã Lộc Ninh - Quảng Ninh
11 - Đại đội 10 pháo binh, tiểu đoàn 14 B.Đ.Đ.P Quảng Bình
12 - Dân quân du kích xã Phong Thủy - Lệ Thủy
13 - Trạm cảng Sông Gianh (305) Quảng Bình
14 - Đại đội 3 pháo cao xạ 37 ly tiểu đoàn 9 B.Đ.Đ.P Quảng Bình

15 - Dân quân du kích xã Trung Trạch - Bố Trạch
16 - Dân quân du kích xã Đức Ninh - Quảng Ninh
17 - Đồn Làng Ho (119) CANDVT Quảng Bình
18 - Đại đội 2 CANDVT Quảng Bình
19 - Dân quân du kích xã Cảnh Dương - Quảng Trạch
20 - Dân quân du kích xã Phú Thủy - Lệ Thủy
21 - Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Quảng Bình
22 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Dân Hóa - Minh Hóa
23 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Đồng Hóa - Tuyên Hóa
24 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Sơn Trạch - Bố Trạch
25 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Ngư Thủy - Lệ Thủy
26 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Hiền Ninh - Quảng Ninh
27 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Thuận - Quảng Trạch
28 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Vĩnh Ninh - Quảng Ninh
29 - Nhân dân và LLVT nhân dân huyện Bố Trạch
30 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Lương Ninh - Quảng Ninh
31 - Nhân dân và LLVT nhân dân huyện Lệ Thủy
32 - Nhân dân và LLVT nhân dân huyện Quảng Ninh

33 - Nhân dân và LLVT nhân dân huyện Quảng Trạch
34 - Nhân dân và LLVT nhân dân huyện Tuyên Hóa
35 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Lê Hóa - Tuyên Hóa
36 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Hạ Trạch - Bố Trạch
37 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Cự Nẫm - Bố Trạch
38 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Thanh Thủy - Lệ Thủy
39 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Tân Thủy - Lệ Thủy
40 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Vạn Ninh - Quảng Ninh
41 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Đông - Quảng Trạch
42 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Thọ - Quảng Trạch
43 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Thanh Hóa - Tuyên Hóa
44 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Văn Hóa - Tuyên Hóa
45 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Trung Hóa - Minh Hóa
46 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Hưng Trạch - Bố Trạch

47 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Thanh Trạch - Bố Trạch

48 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Thái Thủy - Lệ Thủy

49 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Mai Thủy - Lệ Thủy

50 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Lộc Thủy - Lệ Thủy

51 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Nghĩa Ninh - Quảng Ninh

52 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Bảo Ninh - Đồng Hới

53 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Lý Ninh - Đồng Hới

54 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Phú - Quảng Trạch

55 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Sơn - Quảng Trạch

56 - Nhân dân và LLVT nhân dân thị trấn Ba Đồn - Quảng Trạch

57 - Cán bộ CNV và LLTV Bưu điện Quảng Bình

58 - Cán bộ CNV và LLTV Bến phà Gianh, thuộc Khu quản lý đường bộ 4, Cục đường bộ Việt Nam

59 - Nhân dân và LLVT nhân dân huyện Minh Hóa

60 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Nhân Trạch - Bố Trạch

61 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Vạn Trạch - Bố Trạch

62 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Đại Trạch - Bố Trạch

63 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Bắc Trạch - Bố Trạch

64 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Xuân - Quảng Trạch

65 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Tùng - Quảng Trạch

66 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Quảng Lưu - Quảng Trạch

67 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Hoá Thanh - Minh Hóa

68 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Hóa Tiến - Minh Hóa

69 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Thạch Hóa - Tuyên Hóa

70 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Duy Ninh - Quảng Ninh

71 - Nhân dân và LLVT nhân dân phường Đồng Phú - Đồng Hới

72 - Nhân dân và LLVT nhân dân phường Đồng Sơn - Đồng Hới

73 - Nhân dân và LLVT nhân dân phường Hải Thành - Đồng Hới

74 - Nhân dân và LLVT nhân dân thị xã Đồng Hới

75 - Phà Long Đại

76 - Đồn biên phòng 597

77 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Xuân Ninh - Quảng Ninh

78 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Trường Thủy - Lệ Thủy

79 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Cam Thủy - Lệ Thủy

80 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Dương Thủy - Lệ Thủy

81 - Nhân dân và LLVT nhân dân xã Sơn Thủy - Lệ Thủy

82 - Cán bộ CNV và LLTV Ty giao thông vận tải Quảng Bình

83 - Nhân dân và Công an thị xã Đồng Hới

84 - Nhân dân và Công an huyện Quảng Ninh

85 - Nhân dân và Công an huyện Bố Trạch

86 - Phòng bảo vệ chính trị

87 - Đồn 84 CAVTND (Tuyến Thống nhất)

88 - Trạm cảnh sát giao thông 64

89 - Đội phòng cháy chữa cháy

90 - Đội cảnh vệ

91 - Ban công an xã Đại Trạch

92 - Ban công an xã Võ Ninh

93 - Đội bảo vệ đường dây Ty Bưu điện Quảng Bình (AHLĐ)

II - CÁ NHÂN ANH HÙNG LLVT NHÂN DÂN

1 - Liệt sĩ Lâm Úy

2.- Liệt sĩ Cao Thế Chiến

3 - Liệt sĩ Quách Xuân Kỳ
4 - Liệt sĩ Trương Văn Ly
5 - Trịnh Xuân Bảng
6 - Liệt sĩ Trần Phước Yên
7 - Thái Văn A
8 - Nguyễn Văn Mật
9 - Nguyễn Hữu Ngoãn
10 - Trần Thị Lý
11 - Phạm Bá Hạt
12 - Cao Lương Bằng
13 - Hồ Phòm
14 - Phạm Văn Lái
15 - Liệt sĩ Nguyễn Văn Tấn
16 - Liệt sĩ Trần Văn Phương
17 - Phùng Hồng Lâm
18 - Nguyễn Văn Lanh
19 - Liệt sĩ Hà Văn Cách
20 - Liệt sĩ Nguyễn Văn Huệ
21 - Liệt sĩ Trương Pháp
22 - Hồ Bá Thọ
23 - Hoàng Hữu Nờ
24 - Nguyễn Tri Phương
25 - Nguyễn Văn Tương
26 - Liệt sĩ Huỳnh Kim Trung
27 - Liệt sĩ Nguyễn Bá Chưng
28 - Nguyễn Xuân Giang (Việt Hà)
29 - Liệt sĩ Nguyễn Viết Cù
30 - Lê Văn Hiến

DANH SÁCH ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG (TỈNH QUẢNG BÌNH)

I - ĐƠN VỊ:

1 - Hợp tác xã Đại Phong

2 - Hợp tác xã Cự Nẫm

3 - Bệnh viện Quảng Trạch

4 - Đội chiếu bóng 11

5 - C 759 thanh niên xung phong

6 - Công trường 050 - giao thông

7 - Hợp tác xã Quang Phú

II - CÁ NHÂN

1 - Ngô Mốc

2 - Nguyễn Ngọc Ánh

3 - Hoàng Trung Vinh

4 - Lê Trạm

5 - Trương Thị Diên

6 - Nguyễn Thị Khíu

7 - Nguyễn Thị Suốt

8 - Võ Xuân Khuể

9 - Võ Xuân Nở

10 - Đinh Thị Thu Hiệp

11 - Nguyễn Thị Kim Huế

12 - Nguyễn Văn Số

13 - Trần Chí Thành.

THƯ MỤC NGHIÊN CỨU, THAM KHẢO

I. SÁCH NGHIÊN CỨU THAM KHẢO CHÍNH:

- ***Văn kiện Đảng***

1. Văn kiện lịch sử Đảng - Lưu hành trong trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương, tập 9-1964.

2. Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, tập 1. NXB Sự thật - Hà Nội 1985 tập 2 và tập 15.

3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Đảng Lao động Việt Nam, tập 1, Hà Nội 1960.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 4, NXB Sự thật - Hà Nội 1977.

5. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ 3 Đảng bộ Quảng Bình - Đảng bộ Quảng Bình ấn hành 1959.

6. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ 4 (vòng 2) - Ban chấp hành Đảng bộ Quảng Bình. XB 1961.

7. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ 5 Đảng bộ Quảng Bình - Ban chấp hành Đảng bộ Quảng Bình. XB 1963.

8. Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ 6 Đảng bộ Quảng Bình - Ban chấp hành Đảng bộ Quảng Bình. XB 1974.

- ***Những sự kiện lịch sử:***

10. Những sự kiện lịch sử Đảng, tập IV (1954-1975), NXB Thông tin lý luận- Hà Nội 1982.

11. Việt Nam những sự kiện lịch sử, tập I (1945-1964), NXB Khoa học xã hội - Hà Nội 1975.

12. Việt Nam những sự kiện lịch sử, tập II (1964-1975), NXB Khoa học xã hội - Hà Nội 1976.

13. Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Quảng Bình (1945-1964), tài liệu đánh máy. Ban nghiên cứu Đảng bộ Quảng Bình 1976.

- ***Sách tham khảo:***

14. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập II, NXB Sự thật Hà Nội 1980.

15. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập VII, NXB Sự thật, Hà Nội 1986.

16. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập VIII, NXB Sự thật, Hà Nội 1987.

17. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập IX, NXB Sự thật, Hà Nội 1989.

18. Hồ Chí Minh, Về hợp tác hóa nông nghiệp, NXB Sự thật Hà Nội 1975.

19. Lê Duẩn: Ta nhất định thắng, địch nhất định thua, NXB Sự thật Hà Nội 1965.

20. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995.

21. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam (1954-1975), NXB QĐND, Hà Nội 1992.

22. Bộ Quốc phòng - Viện nghiên cứu lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) tập I, NXB Sự thật, Hà Nội 1990.

23. Lịch sử Hải quân Việt Nam, NXB QĐND, Hà Nội 1985.

24. Lịch sử vận tải quân đội nhân dân Việt Nam (1945-1975) NXB QĐND, Hà Nội 1992.

25. Tổng cục Hậu cần: Lịch sử vận tải quân đội nhân dân Việt Nam (1945-1975) NXB QĐND, Hà Nội 1992.

26. Lịch sử quân chủng phòng không, tập I, NXB QĐND, Hà Nội 1991.

27. Lịch sử quân chủng phòng không, tập II, NXB QĐND, Hà Nội 1993.

28. Lịch sử quân chủng phòng không, tập III, NXB QĐND, Hà Nội 1994.

29. Lịch sử không quân nhân dân Việt Nam (1955 - 1977), NXB QĐND, Hà Nội 1993.

30. Tổng cục Hậu cần: Lịch sử bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh, NXB QĐND 1994.

31. Quân khu IV: Lịch sử chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). NXB QĐND, Hà Nội 1994.

32. Hoàng Văn Thái: Mấy vấn đề tổng kết chiến tranh và viết lịch sử quân sự. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam xuất bản, Hà Nội 1995.

33. Sức mạnh Việt Nam, NXB QĐND, Hà Nội 1976.

34. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, tập II, Tư liệu VNTX 1972.

35. Mấy kinh nghiệm lãnh đạo vừa sản xuất, vừa chiến đấu của Quảng Bình - NXB Sự thật, Hà Nội 1965.

36. Âm mưu và thủ đoạn của biệt kích Mỹ - ngụy, NXB QĐND Hà Nội 1971.

37. Đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, NXB QĐND Hà Nội 1968.

38. Nguyễn Quang An: Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945 - 1997, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội 1997.

39. Nguyễn Văn Đệ: Thanh niên xung phong phục vụ giao thông vận tải thời chống Mỹ, NXB GTVT, Hà Nội 1995.

40. Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử quân sự: chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tập I, NXB QĐND, Hà Nội 1982.

41. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi và bài học (lưu hành nội bộ), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995.

42. Đại hội Anh hùng chiến sĩ thi đua lần thứ 4: Những gương sáng chói chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và chiến đấu, NXB Sự thật, Hà Nội 1967.

44. Quảng Bình ơn Bác. Ban NCLS Đảng Tỉnh ủy Quảng Bình, xuất bản 1976.

45. Chi cục Thống kê Quảng Bình: Số liệu thống kê (1955-1957), (1958-1960), Quảng Bình xuất bản 1962.

46. Chi cục Thống kê Quảng Bình: Số liệu thống kê tình hình phát triển kinh tế, văn hóa 18 năm (1955 - 1972) tỉnh Quảng Bình, Chi cục Thống kê xuất bản 1973.

II. TẠP CHÍ, BÁO:

47. Xuân Toàn: Tỉnh ủy Quảng Bình lãnh đạo hoàn thành hợp tác hóa nghề cá, tạp chí Học tập số 2 năm 1960.

48. Nguyễn Chí Thanh: Mấy kinh nghiệm lớn về hợp tác hóa nông nghiệp của chúng ta, tạp chí Học tập số 11 năm 1964.

49. Như Hải: Đảng bộ Đại Phong lãnh đạo sản xuất và chiến đấu, tạp chí Học tập số 1965.

50. Nguyễn Tư Thoan: Quảng Bình vừa sản xuất, vừa chiến đấu, tạp chí Học tập số 1965.

51. Nguyễn Tư Thoan: Những bài học kinh nghiệm của Quảng Bình qua một năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tạp chí Học tập số 12 năm 1965.

52. Nguyễn Tư Thoan: Quảng Bình lớn mạnh qua thử thách, tạp chí Học tập số 9 năm 1966.

53. Đặng Gia Tất: Mấy nét về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Quảng Bình trong 4 năm chống Mỹ cứu nước, tạp chí Học tập số 7 năm 1969.

54. Trần Sự: Mấy kinh nghiệm về chiến đấu và xây dựng của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ tỉnh Quảng Bình, tạp chí Học tập số 12 năm 1966.

55. Cổ Kim Thành: Quảng Bình tiến lên giành thắng lợi mới, to lớn hơn, tạp chí Học tập số 4 năm 1973.

- Báo Nhân dân từ (1954 - 1975)
- Báo Quân đội nhân dân (1954-1975)
- Báo Quảng Bình (1963-1975)

III. HỒI KÝ, KÝ SỰ LỊCH SỬ:

56. Phòng không không quân (ký sự lịch sử, NXB QĐND) Hà Nội 1978.

57. Đường Hồ Chí Minh (hồi ký Trường Sơn). NXB Tác phẩm mới, Hà Nội 1982.

58. Đường Hồ Chí Minh qua Bình Trị Thiên (hồi ký), NXB QĐND, Hà Nội 1992.

59. Đường mang tên Bác (ký sự lịch sử) NXB QĐND, Hà Nội 1984.

60. Lại Văn Ly: Tuyến lửa những năm tháng sôi động (hồi ký) NXB GTVT Quảng Bình xuất bản 1993.

61. Đồng Sĩ Nguyên: Đường xuyên Trường Sơn (hồi ký) NXB QĐND Hà Nội 1999.

IV. TÀI LIỆU SAO CHÉP:

- Chỉ thị, Nghị quyết, báo cáo, biên bản của Tỉnh ủy và Thường vụ Tỉnh ủy (1954-1975).
- Báo cáo hàng tháng, hàng quý, hàng năm và báo cáo tổng kết của Ủy ban hành chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (1954-1975)
- Báo cáo tổng kết phong trào thi đua "hai giỏi" năm 1965-1968 và các năm 1969. 1970, 1971, 1972.
- Báo cáo tổng kết tình hình 4 năm chống Mỹ cứu nước (1965 - 1968) của Tỉnh ủy Quảng Bình.

V. ĐÓNG GÓP Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN TỌA ĐÀM, HỘI THẢO:

- Góp ý kiến bằng văn bản :
- Đồng chí Cổ Kim Thành, nguyên Bí thư Tỉnh ủy.
- Đồng chí Trần Sự, nguyên Chủ tịch UBND Tỉnh. Tỉnh đội trưởng
- Đồng chí Thái Bá Nhiệm, nguyên Bí thư Tỉnh ủy.
- Đồng chí Trần Đình Luyến, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ty công an.

- Đồng chí Trần Phố, nguyên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban kiểm tra.
- Đồng chí Võ Văn Ấp, (Hùng Sơn), nguyên Trưởng ty Giao thông vận tải
- Đồng chí Nguyễn Văn Đệ, Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, phụ trách thanh niên xung phong.
- Đồng chí Lê Khai, nguyên Trưởng ty Văn hóa thông tin.
- Đồng chí Hoàng Văn Khẩn, Phó Chủ tịch UBND Tỉnh
- Đồng chí Hồ Xuân Huýnh, Bí thư Huyện ủy Quảng Trạch

• ***Tọa đàm, hội thảo:***

- Biên bản họp Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Đảng bộ ngày 15/5/1997.
- Biên bản tọa đàm, cung cấp tư liệu ngày 11/11/1997.
- Biên bản họp Ban chỉ đạo biên soạn lịch sử Đảng bộ ngày 13/4/1998.
- Biên bản hội thảo khoa học ngày 23/3/1999.

MỤC LỤC

Trang

PHẦN THỨ BA

ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (8/1945-4/1975) 7

Chương X

Đảng bộ lãnh đạo nhân dân cải tạo và khôi phục kinh tế ổn định đời sống, xây dựng Quảng Bình theo con đường xã hội chủ nghĩa (1954-1960) 9

- Tình hình Quảng Bình sau ngày giải phóng 9

- Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hóa, xã hội (1954-1957) 26

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958-1960) 47

Chương XI

Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng đối phó với âm mưu của đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc (1961-1964) 89

- Phấn đấu thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội 89

-Thống nhất chính trị và tư tưởng, tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và chi viện cho miền Nam 140

Chương XII

Củng cố hậu phương xã hội chủ nghĩa, vừa sản xuất vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu cùng cả nước đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, ra sức chi viện cho tiền tuyến (1964-1968) 161

-Chuyển hướng lãnh đạo từ thời bình sang thời chiến 161

-Bảo vệ hậu phương, ra sức chi viện cho chiến trường miền Nam 225

Chương XIII

Đẩy mạnh phong trào "sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi" lên một bước cùng cả nước đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969-1973) 269

-Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường củng cố an ninh, quốc phòng 269

- Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Quảng Bình kiên cường chiến đấu góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, tiếp tục chi viện cao nhất cho chiến trường miền Nam

Chương XIV

Khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng hậu phương vững mạnh, dốc sức chi viện cho tiền tuyến cùng cả nước tiến lên đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược (1973-1975) 341

-Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân 341

- Nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu 366

-Dốc sức chi viện cho tiền tuyến giải phóng hoàn toàn miền Nam 370

KẾT LUẬN 379

PHỤ LỤC 401

THƯ MỤC, NGHIÊN CỨU, THAM KHẢO 419

MỤC LỤC 428

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH TẬP II
(1954-1975)
Chịu trách nhiệm xuất bản
THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG BÌNH
Trình bày bìa
LÊ ĐAN TÊ
Sửa bản in
CÁI THỊ MỸ HOA
TRẦN THỊ THU HUỀ

ĐÍNH CHÍNH

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH TẬP II (1954 - 1975)

TT	Trang	Dòng	IN SAI	ĐỌC LÀ
1	10	4 ↑	Linh lục	Linh mục
2	15	11 ↓	ra rức	Ra sức
3	16	3 ↑	Trung Quán	Trùng Quán
4	19	12 ↓	và nhắm	và nhằm
5	37	8 ↑	Trương Văn Định	Trương Văn Địch
6	46	5 ↑	cho	do
7	47	13 ↑	7 lần với	7 lần so với
8	61	6 ↓	Miền Bác	Miền Bắc
9	83	5 ↑	tác dung	tác dụng
10	94	1 ↓	có đã	có đà
11	102	7 ↑	Cho máy bay nhảy dù	Cho máy bay chở biệt kích nhảy dù
12	164	13 ↓	Hội nghị đại diện quân, dân	Hội nghị đại diện cơ quan quân, dân
13	172	13 ↓	vận dụng	vật dụng
14	181	4 ↓	chiến thắng đầu	chiến thắng vẻ vang
15	237	1 ↑	hố bom ken hố bom	hố bom chen hố bom
16	237	7 ↑	pháp sáng	pháo sáng
17	276	9 ↓	mới chi mới là	mới chỉ là
18	329	9 ↑	đầu thừng 4	đầu tháng 4
19	342	5 ↑	bị hủy	bị phá hủy
20	344	7 ↑	Quảng Bình có thể	Quảng Bình nhất định có thể
21	344 (ảnh)	3 ↑	Tổng bí thư	Bí thư thứ nhất
22	351	8 ↓	ngành cơ khi	ngành cơ khí
23	357	9 ↓	gắt bó	gắn bó
24	358	1 ↓	thường trực	thường xuyên
25	400	3 ↑	công bằng, văn minh và chủ nghĩa xã hội"	công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội"

Thành thật xin lỗi các đồng chí và các bạn!

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ QUẢNG BÌNH

TẬP II • 1954 - 1975